



BIẾN CỐ HỘI THÀNH GIÁ TRỊ



VƯƠN TẦM CAO MỞI CHINH PHỤC VINH QUANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

1

GIỚI THIỆU CHUNG

- 6 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 8 Điểm nhấn 2020
- 9 Thông tin chung
- 18 Các chỉ số cơ bản

4

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

- 148 Nhận định tổng quan năm 2021
- 152 Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021

2

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 22 Cơ cấu tổ chức
- 24 Nhân sự chủ chốt
- 29 Hội đồng quản trị
- 36 Ban Kiểm soát
- 41 Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro
- 49 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích
- 51 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty
- 52 Thông tin dành cho cổ đông

5

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 158 Mục tiêu phát triển bền vững
- 160 Báo cáo phát triển bền vững năm 2020
- 183 Kế hoạch hành động năm 2021

3

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

- 64 Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán
- 86 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 90 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 120 Phụ lục Đánh giá quản trị, tài chính Công ty

6

BÁO CÁO ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2020

- 186 Giải trình ý kiến của Kiểm toán độc lập
- 187 Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán
- 231 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2020 được kiểm toán





PHẦN **01** **GIỚI THIỆU CHUNG**

- THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT
- ĐIỂM NHẤN 2020
- THÔNG TIN CHUNG
- CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý vị Cổ đông, Quý Nhà đầu tư và Quý Khách hàng!

Thế là chúng ta đã kết thúc năm tài chính 2020 đầy sóng gió nhưng tạo ra muôn vàn cơ hội, đúng như những nhận định của tôi ở Báo cáo thường niên 2019. Tôi xin cung cấp cho Quý vị một số con số đáng chú ý sau:

- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 938,9 tỷ đồng - mức cao nhất kể từ khi thành lập Công ty.
- Lợi nhuận trên một cổ phiếu (EPS) năm 2020 đạt 3.649 đồng/cổ phiếu với tốc độ tăng trưởng 168,5% - cũng đạt mức cao nhất kể từ khi Công ty thành lập và nằm trong Top 4 công ty chứng khoán có EPS cao nhất của ngành.

Tôi cho rằng những thành công rực rỡ về kết quả kinh doanh năm 2020 dựa trên ba yếu tố, đó là:

- Sức mạnh nội lực về tài chính đã được củng cố sau khi tăng vốn.
- Tầm nhìn chiến lược đúng đắn, khả năng tận dụng cơ hội và nhận định chính xác tình hình biến động của thị trường trong năm.
- Sự đoàn kết, ổn định, tinh thần quyết liệt, dám nghĩ, dám làm của đội ngũ nhân sự Công ty.

Thưa Quý vị! Năm nay là năm thứ hai kể từ khi chúng ta tăng quy mô vốn lên mức 2.072,7 tỷ đồng. Với tiềm lực tài chính được củng cố, chúng ta đủ năng lực để triển khai đồng bộ các mảng hoạt động của Công ty mà không coi nhẹ bất kỳ mảng nào. Kết quả được thể hiện khi phân tích cơ cấu để nhìn nhận chính xác hơn về chất lượng và tính bền vững về doanh thu và lợi nhuận của Công ty, trong đó, hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính đạt 164,4 tỷ đồng lợi nhuận, chiếm tỷ lệ 17,5%; hoạt động tư vấn, bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu đạt 213,3 tỷ đồng lợi nhuận, chiếm tỷ lệ 22,7% và hoạt động đầu tư tự doanh đạt 553,3 tỷ đồng lợi nhuận, chiếm tỷ lệ 58,9%.

938,9

tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế năm 2020

Hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính đạt 164,4 tỷ đồng lợi nhuận, chiếm tỷ lệ 17,5%; hoạt động tư vấn, bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu đạt 213,3 tỷ đồng lợi nhuận, chiếm tỷ lệ 22,7% và hoạt động đầu tư tự doanh đạt 553,3 tỷ đồng lợi nhuận, chiếm tỷ lệ 58,9%.

Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận trình bày ở trên phản ánh chính xác tầm nhìn xây dựng một công ty chứng khoán đa năng thực hiện đủ nghiệp vụ cũng như sự chú trọng đúng mức tới hoạt động tự doanh khi tình hình dịch bệnh bất ngờ đã mở ra những cơ hội thuận lợi trên thị trường trong khi hoạt động môi giới tiếp tục bị cạnh tranh quyết liệt từ các đối thủ cạnh tranh trong ngành, đặc biệt từ các công ty chứng khoán có vốn nước ngoài.

Chúng tôi coi trọng tính hiệu quả trong từng mảng hoạt động hơn là cạnh tranh bằng mọi giá để duy trì thị phần. Chúng tôi tin tưởng rằng, nếu kiên định với con đường đã chọn, thị phần sẽ từng bước được lấy lại một cách bền vững mà biên lợi nhuận của hoạt động không bị quá ảnh hưởng.

Trong các Báo cáo thường niên trước đây, đã đôi lần tôi chỉ ra cán bộ, nhân viên chính là tài sản quý nhất của Công ty. Không nhiều Công ty trong ngành duy trì được sự ổn định của bộ khung nhân sự cấp cao và cấp trung như SHS. Đó cũng là tiền đề góp phần tạo nên một kết quả kinh doanh đột phá trong năm. Để tưởng thưởng, chúng tôi đã tiến hành đổi mới cơ chế lương thưởng toàn hệ thống theo hướng đúng người, đúng việc, đảm bảo cạnh tranh trong ngành và giữ chân những nhân tài xuất sắc.

Mặc dù vậy, một trong những vấn đề nổi cộm mà cá nhân tôi cũng như HĐQT và BĐH rất quan ngại là dự án nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch của chúng ta đã bị chậm tiến độ hơn 01 năm. Nguyên nhân thì có nhiều nhưng chủ yếu nhất chính là Công ty quyết tâm chuyển đổi mô hình hoạt động môi giới thông thường sang mô hình quản lý tài sản với tôn chỉ nhất quán trong nhiều năm qua "Lấy tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Khách hàng làm động lực". Để theo đuổi con đường này, rất nhiều yêu cầu về mặt chuyên môn hệ thống chưa có tiền lệ trên thị trường và Công ty cần thêm thời gian để theo dõi tính ổn định và đột phá của những giải pháp công nghệ hiện nay.

Tôi tin tưởng rằng, khi hệ thống mới được nâng cấp, các khách hàng hiện tại cũng như khách hàng tiềm năng của SHS sẽ có được những trải nghiệm chưa từng có theo đó, khả năng quản lý danh mục, phân bổ tỷ trọng sẽ được nâng cao rõ rệt, giúp khách hàng gia tăng giá trị tài sản ròng bền vững, phù hợp với trường phái đầu tư và khả năng chịu rủi ro của mình. Đây sẽ là nhiệm vụ trọng tâm của Công ty trong năm 2021.

Bên cạnh đó, chúng tôi tin rằng sau thời gian thị trường tăng trưởng ấn tượng vừa qua, những cơ hội đầu tư sẽ trở nên hạn hẹp lại, đòi hỏi sự tìm tòi đánh giá cẩn trọng hơn khi ra quyết định đầu tư. Các cơ hội hiện thực hóa các khoản đầu tư chiến lược sẽ được coi trọng và cần được tận dụng hợp lý. Chúng tôi cũng trù định cho việc tăng cường hệ thống giám sát chéo cũng như công tác quản trị trong toàn hệ thống.

Thưa Quý vị! Hy vọng Quý vị hài lòng với những thông tin mà tôi vừa chia sẻ và tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi trên cả ba cương vị: Nhà đầu tư, Khách hàng và Cổ đông trung thành của Công ty. Chúc Quý vị và gia đình một năm mới dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và đầu tư thành công!

Trân trọng cảm ơn!

Thay mặt HĐQT

Chủ tịch

Đỗ Quang Hiến



ĐIỂM NHẤN 2020

6.929,7

tỷ đồng

**TỔNG TÀI SẢN ĐẠT MỨC
CAO NHẤT, TĂNG 14,1%**



**THÀNH VIÊN TIÊU BIỂU CỦA
SGDCK HÀ NỘI, SGDCK TP.
HỒ CHÍ MINH, TTLKCKVN**

754,3

tỷ đồng

**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ
ĐẠT MỨC CAO NHẤT TĂNG 196,3%**



**BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT NHÓM VỐN
HÓA VỮA**

49.920

tài khoản

ĐƯỢC QUẢN LÝ, TĂNG 9,8%



**HOÀN THÀNH TRẢ
LƯƠNG THEO CƠ CHẾ MỚI
CẠNH TRANH**

ĐỨNG THỨ 4&8

**TẠI SÀN HNX VỀ THỊ PHẦN MÔI GIỚI CỔ
PHIẾU NIÊM YẾT VÀ TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ**



**TẬN DỤNG TỐT CÁC CƠ
HỘI THỊ TRƯỜNG VỀ TỰ
DOANH CỔ PHIẾU NIÊM
YẾT VÀ TRÁI PHIẾU**

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Giấy phép thành lập và hoạt động: 66/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 15/11/2007

Mã cổ phiếu: SHS

Mã thành viên: 069

Vốn điều lệ: **2.072,7** tỷ đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **2.295,3** tỷ đồng

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84-24-38 181 888

Fax: 84-24-38 181 688

Website: <http://www.shs.com.vn>



TẦM NHÌN

Trở thành công ty chứng khoán hoạt động đa năng theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam và là thương hiệu uy tín trên TTCK Châu Á.



SỨ MỆNH

Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông; đóng góp, xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả; tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ, nhân viên; cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chính trực - Sáng tạo - Chuyên nghiệp
Sự hài lòng của khách hàng.





LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2007

- Chính thức được thành lập, vốn điều lệ 350,0 tỷ đồng, địa chỉ Trụ sở chính tại số 162-164, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội. Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

2008

- Thành viên SGDCK Tp. HCM và SGDCK Hà Nội. Thành lập Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tại số 41, Pasteur, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.

2009

- Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1&5, Tòa nhà Đào Duy Anh, số 9, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội. Tăng vốn điều lệ lên 410,6 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Niêm yết tại SGDCK Hà Nội với mã chứng khoán SHS từ ngày 25/06/2009. Thành lập Chi nhánh Đà Nẵng tại số 97 Lê Lợi, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng.

2010

- Tăng vốn điều lệ lên 1.000,0 tỷ đồng. Thành lập Chi nhánh Nghệ An. Thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ chuyên biệt tại SGDCK Hà Nội.

2011

- Chuyển Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đến số 141-143 Hàm Nghi, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Đóng cửa Chi nhánh Nghệ An. Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1, Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2013

- Chuyển Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đến Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

2014

- Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất trên cả 2 sàn HNX và HOSE. Thành lập Phòng Giao dịch Thăng Long tại Tầng 3, tòa nhà M5, số 91, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

2015

- Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất trên cả 2 sàn HNX và HOSE.

2016

- Thành lập Văn phòng đại diện Đồng Nai tại số 129, Hà Huy Giáp, Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.

2017

- Mở rộng Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tại Tầng 1&3, Tòa nhà AS, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2018

- Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Chính thức sáp nhập SHBS vào SHS và tăng vốn điều lệ lên 1.054,0 tỷ đồng bằng phương thức hoán đổi cổ phần.

2019

- Chuyển Chi nhánh Đà Nẵng đến Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, số 3 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng. Tăng vốn điều lệ lên 2.072,7 tỷ đồng.

2020

- Thành lập Văn phòng đại diện Hải Phòng tại Tầng 3, Tòa nhà DG Tower, số 15 Trần Phú, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.



Duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ và tư vấn vì mục tiêu “tăng trưởng tài sản ròng của khách hàng” luôn là định hướng mà chúng tôi theo đuổi



CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

SHS là nhà cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán uy tín, tin cậy của hàng vạn khách hàng bằng công nghệ vượt trội và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp. Dịch vụ môi giới chứng khoán điển hình của SHS phải kể đến là mở tài khoản cho cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài. Bên cạnh đó, các kênh giao dịch đa dạng được SHS cung cấp như giao dịch trực tiếp tại sàn; đặt lệnh thông qua đội ngũ môi giới; thông qua hệ thống tổng đài có ghi âm; thông qua giao dịch trực tuyến SHPro, qua web, qua điện thoại di động giúp nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch nhanh chóng, thuận tiện. Các nghiệp vụ môi giới mua bán chứng khoán đa dạng được SHS cung cấp như thỏa thuận, lô chẵn, lô lẻ đối với cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết. SHS cũng là nhà cung cấp các dịch vụ đấu giá dưới nhiều hình thức khác nhau (như trực tiếp tổ chức đấu giá tại SHS, tại doanh nghiệp; đại lý đấu giá của Sở GDCK...). Các dịch vụ tiện ích như đặt lệnh mua bán chứng khoán; mua quyền nhận tiền bán chứng khoán, chuyển tiền từ tài khoản chứng khoán đến tài khoản ngân hàng và ngược lại; chuyển tiền giữa các tài khoản chứng khoán;

đăng ký bán cổ phiếu lô lẻ; đăng ký quyền mua cổ phiếu; quản lý tài khoản thường và tài khoản ký quỹ; chuyển tiền và chứng khoán giữa 2 loại tài khoản này; cung cấp thông tin bảng giá, giá chứng khoán, lịch đấu giá và các dịch vụ khác theo nhu cầu của khách hàng và trong phạm vi hoạt động của SHS.



LƯU KÝ VÀ QUẢN LÝ CHỨNG KHOÁN

Lưu ký và quản lý chứng khoán là dịch vụ không thể thiếu đối với công ty chứng khoán có dịch vụ môi giới chứng khoán. Do đó, SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ lưu ký cho khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn ở việc gửi, rút chứng khoán; lưu ký và tái lưu ký chứng khoán; thực hiện quyền; chuyển khoản, tất toán chứng khoán; biểu, tặng, cho, thừa kế, chuyển quyền sở hữu chứng khoán; phong tỏa và giải tỏa chứng khoán.

SHS cũng là nhà cung cấp dịch vụ quản lý chứng khoán chuyên nghiệp cho rất nhiều Tổ chức phát hành góp phần tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp, tăng tính thanh khoản của chứng khoán quản lý bằng các dịch vụ điển hình như theo dõi và quản lý chuyển nhượng; thực hiện quyền cho cổ đông, trái chủ; báo cáo việc quản lý chứng khoán, chuyển nhượng chứng khoán và người sở hữu chứng khoán...



ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

SHS sử dụng linh hoạt nguồn vốn và hình thức đầu tư để thực hiện tự doanh chứng khoán vì mục tiêu lợi nhuận trên cơ sở tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật và không làm xung đột lợi ích với khách hàng. Danh mục đầu tư của SHS rất đa dạng như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, của nhiều doanh nghiệp quy mô khác nhau trên cơ sở có tiềm năng tăng trưởng, tài sản chất lượng tốt và có khả năng mang lại mức sinh lời cao cho SHS.



PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Để hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư của khách hàng, SHS cung cấp đa dạng các báo cáo phân tích (như báo cáo phân tích vĩ mô, báo cáo nhận định thị trường, báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích doanh nghiệp, báo cáo phân tích chứng khoán, báo cáo khuyến nghị đầu tư...) và dịch vụ tư vấn đầu tư thông qua nhiều kênh khác nhau như các bản tin sáng, các báo cáo phân tích trên báo, đài, mạng Internet hay gửi trực tiếp cho nhà đầu tư, tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư, tổ chức đi thăm và tìm hiểu doanh nghiệp, báo giá chứng khoán...



TƯ VẤN TÀI CHÍNH

SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn tài chính như tư vấn phát hành (riêng lẻ, ra công chúng), tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành trái phiếu, tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, tư vấn thoái vốn và bán đấu giá cổ phần, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn mua bán, sáp nhập, tư vấn khác (tổ chức ĐHĐCĐ, công bố thông tin, lập báo cáo thường niên, đăng ký công ty đại chúng, đăng ký giao dịch, quản lý cổ đông, huy động vốn...) bởi đội ngũ chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm của SHS.



BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Bảo lãnh phát hành là một dịch vụ quan trọng của SHS trong đó SHS cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành dưới nhiều hình thức khác nhau (như bảo lãnh với cam kết chắc chắn, bảo lãnh với cố gắng cao nhất...) cho nhiều loại chứng khoán khác nhau như cổ phiếu, trái phiếu... Ngoài ra, SHS cũng cung cấp dịch vụ tư vấn đấu giá dưới các hình thức khác nhau (như trực tiếp tổ chức đấu giá tại doanh nghiệp, tại SHS; đại lý đấu giá của Sở GDCK...)



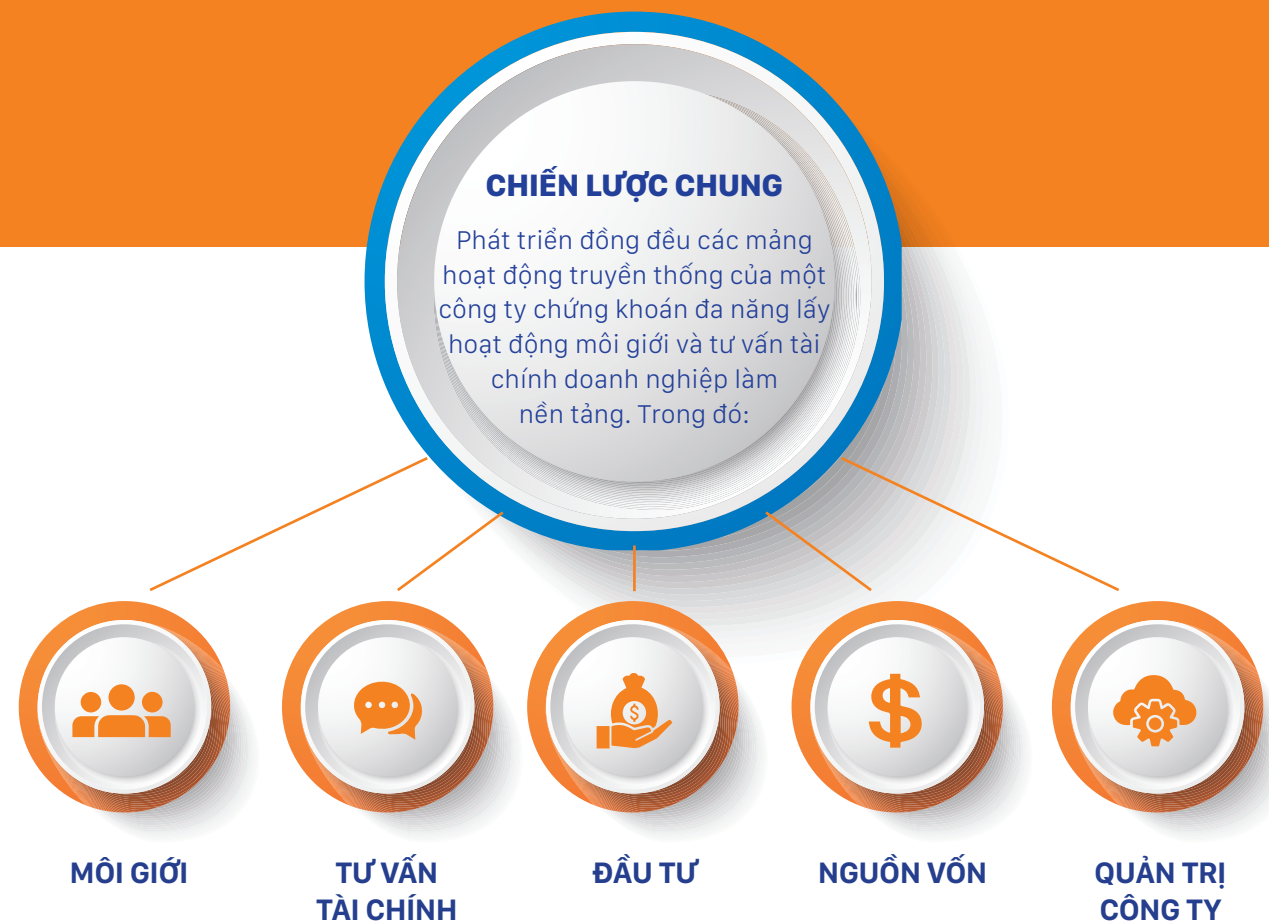
DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Để đáp ứng nhu cầu vốn cho mục đích đầu tư chứng khoán của khách hàng, SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính như mua quyền nhận tiền bán chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ, tư vấn đầu tư và quản lý tài sản đảm bảo cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng của SHS... SHS đảm bảo cung cấp các dịch vụ tài chính với thủ tục và hồ sơ nhanh gọn, linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng.





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Duy trì sự hiện diện trong Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên cả 2 sàn, lấy tăng trưởng giá trị tài sản ròng của khách hàng làm động lực, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và chất lượng tư vấn đầu tư trên nền tảng công nghệ hiện đại, tiện dụng, thân thiện với người dùng và hệ thống quản trị rủi ro toàn diện.

Lấy dịch vụ tư vấn cổ phần hóa và tái cấu trúc doanh nghiệp làm nền tảng để xây dựng một cơ sở khách hàng chất lượng, bền vững từ đó hướng tới việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư có hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao như bảo lãnh phát hành, mua bán sáp nhập, tái cấu trúc doanh nghiệp qua đó định vị SHS như là một trong những nhà tư vấn tài chính và môi giới vốn hàng đầu tại Việt Nam.

Tái cơ cấu quyết liệt danh mục đầu tư theo hướng chuyển dịch tỷ trọng đầu tư dài hạn vào các doanh nghiệp tốt, có nền tảng vững chắc, cung cấp vốn và chuyên gia hàng đầu đồng hành với doanh nghiệp hỗ trợ phát triển bền vững. Danh mục ngắn hạn được đầu tư thuận theo xu hướng thị trường chung và được quản lý rủi ro tốt.

Đa dạng hóa các kênh hợp tác để phân tán rủi ro trên cơ sở tự chủ tài chính bằng cách từng bước nâng cao quy mô vốn chủ sở hữu của Công ty.

Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp trên cơ sở có sự định hướng chiến lược xuyên suốt theo quy định của pháp luật hiện hành và các thông lệ quản trị hiện đại tốt nhất.

GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

DO CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VINH DANH



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bằng khen đã có thành tích trong phong trào thi đua của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa các năm từ 2015 đến năm 2019.

Bằng khen đã có thành tích trong phong trào chuyên đề nộp ngân sách năm 2017.

Bằng khen đã có thành tích trong lĩnh vực nộp Ngân sách Nhà nước trên địa bàn Tp. Hà Nội năm 2018, năm 2019.



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty chứng khoán tiêu biểu giai đoạn 2005-2015 và các năm từ năm 2015 đến năm 2020.

Doanh nghiệp niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất năm 2016-2017.



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH & BẢO ĐẦU TƯ

Công ty chứng khoán tiêu biểu các năm từ năm 2017 đến năm 2020.

Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất trao giải năm 2013, 2016, 2017.

Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất và Top 20 Báo cáo quản trị tốt nhất Nhóm vốn hóa vừa trao giải năm 2018.

Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa vừa trao giải năm 2019, 2020.



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Nhà Tư vấn Cổ phần hóa và Thoái vốn DNNN tiêu biểu năm 2014-2015.

Nhà tư vấn IPO tiêu biểu năm 2016-2017.

Công ty chứng khoán uy tín năm 2015.

Nhà tư vấn M&A tiêu biểu năm 2017-2018, 2019.



BỘ & SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI

Bằng khen vì đã có nhiều đóng góp cho công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em năm 2019.

Giấy khen vì đã có nhiều đóng góp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn TP. Hà Nội năm 2020.



TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Công ty chứng khoán tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2016, 2017.

Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán các năm từ năm 2018 đến năm 2020.



VIỆN KINH TẾ VÀ VĂN HÓA

Top 10 Dịch Vụ Chất Lượng Vàng năm 2020 - Giải thưởng dành cho Dịch vụ Môi giới Chứng khoán.



CỤC THUẾ HÀ NỘI

Người nộp thuế thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2017.



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Giấy khen đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của UBCKNN giai đoạn 1996-2016, năm 2017.





GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

DO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC VINH DANH



TOP 50 THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG NĂM 2018.

Do Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam vinh danh.



TOP 20 THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG TRAO GIẢI NĂM 2020.

Do Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam vinh danh.



DOANH NHÂN, DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU HÀ NỘI VÀNG 2015.

Do Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Thành phố Hà Nội vinh danh.



TOP 100 DOANH NGHIỆP ĐẠT CHỈ SỐ NĂNG LỰC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TỐT CÁC NĂM TỪ 2016 ĐẾN NĂM 2018.

Do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam vinh danh.



TOP 10 DỊCH VỤ CHẤT LƯỢNG VÀNG NĂM 2020 - GIẢI THƯỞNG DÀNH CHO DỊCH VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Do Viện Kinh tế và Văn hóa vinh danh



CÔNG TY ĐẠT CHỈ SỐ NĂNG LỰC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TỐT NHẤT NGÀNH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2018.

Do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam vinh danh.



DOANH NGHIỆP 3 NĂM LIÊN TIẾP (2017-2019) ĐẠT CHỈ SỐ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH TỐT NHẤT.

Do Hội Kế toán&Kiểm toán Việt Nam và Báo Diễn đàn Doanh nghiệp vinh danh.



BẰNG KHEN ĐÃ TÍCH CỰC HỖ TRỢ ỨNG CUỘC VẬN ĐỘNG "XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM" DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÁT ĐỘNG TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020.

Do Hiệp hội phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam vinh danh.

MẠNG LƯỚI VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG:

SHS có địa bàn hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

Công ty không có các công ty con, công ty liên kết.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Đường Ngô Quyền,
Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại: 84-24-38181 888
Fax: 84-24-38181 688
Email: contact@shs.com.vn
Website: <http://www.shs.com.vn>

PHÒNG GIAO DỊCH THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà M5, Số 91,
Đường Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: 84-24-32696 666
Fax: 84-24- 32919 999
Email: contact-thanglong@shs.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà DG Tower,
số 15, đường Trần Phú, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Điện thoại: 078 317 0939

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 3 Lê Đình Lý,
Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 84-236-3525 777
Fax: 84-236-3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 129, Đường Hà Huy Giáp,
Phường Quyết Thắng, Thành Phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 84-251-3819989

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 1&3, Tòa nhà AS
Số 236-238, Đường Nguyễn Công Trứ,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: 84-28-3945 1368
Fax: 84-28-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn



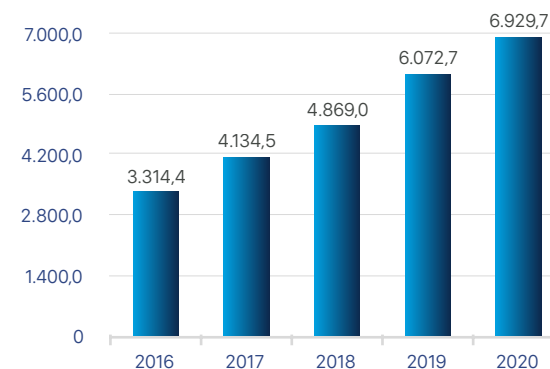
CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN (KPLS)

CÁC CHỈ TIÊU BCĐKT	(Đơn vị: tỷ đồng)				
	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng tài sản	3.314,4	4.134,5	4.869,0	6.072,7	6.929,7
Nợ phải trả	2.200,9	2.668,5	3.003,6	3.380,4	3.703,4
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.113,5	1.466,0	1.865,3	2.692,3	3.226,3
Vốn điều lệ	1.000,0	1.000,0	1.054,0	2.072,7	2.072,7
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cp)	100.000.000	100.000.000	105.395.674	207.268.201	207.268.201

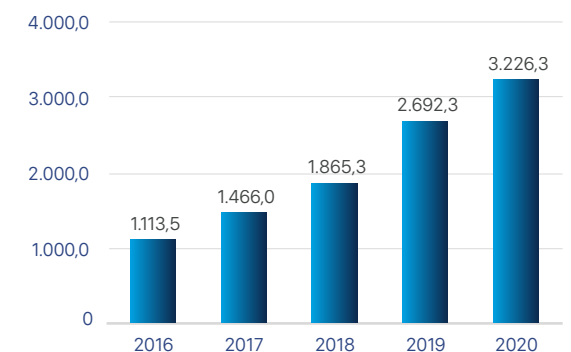
CÁC CHỈ TIÊU BCKQKD	(Đơn vị: tỷ đồng)				
	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng doanh thu và thu nhập khác	566,0	1.093,7	1.247,9	1.072,4	1.808,5
Tổng chi phí	479,4	643,0	837,2	760,4	869,6
Lợi nhuận kế toán trước thuế	86,6	450,7	410,7	312,0	938,9
Lợi nhuận kế toán sau thuế	86,6	369,6	358,1	254,6	754,3

CÁC CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ KHÁC	(Đơn vị: đồng)				
	2016	2017	2018	2019	2020
Hệ số thanh toán nhanh	28,7%	4,0%	66,0%	31,2%	18,2%
Hệ số thanh toán hiện hành	261,7%	192,3%	375,5%	177,5%	191,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	8,1%	28,7%	21,5%	11,2%	25,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản (ROA)	2,8%	9,9%	8,0%	4,7%	11,6%
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại 31/12	236,7%	294,2%	351,6%	338,4%	347,9%
Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (BV)	11.135	14.659	17.698	12.990	15.563
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS)	866	2.925	2.746	1.359	3.649
Hệ số giá trên lợi nhuận một cổ phiếu (P/E)	5,3	7,2	4,2	5,7	6,9
Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách (P/B)	0,4	1,4	0,7	0,6	1,6

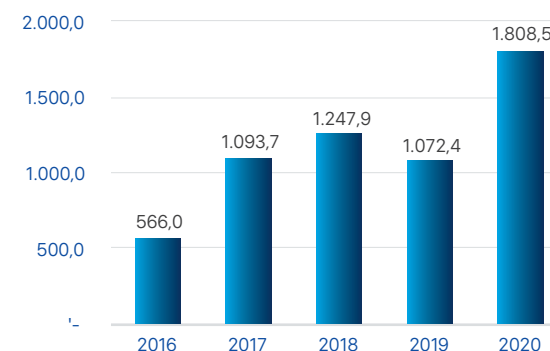
Tổng tài sản (tỷ đồng)



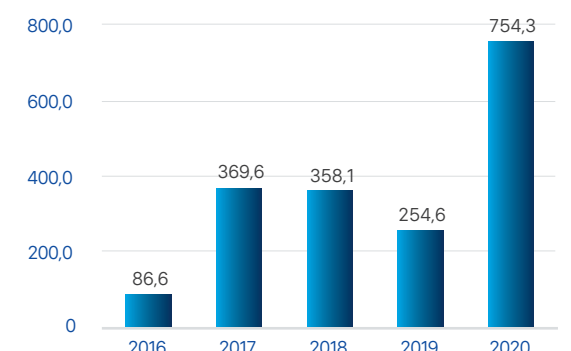
Nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



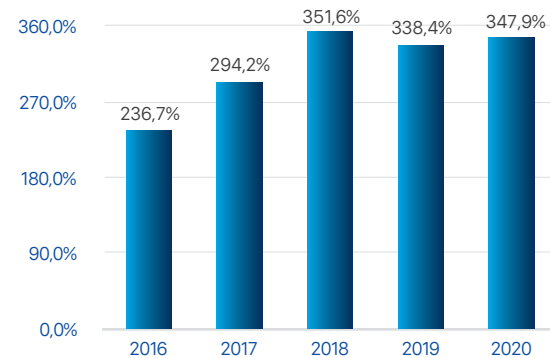
Tổng doanh thu và thu nhập khác (tỷ đồng)



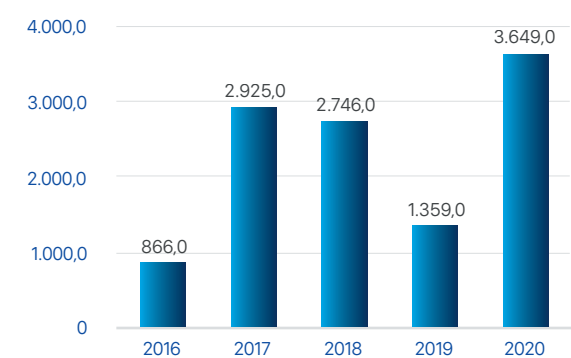
Lợi nhuận kế toán sau thuế (tỷ đồng)



Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại 31/12



Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS)



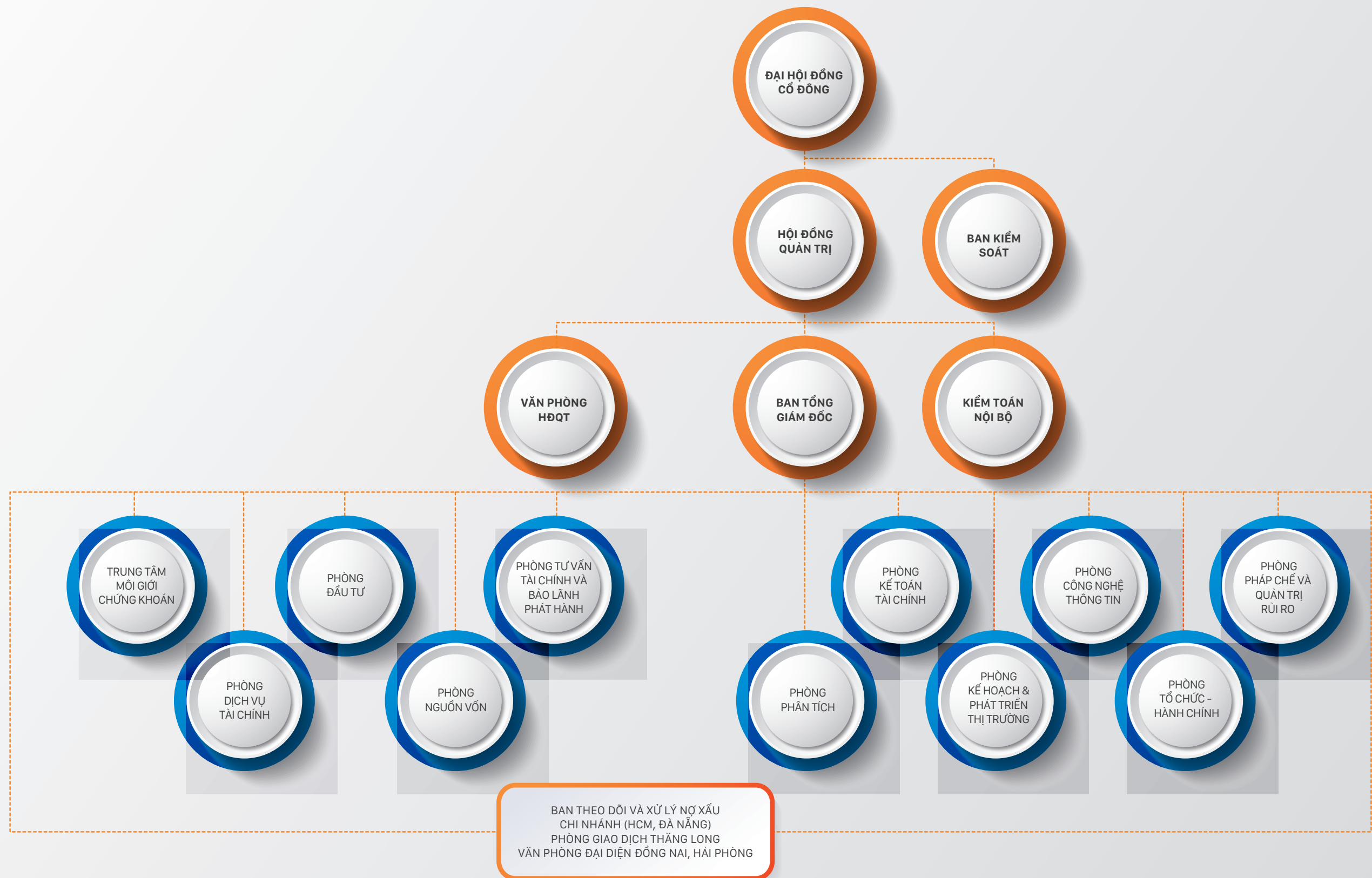


PHẦN 02

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- CƠ CẤU TỔ CHỨC
- NHÂN SỰ CHỦ CHỐT
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN KIỂM SOÁT
- KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO
- LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH
- VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU TỔ CHỨC





NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG ĐỖ QUANG HIỂN

Chủ tịch HĐQT (Tv. HĐQT không độc lập, không điều hành)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm: 03/12/2007, 06/04/2012 và 26/04/2017

Ngày sinh: 29/10/1962

Học vấn: Kỹ sư vật lý vô tuyến – Đại học Tổng hợp Hà Nội

Sở hữu: 593.416 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,29%)

Kinh nghiệm làm việc: 36 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, tài chính, ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết:

Chủ tịch HĐQT – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty CP Tập đoàn T&T

Chủ tịch HĐQT – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Bệnh viện Giao thông Vận tải

Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp SHB

Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Khai thác chế biến khoáng sản T&T Hà Giang

Tại các tổ chức khác:

Chủ tịch Hiệp hội các Doanh nghiệp nhỏ và vừa TP. Hà Nội

Ủy viên UBTTQVN

ÔNG LÊ ĐĂNG KHOA

Thành viên HĐQT (Tv. HĐQT không độc lập, không điều hành)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm: 22/03/2013 và 26/04/2017

Ngày sinh: 18/08/1974

Học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế Quốc dân

Cử nhân Kế toán – Học viện Ngân hàng

Sở hữu: 50.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,02%)

Kinh nghiệm làm việc: 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết:

Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết:

Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Thành viên HĐQT – Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

ÔNG VŨ ĐỨC TIẾN

Thành viên HĐQT (Tv. HĐQT không độc lập và điều hành) kiêm Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm: 15/09/2014 và 26/04/2017 đối với chức danh Thành viên HĐQT

01/11/2014, 01/11/2017, 01/11/2020 đối với chức danh Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 02/09/1973

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Học viện Ngân hàng

Cử nhân tiếng Anh – Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính – UBCKNN cấp

Sở hữu: 4.644.250 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 2,24%)

Kinh nghiệm làm việc: 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết:

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Thành viên HĐQT – Công ty Bao bì Biên Hòa

Tại công ty chưa niêm yết:

Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Thành viên HĐQT – Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí

Thành viên HĐQT – Công ty CP Điện cơ Thống Nhất

Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Thành viên HĐQT – Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xanh dầu

ÔNG MAI XUÂN SƠN

Thành viên HĐQT (Tv. HĐQT không độc lập, không điều hành)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm: 24/01/2014 và 26/04/2017

Ngày sinh: 25/07/1974

Học vấn: Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại – Đại học Thương mại Hà Nội

Cử nhân tiếng Anh – Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

Sở hữu: 50 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)

Kinh nghiệm làm việc: 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, tài chính, ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết:

Thành viên HĐQT – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết:

Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Thủy sản Hà Nội – Cần Thơ

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ – Công ty CP Tập đoàn T&T

Thành viên HĐQT – Tổng Công ty Rau quả – CTCP

Thành viên HĐQT – Công ty CP Điện cơ Thống Nhất

Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà

Thành viên HĐQT – Công ty CP Dệt Kim Hà Nội

Phó Tổng Giám đốc – Công ty TNHH T&T Hưng Yên

Tổng Giám đốc – Công ty TNHH T&T Motor

BÀ NGUYỄN DIỆU TRINH

Thành viên HĐQT (Tv. HĐQT độc lập, không điều hành)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm: 03/01/2020

Ngày sinh: 30/06/1979

Học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng – Trung tâm Đào tạo Quản lý Pháp Việt (CFVG)

Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế quốc dân

Sở hữu: 0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)

Kinh nghiệm làm việc: 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, đầu tư, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết:

Không

Tại công ty chưa niêm yết:

Thành viên HĐQT – Công ty CP Dược và Trang thiết bị Y tế quân đội Armephaco

Thành viên HĐQT – Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Nội

Chuyên viên Đầu tư – Công ty CP Tập đoàn T&T

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM 2020:

Tại ĐHĐCĐ thường niên tổ chức vào ngày 24/06/2019 của SHS đã thông qua 02 Quyết định của HĐQT về việc thay đổi thành viên HĐQT như sau:

- Quyết định số 32-2019/QĐ-HĐQT ngày 14/11/2019 về việc miễn nhiệm Ông Mai Anh Chính.
- Quyết định số 01-2020/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2020 về việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Diệu Trinh.



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN KIỂM SOÁT



BÀ PHẠM THỊ BÍCH HỒNG

Trưởng Ban Kiểm soát
(Tv. BKS chuyên trách)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

15/01/2008, 06/04/2012 và 26/04/2017

Ngày sinh: 08/02/1968

Học vấn Thạc sỹ và cử nhân tài chính kế toán – Đại học Tài chính Kế toán (nay là Học viện Tài chính)

Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán – UBCKNN cấp

Sở hữu: 27.175 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,01%)

Kinh nghiệm làm việc: 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may, ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết:

Thành viên Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết: Không

ÔNG VŨ ĐỨC TRUNG

Thành viên Ban Kiểm soát (Tv. BKS không chuyên trách)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

06/04/2012 và 26/04/2017

Ngày sinh: 25/12/1980

Học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Edith Cowan-Úc

Cử nhân Kiểm toán – Đại học Kinh tế quốc dân

Chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên – Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam cấp

Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - UBCKNN cấp

Sở hữu: 700.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,34%)

Kinh nghiệm làm việc: 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, thương mại, sản xuất, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết:

Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết:

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Trưởng Ban Kiểm soát – Tổng Công ty Thăng Long – CTCP

BÀ LƯƠNG THỊ LỰU

Thành viên Ban Kiểm soát (Tv. BKS không chuyên trách)

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

27/04/2015 và 26/04/2017

Ngày sinh: 09/11/1983

Học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế quốc dân

Cử nhân Kế toán tổng hợp và Kinh tế bảo hiểm – Đại học Kinh tế quốc dân

Sở hữu: 60 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%).

Kinh nghiệm làm việc: 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết:

Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết:

Thành viên BKS – Công ty CP Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Tân Mai

Thành viên BKS – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tam Sơn

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020:

- Bổ nhiệm: Không.
- Miễn nhiệm: Không.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG VŨ ĐỨC TIẾN

HĐQT không độc lập và điều hành

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

15/09/2014 và 26/04/2017 đối với chức danh Thành viên HĐQT

01/11/2014, 01/11/2017 và 01/11/2020 đối với chức danh Tổng Giám đốc

Các thông tin khác (Vui lòng xem tại mục *Hội đồng quản trị*)

ÔNG TRẦN SỸ TIẾN

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

16/04/2014, 16/04/2017 và 16/04/2020 đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc

20/09/2011 đối với chức danh Kế toán trưởng

Ngày sinh: 06/05/1973

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

Cử nhân Tín dụng – Học viện Ngân hàng

Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính – UBCKNN cấp

Sở hữu: 0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)

Kinh nghiệm làm việc: 26 kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết:

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết:

Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không

BÀ TRẦN THỊ THU THANH

Phó Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:

01/08/2018

Ngày sinh: 08/04/1975

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Học viện Ngân hàng

Cử nhân tiếng Anh – Đại học Sư phạm Ngoại ngữ

Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - UBCKNN cấp

Sở hữu: 146.600 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,07%)

Kinh nghiệm làm việc: 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết:

Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết:

Không



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG NGUYỄN CHÍ THÀNH

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN TP. Hồ Chí Minh, Trưởng VPĐD Hải Phòng

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm: 05/05/2014, 05/05/2017 và 05/05/2020 đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc 26/11/2019 đối với chức danh Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh 18/09/2020 đối với chức danh Trưởng Văn phòng đại diện Hải Phòng
Ngày sinh: 13/11/1980
Học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Tổng hợp Boston (Mỹ)
Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương Hà Nội
Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - UBCKNN cấp
Sở hữu: 0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)
Kinh nghiệm làm việc: 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dự án, chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết:

Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết:

Không

BÀ TRẦN PHƯỚC HẠ NHI

Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm: 09/08/2011
Ngày sinh: 29/03/1982
Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Columbia Southern
Cử nhân Kế toán – Đại học Kinh tế Đà Nẵng
Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán – UBCKNN cấp
Sở hữu: 11.750 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,01%)
Kinh nghiệm làm việc: 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết:

Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tại công ty chưa niêm yết:

Không

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2020:

- Bổ nhiệm: Không.
- Miễn nhiệm: Không.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HĐQT

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	THÀNH VIÊN	NHIỆM KỲ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KẾT THÚC NHIỆM KỲ	LÝ DO THAY ĐỔI
1	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	Không độc lập Không điều hành	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017	
2	Lê Đăng Khoa	Thành viên	Không độc lập Không điều hành	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017	
3	Vũ Đức Tiến	Thành viên	Không độc lập Điều hành	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017	
4	Mai Xuân Sơn	Thành viên	Không độc lập Không điều hành	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017	
5	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên	Độc lập Không điều hành	2017-2022	Bắt đầu: 03/01/2020	Do yêu cầu kiện toàn nhân sự HĐQT
6	Mai Anh Chính	Thành viên	Độc lập Không điều hành	2017-2022	Kết thúc: 03/01/2020	Theo nguyện vọng cá nhân

(Thông tin chi tiết về các thành viên HĐQT vui lòng xem tại phần Nhân sự chủ chốt).

► CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

TIỂU BAN	THÀNH VIÊN HĐQT PHỤ TRÁCH	NHIỆM VỤ
Quản trị chung và chính sách phát triển	Ông Đỗ Quang Hiến	- Quản trị và giám sát hoạt động điều hành. - Tìm kiếm và giới thiệu các nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty và hoạt động điều hành của BTGD. - Xây dựng và hoạch định chiến lược dài hạn và ngắn hạn.
Kiểm soát nội bộ, Kế toán tài chính	Bà Nguyễn Diệu Trinh (từ 03/01/2020) Ông Mai Xuân Sơn	- Tham mưu cho HĐQT ban hành các văn bản nội bộ liên quan đến kiểm soát nội bộ, tài chính kế toán, truyền thông và thương hiệu. - Trực tiếp giám sát và quản lý các hoạt động kiểm soát nội bộ, tài chính kế toán, truyền thông và thương hiệu. - Thẩm định các báo cáo của Bộ phận Kiểm soát nội bộ, Bộ phận Kế toán tài chính và Bộ phận Kế hoạch&Phát triển thị trường. - Tham mưu cho HĐQT các biện pháp xử lý thích hợp đối với các vấn đề liên quan đến kiểm soát nội bộ, tài chính kế toán và truyền thông, thương hiệu.
Quản trị hệ thống, nhân sự và lương thưởng	Ông Vũ Đức Tiến	- Xây dựng cơ chế lương, thưởng, đãi ngộ theo quy chuẩn và thực tế hoạt động kinh doanh, giám sát BTGD triển khai thực thi và đo lường hiệu quả. - Tham mưu cho HĐQT trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển, điều động... nhân sự; việc trả lương, thưởng cũng như việc tăng, giảm lương, thưởng của cán bộ.
Quản trị rủi ro, Kiểm toán nội bộ	Ông Lê Đăng Khoa	- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các văn bản nội bộ liên quan đến quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ và công nghệ thông tin. - Trực tiếp giám sát và quản lý các hoạt động và báo cáo của Bộ phận quản trị rủi ro, Bộ phận kiểm toán nội bộ và Bộ phận Công nghệ thông tin. - Tham mưu cho HĐQT các biện pháp xử lý thích hợp đối với các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ và công nghệ thông tin. - Tham mưu cho HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập.



► CÁC CUỘC HỌP CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

TIỂU BAN	SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP	NỘI DUNG HỌP	KẾT QUẢ HỌP
Quản trị chung	04	- Xây dựng định hướng chiến lược phát triển Công ty và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 trình ĐHĐCĐ phê duyệt. - Triển khai thực hiện chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. - Xây dựng và triển khai hoạt động chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với BTGD. - Xác định vai trò và giới hạn thẩm quyền của HĐQT đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty và đối với BTGD. - Xây dựng và triển khai các biện pháp phòng ngừa và quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty đặc biệt trong bối cảnh thị trường có những biến động mạnh và bất thường.	100% thành viên HĐQT tham gia và biểu quyết. - Ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động kinh doanh toàn Công ty trong năm 2020.
Chính sách phát triển	04	Xây dựng và triển khai chính sách phát triển các hoạt động kinh doanh của Công ty trong đó năm 2020 tập trung vào hoạt động đầu tư và phát hành trái phiếu, môi giới, nguồn vốn, đầu tư, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành trên cơ sở khai thác thế mạnh của Công ty và thuận lợi từ chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách phát triển và hoàn thiện TTCK Việt Nam.	100% thành viên HĐQT tham gia và biểu quyết. - Ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến kế hoạch hoạt động kinh doanh từng mảng hoạt động kinh doanh chính trong năm 2020.
Nhân sự, lương thưởng và quản trị hệ thống	04	- Rà soát chính sách thù lao, lương, thưởng, phúc lợi và đào tạo của Công ty đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên BTGD để điều chỉnh và hoàn thiện nhằm khai thác tối đa nguồn lực con người. - Tìm kiếm, đánh giá và đề xuất hướng tuyển dụng nhân sự cấp cao phụ trách mảng trái phiếu, đầu tư, dịch vụ tài chính. - Xem xét đề xuất với HĐQT và TGD việc tăng, giảm quy mô tuyển dụng và đào tạo, điều chuyển nhân sự ở một số vị trí cán bộ cấp trung để đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt và hiệu quả.	100% thành viên HĐQT tham gia và biểu quyết. - Ban hành các Nghị quyết, quyết định có liên quan đảm bảo xây dựng và duy trì được đội ngũ nhân sự có trình độ, kinh nghiệm, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ	04	- Đánh giá tính tuân thủ, phù hợp của hệ thống kế toán tài chính và các BCTC do BTGD và đơn vị kiểm toán lập. - Rà soát và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quy chế, quy trình, quy định nội bộ đảm bảo hệ thống tuân thủ pháp luật và vận hành đồng bộ, quy chuẩn.	100% thành viên HĐQT tham gia và biểu quyết. - Phê chuẩn các Tờ trình, báo cáo liên quan đến hoạt động kế toán tài chính và kiểm soát nội bộ.
Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ	04	- Xây dựng, triển khai và điều chỉnh kế hoạch quản trị rủi ro và kế hoạch kiểm toán nội bộ phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh của SHS. - Đánh giá sự phù hợp của chính sách, khẩu vị rủi ro cũng như sự tuân thủ hạn mức rủi ro. - Kiểm tra hệ thống quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ đảm bảo hiệu năng, hiệu quả. - Khuyến nghị về bổ nhiệm, miễn nhiệm kiểm toán độc lập.	100% thành viên HĐQT tham gia và biểu quyết. - Phê chuẩn chính sách, khẩu vị, hạn mức, kế hoạch quản trị rủi ro cũng như kế hoạch kiểm toán nội bộ.

► CÁC BỘ PHẬN, CÁ NHÂN HỖ TRỢ HĐQT

Văn phòng HĐQT	- Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT trong việc tổ chức ĐHĐCĐ, tổ chức công tác của HĐQT và BKS. - Quản lý cổ đông của Công ty và hỗ trợ cổ đông thực hiện các quyền của mình. - Soạn thảo và lưu trữ các văn bản liên quan đến ĐHĐCĐ và HĐQT.
Bộ phận Kiểm toán nội bộ	- Thực hiện kiểm toán nội bộ các hoạt động quản lý điều hành và kinh doanh của Công ty. - Kiến nghị và đề xuất hướng tới giải quyết triệt để các tồn tại và rủi ro của Công ty góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động kinh doanh của Công ty. - Báo cáo hoạt động kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của HĐQT và Cơ quan quản lý Nhà nước.
Thư ký Công ty Người phụ trách quan hệ cổ đông Người phụ trách quản trị Công ty	Bà Đoàn Thị Như Quỳnh - Phó Chánh phụ trách Văn phòng HĐQT Học vấn: Cử nhân Đại học Ngoại giao Kinh nghiệm làm việc: 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán. Điện thoại liên hệ: 024.38.181.888 (312) Email: quynh.dtn@shs.com.vn

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn, kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty

Năm 2020 là năm thứ 3 trong kế hoạch 5 năm (2017-2020) của Công ty, do đó HĐQT tập trung vào việc chỉ đạo, giám sát BTGD thực hiện đúng định hướng chiến lược 5 năm mà ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra.

Ngoài ra, HĐQT tập trung vào việc:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020 đảm bảo an toàn, hiệu quả, quản trị tốt rủi ro.
- Quyết định các phương án đầu tư trên cơ sở Tờ trình của BTGD.
- Quyết định giải pháp phát triển các hoạt động kinh doanh chính của Công ty cũng như về công nghệ.

Thảo luận và thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ và các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT

HĐQT đã thảo luận và thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 phê duyệt gồm:

- Thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2019 và định hướng năm 2020.
- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019.
- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020.
- Thông qua BCTC năm 2019 đã được kiểm toán.
- Thông qua Báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ.
- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Thông qua quyết định thay đổi thành viên HĐQT.
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019.
- Thông qua Quỹ thù lao HĐQT và BKS năm 2020.
- Thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2020.

HĐQT đã thảo luận và thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT gồm:

- Triệu tập ĐHĐCĐ; duyệt chương trình, tài liệu phục vụ họp Đại hội và các nội dung lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua.
- Thông qua việc bầu, miễn nhiệm, tuyển dụng, xếp lương, tăng lương... của các chức danh HĐQT, BTGD và người quản lý trong Công ty.
- Thông qua việc thành lập Văn phòng đại diện tại Hải Phòng.
- Thông qua cơ chế lương mới.
- Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay... và các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành 03 nghị quyết, 28 quyết định và thông qua hàng trăm tờ trình liên quan đến nhiều vấn đề trọng yếu của Công ty, làm cơ sở và định hướng cho BTGD triển khai nhiệm vụ.

Định hướng hoạt động của HĐQT

HĐQT tập trung vào việc tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động của HĐQT năm 2019 và triển khai hoạt động của năm 2020 theo định hướng hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 và theo kế hoạch hoạt động, kinh doanh năm 2020 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt; tập trung phân công công việc cho các thành viên và triển khai thực hiện một cách có hiệu quả.

Rà soát hệ thống quản lý, các chốt kiểm tra, kiểm soát trọng yếu và hệ thống quản trị rủi ro

Trong năm 2020, HĐQT và các tiểu ban Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ; Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ đã định kỳ phối hợp với BKS và Bộ phận Kiểm toán nội bộ tiến hành rà soát hệ thống quản lý, các chốt kiểm tra, kiểm soát quan trọng cũng như hệ thống quản trị rủi ro của Công ty từ đó chỉ đạo BTGD xem xét thực hiện các biện pháp hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quản trị rủi ro của Công ty.

► CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

STT	NGÀY	NỘI DUNG HỌP	VĂN BẢN THÔNG QUA
1	08/01/2020	Phiên họp thường kỳ Quý I/2020 để triển khai các công việc đầu năm 2020 như đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2020, thống nhất phương án điều chỉnh chế độ tiền lương của SHS, bổ nhiệm Thành viên HĐQT thay thế, báo cáo hoạt động của BKS năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020, báo cáo hoạt động của Văn phòng HĐQT năm 2019, báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2020.	01-2020/BBH-HĐQT
2	25/03/2020	Họp triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính, thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, đặc biệt là hoạt động tự doanh và môi giới chứng khoán, vay vốn tại VPBank.	02-2020/BBH-HĐQT
3	03/05/2020	Phiên họp thường kỳ Quý II/2020 để triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2020, thống nhất các công việc cần thực hiện cho các tháng tiếp theo của năm 2020, định hướng hoạt động kinh doanh và phát triển nguồn vốn, khai thác và huy động vốn; định hướng hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính; triển khai giao dịch hợp tác phát triển sản phẩm bán lẻ trái phiếu cho khách hàng cá nhân giữa SHS và SHB.	03-2020/BBH-HĐQT
4	25/05/2020	Họp sơ kết 5 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch 7 tháng cuối năm 2020 gồm: xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2020 (điều chỉnh cho ĐHĐCĐ 2020 nếu có); tổ chức ĐHĐCĐ 2020 và các nội dung trình ĐHĐCĐ thông qua; tóm tắt lại kết quả thẩm định BCTC năm 2019 của Ban Kiểm soát; báo cáo hoạt động của BKS 5 tháng đầu năm, kế hoạch 7 tháng cuối năm và thực tế triển khai đến thời điểm hiện tại; báo cáo chi trả thù lao HĐQT và BKS 9 tháng đầu năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao 3 tháng cuối năm 2020.	04-2020/BBH-HĐQT
5	02/06/2020	Họp triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính; thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh; hợp tác tín dụng với Indovinabank.	05-2020/BBH-HĐQT
6	15/06//2020	Phiên họp thường kỳ Quý III/2020 để triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính; thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh; thông qua phương án phát hành trái phiếu đợt 1/2020.	06-2020/BBH-HĐQT
7	10/8/2020	Thông qua phương án phát hành trái phiếu đợt 2/2020.	07-2020/BBH-HĐQT
8	17/8/2020	Thông qua phương án phát hành trái phiếu đợt 3/2020.	08-2020/BBH-HĐQT
9	11/9/2020	Thông qua định hướng hoạt động nguồn vốn và phát triển mạng lưới.	09-2020/BBH-HĐQT
10	28/10/2020	Phiên họp thường kỳ Quý IV/2020 để sơ kết hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020, thông qua việc vay vốn hạn mức thấu chi tại SHB Hà Nội và thông qua việc tái bổ nhiệm TGD.	10-2020/BBH-HĐQT
11	5/11/2020	Thông qua việc vay vốn theo hạn mức thấu chi tại SHB Hàng Trống.	11-2020/BBH-HĐQT
12	6/11/2020	Thông qua phương án vay vốn tín dụng tại VPBank.	12-2020/BBH-HĐQT

Tình hình tham gia các cuộc họp của thành viên HĐQT như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THỜI GIAN THAM GIA HĐQT TRONG NĂM 2020	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ/ UQ THAM DỰ
1	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch HĐQT	01/01/2020-31/12/2020	12/12
2	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	01/01/2020-31/12/2020	12/12
3	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT kiêm TGD	01/01/2020-31/12/2020	12/12
4	Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	01/01/2020-31/12/2020	12/12
5	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	03/01/2020-31/12/2020	12/12

► CÁC VĂN BẢN ĐÃ ĐƯỢC HĐQT THÔNG QUA

Trong năm 2020, HĐQT đã thông qua 3 nghị quyết và 28 quyết định như sau:

STT	SỐ HIỆU	NGÀY	NỘI DUNG
I	NGHỊ QUYẾT		
1	01-2020/NQ-HĐQT	15/06/2020	Thông qua phương án phát hành trái phiếu đợt 1/2020.
2	02-2020/NQ-HĐQT	08/10/2020	Thông qua phương án phát hành trái phiếu đợt 2/2020.
3	03-2020/NQ-HĐQT	17/08/2020	Thông qua phương án phát hành trái phiếu đợt 3/2020.
II	QUYẾT ĐỊNH		
1	01-2020/QĐ-HĐQT	03/01/2020	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT Nguyễn Diệu Trinh.
2	02-2020/QĐ-HĐQT	13/01/2020	Khen thưởng Tập thể xuất sắc cho Phòng Nguồn vốn.
3	03-2020/QĐ-HĐQT	13/01/2020	Khen thưởng Tập thể Xuất sắc cho Bộ phận Trái phiếu thuộc Phòng TVTC&BLPH.
4	04-2020/QĐ-HĐQT	13/01/2020	Khen thưởng Cá nhân xuất sắc SHS đối với Bà.Đặng Thị Quyền – Phòng Nguồn vốn.
5	05-2020/QĐ-HĐQT	10/02/2020	Thành lập Ban Tổ chức ĐHĐCĐ 2020.
6	06-2020/QĐ-HĐQT	10/02/2020	Thành lập Ban Kiểm tra tư cách ĐHCĐ 2020.
7	07-2020/QĐ-HĐQT	16/04/2020	Tái bổ nhiệm PTGD Trần Sỹ Tiến.
8	08-2020/QĐ-HĐQT	24/03/2020	Thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ 2020.
9	09-2020/QĐ-HĐQT	23/04/2020	Tái bổ nhiệm PTGD Nguyễn Chí Thành.
10	10-2020/QĐ-HĐQT	06/05/2020	Bổ nhiệm PGĐ Chi nhánh Tp. HCM Phạm Minh Sơn.
11	11-2020/QĐ-HĐQT	06/05/2020	Xếp lương PGĐ Chi nhánh Tp. HCM Phạm Minh Sơn.
12	12-2020/QĐ-HĐQT	24/06/2020	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty Doãn Thị Như Quỳnh.
13	13-2020/QĐ-HĐQT	24/06/2020	Chi thù lao HĐQT và BKS.
14	14-2020/QĐ-HĐQT	18/5/2020	Vay theo hạn mức tại ABBANK.
15	15-2020/QĐ-HĐQT	10/7/2020	Chi cổ tức năm tài chính 2019.
16	16-2020/QĐ-HĐQT	10/7/2020	Chi thù lao HĐQT và BKS.
17	17-2020/QĐ-HĐQT	11/9/2020	Vay theo hạn mức từng lần tại VPBANK.
18	18-2020/QĐ-HĐQT	11/9/2020	Thành lập Văn phòng Đại diện SHS tại Hải Phòng.
19	19-2020/QĐ-HĐQT	28/10/2020	Vay theo hạn mức thấu chi tại SHB Hà Nội.
20	20-2020/QĐ-HĐQT	30/10/2020	Tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc Vũ Đức Tiến.
21	21-2020/QĐ-HĐQT	5/11/2020	Vay theo hạn mức thấu chi tại SHB Hàng Trống.
22	22-2020/QĐ-HĐQT	6/11/2020	Vay theo hạn mức thấu chi tại VPBank.
23	23-2020/QĐ-HĐQT	15/12/2021	Giao dịch giữa SHS với Bên có liên quan.

STT	SỐ HIỆU	NGÀY	NỘI DUNG
24	24-2020/QĐ-HĐQT	21/12/2020	Xếp lương Tổng Giám đốc Vũ Đức Tiến.
25	25-2020/QĐ-HĐQT	21/12/2020	Xếp lương Phó Tổng Giám đốc Trần Sỹ Tiến.
26	26-2020/QĐ-HĐQT	21/12/2020	Xếp lương Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Chí Thành.
27	27-2020/QĐ-HĐQT	21/12/2020	Xếp lương Phó Tổng Giám đốc Trần Thị Thu Thanh.
28	28-2020/QĐ-HĐQT	29/12/2020	Vay theo hạn mức từng lần tại VPBank.

► HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong cơ cấu HĐQT năm 2020, Công ty có 1/5 số thành viên HĐQT là độc lập và 4/5 số thành viên HĐQT là không điều hành. Do đó, các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan và kịp thời, bám sát các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, đảm bảo lợi ích chung của cổ đông và của Công ty.

Công ty không có sự phân biệt nào giữa thành viên HĐQT độc lập và các thành viên HĐQT khác. Các thành viên HĐQT độc lập đều chủ động, tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình, đã đóng góp tích cực vào việc ra các quyết định chung của HĐQT.

► ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2020, các thành viên HĐQT, BKS, BTGD, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị Công ty đã tham gia các khóa đào tạo sau về quản trị công ty:

STT	ĐỐI TƯỢNG THAM GIA	CHƯƠNG TRÌNH THAM GIA
1	Thành viên HĐQT Trưởng ban Kiểm soát	Chương trình đào tạo tập huấn về quản trị để cấp chứng nhận Thành viên HĐQT lần 7 – DCP7.
2	Thư ký công ty	Hội thảo về Báo cáo phát triển bền vững và Báo cáo thường niên do UBCKNN và IFC tổ chức Hội thảo về Quản trị Doanh nghiệp do HNX và một số công ty chứng khoán thành viên tổ chức Hội thảo về Thư ký Công ty. Hội thảo về Quản trị công ty.
3	Người phụ trách quản trị công ty	Chương trình đào tạo tập huấn về quản trị công ty SRTC tổ chức và cấp chứng chỉ. Diễn đàn thường niên về đẩy mạnh quản trị Công ty trong giai đoạn bình thường mới do VIOD phối hợp với UBCKNN tổ chức. Diễn đàn Hội nghị thành viên HNX về quản trị công ty do SGDCK Hà Nội phối hợp với UBCKNN, VSD, SGDCK Tp. Hồ Chí Minh, Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Viện Thành viên HĐQT Việt Nam tổ chức. Chương trình đào tạo tập huấn về Ủy ban Kiểm toán do VIOD phối hợp với UBCKNN tổ chức và cấp chứng chỉ. Các khóa học nâng cao nghiệp vụ và cập nhật kiến thức pháp luật khác.
4	BTGD và cán bộ quản lý	Các buổi tọa đàm, hướng dẫn của UBCKNN, Sở GDCK và TTLCKVN về việc tiếp cận và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật mới về tổ chức hoạt động công ty chứng khoán, quản trị công ty, công bố thông tin...

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Năm 2020 là năm có rất nhiều biến động do tình hình kinh tế trong nước và nước ngoài đều chịu ảnh hưởng sâu sắc vì tình hình dịch bệnh Covid-19 dẫn đến các kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty ảnh hưởng không nhỏ. Đối chiếu kế hoạch, định hướng hoạt động của HĐQT và thực tế thực hiện của Công ty trong năm 2020 có thể thấy các kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2020 rất khả thi, phù hợp với tình hình thực tế và linh hoạt.

Năm 2021 được xác định là năm còn tiếp tục khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 chưa được kiểm soát hoàn toàn. Do đó, HĐQT định hướng hoạt động của HĐQT và hoạt động của Công ty trong năm 2021 như sau:

- HĐQT tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng toàn bộ chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty.
- HĐQT duy trì việc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề mang tính chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.
- Tất cả các thành viên HĐQT đều phải tham gia tích cực vào hoạt động của HĐQT và các tiểu ban thuộc HĐQT để nắm bắt kịp thời các biến động của thị trường cũng như các hoạt động của Công ty.
- Các tiểu ban thuộc HĐQT chủ động, tăng cường các hoạt động; cập nhật, tham mưu và báo cáo cho HĐQT thực trạng các hoạt động của Công ty để đề xuất các giải pháp và phương hướng xử lý kịp thời.
- HĐQT giám sát, thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ thông tin, áp dụng cơ chế lương mới, giám sát chặt chẽ rủi ro.
- HĐQT hỗ trợ, tư vấn và tham mưu cho BTGD trong việc tìm kiếm, tiếp cận và khai thác các nguồn lực từ bên ngoài, từ các đối tác, khách hàng, doanh nghiệp để tăng quy mô vốn, mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng khách hàng và phát triển sản phẩm.
- HĐQT hỗ trợ và tư vấn cho BTGD, Văn phòng HĐQT và các phòng ban liên quan sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS và các văn bản/quy định có liên quan của SHS để làm hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh của SHS được triển khai tuân thủ các quy định của pháp luật.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	THÀNH VIÊN	NHIỆM KỲ	NGÀY BẮT ĐẦU/KẾT THÚC NHIỆM KỲ
1	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban Kiểm soát	Chuyên trách	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017
2	Vũ Đức Trung	Thành viên BKS	Không chuyên trách	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017
3	Lương Thị Lựu	Thành viên BKS	Không chuyên trách	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017

(Thông tin về các thành viên BKS vui lòng xem tại phần Nhân sự chủ chốt).

► CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

TT	PHIÊN HỌP	NỘI DUNG HỌP	SỐ THÀNH VIÊN THAM DỰ	TỶ LỆ
1	Phiên họp thường kỳ quý 1/2020 (04/02/2020)	Phân công công việc cho các thành viên BKS. Kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh quý 4/2019 và tổng hợp tình hình hoạt động kinh doanh năm 2019. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2020. Lập báo cáo của BKS để trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.	3/3	100%
2	Phiên họp thường kỳ quý 2/2020 (31/5/2020)	Đánh giá hoạt động của BKS quý 1/2020 và triển khai hoạt động quý 2/2020. Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ và năm 2020 trên cơ sở đó đề xuất HĐQT phê duyệt.	3/3	100%
3	Phiên họp thường kỳ quý 3/2020 (05/08/2020)	Đánh giá hoạt động của BKS trong 6 tháng đầu năm 2020 và triển khai kế hoạch hoạt động quý 3/2020. Thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2020. Tham dự các cuộc họp sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty, tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp của HĐQT.	3/3	100%
4	Phiên họp thường kỳ quý 4/2020 (05/10/2020)	Đánh giá hoạt động của BKS trong 9 tháng đầu năm 2020 và triển khai kế hoạch hoạt động quý 4/2020. Thực hiện kiểm tra tình hình kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty trong quý 3/2020 và 9 tháng đầu năm thông qua việc kiểm tra trực tiếp hoặc thông qua các báo cáo của kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ. Xem xét việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT trong năm 2020 và đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty.	3/3	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

TT	HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT	NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT	ĐÁNH GIÁ CỦA BKS VỀ HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC GIÁM SÁT
1	Giám sát HĐQT, BTGD và các cán bộ quản lý trong công tác quản lý, điều hành Công ty.	BKS đã giám sát việc quản lý Công ty của HĐQT thông qua việc tham gia một số cuộc họp định kỳ của HĐQT, kiểm tra kết quả các đợt lấy ý kiến thành viên HĐQT về các vấn đề quan trọng của Công ty cũng như các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định đã ban hành của HĐQT...	- HĐQT đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty trong công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của BTGD. - HĐQT đã tiến hành các cuộc họp, ban hành các Nghị quyết, Quyết định, phê duyệt các Tờ trình phù hợp, kịp thời, ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.
2	Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.	BKS đã thực hiện giám sát việc tuân thủ pháp luật và chấp hành Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BTGD, KTT đảm bảo HĐQT, BTGD, KTT của Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình hoạt động. BKS cũng giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết số 01-2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2020 của ĐHĐCĐ thường niên. BKS đã tham gia kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và đưa ra các ý kiến đóng góp trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. BKS cũng đã giám sát chặt chẽ việc thực hiện công bố thông tin đối với nghĩa vụ công ty niêm yết, công ty chứng khoán, cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan.	- BTGD đã đoàn kết, chủ động, sáng tạo, quyết đoán và linh hoạt trong công tác điều hành, đã nắm bắt tốt các cơ hội kinh doanh, đã nỗ lực thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ thường niên 2020 đã thông qua. - Các cán bộ quản lý đã tận tâm, chuyên nghiệp, nỗ lực nhiều trong công tác quản lý cũng như hoàn thành tốt công việc được giao. - BKS không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường, không tuân thủ pháp luật và các quy định của Công ty trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý của HĐQT, BTGD và các cán bộ quản lý. HĐQT, BTGD, KTT của Công ty đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình hoạt động. Các vấn đề nêu ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đã được HĐQT, BTGD thực hiện đầy đủ, nghiêm túc. Trong năm 2020, tại Công ty không có vi phạm nào nghiêm trọng liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin.
3	Giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật trong công tác kế toán, tài chính, thống kê và lập BCTC.	BKS đã thực hiện việc giám sát thông qua phỏng vấn, rà soát chứng từ, các sổ sách và báo cáo kế toán do BTGD lập và đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến công tác kế toán, tài chính, thống kê và lập BCTC.	Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động kinh doanh và tuân thủ chế độ kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.



4	Giám sát hoạt động Công ty.	BKS đã thực hiện giám sát các hoạt động của Công ty thông qua việc kiểm tra định kỳ, trực tiếp tại Hội sở và các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của Công ty hoặc kiểm tra gián tiếp thông qua các báo cáo của BTGD, Bộ phận kiểm soát nội bộ, Bộ phận Quản trị rủi ro và Bộ phận kiểm toán nội bộ. Trên cơ sở đó, BKS cũng đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động kinh doanh của Công ty.	Trong năm 2020, HĐQT, BTGD cùng toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty đã nỗ lực thực hiện tương đối tốt kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã đề ra. Bên cạnh đó, Công ty đã quản trị tốt rủi ro, không phát sinh thêm nợ xấu, tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, công tác tài chính kế toán và công bố thông tin.
5	Rà soát, kiểm tra và đánh giá tính hiệu năng, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro.	BKS thực hiện việc rà soát, đánh giá tính hiệu năng, hiệu quả của các hệ thống này thông qua việc kiểm tra, kiểm soát định kỳ và bất thường đối với các phòng ban trong Công ty và thông qua việc phỏng vấn, phối hợp hoạt động với Bộ phận Pháp chế, Bộ phận Kiểm soát nội bộ, Bộ phận Quản trị rủi ro và Bộ phận Kiểm toán nội bộ.	Các hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro của Công ty đã đảm bảo hiệu năng, hiệu quả, ngăn ngừa được các gian lận và sai sót trọng yếu, quản trị tốt rủi ro, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
6	Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập và thẩm định BCTC được kiểm toán.	BKS đã làm việc với một số đơn vị Kiểm toán độc lập có uy tín trên thị trường và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành để lựa chọn.	BKS đã lựa chọn được một danh sách ngắn gồm 3 công ty kiểm toán độc lập và đã đề xuất với HĐQT ra quyết định phê duyệt đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên và năm 2020.
		BKS đã tổ chức thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo tài chính năm 2020 đồng thời xem xét Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.	BKS thống nhất số liệu của AASC, xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2020 đã phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
7	Giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty	Trong năm 2020, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và BTGD.	

► ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá về hoạt động của BKS

- Trong phạm vi quyền hạn của mình, BKS đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BTGD và cổ đông

- BKS đã duy trì được mối quan hệ công tác tốt với HĐQT, BTGD trên cơ sở nguyên tắc bảo vệ lợi ích cổ đông, tuân thủ pháp luật và quy định của Công ty.
- Trong năm 2020, BKS đã duy trì tốt các quan hệ với cổ đông và không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào từ cổ đông liên quan đến hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý của HĐQT, BTGD, cán bộ quản lý của Công ty cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

KẾ HOẠCH CÔNG VIỆC

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản trị của HĐQT, BTGD, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính tuân thủ, tính trung thực và cẩn trọng trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý vốn, vật tư, tài sản... của Công ty.
- Xem xét kế hoạch, báo cáo của Công ty về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh, các phương án phát triển, các công tác quản lý về tổ chức, lao động, tiền lương, tiền thưởng, các chế độ khác liên quan đến Công ty và tập thể người lao động trong Công ty.
- Xem xét kết quả kiểm tra, kiểm soát, quản trị rủi ro của Bộ phận Kiểm soát nội bộ, Bộ phận Quản trị rủi ro, Bộ phận Kiểm toán nội bộ và ý kiến phản hồi của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.
- Phối hợp với Văn phòng HĐQT, Bộ phận Pháp chế rà soát lại toàn bộ hệ thống quy trình, quy chế, quy định nội bộ hiện hành của Công ty để nêu ý kiến chỉnh sửa cho phù hợp với các quy định mới của Nhà nước mới ban hành và có hiệu lực từ năm 2021 như: Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019...
- Thực hiện kiểm tra tại Hội sở theo kế hoạch quý, bán niên, năm và kiểm tra các chi nhánh, phòng giao dịch của Công ty theo năm.
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, BTGD và các phòng ban trong Công ty. Phối hợp với HĐQT, BTGD và các phòng ban trong Công ty để tìm hiểu các khó khăn, vướng mắc trong các lĩnh vực hoạt từ đó cùng tháo gỡ, giải quyết.
- Tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn đồng thời tham dự đầy đủ các hội nghị, hội thảo chuyên ngành có liên quan đến công tác kiểm soát.
- Duy trì các cuộc họp định kỳ của BKS để sơ kết công tác quý vừa qua đồng thời đề ra phương hướng hoạt động trong quý tiếp theo.



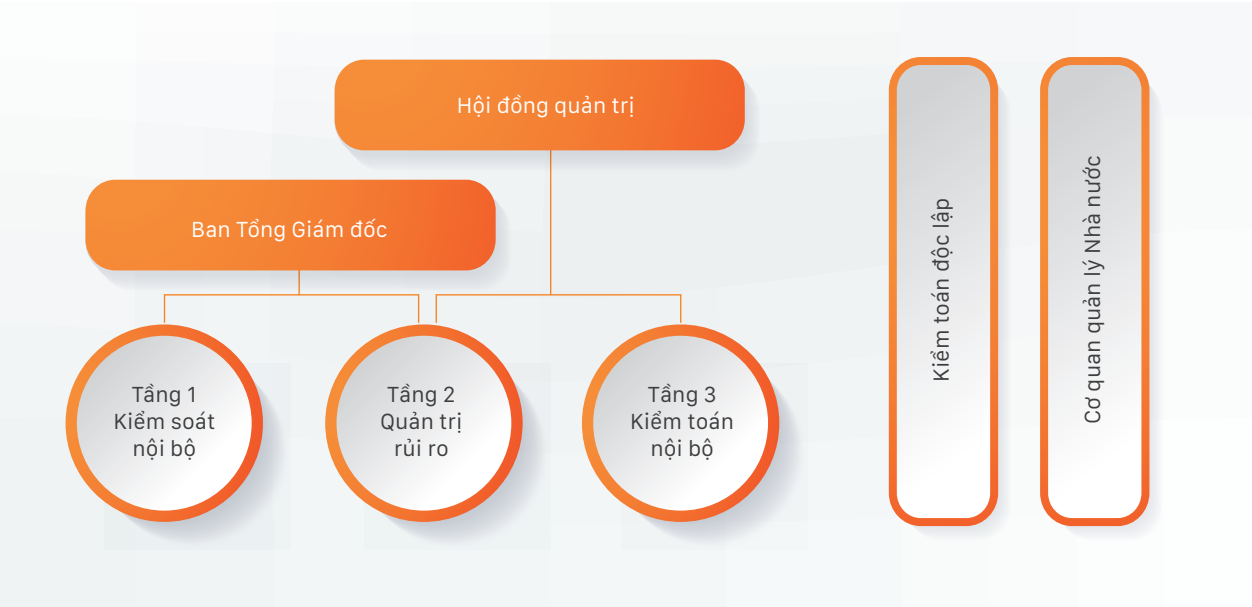
KẾ HOẠCH NHÂN SỰ

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	CÔNG VIỆC PHÂN CÔNG
1	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban Kiểm soát	Phụ trách chung. Kiểm tra, kiểm soát các phòng: Đầu tư, Nguồn vốn, Tài chính kế toán, Kiểm toán nội bộ, Pháp chế và Quản trị rủi ro.
2	Vũ Đức Trung	Thành viên BKS	Kiểm tra, kiểm soát các phòng: Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành, Công nghệ thông tin, Kế hoạch và Phát triển thị trường, Tổ chức hành chính, Ban xử lý nợ.
3	Lương Thị Lựu	Thành viên BKS	Kiểm tra, kiểm soát các phòng: Trung tâm Môi giới, Dịch vụ Tài chính.

KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

MÔI HÌNH "BA TẦNG PHÒNG VỆ"

SHS áp dụng mô hình "Ba tầng phòng vệ" nhằm quản trị tốt các rủi ro; ngăn ngừa, phát hiện kịp thời các sai sót, gian lận; góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.



KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Kiểm soát nội bộ là tuyến phòng thủ thứ nhất của Công ty bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ phận kiểm soát nội bộ.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Hệ thống kiểm soát nội bộ SHS bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty. Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ:

- Hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, an toàn, hiệu quả.
- Bảo đảm quyền lợi của khách hàng.
- Bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực của Công ty.
- Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý đầy đủ, kịp thời, trung thực và hợp lý trong việc lập BCTC của Công ty.

BỘ PHẬN KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Bộ phận Kiểm soát nội bộ SHS độc lập, chuyên trách thuộc Phòng PC&QTRR và trực thuộc BTGD của Công ty. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho TGD. Mục tiêu hoạt động của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và quy định của Công ty đối với các bộ phận và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty.
- Giám sát các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.
- Bảo quản, lưu giữ và tách biệt tài sản của khách hàng.
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
- Nội dung khác theo nhiệm vụ TGD giao.

► HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ NĂM 2020

Đối với hệ thống kiểm soát nội bộ: Trong năm 2020, Công ty tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ; nâng cao năng lực kiểm soát của toàn hệ thống góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Đối với Bộ phận Kiểm soát nội bộ: Bộ phận Kiểm soát nội bộ hoạt động trên cơ sở Kế hoạch kiểm soát hàng năm được TGD phê duyệt bao gồm các kế hoạch kiểm soát thường xuyên và kế hoạch kiểm soát định kỳ.

Trong năm 2020, Bộ phận Kiểm soát nội bộ tập trung vào việc kiểm soát thường xuyên (hàng ngày, hàng tháng) đối với các hoạt động có rủi ro cao. Các hoạt động kiểm soát thường xuyên được chú trọng như: việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và tuân thủ quy trình, quy định nội bộ của Công ty của cán bộ, nhân viên; giám sát các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích chủ yếu trong các hoạt động như môi giới, đầu tư, cho vay; việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên như môi giới, giải chấp, phát vay, thu nợ, cài đặt hệ thống, nhận ủy quyền; việc thực hiện các quy tắc đạo đức nghề nghiệp của nhân viên hành nghề như nhân viên môi giới, nhân viên lưu ký, nhân viên đầu tư, nhân viên tư vấn; việc tuân thủ các hạn mức huy động, cho vay, đầu tư, bảo lãnh phát hành; việc sử dụng tài khoản tổng của Công ty; việc ký kết các hợp đồng như mở đóng tài khoản, cho vay...; việc hoàn thiện văn bản, giấy tờ như hợp đồng, phiếu lệnh; việc lập và trình bày các báo cáo gửi ra bên ngoài...

Đối với các hoạt động kiểm soát định kỳ, Bộ phận Kiểm soát nội bộ chú trọng vào kiểm soát sự bất cập của hệ thống quy trình, quy định nội bộ; hoạt động và hiệu quả hoạt động của các phòng, ban, chi nhánh; việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty.

Thông qua hoạt động kiểm soát thường xuyên và định kỳ, Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã báo cáo kịp thời BTGD về các hạn chế, bất cập trong quy trình, quy định nội bộ, các vấn đề tài chính và hoạt động của Công ty đồng thời phối hợp với các phòng, ban, chi nhánh liên quan hoàn thiện, chỉnh sửa kịp thời các yếu điểm của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã phối hợp với Bộ phận Pháp chế và các phòng ban nghiệp vụ đánh giá ảnh hưởng của các chính sách và quy định mới của Cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giúp Công ty chủ động tuân thủ và áp dụng các thay đổi mới này.

► KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NỘI BỘ NĂM 2021

Đối với hệ thống kiểm soát nội bộ: Tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống đảm bảo tuân thủ các quy định mới của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.

Đối với Bộ phận Kiểm soát nội bộ: Tập trung vào việc đánh giá và kiểm soát tốt các rủi ro của Công ty góp phần ngăn ngừa, phát hiện kịp thời các sai sót, gian lận. Phối hợp chặt chẽ với Ban Dự án đổi mới công nghệ thông tin và các phòng ban trong Công ty trong việc hoàn thiện nâng cấp phần mềm và bổ sung các tính năng mới.

QUẢN TRỊ RỦI RO

► MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro là tuyến phòng thủ thứ hai của Công ty trực thuộc BTGD và HĐQT nhưng có sự phân cấp. Quy trình quản trị rủi ro của SHS tham chiếu theo các tiêu chuẩn quốc tế với 5 bước thực hiện nhằm nhận diện, đo lường, theo dõi, báo cáo và xử lý hiệu quả các loại rủi ro.



Để thực hiện được điều đó, mô hình quản trị rủi ro tại SHS được xây dựng theo 3 cấp nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng xây dựng chiến lược, thực thi chiến lược và giám sát thực hiện chiến lược quản trị rủi ro.



► NHẬN DIỆN CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU CỦA CÔNG TY

SHS tập trung nhận diện và xử lý 6 loại rủi ro trọng yếu gồm: rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thương hiệu.

RỦI RO PHÁP LÝ

Nhận diện: Rủi ro pháp lý là loại rủi ro phát sinh do Công ty không tuân thủ, tuân thủ không đầy đủ, không đúng các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động; Công ty hoạt động và cung cấp sản phẩm, dịch vụ khi chưa có quy định của pháp luật; Công ty ký kết hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá thẩm quyền, thiếu sót các điều khoản quan trọng; Tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến các Hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký kết với khách hàng, đối tác, người lao động...

Phương pháp xác định: Rủi ro pháp lý được xác định trong quá trình Bộ phận Pháp chế phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát các quy định pháp lý hiện hành và mới ban hành với thực tế áp dụng tại Công ty.

Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty đã thành lập bộ phận Pháp chế để tư vấn pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, chi nhánh trong Công ty; tham gia xây dựng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty; soạn thảo, soát xét hầu hết các thỏa thuận, Hợp đồng, văn bản, giấy tờ của Công ty; cập nhật, phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách pháp luật cho toàn Công ty... Cán bộ, nhân viên pháp chế thường xuyên được yêu cầu tham gia các hội thảo về pháp lý và góp ý kiến đầy đủ về các dự thảo văn bản pháp luật khi được yêu cầu. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm pháp lý cho Ban lãnh đạo và phụ trách các phòng ban trên cơ sở tăng cường trao đổi, đào tạo, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm pháp lý với bộ phận Pháp chế và các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến hoạt động pháp chế.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Nhận diện: Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống của hệ thống công nghệ thông tin; do quy trình nghiệp vụ và thủ tục không đầy đủ, không cập nhật, không phù hợp; do lỗi của con người thực hiện không đúng hoặc cố tình làm sai; do kiểm soát tài chính và báo cáo trộm chễ, có sai sót; do thiếu vốn kinh doanh và do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài khác.

Phương pháp xác định: Rủi ro hoạt động được xác định trong quá trình Bộ phận Pháp chế, Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Bộ phận Quản trị rủi ro phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát quy trình, quy chế nội bộ và thực tế hoạt động của Công ty; trong quá trình Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Ban Kiểm soát đánh giá độc lập hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.

Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và thành lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, Công ty áp dụng các hoạt động để thực hiện giảm thiểu rủi ro này như: ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và giám sát việc tuân thủ bộ quy tắc này; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định nội bộ; tăng cường tự động hóa trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ, hạn chế tối đa thao tác thủ công; nâng cấp các phần mềm bảo mật, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, liên tục với đối tác cung cấp phần mềm để đảm bảo tính ổn định, bảo mật của hệ thống phần mềm giao dịch; xây dựng hạn mức phê duyệt; phân công, phân nhiệm rõ ràng; tăng cường cơ chế kiểm tra chéo, giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận, cá nhân; tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy chế, quy trình, quy định nội bộ; xây dựng cơ chế dự phòng để đối phó với các rủi ro phát sinh.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Nhận diện: Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh trong các hoạt động đầu tư, gửi tiền, cho vay... của Công ty mà nguyên nhân là do giảm giá trị các khoản đầu tư của Công ty, giảm lãi suất tiền gửi và giảm giá trị tài sản đảm bảo của Khách hàng đối với các khoản cho vay từ đó gây nên những ảnh hưởng bất lợi cho Công ty.

Phương pháp xác định: Rủi ro thị trường được xác định bằng cách theo dõi và phân tích thường xuyên trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Bộ phận Quản trị rủi ro và các phòng nghiệp vụ liên quan như Đầu tư, Dịch vụ tài chính, Nguồn vốn.

Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để ngăn ngừa, phát hiện các rủi ro thị trường như:

- Đối với hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và chưa niêm yết, Phòng Đầu tư được yêu cầu thực hiện tốt công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và giá chứng khoán, áp dụng các công cụ đánh giá rủi ro... để thực hiện vào, ra kịp thời.
- Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ tài chính khác, Phòng Nguồn vốn có trách nhiệm theo dõi sát sao biến động mặt bằng lãi suất trên thị trường để ra quyết định mua, bán nhanh chóng, kịp thời.
- Đối với hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng, Phòng Nguồn vốn có trách nhiệm cập nhật mặt bằng lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng hằng ngày, cân đối nguồn vốn toàn Công ty một cách hợp lý, đa dạng hóa các ngân hàng và các kỳ hạn tiền gửi nhằm đảm bảo tối đa hóa lợi ích của SHS.
- Đối với hoạt động cho vay, Phòng Phân tích và Phòng Dịch vụ tài chính có trách nhiệm cập nhật mặt bằng lãi suất cho vay của các công ty chứng khoán; phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và giá chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của khách hàng; xây dựng và tuân quy định về bán giải chấp chứng khoán.

RỦI RO TÍN DỤNG

Nhận diện: Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh khi khách hàng, ngân hàng, đối tác không thanh toán, thanh toán không đầy đủ, không kịp thời cho SHS các khoản tiền cho vay, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư công cụ nợ dưới dạng trái phiếu...

Phương pháp xác định: Rủi ro tín dụng được xác định theo từng khách hàng, đối tác và khoản nợ trong quá trình các phòng ban nghiệp vụ như Dịch vụ tài chính, Nguồn vốn... phối hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ và Pháp chế theo dõi, quản lý và đánh giá khách hàng, đối tác, khoản nợ.

Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để ngăn ngừa, phát hiện rủi ro tín dụng như:

- Đối với hoạt động cho vay, Công ty thực hiện phân loại khách hàng; xây dựng hạn mức cho vay, áp dụng chính sách tín dụng phù hợp với độ tín nhiệm, khả năng thanh toán và tài sản ký quỹ của khách hàng; xây dựng danh mục chứng khoán cho vay và tỷ lệ cho vay, tỷ lệ duy trì, tỷ lệ giải chấp phù hợp với quy định pháp luật và quy định Công ty; bán giải chấp, gọi bổ sung tài sản đảm bảo và thu hồi nợ kịp thời.
- Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, Công ty thực hiện tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tờ trình được HĐQT phê duyệt; đánh giá cẩn thận mức độ tín nhiệm, khả năng thanh toán, tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành; xây dựng chính sách cụ thể để xử lý tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành trong trường hợp phải đối diện với rủi ro không có khả năng thanh toán.
- Đối với hoạt động gửi tiền, Công ty thực hiện tuân thủ hạn mức tiền gửi hàng năm được HĐQT phê duyệt; lựa chọn gửi tiền tại các tổ chức tín dụng được các tổ chức xếp hạng đánh giá có độ tín nhiệm cao; đa dạng kỳ hạn gửi và ngân hàng gửi.

**RỦI RO THANH KHOẢN**

Nhận diện: Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi kịp thời các loại tài sản thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Rủi ro này phát sinh khi Công ty không cân đối được dòng vốn đầu vào và dòng vốn đầu ra của Công ty.

Phương pháp xác định: Rủi ro thanh khoản được xác định bằng cách theo dõi và phân tích thường xuyên trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Bộ phận Quản trị rủi ro và các phòng nghiệp vụ liên quan như Nguồn vốn, Kế toán tài chính.

Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty thực hiện mở rộng hình thức và quy mô vốn huy động như sáp nhập, tăng vốn, phát hành trái phiếu doanh nghiệp; mở rộng số lượng tổ chức tín dụng cho Công ty vay vốn kinh doanh; tăng cường hợp tác với các tổ chức tín dụng để cho khách hàng vay tiền đầu tư chứng khoán nhằm giảm áp lực lên việc sử dụng vốn tự có để cho vay; cân đối hợp lý kỳ hạn các khoản đi vay và cho vay; phân bổ hợp lý nguồn vốn cho các hoạt động; tận dụng tiền gửi nhận rồi để tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn cũng như góp phần ổn định thanh khoản.

RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Nhận diện: Rủi ro thương hiệu là những tổn thất, thiệt hại về hình ảnh, thương hiệu của Công ty do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng, đối tác về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty cũng như ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty.

Phương pháp xác định: Rủi ro thương hiệu thường đi theo sau các rủi ro khác như rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động... Công ty xác định các rủi ro này bằng cách phân tích ngay các ảnh hưởng, tác động của các rủi ro liên quan (nếu có) đến hình ảnh, thương hiệu của Công ty.

Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động; không ngừng xây dựng mối quan hệ tốt với cổ đông, khách hàng, đối tác; truyền thông nội bộ và ra bên ngoài hiệu quả thông qua việc đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông mang tính chủ động, nhất quán, duy trì tần suất xuất hiện trên các phương tiện truyền thông; đẩy mạnh thông tin chính thống bằng tiếng Anh đều đặn nhằm tăng cường thông tin cho các nhà đầu tư và đối tác quốc tế; cử cán bộ chuyên trách phụ trách công tác truyền thông, công tác báo cáo & công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch; chủ động lập các kế hoạch dự phòng để quản trị rủi ro thương hiệu.

Công ty sẽ tập trung vào việc chuẩn hóa công tác quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo cho Công ty phát triển an toàn, hiệu quả.

► HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2020

Theo kế hoạch, trong năm 2020, Công ty sẽ tập trung vào việc chuẩn hóa công tác quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo cho Công ty phát triển an toàn, hiệu quả. Đặc biệt, Công ty chú trọng vào việc xây dựng các công cụ đo lường, theo dõi rủi ro một cách tự động tuy nhiên do những hạn chế của phần mềm hiện tại nên công tác này chưa đạt được kết quả như mong muốn.

► KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2021

Trong bối cảnh bùng nổ công nghệ thông tin đang diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, đặc biệt là công nghệ eKYC, AI, Blockchain... và kế hoạch phải hoàn thành nâng cấp phần mềm lõi chứng khoán cũng như bổ sung các tính năng mới cho hệ thống trong năm 2021, Bộ phận Quản trị rủi ro đặt kế hoạch phối hợp hiệu quả với Ban Dự án đổi mới công nghệ thông tin và các phòng ban liên quan trong Công ty để hoàn thành việc nâng cấp phần mềm và bổ sung các tính năng mới của hệ thống; xây dựng các công cụ quản trị rủi ro tự động trên hệ thống; xây dựng các quy trình quản trị rủi ro cũng như phối hợp với các phòng xây dựng các quy trình nghiệp vụ đầy đủ, kịp thời, hiệu quả.

CÁC RỦI RO KHÁC

Bên cạnh 6 loại rủi ro trọng yếu nêu trên, một số rủi ro khác cũng được Công ty xem xét, đánh giá trong quá trình hoạt động như rủi ro của môi trường kinh doanh, rủi ro chiến lược, rủi ro cạnh tranh... Cụ thể:

- **Đối với rủi ro của môi trường kinh doanh:** SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính nên các yếu tố của môi trường kinh doanh như chính trị, kinh tế, văn hóa... đều ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của SHS. Do đó, Công ty thường xuyên cập nhật những thay đổi của môi trường kinh doanh và đánh giá các tác động của nó đến mọi mặt hoạt động của Công ty mỗi khi các yếu tố của môi trường kinh doanh thay đổi.
- **Đối với rủi ro chiến lược:** SHS đánh giá việc không có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả hoặc thực hiện không đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra là rủi ro chiến lược của Công ty. Theo đó, hằng năm và định kỳ, Công ty tập trung nguồn lực xây dựng chiến lược phù hợp, hiệu quả; thường xuyên rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.
- **Đối với rủi ro cạnh tranh:** SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính có môi trường kinh doanh thay đổi liên tục nên thường xuyên phải đối mặt với rủi ro cạnh tranh. Đó là rủi ro không giữ vững vị trí và thị phần... Để kiểm soát hiệu quả rủi ro này, SHS tập trung nguồn lực tổng hợp thông tin, nhận định diễn biến tình hình chính trị, kinh tế, thị trường chứng khoán và đối thủ cạnh tranh ảnh hưởng đến hoạt động Công ty; xây dựng chiến lược kinh doanh hằng năm một cách khả thi, hiệu quả; kiên trì thực hiện chiến lược đã đề ra; ứng biến linh hoạt theo diễn biến phát triển của thị trường và đối thủ cạnh tranh...



KIỂM TOÁN NỘI BỘ

► BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT và có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho HĐQT. Đây là tuyến phòng thủ thứ ba của Công ty có mục tiêu:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ của các chính sách pháp luật, Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ.
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ.
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc BTGD.
- Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh.
- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động.
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty.
- Thực hiện các kiểm toán nội bộ Công ty.

► HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2020

Bộ phận Kiểm toán nội bộ hoạt động trên cơ sở Kế hoạch kiểm toán nội bộ được HĐQT phê duyệt hàng năm. Nội dung kiểm toán hàng năm theo chương trình kiểm toán đã được Bộ phận Kiểm toán nội bộ xây dựng định hướng theo rủi ro. Quy trình kiểm toán nội bộ như sau:



Trong năm 2020, Bộ phận kiểm toán nội bộ đã thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở Tờ trình được HĐQT phê duyệt bao gồm các kế hoạch kiểm toán định kỳ và kế hoạch kiểm toán bất thường theo chuyên đề. Quá trình kiểm toán nội bộ năm 2020 đã phát hiện một số vấn đề trọng yếu liên quan đến các hoạt động như đầu tư, tín dụng và việc tuân thủ chế độ kế toán tài chính của Công ty. Tuy nhiên, sau khi có ý kiến của Bộ phận kiểm toán nội bộ, BTGD và các phòng ban liên quan đã thực hiện điều chỉnh, hoàn thiện theo ý kiến của Bộ phận kiểm toán nội bộ.

► KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2021

Bên cạnh việc tuân thủ kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được HĐQT phê duyệt thì trọng tâm trong kế hoạch hoạt động năm tới của bộ phận là xem xét, đánh giá hiệu quả hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ nhằm tìm giải pháp hoàn thiện và nâng cao năng lực hoạt động, đóng góp tích cực hơn nữa vào hoạt động quản trị, điều hành của Công ty, đặc biệt là nâng cao năng lực hoạt động và kiểm soát của hệ thống phần mềm, hướng tới phát triển an toàn, bền vững của Công ty.

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO

► NGUYÊN TẮC CHI TRẢ

ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Nguyên tắc chi trả thù lao cho Thành viên HĐQT, BKS của Công ty như sau:

- Điều lệ Công ty quy định về nguyên tắc việc trích quỹ thù lao và việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty phê chuẩn Tờ trình số 03-2020/TTr-HĐQT của HĐQT về quỹ thù lao HĐQT, BKS trong năm 2020.

Theo đó, Quỹ thù lao dành cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2020 của Công ty là 1,5% lợi nhuận sau thuế nhưng không thấp hơn 4,6 tỷ đồng. Mức phân bổ chi tiết cho từng thành viên HĐQT, BKS sẽ do

HĐQT quyết định phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty.

ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Việc chi trả tiền lương cho các thành viên BTGD tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế tiền lương và Hợp đồng lao động. Ngoài ra, HĐQT sẽ quyết định các khoản tiền thưởng cho các thành viên BTGD căn cứ theo kết quả kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty.

ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Các cán bộ quản lý do HĐQT bổ nhiệm được chi trả lương theo Quy chế tiền lương của Công ty và Hợp đồng lao động. Ngoài ra, BTGD sẽ quyết định các khoản tiền thưởng cho cán bộ quản lý căn cứ vào kết quả kinh doanh và việc đánh giá hiệu quả làm việc trong năm.

► LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020

THU, CHI QUỸ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

(Đối với 5 thành viên HĐQT và 3 thành viên BKS)

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
1	Số dư quỹ thù lao tại 01/01/2020	-
2	Trích lập quỹ năm 2020 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020	4.102.895.503
3	Chi quỹ thù lao năm 2020 (*)	4.102.895.503
4	Số dư quỹ thù lao đến 31/12/2020	-

(*) Trong đó: Chi thù lao: 3.276.895.509 đồng
Chi thưởng: 825.999.994 đồng

Chi tiết chi trả như sau:

STT	CHỨC DANH	CHỨC DANH	THÙ LAO	THƯỞNG
I	THÀNH VIÊN HĐQT			
1	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch HĐQT	v	v
2	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	v	v
3	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT	v	v
4	Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	v	v
5	Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT (02/01/2020-31/12/2020)	v	v

II	THÀNH VIÊN BKS			
1	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	v	v
2	Vũ Đức Trung	Thành viên	v	v
3	Lương Thị Lựu	Thành viên	v	v

LƯƠNG, THƯỜNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đối với 5 thành viên BTGD và bao gồm lương, thưởng kiêm nhiệm)

Tổng chi: 9.531.495.696 đồng
Trong đó: Chi lương: 5.794.130.000 đồng
Chi thưởng theo KQKD: 3.737.365.696 đồng

Chi tiết chi trả như sau:

STT	CHỨC DANH	CHỨC DANH	LƯƠNG	THƯỜNG
1	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc	v	v
2	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	v	v
3	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc	v	v
4	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM Trưởng VPĐD Hải Phòng	v	v
5	Trần Phước Hạ Nhi	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	v	v

LƯƠNG, THƯỜNG CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ

(Đối với 30 cán bộ quản lý và bao gồm lương, thưởng kiêm nhiệm)

Tổng chi: 31.799.054.419 đồng
Trong đó: Chi lương: 16.254.938.421 đồng
Chi thưởng theo kết quả kinh doanh: 15.544.115.998 đồng

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

Bên cạnh nhận thù lao, lương, thưởng, các thành viên HĐQT, BKS, BTGD và các cán bộ quản lý của Công ty còn được hưởng các khoản lợi ích khác trong năm 2020 như sau:

- Chế độ ăn ca
- Chế độ nghỉ phép
- Chế độ bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN)
- Chế độ bảo hiểm tự nguyện (bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe hàng năm)
- Chế độ khám sức khỏe định kỳ
- Chế độ xăng xe, điện thoại, công tác phí.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Là công ty chứng khoán niêm yết trên sàn HNX, SHS luôn nỗ lực cố gắng tuân thủ các quy định pháp lý hiện hành của Việt Nam về quản trị công ty, đồng thời hướng tới việc tuân thủ các thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty.

Theo đó, trong năm 2020, về cơ bản, Công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành về quản trị Công ty quy định tại: Luật Doanh nghiệp 2014; Luật Chứng khoán 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán 2010; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Thông tư số 210/2012/TT-BTC hướng dẫn về thành lập, hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 210/2012/TT-BTC; Thông tư số 155/2015/TT-BTC về công bố thông tin... Đồng thời, SHS cũng tiếp tục tự đánh giá hoạt động quản trị nội bộ của Công ty theo Quyết định số 617/QĐ-UBCK hướng dẫn xếp loại công ty chứng khoán và Bộ nguyên tắc quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty đại chúng mới được ban hành tháng 8/2019 (*Chi tiết kết quả đánh giá vui lòng xem tại mục “Phụ lục Đánh giá quản trị, tài chính Công ty”*).

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2020

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành được kế hoạch đặt ra như tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật hiện hành nhằm tuân thủ các quy định có liên quan và nâng cao quản trị nội bộ của Công ty. Đặc biệt tập trung phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các văn bản pháp lý mới liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và công ty chứng khoán như Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán, Quy định về quản trị công ty, Quy định về công bố thông tin... Ngoài ra, Công ty đã bổ nhiệm chức danh Người quản trị Công ty theo đúng quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, cử các nhân sự có liên quan tham gia các khoản đào tạo của Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD), tăng cường giám sát đảm bảo trách nhiệm báo cáo về các lợi ích của người nội bộ và người có liên quan; trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về các giao dịch của Công ty với người có liên quan cũng như việc phê chuẩn các giao dịch cần phải được thông qua bởi ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tuy vậy, một số nội dung trong kế hoạch 2020 Công ty vẫn chưa thực hiện được như nâng tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập lên mức tối thiểu là 1/3; thành viên HĐQT phụ trách Tiểu ban nhân sự, lương thưởng là thành viên độc lập; mỗi thành viên HĐQT của Công ty không đồng thời là thành viên HĐQT của quá 5 công ty khác.

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021

2021 là năm chứng kiến nhiều sự thay đổi liên quan đến quản trị công ty đại chúng như Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Thông tư 121/2020/TT-BTC quy định về tổ chức, hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin... Do đó, trọng tâm trong kế hoạch hoạt động năm 2021 của SHS là tiếp tục hoàn thiện các mục tiêu, kế hoạch về quản trị công ty năm 2020 chưa hoàn thành; tập trung rà soát những thay đổi của quy định pháp lý hiện hành; chỉnh sửa các văn bản nội bộ phù hợp với các quy định pháp lý mới; phân tích, đánh giá xu hướng phát triển của thị trường cũng như các ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SHS đồng thời quản trị tốt các rủi ro, nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHIẾU SHS

Mã cổ phiếu: SHS

Sàn niêm yết: HNX

THÔNG TIN TRONG NĂM 2020

Giá thấp nhất: 4.920 đồng/cp

Giá cao nhất: 25.400 đồng/cp

Tổng khối lượng giao dịch năm: 707.470.398 (cp)

Tổng giá trị giao dịch năm: 8.747,5 tỷ đồng

EPS: 3.649 (đồng/cp)

P/B: 1,6

P/E: 6,9

THÔNG TIN TẠI NGÀY 31/12/2020

Số lượng cổ phiếu phát hành: 207.268.201

Số lượng cổ phiếu phổ thông: 207.268.201

Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 207.268.201

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 207.268.201

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

Số lượng cổ phiếu niêm yết: 207.268.201

Thay đổi vốn điều lệ: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Giá thị trường: 25.000 đồng/cổ phiếu

Giá trị vốn hóa thị trường: 5.181,71 tỷ đồng

BV: 15.563 (đồng)

THÔNG TIN KHÁC:

Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền tỷ lệ 12%:

- Ngày đăng ký cuối cùng 23/07/2020
- Ngày thanh toán: 12/08/2020
- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:
- Ngày đăng ký cuối cùng: 20/05/2020
- Ngày tổ chức: 24/06/2020

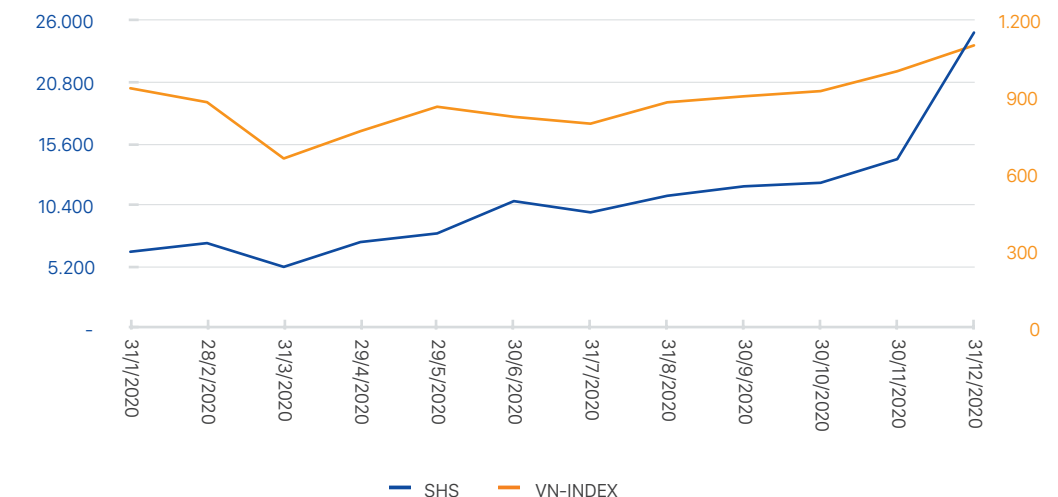
BIẾN ĐỘNG CỔ PHIẾU SHS NĂM 2020

	VN-Index	HNX-Index	SHS
Giá đầu năm	936,6	102,4	6.470
Giá cuối năm	1.103,9	203,1	25.000
Giá thấp nhất	659,2	92,6	5.100
Giá cao nhất	1.103,9	203,1	25.000
Biến động giá cuối năm so với đầu năm	17,9%	98,4%	286,4%
Biến động giá cao nhất so với thấp nhất	67,5%	119,3%	390,2%
Khối lượng giao dịch đầu năm	210.630.208	47.522.560	435.525
Khối lượng giao dịch cuối năm	501.148.800	100.208.096	8.105.097
Khối lượng giao dịch thấp nhất	102.398.800	18.831.410	131.600
Khối lượng giao dịch cao nhất	742.856.128	145.162.592	9.563.600
Biến động khối lượng giao dịch cuối năm so với đầu năm	137,9%	110,9%	1.761,0%
Biến động khối lượng giao dịch cao nhất so với thấp nhất	625,5%	670,9%	7.167,2%

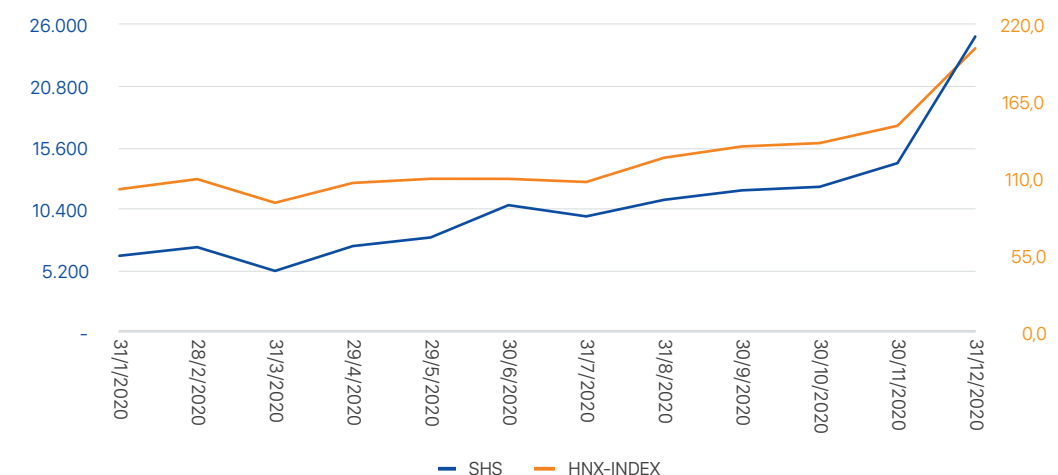
So sánh biến động giá và khối lượng giao dịch của cổ phiếu SHS với các chỉ số VN-Index và HNX-Index trong năm 2020 cho thấy, giá cổ phiếu SHS tại thời điểm cuối năm so với đầu năm hay tại mức giá cao nhất so với mức giá thấp nhất đều có sự biến động vượt trội so với 2 chỉ số trên. Hơn nữa, mức giá cao

nhất SHS đạt được trong năm cũng chính là giá đóng cửa của SHS trong năm 2020 và bằng 25.000 đồng/cổ phiếu. Mức giá này cao gấp đôi so với giá trị sổ sách của SHS. Điều đó cho thấy mức độ rất hấp dẫn của cổ phiếu SHS đối với nhà đầu tư trong năm 2020.

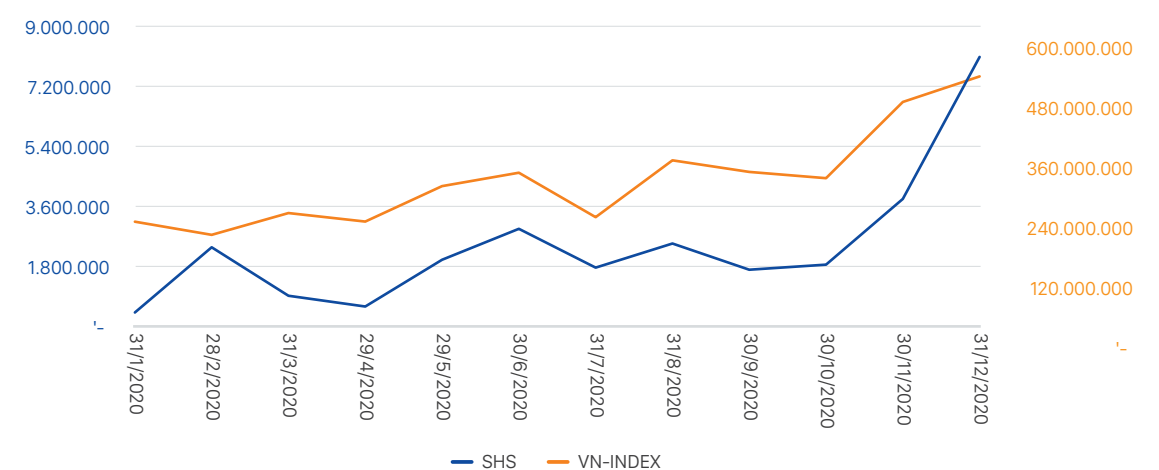
BIẾN ĐỘNG GIÁ ĐÓNG CỬA CỔ PHIẾU SHS SO VỚI VN-INDEX TỪ 01/01/2020 ĐẾN 31/12/2020



BIẾN ĐỘNG GIÁ ĐÓNG CỬA CỔ PHIẾU SHS SO VỚI HNX-INDEX TỪ 01/01/2020 ĐẾN 31/12/2020

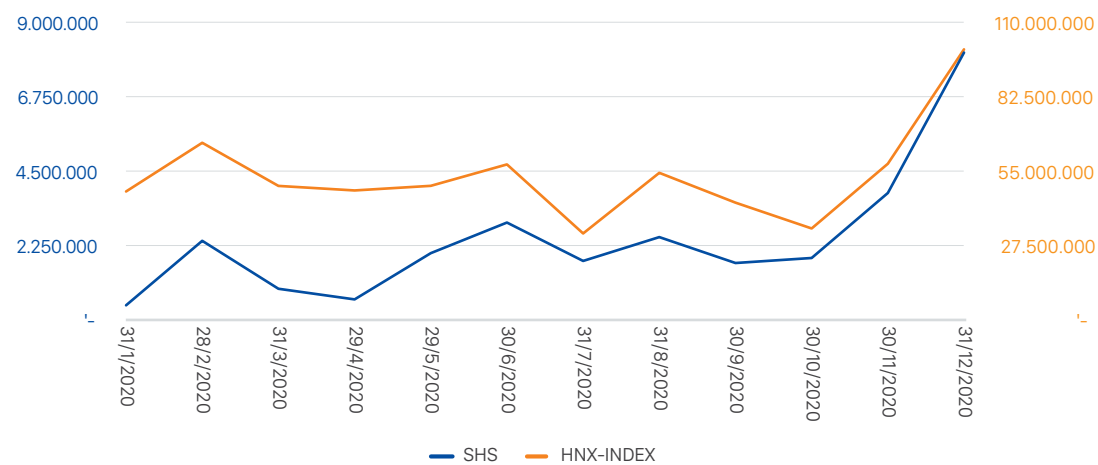


BIẾN ĐỘNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SHS SO VỚI VN-INDEX TỪ 01/01/2020 ĐẾN 31/12/2020

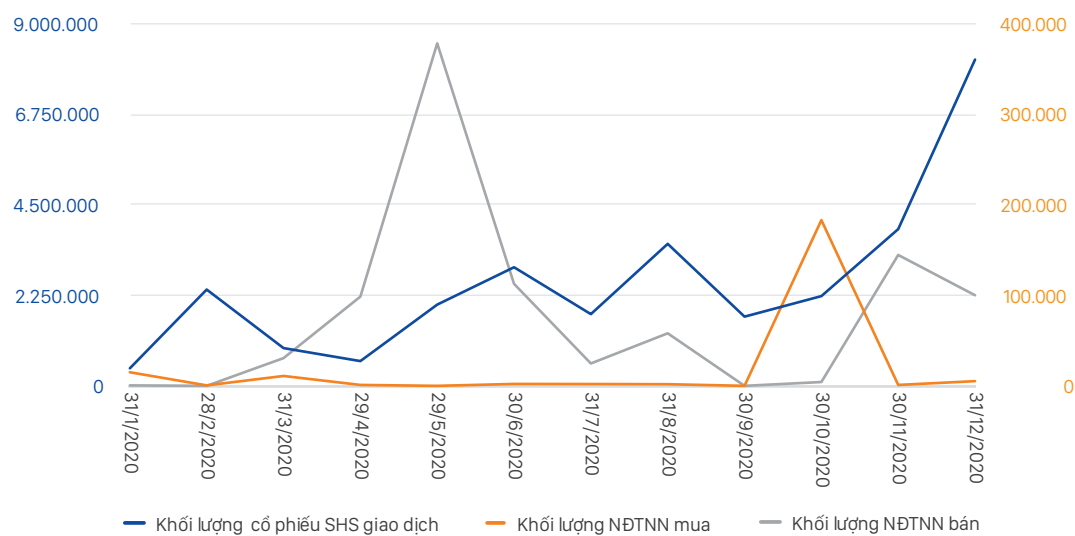




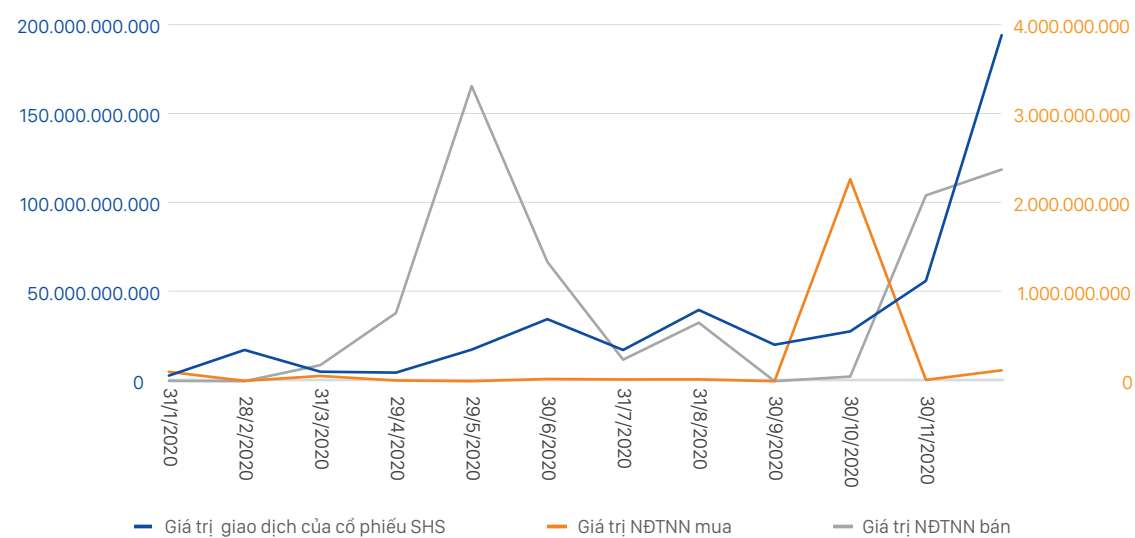
**BIẾN ĐỘNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SHS SO VỚI HNX-INDEX
TỪ 01/01/2020 ĐẾN 31/12/2020**



**BIẾN ĐỘNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CỦA CỔ PHIẾU SHS VÀ NĐTNN CỦA CỔ PHIẾU SHS
TỪ 01/01/2020 ĐẾN 31/12/2020**

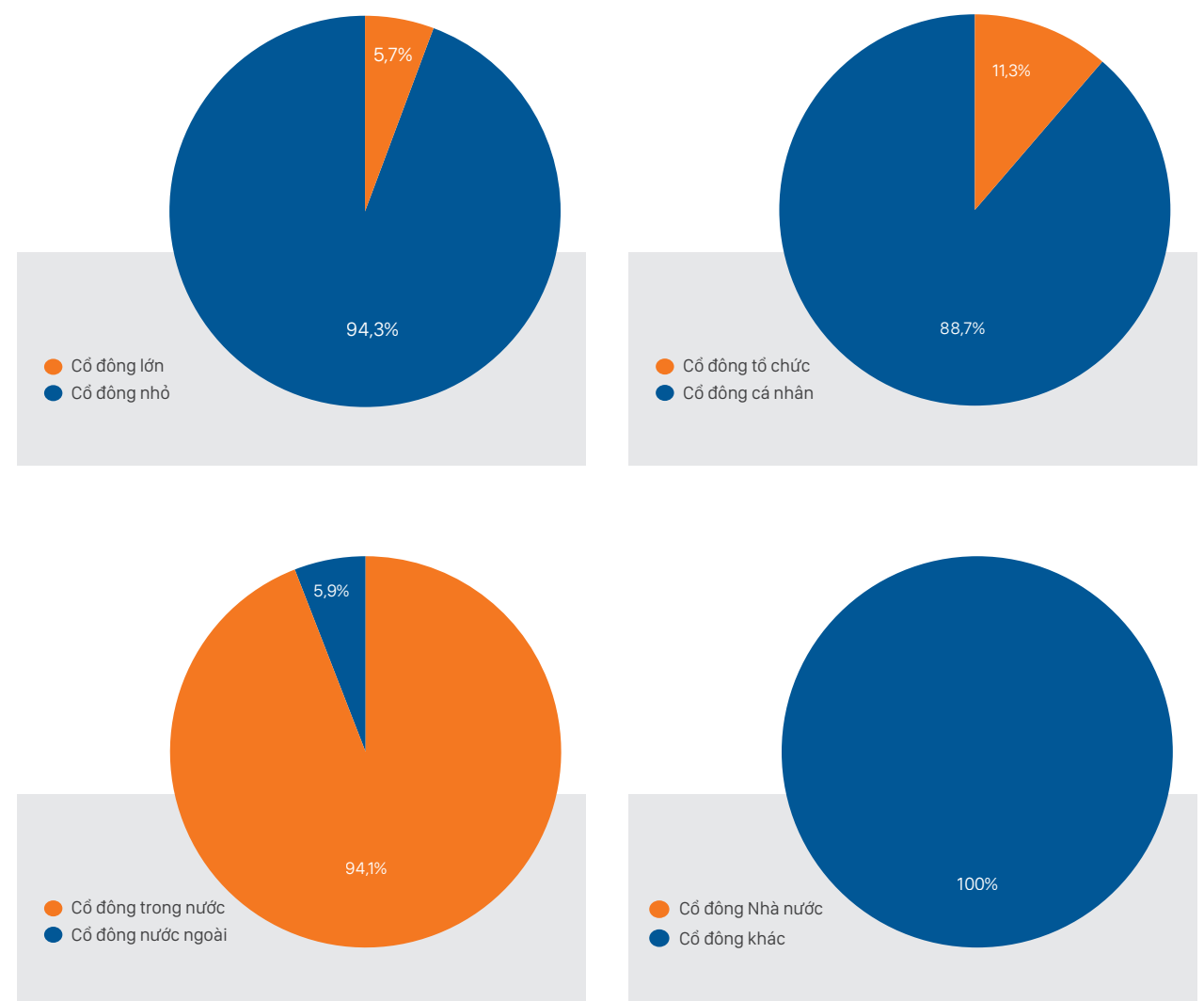


**BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CỦA CỔ PHIẾU SHS VÀ NĐTNN CỦA CỔ PHIẾU SHS
TỪ 01/01/2020 ĐẾN 31/12/2020**



(Nguồn: SHS Research)

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG SHS THEO TỶ LỆ SỞ HỮU
TẠI NGÀY 31/12/2020**



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SHS CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

Không có.

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG LỚN

Trong năm 2020, SHS không ký Hợp đồng, giao dịch với cổ đông lớn trừ Hợp đồng, giao dịch với Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Đây là Công ty vừa là cổ đông lớn và vừa là tổ chức có liên quan của SHS (Xin vui lòng xem Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán).

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SHS CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ TỔ CHỨC/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Tại ngày 01/01/2020					Thay đổi trong năm		Tại ngày 31/12/2020	
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG (CP)	TỶ LỆ	TĂNG	GIẢM	SỐ LƯỢNG (CP)	TỶ LỆ
A NGƯỜI NỘI BỘ								
I THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2017-2022								
1	Vũ Đức Tiến	Thành viên	152.150	0,07%	4.492.100	-	4.644.250	2,24%
II THÀNH VIÊN BKS NHIỆM KỲ 2017-2022								
	Không có							
III THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG								
1	Vũ Đức Tiến	TGD	152.150	0,07%	4.492.100	-	4.644.250	2,24%
IV BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ								
	Không có							
V THƯ KÝ CÔNG TY/NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY								
	Không có							
VI NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN								
	Không có							

CỦA TỔ CHỨC/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Không có.

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ TỔ CHỨC/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Xin vui lòng xem Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán)



QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

► BỘ PHẬN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Bộ phận quan hệ cổ đông trực thuộc HĐQT.

Dưới đây là thông tin về Người phụ trách bộ phận quan hệ cổ đông của Công ty:



Bà Doãn Thị Như Quỳnh

Học vấn: Cử nhân Đại học Ngoại giao
 Kinh nghiệm làm việc: 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.
 Chức vụ tại SHS: Phó Chánh văn phòng phụ trách Văn phòng HĐQT/Thư ký Công ty/Người phụ trách quan hệ cổ đông/ Người phụ trách quản trị công ty
 Điện thoại liên hệ: 024.38.181.888 (312)
 Email: quynh.dtn@shs.com.vn

► HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NĂM 2020

Trong năm 2020, bộ phận quan hệ cổ đông của Công ty đã làm tốt vai trò của mình trong việc thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông như:

- Quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên.
- Quyền nhận cổ tức và tự do chuyển nhượng cổ phần.
- Quyền được cập nhật thông tin về hoạt động của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Quyền được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.
- Quyền được xem xét, tra cứu, trích lục Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; quyền được sửa đổi thông tin không chính xác.
- Quyền được đính chính sổ cổ đông, quyền được cấp lại sổ cổ đông khi bị mất, quyền được khiếu nại...

Bộ phận quan hệ cổ đông đã truyền đạt những mong muốn, nguyện vọng của cổ đông tới các thành viên HĐQT, BKS cũng như sắp xếp các lịch hẹn giữa cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng với BTGD của Công ty.

Công ty cũng đã thực hiện các hoạt động nhằm đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông như mọi cổ đông đều được mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên của Công ty, có quyền biểu quyết không phân biệt là cổ đông trong nước hay nước ngoài, cá nhân hay tổ chức, sở hữu nhiều hay ít cổ phiếu, giới tính nam hay nữ.... Cổ đông không thể tham dự có thể ủy quyền cho người khác một cách dễ dàng. Quy trình, thủ tục tổ chức ĐHĐCĐ cũng như quy chế bầu cử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ được công khai và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại ĐHĐCĐ, các câu hỏi được các nhà đầu tư nêu lên đều được Công ty trả lời đầy đủ, rõ ràng, minh bạch. Phiên dịch và đại diện công ty kiểm toán độc lập đều được mời đến để hỗ trợ cho việc trả lời và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư.

Có thể thấy, trong năm 2020, Công ty đã đáp ứng tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật về hoạt động quan hệ cổ đông. Trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và nhu cầu giao dịch trực tuyến ngày càng lớn, Công ty đã đặt kế hoạch triển khai mạnh mẽ việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại vào họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 trực tuyến và bỏ phiếu điện

từ nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho cổ đông trong việc thực hiện các quyền và lợi ích của mình, đặc biệt là các cổ đông ở xa hoặc bận không thể tham dự trực tiếp. Tuy nhiên, Công ty đã phải hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 một lần và chỉ mới áp dụng việc xác nhận tham dự trực tuyến chứ chưa thể áp dụng việc bỏ phiếu điện tử do những vướng mắc về mặt pháp lý trong việc thu thập phiếu biểu quyết theo phương thức điện tử.

► KẾ HOẠCH QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NĂM 2021

Nhận định xu hướng hợp ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ là tất yếu và phổ biến trong tương lai, do đó, bên cạnh tiếp tục thực hiện tốt các công việc để đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, Công ty đặt kế hoạch trong năm 2020 tiếp tục nghiên cứu cơ sở pháp lý, tham khảo các công ty đại chúng trên thị trường và tìm kiếm giải pháp hợp lý để vừa giúp cổ đông có thể thực hiện được việc bỏ phiếu điện tử vừa giúp Công ty tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

CÔNG BỐ THÔNG TIN

► BỘ PHẬN BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bộ phận Báo cáo và công bố thông tin trực thuộc Phòng PC&QTRR.

Dưới đây là thông tin về Người phụ trách báo cáo và công bố thông tin như sau:

Bà
Nguyễn Thủy
Hạnh Mai

Học vấn: Thạc sỹ kế toán

Kinh nghiệm làm việc: 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, chứng khoán.

Chức vụ tại SHS: Trưởng phòng PC&QTRR/Người được ủy quyền công bố thông tin

Điện thoại liên hệ: 024.38.181.888 (318)

Email: mai.nth@shs.com.vn

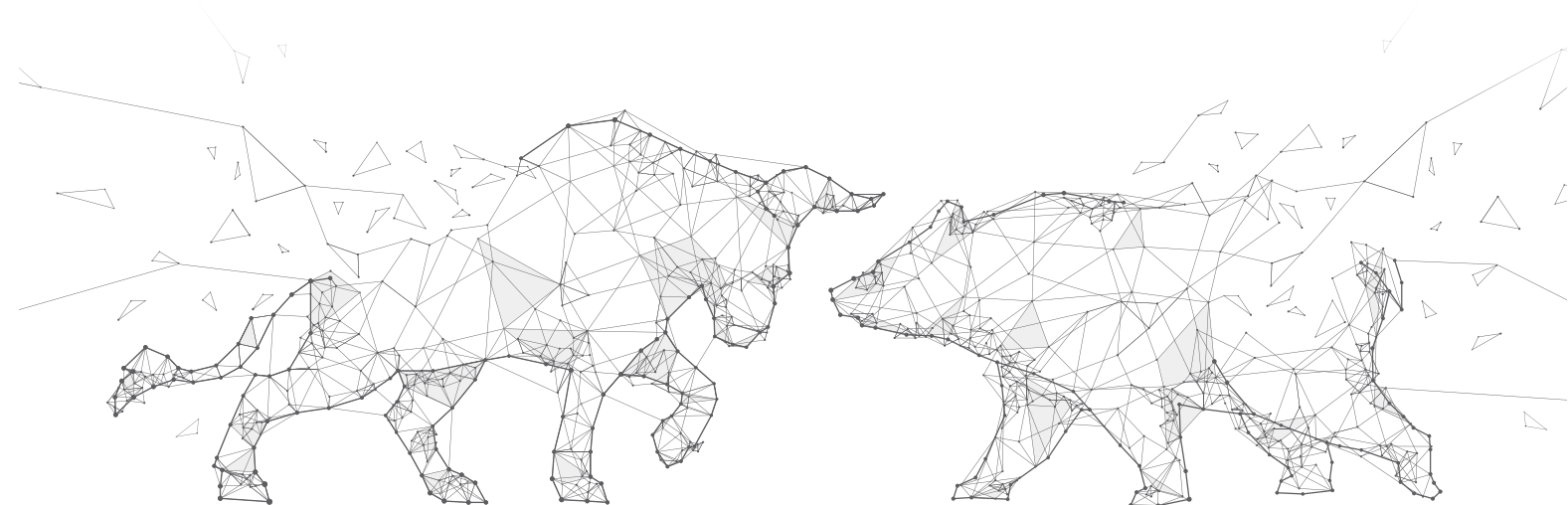
► CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂM 2020

Bên cạnh việc đảm bảo gửi báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, đúng quy định cho các cơ quan quản lý Nhà nước và lên website của Công ty, trong năm 2020, SHS tiếp tục chú trọng việc công bố thông tin bằng tiếng Anh cho nhà đầu tư. Bộ phận Báo cáo và công bố thông tin của Công ty tiếp tục là đầu mối trả lời thắc mắc của cổ đông và cơ quan quản lý Nhà nước về các báo cáo và thông tin đã công bố của Công ty. Trong năm 2020, SHS không bị Cơ quan quản lý Nhà nước nào ban hành văn bản nhắc nhở hay xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin.

Đối chiếu với kế hoạch hoạt động năm 2020 đã đề ra có thể thấy kế hoạch báo cáo và công bố thông tin bằng tiếng Anh của Công ty đã làm tương đối tốt tuy nhiên cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa trong các năm tiếp theo. Kế hoạch triển khai cung cấp các dịch công bố thông tin cho Nhà đầu tư tổ chức, cá nhân và đặc biệt là Nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu và ủy quyền cho Công ty vẫn chưa thực hiện được. Nguyên nhân là do Công ty chưa đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về việc Công ty có thể cung cấp các dịch vụ này.

LỊCH CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ NĂM 2020:

Tháng 1.2020	07/01/2020	20/01/2020	17/01/2020	22/01/2020
	Danh mục chứng khoán ký quỹ quý 1.2020.	Báo cáo tài chính quý 4.2019.	Báo cáo tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu doanh nghiệp 2020.	- Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty niêm yết năm 2019. - Báo cáo quản trị công ty niêm yết năm 2019.
Tháng 3.2020	30/03/2020			
	Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2020 được kiểm toán.			
Tháng 4.2020	06/04/2020	17/04/2020	20/04/2020	
	Danh mục chứng khoán ký quỹ quý 2.2020.	Báo cáo thường niên năm 2019 – Tiếng Việt.	Báo cáo tài chính quý 1.2020.	
Tháng 6.2020	15/06/2020			
	Báo cáo thường niên năm 2019 – Tiếng Anh.			
Tháng 7.2020	7/07/2020	20/07/2020		
	Danh mục chứng khoán ký quỹ quý 3.2020.	Báo cáo tài chính quý 2.2020.		
Tháng 8.2020	14/08/2020			
	Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên năm 2020 được soát xét.			
Tháng 10.2020	07/10/2020	20/10/2020		
	Danh mục chứng khoán ký quỹ quý 4.2020.	Báo cáo tài chính quý 3.2020.		



**LỊCH CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG NĂM 2020:**

Tháng 1.2020	06/01/2020			
	Bổ nhiệm TV.HĐQT Nguyễn Diệu Trinh.			
Tháng 2.2020	06/02/2020	21/02/2020		
	Mua lại 100 trái phiếu SHS trước hạn.	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2020.		
Tháng 3.2020	07/03/2020	24/03/2020		
	Báo cáo kết quả mua lại 100 trái phiếu SHS trước hạn.	Thông báo điều chỉnh thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020.		
Tháng 4.2020	17/04/2020	23/04/2020	27/04/2020	
	Tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Trần Sỹ Tiến.	Tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Chí Thành.	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2020.	
Tháng 6.2020	08/06/2020	10/06/2020	16/06/2020	25/06/2020
	Báo cáo cơ cấu cổ đông tại ngày 20/05/2020 để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2020.	Đăng tải tài liệu phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2020.	Nghị quyết HĐQT về việc phát hành trái phiếu riêng lẻ đợt 1.2020.	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
	26/06/2020			
	Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2020.			
Tháng 7.2020	01/07/2020	02/07/2020	10/07/2020	13/07/2020
	SHS trở thành cổ đông lớn mã cổ phiếu TEG.	Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu SHS riêng lẻ đợt 1 năm 2020.	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2019.	Quyết định của HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2019.
	16/07/2020	22/07/2020		
	Công bố giao dịch của tổ chức có liên quan của PVM.	Ký Hợp đồng soát xét bán niên và kiểm toán năm 2020 đối với BCTC và BCTLATTC.		
Tháng 8.2020	10/08/2020	18/08/2020	20/08/2020	28/08/2020
	Nghị quyết HĐQT về việc phát hành trái phiếu riêng lẻ đợt 2.2020.	Nghị quyết HĐQT về việc phát hành trái phiếu riêng lẻ đợt 3.2020.	Báo cáo giao dịch của tổ chức có liên quan của PVM.	Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu riêng lẻ đợt 2.2020.

Tháng 9.2020	04/09/2020	18/09/2020	29/09/2020	
	Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu riêng lẻ đợt 3.2020.	Nghị quyết của HĐQT về việc thành lập VPĐD Hải Phòng.	SHS trở thành cổ đông lớn của PMC.	
Tháng 10.2020	12/10/2020	26/10/2020	30/10/2020	
	SHS không còn là cổ đông lớn của TEG.	Mua lại 300 trái phiếu SHS trước hạn.	Tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc Vũ Đức Tiến.	
Tháng 11.2020	05/11/2020	18/11/2020	24/11/2020	
	Giấy phép thành lập VPĐD Hải Phòng.	Báo cáo kết quả mua lại 300 trái phiếu SHS trước hạn.	Mua lại 200 trái phiếu SHS trước hạn.	
Tháng 12.2020	17/12/2020	18/12/2020	28/12/2020	29/12/2020
	- Báo cáo kết quả mua lại 200 trái phiếu SHS trước hạn. - Quyết định của HĐQT về giao dịch với bên liên quan PVM.	Quyết định của HĐQT về giao dịch với bên liên quan SHB.	SHS không còn là cổ đông lớn của VRC, LGL.	Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chuyên viên kiểm toán nội bộ đối với Bà Trần Thị Bích Thảo và Bà Phan Thùy Linh.

* Toàn bộ các thông tin định kỳ và bất thường công bố trong năm 2020 được Công ty đăng tải tại mục Quan hệ cổ đông trên website của Công ty và qua hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội, Sở GDCK Tp. Hồ Chí Minh.

► KẾ HOẠCH CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂM 2021

Năm 2021 là thời điểm Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020 và rất nhiều các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung đi vào hiệu lực. Có rất nhiều các quy định mới trong đó có các quy định về công bố thông tin cần được rà soát và triển khai áp dụng. Do đó, trọng tâm trong kế hoạch công bố thông tin năm 2021 của Công ty là cập nhật và tuân thủ đúng các quy định mới về công bố thông tin. Ngoài ra, để tiếp tục thu hút khách hàng là Nhà đầu tư nước ngoài, SHS đặt kế hoạch tiếp tục tăng cường việc công bố thông tin bằng tiếng Anh và đẩy mạnh truyền thông về việc cung cấp dịch vụ này.



PHẦN 03

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

- TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN
- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- PHỤ LỤC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ, TÀI CHÍNH CÔNG TY



TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2020

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ

► KINH TẾ THẾ GIỚI

- Kinh tế thế giới năm 2020 rơi vào suy thoái khi phải hứng chịu cuộc khủng hoảng y tế gây ra bởi dịch bệnh NCoV (tính tới cuối năm 2020 đã có trên 81 triệu người mắc virus trong đó 1,8 triệu người chết) dẫn tới tình trạng hạn chế đi lại và đóng cửa biên giới, chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu bị gián đoạn do các doanh nghiệp buộc phải ngừng sản xuất, nhiều ngành kinh tế đình trệ, nhiều doanh nghiệp bị phá sản, lượng người thất nghiệp tăng cao. GDP toàn cầu theo các tổ chức IMF, WB năm 2020 sụt giảm 4,3% đến 4,4%.
- Nền kinh tế lớn nhất thế giới Mỹ chịu ảnh hưởng nặng trong 2 quý đầu năm khi rơi vào trạng thái suy thoái kỹ thuật (GDP 2 quý sụt giảm liên tiếp) trước khi bật tăng mạnh lại trong quý 3 nhờ các gói kích thích khổng lồ, tuy nhiên tỷ lệ thất nghiệp vẫn rất cao ở mức 6,7% trong tháng 12, tương đương với năm 2013, dù đã giảm so với mức đỉnh 14,7% trong tháng 4. Khu vực sử dụng đồng tiền chung Châu Âu và Nhật Bản cũng gánh chịu những tác động tương tự với mức sụt

giảm thấp hơn Mỹ nhưng đáng chú ý là các khu vực này trước đó đều có mức tăng trưởng thấp, thậm chí kinh tế Nhật còn sụt giảm ngay từ quý 4/2019. Tuy nhiên trong số các nền kinh tế lớn, Trung Quốc lại ghi nhận những dấu hiệu khá tích cực. Dù là nơi đầu tiên phát hiện dịch bệnh nhưng nhờ các biện pháp chống dịch quyết liệt nên sau khi sụt giảm mạnh trong quý 1/2020, kinh tế nước này đã tăng trưởng trở lại trong 2 quý sau đó nhờ sự phục hồi nhanh của lĩnh vực sản xuất cũng như bán lẻ.

- Thị trường hàng hóa toàn cầu: Trước tác động của dịch bệnh tới kinh tế toàn cầu, giá của hầu hết các mặt hàng chủ đạo chứng kiến đà sụt giảm mạnh đầu quý 2/2020 trước khi có sự hồi phục trở lại. Giá dầu có đợt lao dốc cực mạnh lần đầu tiên trong lịch sử, có thời điểm giá WTI thậm chí còn rơi xuống mức -40,3 USD/thùng tại thời điểm tháng 4/2020 trong khi đó giá kim loại quý lại có một năm tăng mạnh trước nhu cầu tìm kiếm nơi trú ẩn, giá vàng tiếp đà tăng của năm 2019 ghi nhận mốc đỉnh cao mới trong lịch sử tại 2.035USD/ounce.

► KINH TẾ VIỆT NAM

- Kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên GDP các quý trong năm 2020 đạt thấp đặc biệt là quý 2 (+0,4%), cả năm tăng trưởng 2,9% thấp nhất trong lịch sử thống kê. Tuy nhiên, Việt Nam là một trong số ít quốc gia ghi nhận tăng trưởng dương năm 2020. Trong các ngành kinh tế chủ chốt, ngoại trừ nông nghiệp có đà tăng cao hơn năm 2019, các ngành công nghiệp và đặc biệt là dịch vụ chịu tác động nặng nề của việc giãn cách xã hội (bán lẻ giảm 1,2% trong khi năm 2019 tăng 9,5%, lượng khách quốc tế giảm 78,7%), số lượng doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh hoặc giải thể tăng 13,9% so với năm 2019, tỷ lệ thất nghiệp tăng lên 2,3% mức cao kể từ năm 2016. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân trong năm 2020 tăng 3,2%, cao hơn năm 2019 chủ yếu bởi giá lương thực, thực phẩm trong năm tăng mạnh do thiếu hụt nguồn cung và thiên tai nhiều tuy nhiên vẫn thấp hơn so với mục tiêu 4,0%.
- Điểm sáng trong năm qua ngoài việc kiểm soát tốt dịch bệnh để tạo điều kiện cho nền kinh tế là hoạt động xuất, nhập khẩu của Việt Nam vẫn được duy trì tốt với tổng kim ngạch đạt 543 tỷ USD, tăng 5,1% trong đó xuất khẩu tăng 6,5% so với 2019, xuất siêu năm thứ 5 liên tiếp đạt mức cao kỷ lục, ước đạt 19,1 tỷ USD. Trong năm 2020, Hiệp định EVFTA đã chính thức có hiệu lực. Việt Nam đã ký kết Hiệp định FTA với Anh và Hiệp định RCEP. Vốn FDI đăng ký năm 2020 (không tính phần góp vốn, mua cổ phần) giảm nhẹ 6,7%, đạt 21 tỷ USD, vốn thực hiện giảm 2,0% so với 2019. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam tiếp tục gia tăng lên mức cao kỷ lục, ước đạt 92 tỷ USD. Tỷ giá cuối năm vẫn ổn định. Mặt bằng lãi suất trong năm được điều chỉnh giảm nhiều lần để hỗ trợ doanh nghiệp, giảm bình quân khoảng 1%/năm so với cuối năm 2019. Giải ngân vốn từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2020 đạt 91,1% kế hoạch năm 2020 và tăng 34,5% so với năm 2019, đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2020.
- Tuy vậy, quá trình tái cơ cấu DNNN diễn ra chậm khi 11 tháng đầu năm 2020 chỉ có 1 doanh nghiệp được phê duyệt phương án cổ phần hóa và không có doanh nghiệp nào IPO so với kế hoạch 91 doanh nghiệp. Thoái vốn nhà nước 11 tháng đầu năm 2020 đạt 979 tỷ đồng so với kế hoạch 55.300 tỷ đồng.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ NĂM 2020

CHỈ TIÊU	2018	2019	2020
Tăng trưởng GDP (%)	7,1	7,0	2,9
Tăng CPI bình quân (%)	3,5	2,8	3,2
Tăng trưởng tín dụng (%)	14,0	13,6	12,1
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	22.825	23.155	23.131
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	60	80	92
Thâm hụt/thặng dư ngân sách so với GDP (%)	0,0	2,6	-2,0

(Nguồn: TCTK, WB, HSBC, NHNN, SHS Research)





TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

► THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

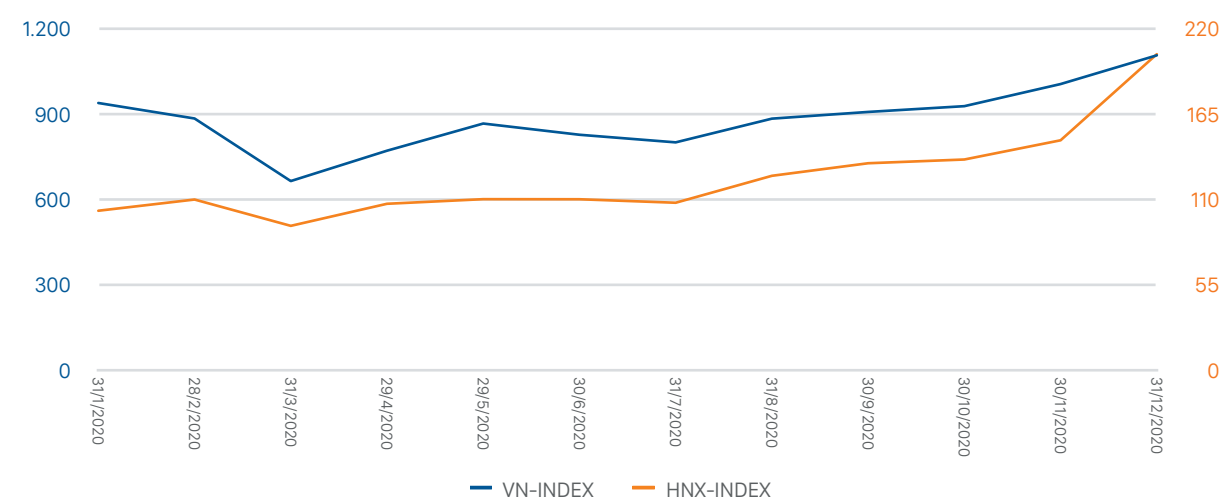
- Trái ngược với tình hình kinh tế, TTCK toàn cầu năm 2020 lại chứng kiến một năm thăng hoa. Sau khi sụt giảm mạnh trong tháng 4/2020 – thời điểm xuất hiện dịch bệnh Covid, các chỉ số chính đã có cú bất phá ngoạn mục trong đó đáng chú ý nhất là cả 3 chỉ số chính của Mỹ và chứng khoán Đức đều lập các mốc đỉnh mới trong lịch sử, chứng khoán Nhật cũng ghi nhận mức cao nhất kể từ năm 1990. Đà tăng của thị trường chủ yếu đến từ sự phục hồi của nền kinh tế sau đại dịch, những tiến triển trong quá trình phát triển vaccin và đặc biệt là từ những gói hỗ trợ khổng lồ (theo IMF các nước G10 đã nới lỏng tiền tệ trị giá 7,5 nghìn tỷ USD và các gói tài khóa toàn cầu trị giá 12 nghìn tỷ USD trong đó riêng Nhật Bản chi 3.000 tỷ USD, Mỹ chi 2.700 tỷ USD) và chính sách lãi suất thấp của các nước (thống kê cho thấy NHTW tại 60% nền kinh tế toàn cầu đã giảm lãi suất xuống dưới 1%, nhiều nước thậm chí áp dụng lãi suất âm). Trên thị trường tiền tệ, với việc đưa ra gói hỗ trợ tiền tệ lớn, chỉ số US Dollar Index (đo lường đồng USD so với 6 loại tiền tệ chủ chốt khác) giảm giá 7,1% so với đầu năm, đồng Nhân dân tệ có diễn biến tăng giá mạnh nhờ quá trình phục hồi nhanh sau dịch của nước này, trong khi đó tiền điện tử Bitcoin năm 2020 ghi nhận mức tăng phi mã 3,9 lần lên mức cao nhất trong lịch sử vào cuối năm tại 28.966 USD.



► THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

- Trong năm 2020, TTCK Việt Nam vẫn chưa được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi loại 2 do chưa thỏa mãn tiêu chí “Chu kỳ thanh toán- DvP” mặc dù tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong chỉ số MSCI cho thị trường cận biên đã được nâng lên.
- TTCK Việt Nam năm 2020 mặc dù chứng kiến cú sốc mạnh tại thời điểm xuất hiện dịch bệnh Covid trong quý 1 khi giảm từ mốc 991,5 điểm trước khi nghỉ Tết Âm lịch xuống mức đáy 649,1 điểm cuối tháng 3 tương ứng mức giảm 34,5% nhưng sau đó đã ghi nhận đợt tăng điểm rất mạnh. Đóng cửa phiên cuối năm, VN-Index đạt 1.103,9 điểm, tăng 17,9% so với cuối năm 2019 và tăng 67,5% so với mức đáy và là một trong những thị trường có mức tăng mạnh nhất thế giới. Chỉ số HNX-Index cuối năm đóng cửa tại mốc 203,1 điểm, tăng 98,4% so với cuối năm 2019. Chỉ số Upcom-Index là 74,5 điểm, tăng 31,6%. Vốn hóa toàn thị trường đạt gần 5,3 triệu tỷ đồng (tương đương 228 tỷ USD), tăng 20,8% so với cuối năm 2019, cao nhất từ trước tới nay và tương đương 84,2% GDP.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2020

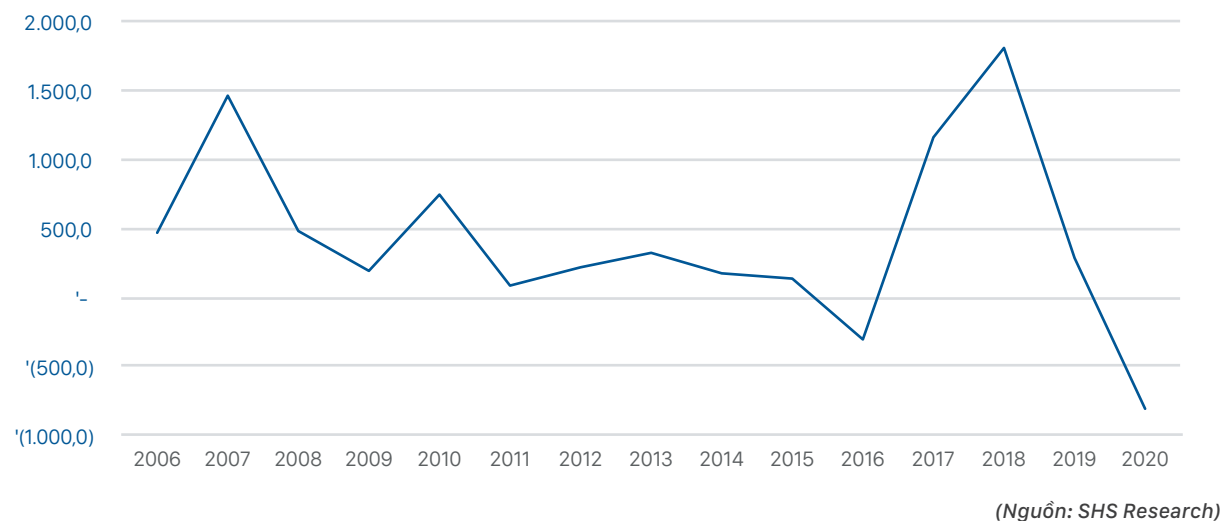


(Nguồn: SHS Research)



- Thanh khoản toàn thị trường (bao gồm cả sàn Upcom) trong năm 2020 tăng 61,5% so với năm 2019, với giá trị giao dịch bình quân đạt 7.435 tỷ đồng/phiên trong đó sàn HNX tăng mạnh tới 77%, sàn HOSE tăng 60%. Tuy nhiên điểm ấn tượng trong năm 2020 là thanh khoản tăng chủ yếu nhờ vào dòng tiền trong nước khi các nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2020 bán ròng với giá trị kỷ lục 18.756 tỷ đồng (tương đương 810 triệu USD) trong đó riêng tại sàn HOSE là 15.214 tỷ đồng. Trong năm 2020, thương vụ đáng chú ý nhất của khối này là việc KKR mua cổ phần của Vinhomes (VHM) trị giá 651 triệu USD. Số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư nội trong năm 2020 đạt 393.659 tài khoản trong đó riêng nhà đầu tư cá nhân là 392.527 tài khoản, tăng 109% so với cả năm 2019 và là mức cao kỷ lục trong lịch sử thị trường.

GIÁ TRỊ MUA/BÁN RÒNG CỦA NĐTNN (TRIỆU USD)



- TTCK phái sinh tiếp tục có sự tăng trưởng trong năm 2020 với khối lượng giao dịch bình quân trong năm đạt 158.390 hợp đồng/phiên, tăng 78,5% so với 2019. Số lượng tài khoản giao dịch phái sinh tại thời điểm cuối tháng 12/2020 là 173.395 tài khoản, tăng 88% so với cuối năm 2019.

Cùng với sự sôi động của thị trường cơ sở, thị trường sản phẩm Chứng quyền có đảm bảo (CW) cũng khá nhộn nhịp, tính tới cuối năm có 118 chứng quyền được niêm yết so với 53 mã cuối năm 2019. Có 9 công ty chứng khoán tham gia vào việc phát hành CW trong đó KIS là công ty phát hành CW nhiều nhất với 94 CW, tiếp theo là HCM với 59 CW, sau đó là SSI với 48 CW, các công ty lần lượt xếp sau là MBS với 46 CW, VND với 21 CW, VCI với 11 CW, BSC với 3 CW, ACBS với 1 CW, VPBS với 1 CW.

Xét theo tài sản cơ sở: HPG là cổ phiếu được dùng làm tài sản cơ sở cho 30 CW; tiếp theo là VNM với 22 CW; sau nữa là FPT với 21 CW; VRE và STB với cùng 19 CW; VPB, MSN và MWG với 18 CW; TCB, MBB với 15 CW; VHM với 14 CW, PNJ với 11 CW; VIC, REE với 10 CW; HDB với 9 CW; VJC với 8 CW; NVL, KDH với 5 CW; SBT với 4 CW; DPM với 3 CW; ROS với 2 CW; CTD, EIB với 1 CW. Tổng giá trị giao dịch CW năm 2020 đạt 5.446 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch đạt gần 3 tỷ chứng quyền, lần lượt tăng 474% và 685% so với mức 948 tỷ đồng và 379 triệu chứng quyền giao dịch trong năm 2019.

- Tổng mức huy động trên TTCK Việt Nam ước đạt 413.700 tỷ đồng, tăng 30% so với cuối năm 2019, trong đó huy động qua phát hành cổ phiếu giảm, qua cổ phần hóa tăng nhẹ, riêng huy động trái phiếu Chính phủ tăng kỷ lục gần 350.000 tỷ đồng. Bên cạnh đó, hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp có sự tăng trưởng mạnh với 2.228 đợt có tổng giá trị phát hành thành công 403.469 tỷ đồng, tăng 2,6 lần về số lượng và 36% về giá trị so với 2019, tỷ lệ huy động thành công/lượng chào bán đạt 69,1%, cao hơn năm 2019 (đạt 67%).
- Hoạt động niêm yết năm 2020 diễn ra ảm đạm khi chỉ có 11 doanh nghiệp mới trên sàn HOSE và 7 doanh nghiệp mới trên sàn HNX, trong khi có tới 23 doanh nghiệp hủy niêm yết. Hoạt động đăng ký giao dịch trên sàn Upcom cũng trầm lắng khi chỉ có 20 doanh nghiệp mới (năm 2019 là 80 doanh nghiệp). Quá trình cổ phần hóa, thoái vốn DNNN diễn ra rất chậm với chỉ 1 doanh nghiệp được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chưa IPO, bán thoái vốn chỉ đạt 979 tỷ đồng so với kế hoạch 55.300 tỷ đồng.

CÁC SỐ LIỆU THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2020

CHỈ TIÊU	2018	2019	2020	+/- 2020 SO VỚI 2019 (%)
VN-Index	892,5	961,0	1.103,9	14,9
HNX-Index	104,2	102,5	203,1	98,1
Upcom-Index	52,8	56,6	74,5	31,6
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	3.960	4.384	5.294	20,7
Vốn hóa/GDP	71,6%	72,6%	84,2%	
Số lượng tài khoản (triệu tài khoản)	2,2	2,4	2,8	17,4
Tổng số cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	754	744	765	2,8

(Nguồn: TCTK, SHS Research)



SỰ THAY ĐỔI KHUNG PHÁP LÝ

CƠ QUAN BAN HÀNH	SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG VĂN BẢN	HIỆU LỰC THI HÀNH	VĂN BẢN THAY THẾ
LUẬT	54/2020/QH14	26/11/2019	Luật Chứng khoán 2019.	01/01/2021	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11, 62/2010/QH12.
	59/2020/QH14	17/06/2020	Luật Doanh nghiệp 2020.	01/01/2021	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.
	61/2020/QH14	17/06/2020	Luật Đầu tư 2020.	01/01/2021	Luật Đầu tư số 67/2014/QH14, 90/2015/QH13, 03/2016/QH14, 04/2017/QH14, 28/2018/QH14 và 42/2019/QH14.
NGHỊ ĐỊNH	37/2020/QĐ-TTG	23/12/2020	Thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.	20/02/2021	Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg, 599/2007/QĐ-TTg, 21/2015/QĐ-TTg, 599/2007/QĐ-TTg.
	44/2020/NĐ-CP	08/04/2020	Quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại.	01/06/2020	Không.
	55/2020/NĐ-CP	22/05/2020	Quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành án hình sự về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.	15/07/2020	Không.
	58/2020/NĐ-CP	27/05/2020	Quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.	15/07/2020	Nghị định số 44/2017/NĐ-CP, Điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 143/2018/NĐ-CP.
	81/2020/NĐ-CP	09/07/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.	01/09/2020	Không.
	121/2020/NĐ-CP	09/10/2020	Sửa đổi Khoản 2 Điều 12 Nghị định 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, đã được sửa đổi tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 91/2015/NĐ-CP.	09/10/2020	Không.
	126/2020/NĐ-CP	19/10/2020	Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.	05/12/2020	Nghị định số 83/2013/NĐ-CP, Điều 4 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP...
	140/2020/NĐ-CP	30/11/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển DNNN và Công ty TNHH MTV do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP.	30/11/2020	Không.

CƠ QUAN BAN HÀNH	SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG VĂN BẢN	HIỆU LỰC THI HÀNH	VĂN BẢN THAY THẾ
NGHỊ ĐỊNH	150/2020/NĐ-CP	25/12/2020	Chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần	15/02/2021	Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg.
	153/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.	01/01/2021	Nghị định số 163/2018/NĐ-CP, 81/2020/NĐ-CP
	155/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	01/01/2021	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, 60/2015/NĐ-CP, 86/2016/NĐ-CP, 71/2017/NĐ-CP, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP
	156/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.	01/01/2021	Nghị định số 108/2013/NĐ-CP, 145/2016/NĐ-CP, 108/2013/NĐ-CP
	158/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.	01/01/2021	Nghị định số 42/2015/NĐ-CP
	159/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Quy định về quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP.	30/11/2020	Không.
THÔNG TƯ	14/2020/TT-BTC	18/03/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại SGDCK và TTLKCKVN nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19.	19/03/2020 – 31/08/2020	Không.
	37/2020/TT-BTC	07/05/2020	Quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán.	07/05/2020 – 31/12/2020	Không.
	70/2020/TT-BTC	17/07/2020	Kéo dài hiệu lực thi hành Thông tư số 14/2020/TT-BTC ngày 18/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại SGDCK và TTLKCKVN, nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19.	31/08/2020	Không.
	73/2020/TT-BT	07/08/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán.	01/10/2020	Không.
	77/2020/TT-BTC	14/08/2020	Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.	28/09/2020	Không.
	78/2020/TT-BTC	14/08/2020	Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.	28/09/2020	Không.

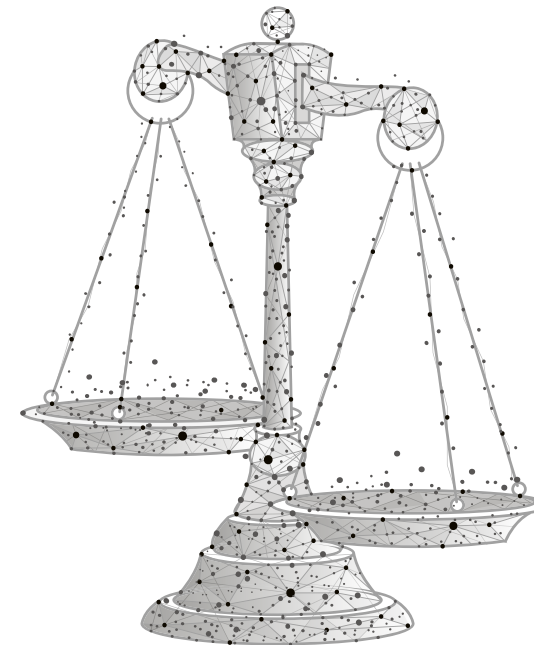


CƠ QUAN BAN HÀNH	SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG VĂN BẢN	HIỆU LỰC THI HÀNH	VĂN BẢN THAY THẾ
THÔNG TƯ	80/2020/TT-BTC	03/09/2020	Hướng dẫn phương thức gửi báo cáo của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm, nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ quy định tại Nghị định 88/2014/NĐ-CP quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm và Nghị định 95/2018/NĐ-CP quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán.	19/10/2020	Không.
	81/2020/TT-BTC	15/09/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/ 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.	01/11/2020	Không
	36/VBHN-BTC	07/09/2020	Văn bản hợp nhất hai Nghị định quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.	01/02/2019	Nghị định số 90/2011/NĐ-CP.
	37/VBHN-BTC	18/09/2020	Văn bản hợp nhất hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán.	01/03/2018	Thông tư số 87/2013/TT-BTC.
	91/2020/TT-BTC	13/11/2020	Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.	01/01/2021	Thông tư số 87/2017/TT-BTC.
	95/2020/TT-BTC	16/11/2020	Hướng dẫn Giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.	01/01/2021	Thông tư số 115/2017/TT-BTC ngày 25/10/2017.
	96/2020/TT-BTC	16/11/2020	Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	01/01/2021	Thông tư số 155/2015/TT-BTC.
	97/2020/TT-BTC	16/11/2020	Hướng dẫn hoạt động của Văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.	01/01/2021	Thông tư số 91/2013/TT-BTC
	98/2020/TT-BTC	16/11/2020	Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.	01/01/2021	Thông tư số 183/2011/TT-BTC, 15/2016/TT-BTC, 183/2011/TT-BTC, 224/2012/TT-BTC, 227/2012/TT-BTC, 228/2012/TT-BTC, 229/2012/TT-BTC
	99/2020/TT-BTC	16/11/2020	Hướng dẫn hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.	01/01/2021	Thông tư số 212/2012/TT-BTC, Điều 1; khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Thông tư số 91/2019/TT-BTC.

CƠ QUAN BAN HÀNH	SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG VĂN BẢN	HIỆU LỰC THI HÀNH	VĂN BẢN THAY THẾ
THÔNG TƯ	06/2020/TT-BTP	17/12/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.	01/02/2021	Không.
	111/2020/TT-BTC	29/12/2020	Hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.	15/02/2021	Không.
	116/2020/TT-BTC	31/12/2020	Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	15/02/2021	Thông tư số 95/2017/TT-BTC.
	117/2020/TT-BTC	31/12/2020	Quy định phương pháp tính khoản thu trái pháp luật, số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về CK & TTCK.	15/02/2021	Thông tư số 217/2013/TT-BTC, 36/2017/TT-BTC.
	118/2020/TT-BTC	31/12/2020	Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.	15/02/2021	Thông tư số 162/2015/TT-BTC.
	119/2020/TT-BTC	31/12/2020	Quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.	15/02/2021	Thông tư số 05/2015/TT-BTC.
	120/2020/TT-BTC	31/12/2020	Quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.	15/02/2021	Thông tư số 203/2015/TT-BTC.
	121/2020/TT-BTC	31/12/2020	Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.	15/02/2021	Thông tư số 210/2012/TT-BTC, 07/2016/TT-BTC.
	122/2020/TT-BTC	31/12/2020	Hướng dẫn về chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.	15/02/2021	Thông tư số 77/2020/TT-BTC.
QUYẾT ĐỊNH					
SGDCK Hà Nội	160/QĐ-SGDHN	21/04/2020	Quy định Hòa giải tranh chấp liên quan đến giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	21/04/2020	Không.
	277/QĐ-SGDHN	22/06/2020	Quy định về xử lý vi phạm thành viên giao dịch và đại diện giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	22/06/2020	487/QĐ-SGDHN ngày 06/08/2015.



CƠ QUAN BAN HÀNH	SỐ VĂN BẢN	NGÀY VĂN BẢN	NỘI DUNG VĂN BẢN	HIỆU LỰC THI HÀNH	VĂN BẢN THAY THẾ
SGDCK Hà Nội	384/QĐ-SGDHN	28/07/2020	Quy chế Vận hành Chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	28/07/2020	Không.
	538/QĐ-SGDHN	02/10/2020	Quy trình Đấu thầu hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ năm 2020 theo phương thức thủ công tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	02/10/2020	Không.
	770/QĐ-SGDHN	30/12/2020	Quy chế Giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương	01/01/2021	501/QĐ-SGDHN ngày 05/07/2017.
SGDCK Tp. HCM	231/QĐ-SGDHCM	06/05/2020	Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh và dựng sổ tại Sở GDCK TP.HCM.		
	462/QĐ-SGDHCM	14/08/2020	Sửa đổi một số điều của Quy chế giao dịch chứng khoán tại SGDCK TP.HCM.		
	714/QĐ-SGDHCM	09/11/2020	Ban hành Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index phiên bản 3.0.		Quyết định 529/QĐ-SGDHCM ngày 20/12/2018.
	894/QĐ-SGDHCM	30/12/2020	Sửa đổi quy định thời gian giao dịch, biên độ giao động giá, đơn vị giao dịch, loại lệnh áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.	04/01/2021	Không.
TTLKCKVN	01/QĐ-VSD	02/01/2020	Quy chế cấp mã chứng khoán trong nước và cấp mã số định danh chứng khoán quốc tế tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.	02/01/2020	Quyết định số 198/QĐ-VSD ngày 29/09/2017.
	02/QĐ-VSD	02/01/2020	Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán	02/01/2020	
	03/QĐ-VSD	02/01/2020	Quy chế hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán.	02/01/2020	Quyết định số 196/QĐ-VSD ngày 29/09/2017.
	04/QĐ-VSD	02/01/2020	Quy chế hoạt động lưu ký chứng khoán của TTLKCKVN.	02/01/2020	Quyết định số 199/QĐ-VSD ngày 29/09/2017.
	05/QĐ-VSD	02/01/2020	Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại TTLKCKVN.	02/01/2020	Quyết định số 157/QĐ-VSD ngày 21/08/2017.
	06/QĐ-VSD	02/01/2020	Quy chế hoạt động thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương	02/01/2020	Quyết định số 199/QĐ-VSD ngày 29/09/2017.
	131/QĐ-VSD	21/07/2020	Quy chế hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch và thực hiện Chứng quyền có bảo đảm tại TTLKCKVN.	21/07/2020	Quyết định số 32/QĐ-VSD ngày 15/03/2018, 156/QĐ-VSD ngày 05/09/2019.
	154/QĐ-VSD	26/08/2020	Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-VSD ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Tổng Giám đốc TTLKCKVN.	26/08/2020	Không.
	155/QĐ-VSD	01/09/2020	Quy chế chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ tại VSD.	01/09/2020	Không



SHS đã sẵn sàng với những thay đổi của hành lang pháp lý liên quan đến chứng khoán.

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA MÔI TRƯỜNG KINH TẾ, THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ SỰ THAY ĐỔI CỦA KHUNG PHÁP LÝ ĐẾN SHS

THUẬN LỢI

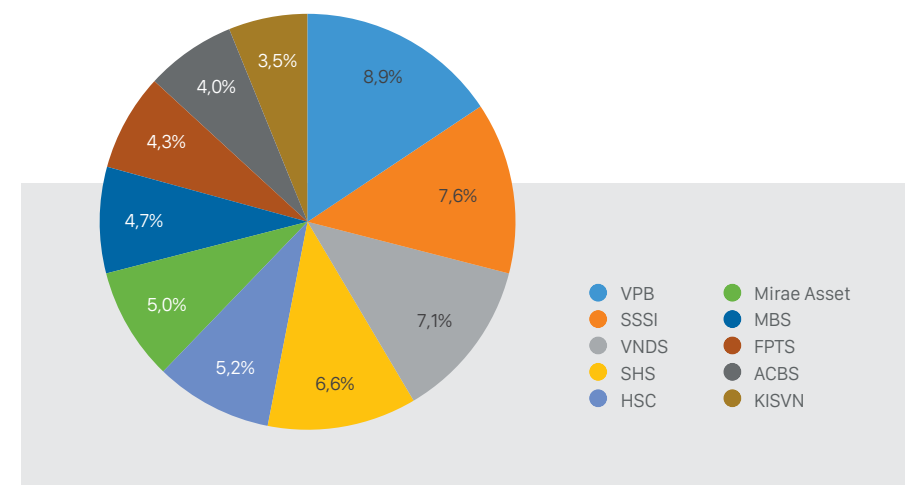
- Mặc dù cả thế giới phải đối mặt với những ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid tuy nhiên Việt Nam đã làm tốt công tác kiểm soát dịch. Do đó, mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh đến các doanh nghiệp Việt Nam không quá lớn.
- Trước bối cảnh khó khăn bởi dịch Covid, cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đã nhanh chóng chuyển hướng đi mới, thực hiện nhiều giải pháp để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong đó có đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử, giao dịch không gặp mặt trực tiếp... góp phần duy trì sản xuất kinh doanh và hội nhập với thế giới nhanh hơn.
- Việc đẩy lùi được dịch bệnh Covid giúp nước ta trở thành địa chỉ tin cậy của các nhà đầu tư nước ngoài, điểm đến tiềm năng, an toàn cho sự phân bổ lại dòng vốn đầu tư trên thế giới, đặc biệt là đón đầu xu hướng chuyển dịch nhà máy sản xuất ra khỏi Trung Quốc của các tập đoàn trên thế giới.
- Việc các quốc gia đồng loạt đưa ra các gói kích thích kinh tế và mặt bằng lãi suất giảm là động lực chính kéo dòng tiền đổ mạnh vào TTCK bất chấp những tác động của dịch bệnh Covid.
- TTCK thăng hoa do tác động của các gói kích thích kinh tế và mặt bằng lãi suất giảm đã ảnh hưởng tích cực đến mọi mặt hoạt động kinh doanh của SHS, đặc biệt là các hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính và tự doanh của các công ty chứng khoán.
- Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Đầu tư 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã góp phần cải thiện chất lượng hàng hóa, chất lượng các doanh nghiệp trên TTCK Việt Nam, gỡ nút thắt liên quan tới sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp từ đó thu hút vốn đầu tư của nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo hành lang pháp lý cho việc phát hành Chứng chỉ Lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR); nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của các chủ thể tham gia thị trường, tăng tính công khai, minh bạch, bảo đảm cho thị trường hoạt động bền vững, an toàn, chuyên nghiệp, hiện đại. Đồng thời, các văn bản pháp lý này còn tạo cơ sở để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát và cưỡng chế thực thi, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, tăng niềm tin của thị trường, tạo cơ sở pháp lý cho việc thành lập SGDCK Việt Nam (VNX) theo mô hình công ty mẹ - công ty con trên cơ sở sắp xếp lại SGDCK Hà Nội và SGDCK Tp. Hồ Chí Minh.

**THÁCH THỨC**

- Mặc dù trong năm 2020, Việt Nam đã kiểm soát tốt dịch bệnh Covid tuy nhiên nguy cơ dịch bệnh Covid có thể bùng phát trở lại bất cứ lúc nào khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp luôn trong trạng thái sẵn sàng đối mặt với Covid, do đó không phát huy được hết năng lực và luôn luôn phải đối mặt với rủi ro.
- Cách mạng công nghiệp 4.0 đã có sự ảnh hưởng mạnh mẽ đến TTCK ở các khía cạnh cơ cấu và chất lượng hàng hóa trên thị trường, các nhà đầu tư trên thị trường, các tổ chức trung gian trên thị trường và cách thức quản lý thị trường chứng khoán. Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên TTCK, SHS đối mặt với những đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng và sự cạnh tranh gay gắt từ nhóm các công ty chứng khoán ưu tiên đầu tư công nghệ.
- Để hạn chế rủi ro thị trường trái phiếu tăng nóng, Nghị định số 81/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2018/NĐ-CP đã được ban hành theo đó tăng thêm các điều kiện theo hướng chặt chẽ hơn trong việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Tuy vậy, những quy định này khiến các công ty chứng khoán như SHS có nhiều hoạt động phát hành hoặc tư vấn, bảo lãnh, làm đại lý phát hành trái phiếu cho doanh nghiệp gặp nhiều thách thức hơn.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

- Trong năm 2020, có 1 công ty chứng khoán được đưa vào diện kiểm soát trong khi đó 2 công ty chứng khoán khác được đưa ra khỏi diện kiểm soát và 1 công ty chứng khoán có quyết định chấm dứt hoạt động, 2 công ty quản lý quỹ bị thu hồi giấy phép hoạt động và 1 công ty quản lý quỹ tạm ngừng hoạt động. Tính tới đầu tháng 3/2021, 66 công ty chứng khoán báo cáo kinh doanh có lãi với tổng doanh thu ghi nhận đạt 35.962 tỷ đồng và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 13.437 tỷ đồng.
- Về hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính, cùng với áp lực cạnh tranh từ nhóm các công ty chứng khoán có vốn ngoại, nhóm các công ty chứng khoán thuộc Top 10 trước đây chịu áp lực cạnh tranh mạnh từ VPBS khi hạ giá phí giao dịch, hạ lãi suất cho vay, đẩy mạnh thu hút nhóm khách hàng cá nhân, áp dụng công nghệ hiện đại trong giao dịch chứng khoán qua đó thu hút được một lượng lớn khách hàng và nhân viên môi giới khiến cho cuộc đua về thị phần môi giới giữa các công ty chứng khoán ngày càng gay gắt.
- Về hoạt động tự doanh, hầu hết các công ty chứng khoán đều ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2020 do sự thăng hoa của TTCK, sự gia nhập đông đảo của đội ngũ nhà đầu tư F0 và mặt bằng lãi suất cho vay giảm.
- Đối với các công ty chứng khoán hoạt động mạnh trong mảng tự doanh, tư vấn, đại lý và bảo lãnh phát hành trái phiếu, quý 4 vừa qua lại là giai đoạn không thuận lợi khi Nghị định 81 đã có hiệu lực từ đầu tháng 9/2020 siết chặt hơn nữa thủ tục phát hành và đối tượng nhà đầu tư được mua trái phiếu doanh nghiệp pháp hành riêng lẻ.

THỊ PHẦN MÔI GIỚI**THỊ PHẦN MÔI GIỚI CP, CCQ – NIÊM YẾT SÀN HNX NĂM 2020****BIẾN ĐỘNG THỊ PHẦN MÔI GIỚI CP, CCQ – NIÊM YẾT SÀN HNX NĂM 2020/2019**

CÔNG TY	NĂM 2019	NĂM 2020	THAY ĐỔI
SSI	9,7%	7,6%	-2,1%
VNDS	8,6%	7,1%	-1,5%
HSC	6,5%	5,2%	-1,3%
SHS	5,0%	6,6%	1,6%
MBS	5,8%	4,7%	-1,1%
ACBS	4,8%	4,0%	-0,8%
FPTS	4,2%	4,3%	0,1%
VCSC	3,3%	N/A	N/A
KISVN	N/A	3,5%	N/A
VPBS	5,6%	8,9%	3,3%
Mirae Asset	4,5%	5,0%	0,5%

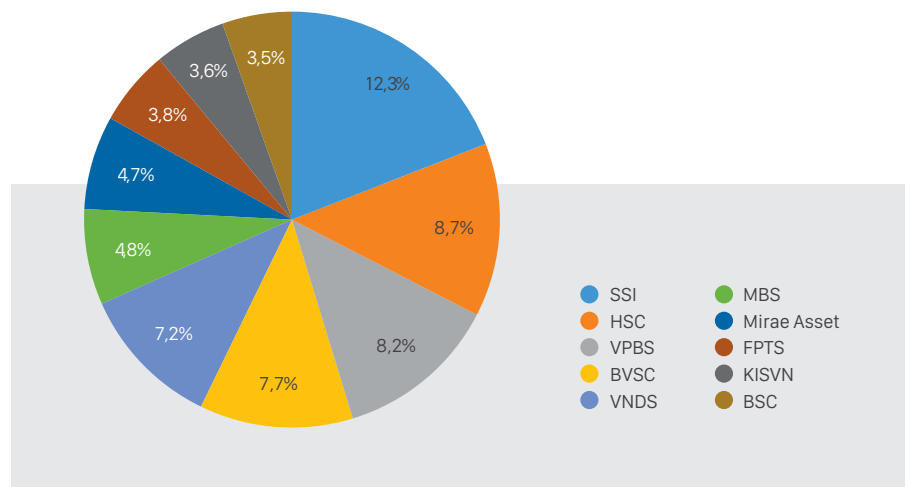
(Nguồn: SHS Research)

Các công ty chứng khoán thường xuyên nằm trong top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ lớn nhất trên sàn HNX trước đây như SSI, VNDS, HSC, MBS, ACBS, VPS đều có sự sụt giảm mạnh về thị phần trong năm 2020, tổng mức giảm lên tới 6,8%. Riêng VPBS và SHS có sự bứt phá mạnh mẽ, lần lượt tăng thêm 3,3% và 1,6%. Tiếp theo là FPTS và Mirae Asset tăng thêm 0,1% và 0,5%. VCSC không còn nằm trong Top 10.

SHS: đã tiến từ vị trí thứ 6 với thị phần 5,0% năm 2019 lên vị trí thứ 4 với thị phần 6,6% năm 2020.



THỊ PHẦN MÔI GIỚI CP, CCQ, CQCBĐ – NIÊM YẾT SÀN HOSE NĂM 2020



BIẾN ĐỘNG THỊ PHẦN MÔI GIỚI CP, CCQ, CQCBĐ – NIÊM YẾT SÀN HOSE NĂM 2020/2019

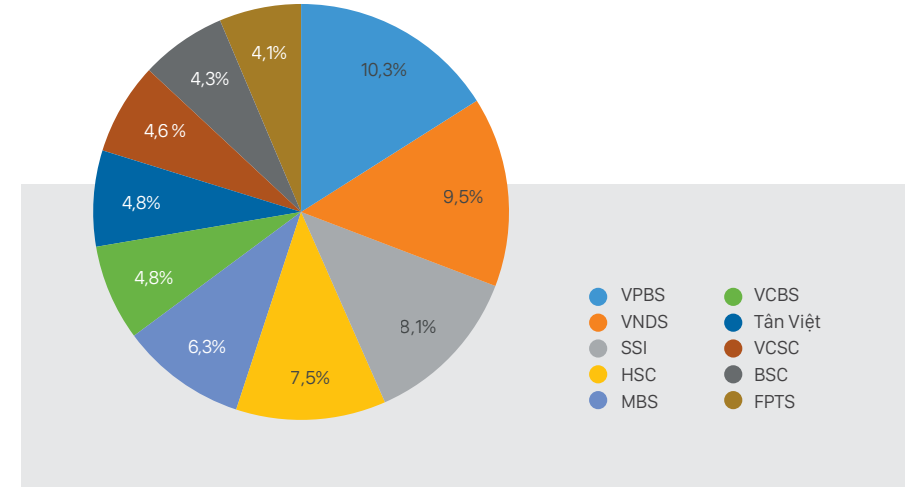
CÔNG TY	NĂM 2019	NĂM 2020	THAY ĐỔI
SSI	14,0%	12,3%	-1,7%
HSC	10,5%	8,7%	-1,8%
VCSC	8,2%	N/A	N/A
VNDS	6,8%	7,2%	0,4%
MBS	4,8%	4,8%	0,0%
FPTS	N/A	3,8%	N/A
BVSC	3,8%	7,7%	3,9%
BSC	N/A	3,5%	N/A
Mirae Asset	4,5%	4,7%	0,2%
VPBS	3,9%	8,2%	4,3%
BOS	3,1%	N/A	N/A
KISVN	3,1%	3,6%	0,5%

(Nguồn: SHS Research)

Tương tự sàn HNX, trên sàn HOSE cũng cho thấy sự giảm sút thị phần của các công ty chứng khoán hàng đầu như SSI, HSC với tổng mức giảm khoảng 3,5%. Một số công ty chứng khoán nội đã rời khỏi Top 10 như VCSC, BOS. BVSC và VPBS tăng lên mạnh mẽ với mức tăng lần lượt là 3,9% và 4,3%.

SHS: Không còn nằm trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất trên sàn HOSE từ Quý III/2019.

THỊ PHẦN MÔI GIỚI CP – ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SÀN UPCOM NĂM 2020



BIẾN ĐỘNG THỊ PHẦN MÔI GIỚI CP – ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SÀN UPCOM NĂM 2020/2019

CÔNG TY	NĂM 2019	NĂM 2020	THAY ĐỔI
SSI	9,6%	8,1%	-1,5%
VNDS	9,7%	9,5%	-0,2%
VCSC	3,7%	4,6%	0,9%
HSC	7,8%	7,5%	-0,3%
BSC	5,0%	4,3%	-0,7%
MBS	6,9%	6,3%	-0,6%
VCBS	4,3%	4,8%	0,5%
VPBS	8,3%	10,3%	2,0%
BVSC	4,3%	N/A	N/A
Tân Việt	5,4%	4,8%	-0,6%
FPTS	N/A	4,1%	N/A

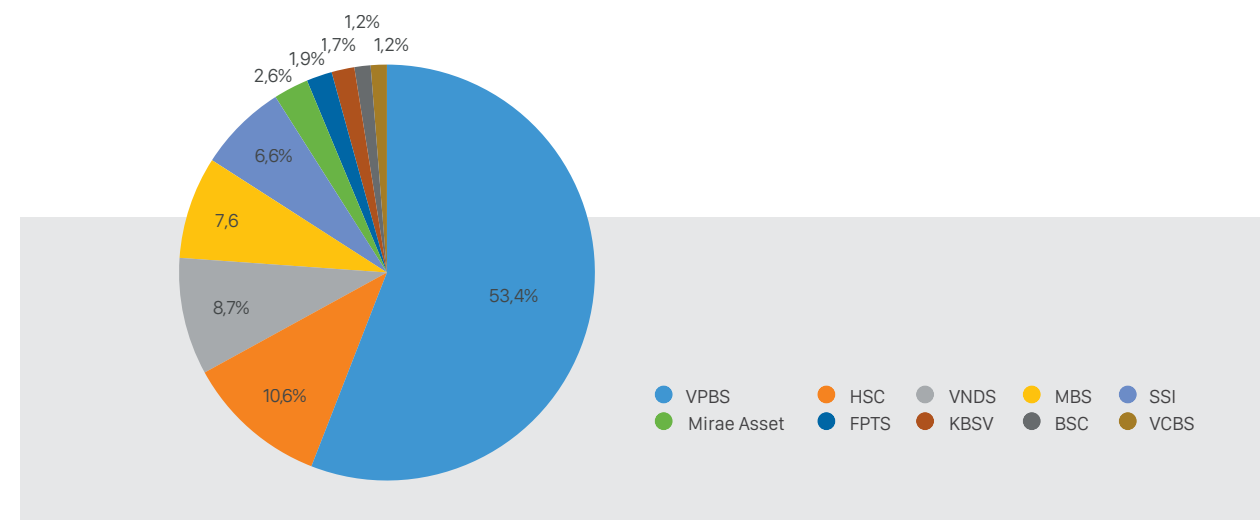
(Nguồn: SHS Research)

Tương tự trên sàn UPCOM, thị phần các công ty chứng khoán top đầu năm 2020 như SSI, VNDS, HSC, BSC, MBS, Tân Việt đều giảm so với năm 2019. Tổng thị phần môi giới của các công ty này giảm 3,9% trong năm 2020. VPBS và VCSC có sự bứt phá mạnh mẽ, lần lượt tăng thêm 2,0% và 0,9%. Riêng VCBS chỉ tăng 0,5%. Một số công ty đã rời khỏi Top 10 như BVSC, FPTS. Trên sàn UPCOM vẫn thiếu vắng sự hiện diện của các công ty chứng khoán có vốn ngoại.

SHS: Không còn nằm trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán đăng ký giao dịch lớn nhất trên sàn UPCOM từ Quý III/2019.



THỊ PHẦN MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH - SÀN HNX NĂM 2020



BIẾN ĐỘNG THỊ PHẦN MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH - SÀN HNX NĂM 2020/2019

CÔNG TY	NĂM 2019	NĂM 2020	THAY ĐỔI
VVDS	12,7%	8,7%	-4,0%
HSC	8,7%	10,6%	1,9%
MBS	11,1%	7,6%	-3,5%
SSI	7,3%	6,6%	-0,7%
VPBS	49,9%	53,4%	3,5%
BSC	1,8%	1,2%	-0,6%
VCBS	1,4%	1,2%	-0,2%
Mirae Asset	2,3%	2,6%	0,3%
FPT	1,1%	1,9%	0,8%
VDSC	0,5%	N/A	N/A
KSV	N/A	1,7%	N/A

(Nguồn: SHS Research)

Năm 2020 là năm thứ ba TTCK Việt Nam triển khai sản phẩm môi giới chứng khoán phái sinh. Trong năm 2020, 10 công ty chứng khoán top đầu năm giữ 95,5% thị phần. Tuy nhiên, các công ty chứng khoán top đầu như VVDS, HSC, MBS, SSI, BSC, VCBS đã giảm sút thị phần, tổng thị phần giảm lên đến 9,0%. Thay vào đó, thị phần môi giới chứng khoán phái sinh của VPBS, HSC, FPT, Mirae Asset đã tăng thêm lần lượt 3,5%, 1,9%, 0,8% và 0,3%.

SHS: Năm 2020, SHS vẫn chưa cung cấp dịch vụ này.

THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - SÀN HNX NĂM 2020

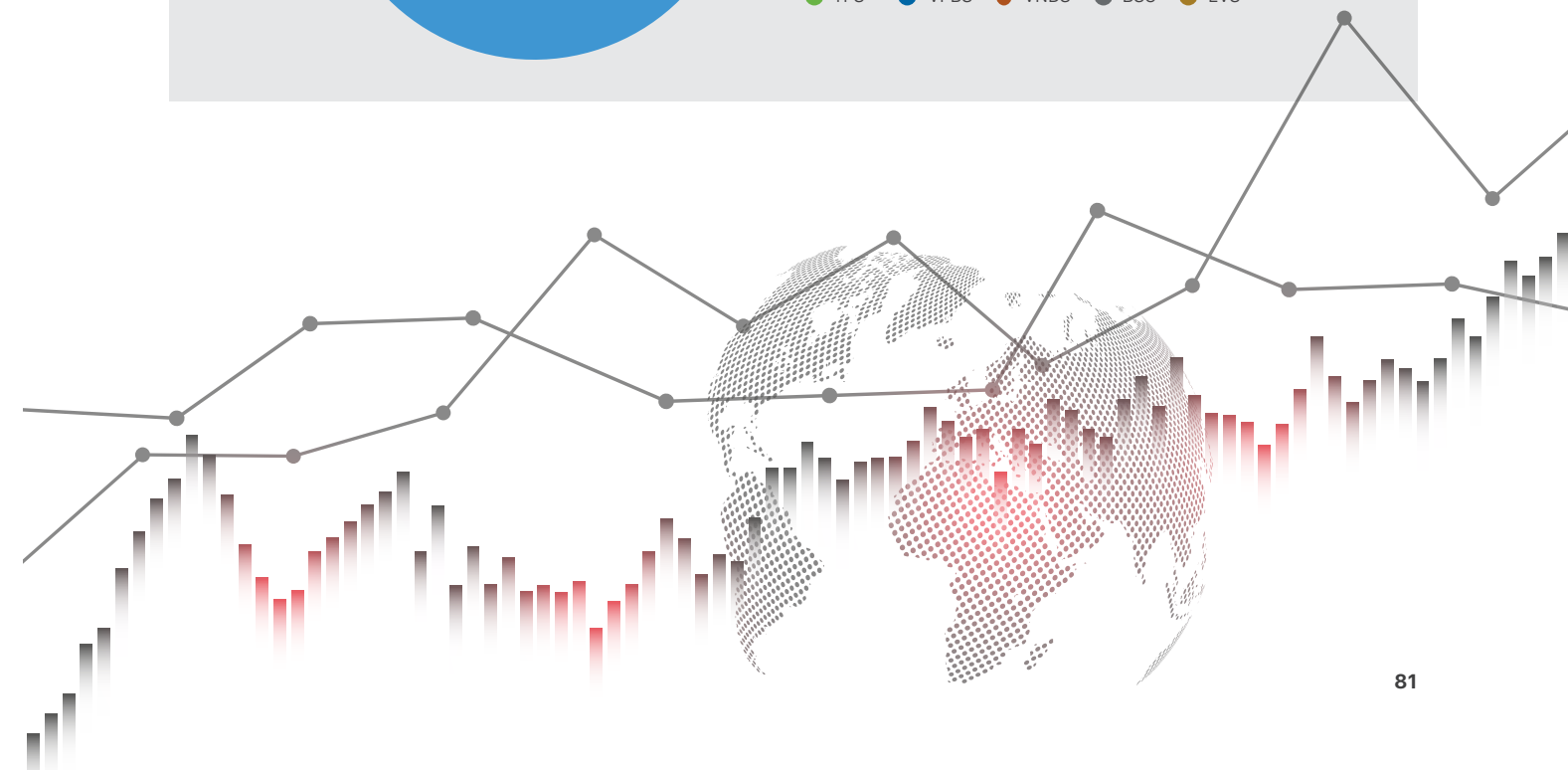
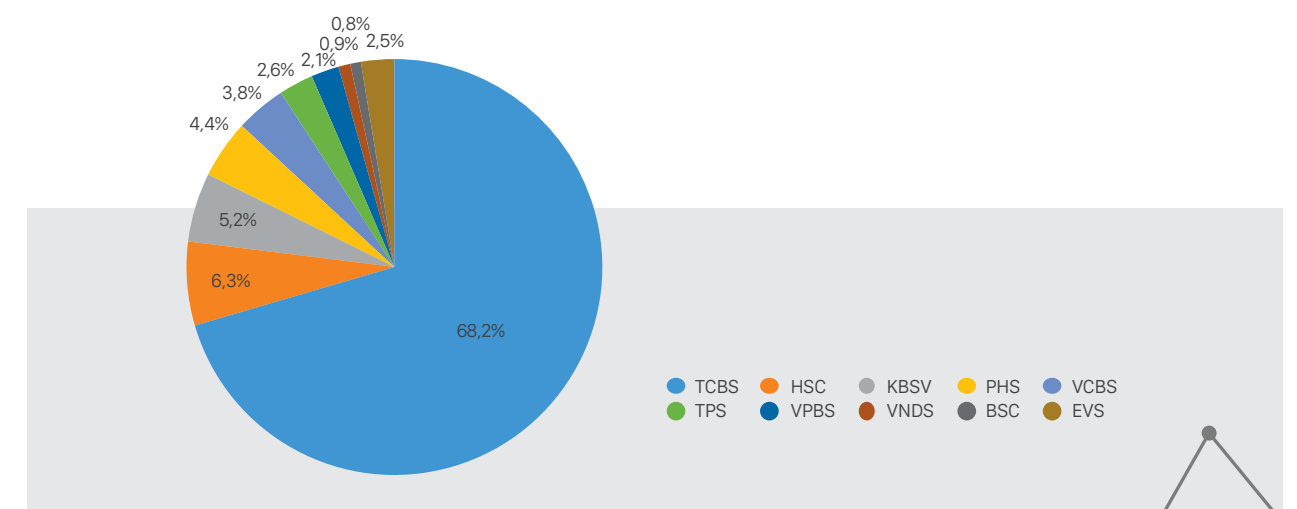
CÔNG TY	NĂM 2019	NĂM 2020	THAY ĐỔI
Nhóm có thị phần trên 10%	BSC, VCBS, BVSC, HSC	BSC, VCBS, VCSC, VPS	- Thêm VCSC, VPS. - Loại BVSC, HSC.
Nhóm có thị phần trên 5% đến 10%	VCSC, SHS , ACBS	BVSC, HSC, SHS , ACBS	- Thêm BVSC, HSC. - Loại VCSC.
Nhóm có thị phần từ 5% trở xuống	VPBS, SSI, Thiên Việt	SSI, EVS	- Thêm EVS. - Loại VPBS.

(Nguồn: SHS Research)

Như vậy: VPBS đã vươn lên mạnh mẽ từ vị trí nhóm 3 (<5%) lên vị trí nhóm 1 (>=10%), VCSC từ vị trí nhóm 2 (5-10%) lên vị trí nhóm 1 (>=10%), BVSC, HSC lùi từ vị trí nhóm 1 (>=10%) xuống vị trí nhóm 2 (5-10%), EVS đã lọt vào Top 10 trong năm 2020.

SHS: Giữ vững vị trí trong nhóm 2 (5- 10%). Theo ước tính của chúng tôi, thị phần của SHS năm 2020 khoảng 6-7% và đứng vị trí thứ 8.

THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - SÀN HOSE NĂM 2020



**BIẾN ĐỘNG THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - SÀN HOSE NĂM 2020/2019**

CÔNG TY	NĂM 2019	NĂM 2020	THAY ĐỔI
TCBS	82,4%	68,2%	-14.2%
VCBS	5,2%	3,8%	-1.4%
BVSC	1,8%	N/A	N/A
BSC	1,5%	0,8%	-0.7%
VPBS	N/A	2,1%	N/A
VNDS	N/A	0,9%	N/A
SHS	0,4%	N/A	N/A
HSC	N/A	6,3%	N/A
PSI	3,52%	N/A	N/A
EVS	1,8%	2,5%	0.7%
PHS	1,5%	4,4%	2.9%
VCSC	0,4%	N/A	N/A
CTS	0,4%	N/A	N/A
KBSV	N/A	5,2%	N/A
TPS	N/A	2,6%	N/A

(Nguồn: SHS Research)

Năm 2020, 96,8% thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ tại sàn HOSE thuộc về Top 10 công ty chứng khoán, giảm gần 2% so với năm 2019. Mặc dù TCBS vẫn chiếm áp đảo về thị phần nhưng năm 2020 đã giảm 14,2% so với năm 2019.

SHS: Năm 2020, SHS không còn nằm trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ lớn nhất sàn HOSE. Năm 2019, SHS đứng ở vị trí thứ 10 với thị phần 0,4%.

ĐỊNH VỊ SHS**SO SÁNH SHS VỚI THỊ TRƯỜNG VÀ VỚI NGÀNH**

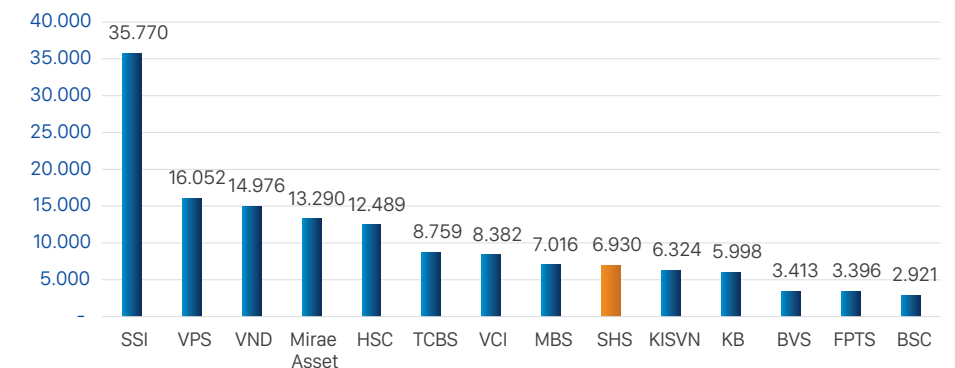
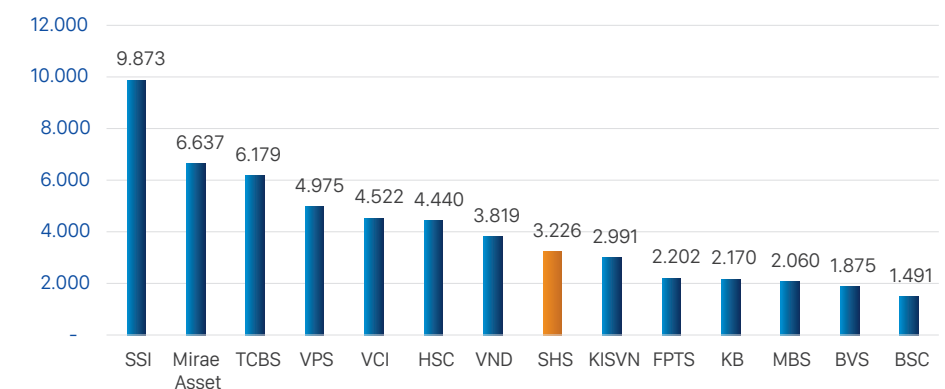
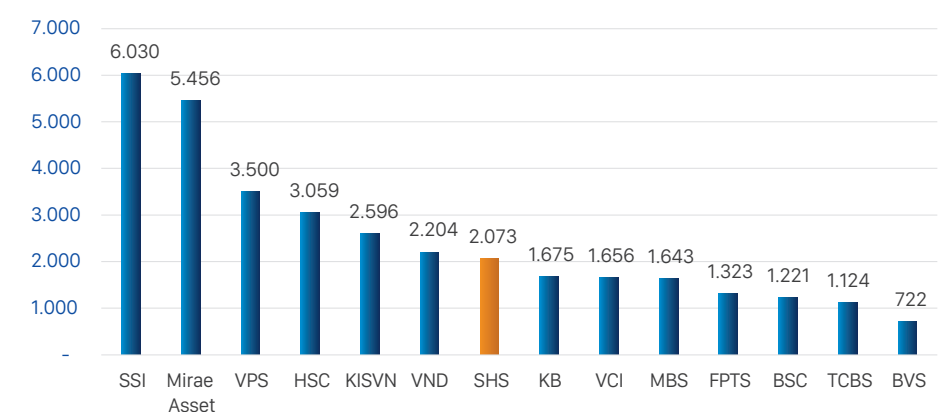
TIÊU CHÍ	EPS (VNĐ)	P/E	P/B
SHS	3.649	6,9	1,6
VN-Index	3.372	17,8	2,4
HNX-Index	2.050	15,0	1,4
Upcom - Index	2.111	26,2	2,2
Ngành chứng khoán	1.924	14,8	1,4

(Nguồn: FiinPro, SHS Research)

Trong năm 2020, so với thị trường chứng khoán và so với ngành chứng khoán, SHS có EPS cao hơn, có P/E thấp hơn và có P/B chỉ thấp hơn chỉ số VN-Index. Điều đó cho thấy bên cạnh hiệu quả kinh doanh vượt trội, giá cổ phiếu của SHS vẫn đang được định giá thấp và vẫn còn dư địa để tăng trong năm 2021.

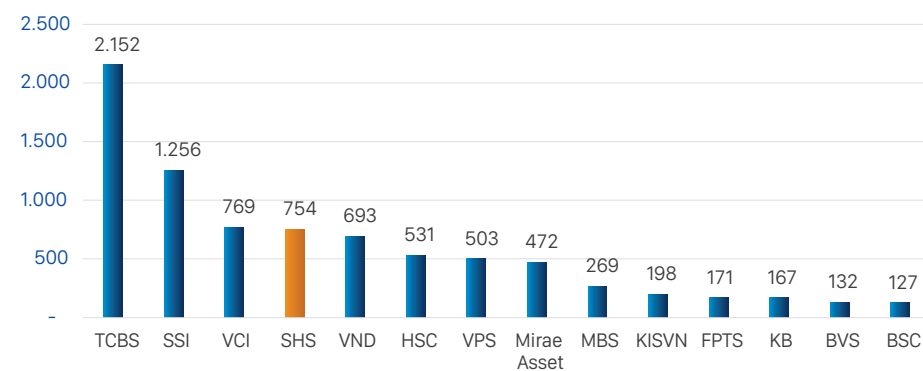
SO SÁNH SHS VỚI CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KHÁC

SHS lựa chọn 9 công ty chứng khoán niêm yết và 4 công ty chứng khoán chưa niêm yết nổi bật trên TTCK Việt Nam hiện nay để so sánh về các chỉ tiêu tài chính cơ bản như tổng tài sản, tổng nợ, tổng vốn chủ sở hữu, tổng vốn điều lệ, ROA, ROE, EPS, P/E, P/B, tỷ lệ an toàn tài chính của các công ty chứng khoán này trong năm 2020 nhằm định vị SHS trên thị trường.

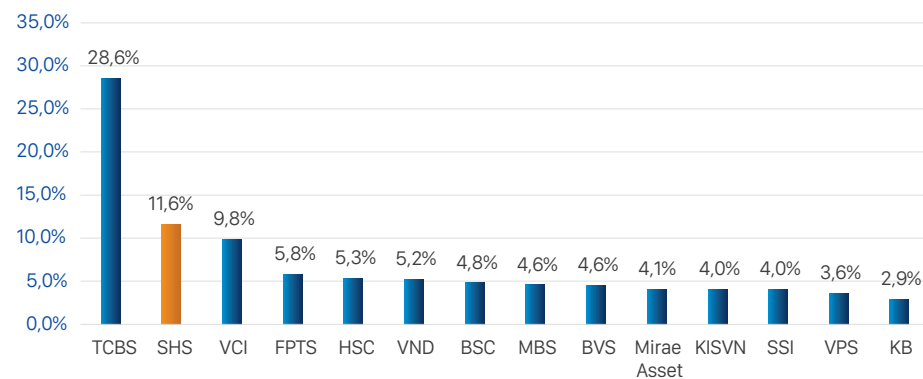
Tổng tài sản (tỷ đồng)**Tổng vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)****Vốn điều lệ (tỷ đồng)**



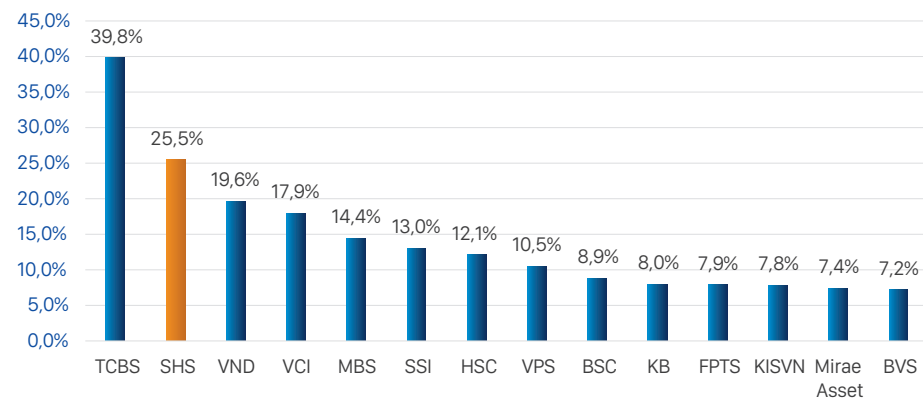
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



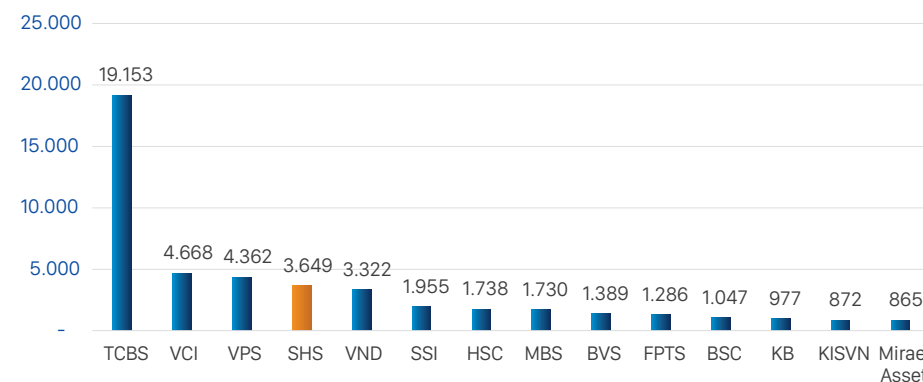
ROA



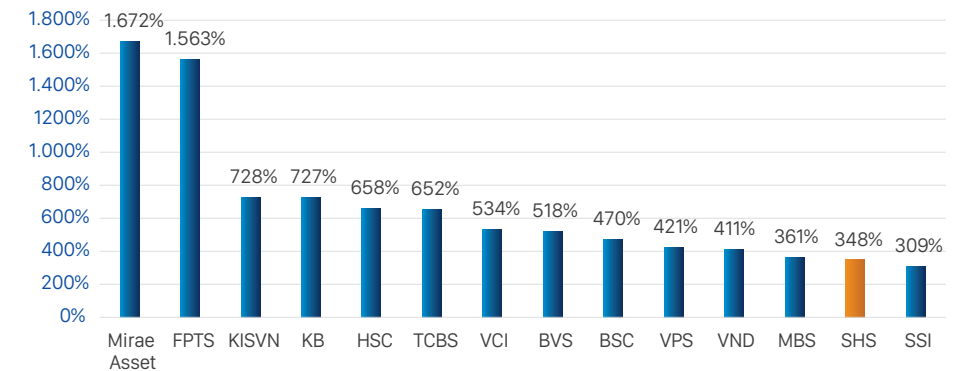
ROE



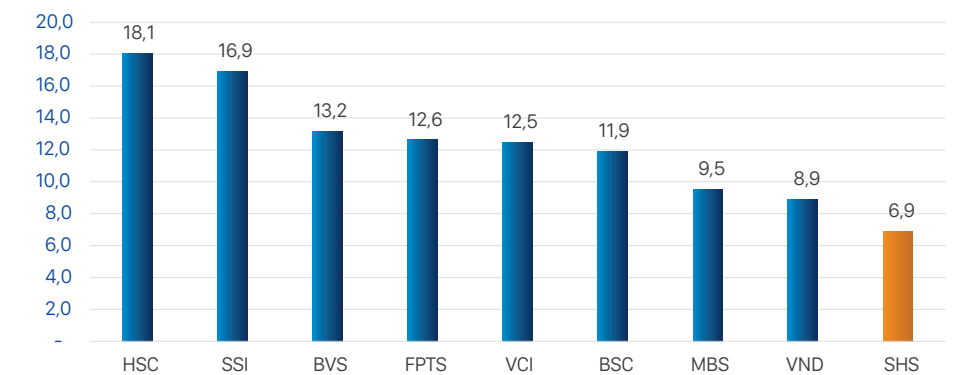
EPS



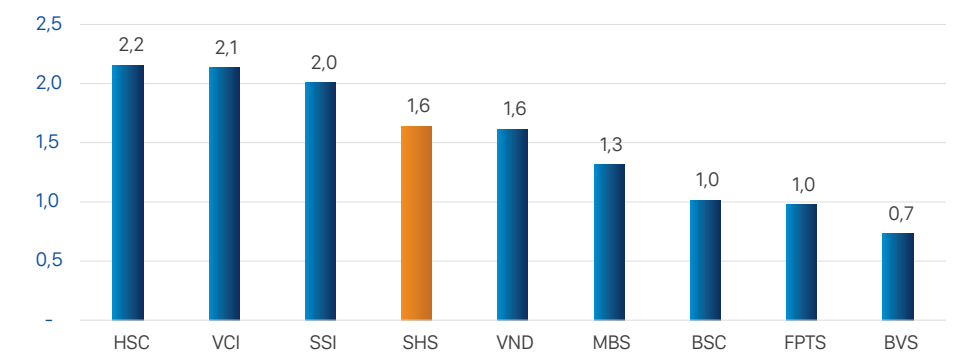
Tỷ lệ an toàn tài chính



P/E



P/B



(Nguồn: FiinPro, SHS Research)

Trong số 14 công ty chứng khoán được lựa chọn, SHS đứng vị trí thứ 13 về tỷ lệ an toàn tài chính, thứ 9 về tổng tài sản, thứ 8 về vốn chủ sở hữu, thứ 7 về vốn điều lệ nhưng đứng thứ 2 về ROA và ROE, thứ 4 về lợi nhuận sau thuế và EPS. Không tính 5 công ty chứng khoán chưa niêm yết thì SHS đứng vị trí thứ 9 về P/E nhưng đứng thứ 4 về P/B. Điều đó cho thấy trong năm 2020, Công ty đã đạt hiệu quả kinh doanh vượt trội tính trên tổng tài sản và vốn tự có. Ngoài ra, tính đến thời điểm 31/12/2020, giá trị thị trường của cổ phiếu SHS vẫn được định giá tương đối thấp so với giá trị sổ sách và nhờ đó SHS trở nên hấp dẫn hơn trong mắt nhà đầu tư so với các công ty chứng khoán khác trong ngành.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

► VIỆC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KINH DOANH ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA NĂM 2020

ĐHĐCĐ thường niên 2020 đã thông qua Nghị quyết số 01-2020/NQ-HĐQT về kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty trên cơ sở những giả định về tình hình kinh tế vĩ mô, sự phát triển của TTCK Việt Nam cũng như thị phần môi giới SHS có thể đạt được. Trong năm 2020, việc thực hiện kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty được thực hiện như sau:

	ƯỚC/KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	ĐÁNH GIÁ
I. GIẢ ĐỊNH			
1. Tình hình kinh tế vĩ mô	Bất ổn trong 6 tháng đầu năm và ổn định trong 6 tháng cuối năm.	Ổn định cả năm.	Thực tế tốt hơn giả định.
2. Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường	5.100 tỷ đồng/phiên.	+ Sàn HOSE: 6.290 tỷ đồng/phiên. + Sàn HNX: 720,5 tỷ đồng/phiên.	Thực tế tốt hơn giả định.
3. Thị phần SHS	+ Tại sàn HOSE: 3,0% + Tại sàn HNX: 5,0% + Tính chung toàn thị trường: 3,3%	+ Tại sàn HOSE: 2,5% + Tại sàn HNX: 6,6% + Tính chung toàn thị trường: 2,8%	Về tổng thể không đạt kế hoạch tuy nhiên tại sàn HNX, thị phần môi giới thực tế tốt hơn.
II. KẾ HOẠCH			
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	950,0 tỷ đồng	1.808,5 tỷ đồng	Đạt vượt mức kế hoạch.
2. Tổng chi phí	700,0 tỷ đồng	869,6 tỷ đồng	Không đạt kế hoạch.
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	320,0 tỷ đồng	938,9 tỷ đồng	Đạt vượt mức kế hoạch.

Năm 2020, Công ty hoàn thành vượt trội kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Bên cạnh nguyên nhân khách quan là TTCK Việt Nam phát triển mạnh trong năm 2020 thì nguyên nhân chủ quan là sự đồng lòng, đoàn kết của toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty; sự linh hoạt, đổi mới, sáng tạo, tận dụng thời cơ kinh doanh trong hoạt động quản lý, điều hành của BTGD. Nhờ đó, hầu hết các mặt hoạt động kinh doanh chính của Công ty đều đạt và vượt mức kế hoạch đã đề ra. Cụ thể:

- **Hoạt động môi giới và lưu ký chứng khoán:** Mặc dù phải đối mặt với áp lực cạnh tranh gay gắt từ các công ty chứng khoán top đầu với nhiều chính sách ưu đãi như miễn, giảm phí và áp lực cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán có yếu tố ngoại có lợi thế về vốn và công nghệ dẫn đến thị phần của Công ty có xu hướng giảm nhưng doanh thu môi giới và lưu ký của Công ty vẫn tăng 26,1% so với năm trước và vượt

36,3% kế hoạch. Có được thành quả đó bên cạnh là do TTCK Việt Nam phát triển mạnh trong năm 2020 thì Công ty vẫn chú trọng vào hiệu quả kinh doanh và tư vấn nhằm gia tăng giá trị tài sản ròng của khách hàng hơn là chú trọng gia tăng thị phần. Tuy vậy, thị phần môi giới chứng khoán niêm yết tại sàn HNX của SHS vẫn tăng lên 6,6% (tăng thêm 1,5% so với năm trước) và tiến 2 bậc lên vị trí thứ 4 (thay vì thứ 6 trong năm trước). Ngoài ra, SHS vẫn giữ vững vị trí Top 10 thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ lớn nhất trên sàn HNX mặc dù SHS không còn nằm trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết và trái phiếu Chính phủ lớn nhất tại HOSE. Doanh thu môi giới và lưu ký chiếm 10,7% tổng doanh thu năm 2020 của Công ty và có xu hướng tăng trở lại so với năm 2019. So với các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam, doanh thu môi giới và lưu ký của SHS đứng thứ 14 trong khi tổng tài sản đứng thứ

9 và vốn điều lệ đứng thứ 8. Số lượng tài khoản mở mới tăng 1.667 tài khoản, tương đương tăng 59,6% so với năm trước lên 49.920 tài khoản. Tuy vậy, so với các công ty chứng khoán trong Top 10 thì số lượng tài khoản mở mới trong năm 2020 của SHS chưa nhiều mà nguyên nhân chủ yếu là do một số công ty chứng khoán đã áp dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin hiện đại trong việc mở tài khoản từ xa, tư vấn và hỗ trợ khách hàng giao dịch. Khách hàng cá nhân trong nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu khách hàng của Công ty.

- **Hoạt động đầu tư:** Năm 2020, hoạt động đầu tư của Công ty đạt được kết quả vượt trội mà nguyên nhân khách quan là TTCK Việt Nam phát triển mạnh. Tuy nhiên, phải kể đến các nguyên nhân chủ quan là Công ty đã đánh giá đúng tình hình; đánh giá đúng xu hướng thị trường và xu hướng giá cổ phiếu; kiên định chiến lược đầu tư; linh hoạt, sáng tạo, kiên quyết trong việc ra quyết định đầu tư cũng như trong việc ghi nhận lợi nhuận. Nhờ đó, doanh thu tự doanh của Công ty trong năm 2020 đã đạt 986,1 tỷ đồng, tăng 199,6% so với năm trước và tăng 98,8% so với kế hoạch. Doanh thu tự doanh chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty (54,6%). So với các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam, doanh thu tự doanh của Công ty đứng thứ 5 trong khi tổng tài sản đứng thứ 9 và vốn điều lệ đứng thứ 8. Quy mô đầu tư tại thời điểm 31/12/2020 đã tăng 28,1% so với cùng kỳ năm trước. Danh mục tự doanh của Công ty ngày càng có chất lượng, có tiềm năng mang lại hiệu quả kinh doanh cao cho doanh nghiệp.
- **Hoạt động dịch vụ tài chính:** Mặc dù nguồn vốn cho hoạt động đầu tư chứng khoán từ các ngân hàng cho khách hàng bị tạm dừng trong năm 2020 và sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán có nguồn vốn ngoại với lãi suất cho vay thấp hơn rất nhiều, doanh thu dịch vụ tài chính của Công ty vẫn đạt 474,7 tỷ đồng, tăng 3,3% so với năm trước và tăng 11,0% so với kế hoạch trong khi quy mô cho vay tại thời điểm 31/12/2020 chỉ tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong cơ cấu doanh thu năm 2020 của Công ty, doanh thu dịch vụ tài chính chiếm 26,3% tổng doanh thu toàn Công ty và tăng trưởng gấp 2,3 lần so với 5 năm trước. Công ty có doanh thu dịch vụ tài chính đứng 4 trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam trong khi tổng tài sản đứng thứ 9 và vốn điều lệ đứng thứ 8. Tuy vậy, những hạn chế lớn nhất trong hoạt động dịch vụ tài chính của Công ty vẫn là lãi

suất cho vay chưa thực sự cạnh tranh, thủ tục và hồ sơ vay còn nhiều và phức tạp.

- **Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành:** Hoạt động tư vấn tài chính truyền thống của các công ty chứng khoán nói chung và SHS nói riêng tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng do đại dịch Covid-19. Tuy vậy, nhờ định hướng đúng đắn vào các hoạt động tư vấn chuyên sâu liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp nên doanh thu hoạt động này của Công ty vẫn tăng mạnh. Tính chung cả năm 2020, doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của Công ty đạt 150,6 tỷ đồng, tăng 11,3% so với năm trước và hoàn thành vượt 97,6% kế hoạch, đứng thứ 5 trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

► VIỆC HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN TÀI CHÍNH, QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong năm 2020, Công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Công tác nhân sự và hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế nội bộ vẫn được quan tâm, chú trọng. Công ty cũng đã thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực tài chính của Công ty như phát hành trái phiếu riêng lẻ, cơ cấu lại tài sản và nợ, nâng cao hiệu quả kinh doanh... Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty đáp ứng các quy định pháp luật hiện hành. Trong năm 2020, Công ty không sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán của TTLCKVN. Công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ tiếp tục được chú trọng. Tuy vậy, do quy mô của Công ty ngày càng lớn, hoạt động kinh doanh ngày càng đa dạng, phức tạp nên các hoạt động này cần được chú trọng và tăng cường hơn nữa nhằm bảo vệ những thành quả có được của hoạt động kinh doanh.

► VIỆC NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ UY TÍN DOANH NGHIỆP

Trong năm 2020, Công ty đã tập trung vào việc kinh doanh để sử dụng hiệu quả nguồn vốn phát hành thêm trong năm 2019. Công ty cũng phát hành thành công 3 đợt trái phiếu riêng lẻ với quy mô 1.100 tỷ đồng để bù đắp cho các đợt trái phiếu phát hành trước đây đến hạn. Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện gia hạn các hợp đồng vay và đàm phán thành công với các ngân hàng để tăng hạn mức vay ở ngân hàng.

BTGD và tập thể cán bộ, nhân viên đã nỗ lực và thực hiện đồng bộ các giải pháp để từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của SHS, nắm bắt hiệu quả



xu hướng thị trường cũng như tất cả các cơ hội có được từ thị trường để nâng cao hiệu quả kinh doanh, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ để giảm thiểu hồ sơ, rút ngắn thủ tục tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Các sản phẩm, dịch vụ của SHS tuy không còn giữ được vị thế tiên phong, đi đầu thị trường nhưng vẫn được đánh giá cao bởi sự linh hoạt, đáp ứng đa dạng nhu cầu của nhà đầu tư.

Với kết quả đạt được trong hoạt động kinh doanh cũng như trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty đã từng bước khẳng định thương hiệu và uy tín của mình với khách hàng, đối tác và cơ quan quản lý. Trong năm 2020, Công ty tiếp tục được các cơ quan, tổ chức vinh danh và trao tặng nhiều danh hiệu cao quý (*Vui lòng xem tại Mục Giải thưởng đạt được – Phần Thông tin chung của Công ty*).

► VIỆC THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2020, Công ty tiếp tục chú trọng mục tiêu gia tăng giá trị tài sản ròng của khách hàng và phát triển Công ty bền vững. Theo đó, HĐQT vẫn bố trí 1 thành viên HĐQT phụ trách các vấn đề phát triển bền vững của Công ty. Bên cạnh nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó, Công ty cũng nỗ lực thực hiện trách nhiệm đối với các vấn đề môi trường và xã hội. Cụ thể: toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty tiếp tục nỗ lực tiết kiệm điện năng, nước và vật liệu trong khi thực hiện công việc, thực hiện tái sử dụng một cách hợp lý hoặc xử lý rác thải văn phòng một cách khoa học

góp phần giảm thiểu tác hại đối với môi trường. Công ty đảm bảo công ăn việc làm ổn định với mức thu nhập cạnh tranh cho toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty, không sử dụng lao động trẻ em hay lao động cưỡng bức. Công ty đã hoàn thành việc xếp lương và trả lương theo cơ chế mới cho toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty từ tháng 06/2020. Thu nhập bình quân của cán bộ, nhân viên đã tăng từ 28,7 triệu đồng/người/tháng (năm 2019) lên 38,3 triệu đồng/người/tháng (năm 2020). Công ty tiếp tục mua bảo hiểm nhân thọ hàng năm tại Công ty Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH) cho cán bộ, nhân viên. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên trong năm 2020 Công ty không thực hiện khám bệnh định kỳ cho cán bộ, nhân viên. Công tác giáo dục và đào tạo cho cán bộ, nhân viên được quan tâm và khuyến khích. Năm 2020, bên cạnh các khóa đào tạo nội bộ, đào tạo trong công việc, Công ty đã chi 53,5 triệu đồng cho các khóa đào tạo bên ngoài. Công ty cũng đảm bảo sự cân bằng giới tính cũng như các quyền tự do của người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty đã đóng góp tích cực vào thị trường vốn xanh thông qua tất cả các hoạt động chính của Công ty như môi giới, phân tích, đầu tư, tư vấn... 40.800 tỷ đồng đã được đầu tư trong năm 2020 vào cổ phiếu xanh và trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp xanh góp phần cùng với Chính phủ và các doanh nghiệp bảo vệ môi trường, nâng cao an sinh xã hội.. Hơn 5,5 tỷ đồng đã được chi ra để tài trợ cho cộng đồng địa phương và xã hội... Điều đó cho thấy trách nhiệm xã hội của Công ty đã được nâng lên rõ rệt trong năm 2020.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT ghi nhận những nỗ lực to lớn của BTGD trong việc quản lý, điều hành Công ty trong bối cảnh có sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán có nhiều lợi thế về vốn và công nghệ. BTGD đã nỗ lực tìm kiếm và phát triển khách hàng, đối tác, thu xếp nguồn vốn, phát triển sản phẩm và cơ cấu danh mục đầu tư góp phần mang lại hiệu quả kinh doanh vượt trội cho Công ty và cổ đông; ổn định tổ chức và quản trị tốt rủi ro. BTGD đã phát huy vai trò truyền lửa cho đội ngũ cán bộ, nhân viên của Công

ty, phát huy tính sáng tạo và chủ động trong công việc; không ngừng học hỏi kiến thức và tích lũy kinh nghiệm cũng như huy động nhiều nguồn lực để tiếp cận thị trường và khách hàng; chặt chẽ trong quản trị, điều hành để bộ máy Công ty vận hành hiệu quả. BTGD cũng đã nhìn nhận đúng đắn về thời cơ cũng như lợi thế của SHS trong việc khai thác mảng trái phiếu. Nhờ đó, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh vượt trội so với năm trước.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021 được xem là một năm thuận lợi và khó khăn đan xen khi nguy cơ dịch bệnh Covid có thể quay trở lại bất cứ lúc nào và việc tiêm vacxin đại trà chưa thể hoàn thành. TTCK Việt Nam vẫn nằm trong xu hướng tăng nhưng rủi ro đã tăng lên đáng kể. Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 cùng nhiều văn bản pháp lý mới ra đời trong năm 2020 sẽ có tác động sâu sắc và khá toàn diện đến TTCK Việt Nam trong đó có hoạt động của các công ty chứng khoán. Cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán sẽ ngày càng trở nên khốc liệt mà chủ yếu là sự cạnh tranh dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại và tập trung vào quản lý hiệu quả tài sản cho khách hàng và cho chính công ty chứng khoán. Mọi hoạt động của Công ty cần luôn sẵn sàng để bước vào giai đoạn áp dụng công nghệ thông tin hiện đại với sự thay đổi mạnh mẽ của hành lang pháp lý.

Do đó, quá trình tái cơ cấu, thay đổi toàn diện, làm mới tổ chức cả về lượng và chất trên cơ sở nguồn lực sẵn có và giảm thiểu những hạn chế vốn có, khai thác nhiều hơn cơ hội để phát triển, đặc biệt là các mảng hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính, đầu tư và tư vấn trong nội bộ SHS vẫn phải được triển khai không ngừng nghỉ. Công ty vẫn phải tìm tòi sự khác biệt và khai thác đối tượng khách hàng riêng; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ; duy trì phong cách tự doanh hiệu quả của năm trước nhằm định hình phong cách đầu tư riêng của SHS; áp dụng công nghệ thông tin hiện đại bằng cách nhanh chóng nâng cấp phần mềm lõi chứng khoán và bổ sung tính năng mới cho phần mềm theo hướng tập trung quản lý tài sản; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và quản trị rủi ro, đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính. Công ty cũng cần thiết lập bộ máy vận hành quy

chuẩn, chuyên nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật và linh hoạt trong hoạt động kinh doanh.

HĐQT CHỈ ĐẠO BTGD TIẾP TỤC TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH SAU:

- Thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã thông qua, tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và định hướng hoạt động của Cơ quan quản lý Nhà nước.
- Tiếp tục áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành theo các chuẩn mực quốc tế và Việt Nam; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính.
- Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ; duy trì phong cách tự doanh hiệu quả; hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ... trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và nâng cao tính chuyên nghiệp.
- Đề cao tinh thần Chính trực – Đoàn kết – Trách nhiệm – Kỷ luật của mỗi cán bộ, nhân viên trong Công ty nhằm tạo dựng và duy trì sức mạnh tập thể.
- Phát triển SHS bền vững, chú trọng công tác cộng đồng, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

► SO VỚI KẾ HOẠCH

Năm 2020, cả thế giới và Việt Nam ứng phó với đại dịch Covid-19. Đại dịch này kéo theo cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng nhất kể từ Đại suy thoái kinh tế vào những năm 30 của thế kỷ trước. Tuy vậy, dưới sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng và Chính phủ, các chiến lược và biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 được triển khai đồng bộ với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, được người dân đồng lòng ủng hộ. Nhờ đó, đại dịch Covid-19 đã sớm được kiểm soát, góp phần ổn định nền kinh tế vĩ mô. Cùng với các gói kích thích kinh tế, TTCK Việt Nam đã tăng mạnh. Nhờ đó, các công ty chứng khoán trong đó có SHS vốn phụ thuộc rất nhiều vào diễn biến thị trường đã có một năm đạt kết quả kinh doanh ấn tượng.

Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2020 của SHS đạt 1.808,5 tỷ đồng, bằng 161,4% kế hoạch. Do áp dụng mọi biện pháp tiết kiệm chi phí nên tổng chi phí của Công ty trong năm 2020 là 869,6 tỷ đồng, chỉ bằng 108,6% kế hoạch. Dẫn đến, cả năm 2020, lợi nhuận kế toán trước thuế của toàn Công ty đạt 938,9 tỷ đồng, bằng 293,4% kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên 2020 thông qua.

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2020	KẾ HOẠCH NĂM 2020	THAY ĐỔI	
				SỐ TIỀN	%
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.808,5	1.120,8	687,7	161,4%
2	Tổng chi phí	869,6	800,8	68,8	108,6%
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế	938,9	320,0	618,9	293,4%

► SO VỚI NĂM TRƯỚC

(Đơn vị: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	THAY ĐỔI	
			SỐ TIỀN	%
I. TỔNG DOANH THU trong đó:	1.808,5	1.072,4	736,1	68,6%
1. Doanh thu hoạt động	1.805,0	1.067,3	737,7	69,1%
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	986,1	329,1	657,0	199,6%
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	464	425,5	38,5	9,0%
- Doanh thu môi giới chứng khoán	172,5	128	44,5	34,8%
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	84,2	126,9	-42,7	-33,6%
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	10,7	34,1	-23,4	-68,6%
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	20,4	14,6	5,8	39,7%
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	66,4	8,4	58,0	690,5%
- Doanh thu hoạt động khác	0,7	0,7	-	-
2. Doanh thu tài chính	3,3	3,1	0,2	6,5%
3. Thu nhập khác	0,2	2,0	-1,8	-90,0%
II. TỔNG CHI PHÍ trong đó:	869,6	760,4	109,2	14,4%
1. Chi phí hoạt động	590,2	459,8	130,4	28,4%

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	THAY ĐỔI	
			SỐ TIỀN	%
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	82,2	66,6	15,6	23,4%
3. Chi phí tài chính	197,2	234,0	-36,8	-15,7%
4. Chi phí khác	-	-	-	-
III. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ TNDN	938,9	312,0	626,9	200,9%
IV. CHI PHÍ THUẾ TNDN trong đó:	184,6	57,4	127,2	221,6%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	73,9	62,3	11,6	18,6%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	110,7	-4,9	115,6	-2.359,2%
V. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	754,3	254,6	499,7	196,3%

VỀ DOANH THU:

Tổng doanh thu các hoạt động của Công ty trong năm 2020 đạt 1.808,5 tỷ đồng, tăng 736,1 tỷ đồng tương đương tăng 68,6% so với năm trước. So với năm trước, tất cả các hoạt động kinh doanh chính của Công ty đều tăng trừ 2 hoạt động tư vấn đầu tư và hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành giảm, lần lượt là 68,6% và 33,6%. Nguyên nhân là do sự thắt chặt các quy định về tín dụng ngân hàng dành cho khách hàng đầu tư chứng khoán trong năm 2020 dẫn đến quy mô cho vay của ngân hàng dành cho khách hàng giảm mạnh và doanh thu tư vấn đầu tư của SHS cũng giảm theo. Ngoài ra, do sự thắt chặt các quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ từ ngày 01/09/2020 theo quy định của Nghị định số 81/2020/NĐ-CP dẫn đến doanh thu bảo lãnh và đại lý phát hành của SHS cũng giảm mạnh.

Trong các hoạt động kinh doanh tăng thì hoạt động tư vấn tài chính và hoạt động tự doanh tăng trưởng mạnh nhất, lần lượt tăng là 58,0 tỷ đồng tương đương tăng 690,5% và tăng 657,0 tỷ đồng tương đương tăng 199,6%. Nguyên nhân là do mặc dù các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Nghị định 81/2020/NĐ-CP trong việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ nhưng do Công ty vẫn đẩy mạnh khai thác khách hàng có nhu cầu tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong 8 tháng đầu năm nên doanh thu tư vấn tài chính của Công ty vẫn tăng mạnh. Ngoài ra, Công ty đã nhận định đúng tình hình thị trường và xu hướng giá cổ phiếu trên sàn niêm yết để canh mua và chốt lãi đúng thời điểm trong năm 2020. Hơn nữa, Công ty đã có sự phân tích doanh nghiệp chi tiết và sâu sát nhằm đưa ra quyết định mua, bán phù hợp; chọn lọc các mã cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, có yếu tố hỗ trợ

và tránh xa các mã cổ phiếu có nền tảng yếu, mang nặng yếu tố đầu cơ. Nhờ đó, doanh thu tự doanh năm 2020 của Công ty đã tăng mạnh.

VỀ CHI PHÍ:

Nhờ các biện pháp kiểm soát tốt chi phí nên tổng chi phí năm 2020 của Công ty là 869,6 tỷ đồng, chỉ tăng 109,2 tỷ đồng tương đương tăng 14,4% so với năm trước. Chi phí năm 2020 tăng chủ yếu do tăng chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp mà nguyên nhân là do hầu hết các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty đều tăng doanh thu trong năm 2020. Tuy vậy, chi phí tài chính giảm là do Công ty đã tận dụng tốt nguồn tiền nhàn rỗi của Nhà đầu tư và chi phí vốn vay ngân hàng giảm mạnh trong năm 2020.

VỀ LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ VÀ SAU THUẾ:

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2020 là 938,9 tỷ đồng, tăng 626,9 tỷ đồng tương đương tăng 200,9% so với năm trước. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của Công ty là 754,3 tỷ đồng, tăng 499,7 tỷ đồng tương đương tăng 196,3% so với năm trước. Nguyên nhân là do tổng doanh thu và thu nhập khác tăng 736,1 tỷ đồng tương đương tăng 68,6% nhưng tổng chi phí chỉ tăng 109,2 tỷ đồng tương đương tăng 14,4% so với năm trước. Trong năm 2020, Công ty đã hạch toán tăng 18,6% chi phí thuế TNDN hiện hành và giảm 2.359,2% chi phí thuế TNDN hoãn lại so với năm trước.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

► TÌNH HÌNH TÀI SẢN

(Đơn vị: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	31/12/2020		31/12/2019		THAY ĐỔI	
	SỐ TIỀN	TỶ TRỌNG	SỐ TIỀN	TỶ TRỌNG	SỐ TIỀN	% TĂNG
TÀI SẢN NGẮN HẠN	6.857,7	99,0%	5.989,9	98,6%	867,8	14,5%
Tiền và các khoản tương đương tiền	653,0	9,4%	1.052,4	17,3%	(399,4)	-38,0%
Các khoản đầu tư ngắn hạn	2.665,7	38,5%	1.570,1	25,9%	1.095,6	69,8%
Các khoản phải thu	3.536,1	51,0%	3.360,2	55,3%	175,9	5,2%
Tài sản ngắn hạn khác	2,9	0,0%	7,2	0,1%	(4,3)	-59,7%
TÀI SẢN DÀI HẠN	72,0	1,0%	82,8	1,4%	(10,8)	-13,0%
Tài sản cố định	4,4	0,1%	4,4	0,1%	-	-
Tài sản dài hạn khác	67,6	1,0%	78,4	1,3%	(10,8)	-13,8%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	6.929,7	100,0%	6.072,7	100,0%	857,0	14,1%

VỀ CƠ CẤU TÀI SẢN

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2020 đạt mức cao nhất từ trước đến nay là 6.929,7 tỷ đồng, tăng 857,0 tỷ đồng tương đương tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước. Tài sản của Công ty chủ yếu hình thành từ tài sản ngắn hạn. Tài sản ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2020 chiếm 90,0% tổng tài sản, tăng nhẹ 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Tài sản ngắn hạn năm 2020 của Công ty chủ yếu là:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn; các khoản đầu tư tự doanh chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết như cổ phiếu, trái phiếu chính phủ, trái phiếu của ngân hàng và doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng. Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty năm 2020 chiếm 38,5% tổng tài sản, tăng tỷ trọng 12,6% so với cùng kỳ năm trước.
- Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm phải thu từ cho vay các dịch vụ tài chính, trả trước cho người bán, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi và phải thu khác. Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2020 của Công ty chiếm 51,0% tổng tài sản, giảm tỷ trọng 4,3% so với cùng kỳ năm trước.
- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng dưới dạng tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi dưới 3 tháng, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán... Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty năm 2020 chiếm 9,4% tổng tài sản, giảm tỷ trọng 7,9% so với cùng kỳ năm trước.

VỀ BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN SO VỚI NĂM TRƯỚC

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2020 của Công ty là 6.929,7 tỷ đồng, tăng 857,0 tỷ đồng tương đương tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước trong đó tài sản ngắn hạn là 6.857,7 tỷ đồng, tăng 867,8 tỷ đồng tương đương tăng 14,5% và tài sản dài hạn là 72,0 tỷ đồng, giảm 10,8 tỷ đồng tương đương giảm 13,0% so với cùng kỳ năm trước.

- Đối với tài sản ngắn hạn: Tất cả các hạng mục đầu tư ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2020 của Công ty đều giảm so với cùng kỳ trừ các khoản đầu tư ngắn hạn tăng mạnh 69,8% và các khoản phải thu tăng nhẹ 5,2%. Nguyên nhân là do Công ty tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tự doanh trên cơ sở tận dụng tốt các cơ hội thị trường trong năm 2020 và tại thời điểm cuối năm, Công ty còn giữ lại danh mục tự doanh khá lớn để dành cho năm sau.
- Đối với tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn của Công ty giảm chủ yếu là do giảm tài sản dài hạn khác 10,8 tỷ đồng tương đương giảm 13,8% mà nguyên nhân chủ yếu là do Công ty phân bổ lợi thế thương mại từ việc nhận sáp nhập SHBS vào chi phí của Công ty.

► TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

(Đơn vị: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	31/12/2020		31/12/2019		THAY ĐỔI	
	SỐ TIỀN	TỶ TRỌNG	SỐ TIỀN	TỶ TRỌNG	SỐ TIỀN	%
NỢ PHẢI TRẢ	3.703,4	53,4%	3.380,3	55,7%	323,1	9,6%
Nợ phải trả ngắn hạn	3.586,4	51,8%	3.374,0	55,6%	212,4	6,3%
Nợ phải trả dài hạn	117,0	1,7%	6,3	0,1%	110,7	1.757,1%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.226,3	46,6%	2.692,4	44,3%	533,9	19,8%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.295,3	33,1%	2.295,3	37,8%	-	0-
Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	931,0	13,4%	397,1	6,5%	533,9	134,4%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.929,7	100,0%	6.072,7	100,0%	857,0	14,1%

VỀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Nguồn vốn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2020 đạt mức cao nhất từ trước đến nay là 6.929,7 tỷ đồng, tăng 857,0 tỷ đồng tương đương tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước. Nguồn vốn của Công ty hình thành từ nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trong đó nợ phải trả chiếm 53,4% và vốn chủ sở hữu chiếm 46,6%.

Nợ phải trả của Công ty bao gồm:

- Nợ phải trả ngắn hạn: Tại thời điểm 31/12/2020, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty là 3.586,4 tỷ đồng, chiếm 51,8% tổng nguồn vốn bao gồm vay nợ ngân hàng ngắn hạn, phát hành trái phiếu dài hạn nhưng thời hạn chỉ còn dưới 1 năm, phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả thuế và các khoản phải trả nhà nước, phải trả cho người lao động, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi, phải trả, phải nộp khác...
- Nợ phải trả dài hạn: Tại thời điểm 31/12/2020, nợ phải trả dài hạn của Công ty là 117,0 tỷ đồng, chiếm 1,7% tổng nguồn vốn bao gồm phải trả trái phiếu phát hành dài hạn, phải trả người bán dài hạn, phải trả nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tại thời điểm 31/12/2020, vốn đầu tư của chủ sở hữu là 2.295,3 tỷ đồng, chiếm 33,1% tổng nguồn vốn bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.
- Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối: Tại thời điểm 31/12/2020, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối là 931,0 tỷ đồng, chiếm 13,4% bao gồm quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, lợi nhuận chưa phân phối.

VỀ BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN SO VỚI NĂM TRƯỚC

Tổng nguồn vốn cuối năm 2020 của Công ty là 6.929,7 tỷ đồng, tăng 857,0 tỷ đồng tương đương tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do tăng nợ phải trả 323,1 tỷ đồng tương đương tăng 9,6% và tăng vốn chủ sở hữu 533,9 tỷ đồng tương đương tăng 19,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Nợ phải trả tăng do tăng cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Trong đó, nợ phải trả ngắn hạn tăng 212,4 tỷ đồng tương đương tăng 6,3% chủ yếu do Công ty tăng cường phát hành trái phiếu riêng lẻ và nhận đặt cọc Hợp đồng môi giới chứng khoán trong khi giảm nợ vay ngân hàng nhằm giảm chi phí vốn của Công ty. Nợ phải trả dài hạn tăng 110,7 tỷ đồng tương đương tăng 1.757,1% là do Công ty hạch toán tăng chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả.
- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng là do tăng các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối trong khi nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu không đổi. Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm cuối năm 2020 tăng 533,9 tỷ đồng tương đương tăng 134,4% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do trong năm 2020, Công ty hạch toán chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý 43,4 tỷ đồng, hạch toán bổ sung quỹ trừ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính mỗi loại 14,8 tỷ đồng từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 và hạch toán tăng lợi nhuận chưa phân phối 461,2 tỷ đồng từ kết quả kinh doanh năm 2020.

**BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG**

CHỈ TIÊU	2020	2019	TĂNG/GIẢM
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán nhanh	18,2%	31,2%	-13,0%
Hệ số thanh toán hiện hành	191,2%	177,5%	13,7%
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	53,4%	55,7%	-2,3%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	114,8%	125,6%	-10,8%
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay các khoản phải thu	0,3	0,3	-
Vòng quay vốn lưu động	0,4	0,3	0,1
Vòng quay tổng tài sản	0,2	0,2	-
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Tỷ lệ Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	67,3%	56,9%	10,4%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	52,0%	29,2%	22,8%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	41,8%	23,9%	17,9%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	25,5%	11,2%	14,3%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	11,6%	4,7%	6,9%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS) (đồng)	3.649,0	1.359,0	2.290,0
CHỈ TIÊU VỀ AN TOÀN VỐN			
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại 31/12	347,9%	338,4%	9,5%

- Trong các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán của SHS năm 2020 thì hệ số thanh toán hiện hành lớn hơn 1 và tăng so với năm 2019 trong khi hệ số thanh toán nhanh nhỏ hơn 1 và giảm so với năm 2019. Điều đó cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của SHS nhìn chung là tốt và có xu hướng tốt lên tuy nhiên khả năng thanh toán bằng các tài sản ngắn hạn, thanh khoản, dễ chuyển đổi thành tiền của Công ty thì chưa tốt và có dấu hiệu kém đi.
- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn như hệ số Nợ/Tổng tài sản, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của SHS trong năm 2020 đều giảm xuống cho thấy mức độ chủ động hơn về vốn tự có của Công ty so với năm trước. Đối chiếu với thực tế, SHS đã có kết quả kinh doanh rất tốt trong năm 2020 nhờ đó nâng cao năng lực vốn tự có của SHS.
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty như vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản của Công ty trong năm 2020 về cơ bản là ổn định, không có sự thay đổi so với năm trước.
- Các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời của SHS trong năm 2020 đều tăng mạnh so với năm trước. Điều đó cho thấy Công ty đã sử dụng hiệu quả các nguồn vốn kinh doanh, kiểm soát tốt chi phí dẫn đến đạt được kết quả kinh doanh tốt trong năm 2020.
- Tỷ lệ an toàn tài chính tại 31/12/2020 đạt 347,9%, tăng thêm 9,4% so với cùng kỳ năm trước cho thấy mức độ an toàn tài chính của Công ty tăng lên.

BÁO CÁO VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**MÔI GIỚI VÀ LƯU KÝ****► KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020****Doanh thu**

TTCK Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ cả về số lượng tài khoản mở mới và giá trị giao dịch bình quân một phiên trong năm 2020. Cụ thể:

- Số lượng nhà đầu tư mở mới đạt khoảng 393.000 tài khoản, tăng gấp đôi so với năm 2019 và đạt mức cao nhất trong lịch sử 20 năm thành lập của TTCK Việt Nam.
- Chỉ số VN-Index đạt 1.103,9 điểm, tăng 14,9% so với cuối năm 2019. Khối lượng giao dịch bình quân/phiên đạt 335,5 triệu cổ phiếu, tăng 83,8%. Giá trị giao dịch bình quân/phiên đạt 6.290 tỷ đồng, tăng 52,41% so với năm 2019.
- Chỉ số HNX – Index đạt 203,1 điểm, tăng 98% so cuối năm 2019. Khối lượng giao dịch bình quân/phiên đạt 60,6 triệu cổ phiếu, tăng 92,4%. Giá trị giao dịch bình quân/phiên đạt 720,5 tỷ đồng tăng 77,9% so năm 2019.

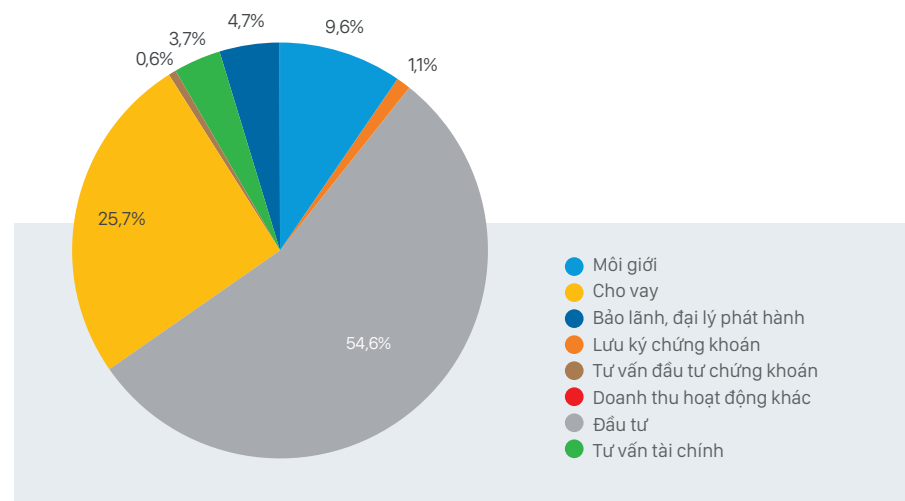
Bên cạnh đó, nhờ định hướng chiến lược từ các năm trước theo hướng tận dụng thị trường trái phiếu Chính phủ vẫn phát triển mạnh trong năm 2020 nhờ đó, doanh thu môi giới và lưu ký của Công ty cũng tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 192,9 tỷ đồng, bằng 136,3% kế hoạch và tăng 26,1% so với năm trước.

(Đơn vị: tỷ đồng)

DOANH THU	2019	2020		THAY ĐỔI	
		THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH	% THAY ĐỔI SO VỚI NĂM 2019	% SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2020
Môi giới	128,1	172,5	126,3	25,7%	136,6%
Lưu ký	14,5	20,4	15,2	28,9%	134,2%
Tổng cộng	142,6	192,9	141,5	26,1%	136,3%

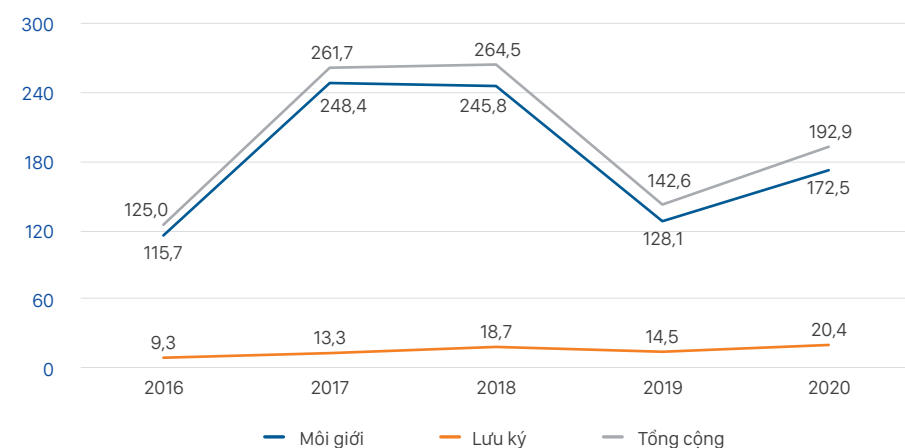


Trong cơ cấu doanh thu năm 2020 của SHS, doanh thu môi giới chiếm 9,6%, doanh thu lưu ký chiếm 1,1%. Tổng hợp 2 hoạt động, doanh thu môi giới và lưu ký của SHS năm 2020 chiếm 10,7% tổng doanh thu.



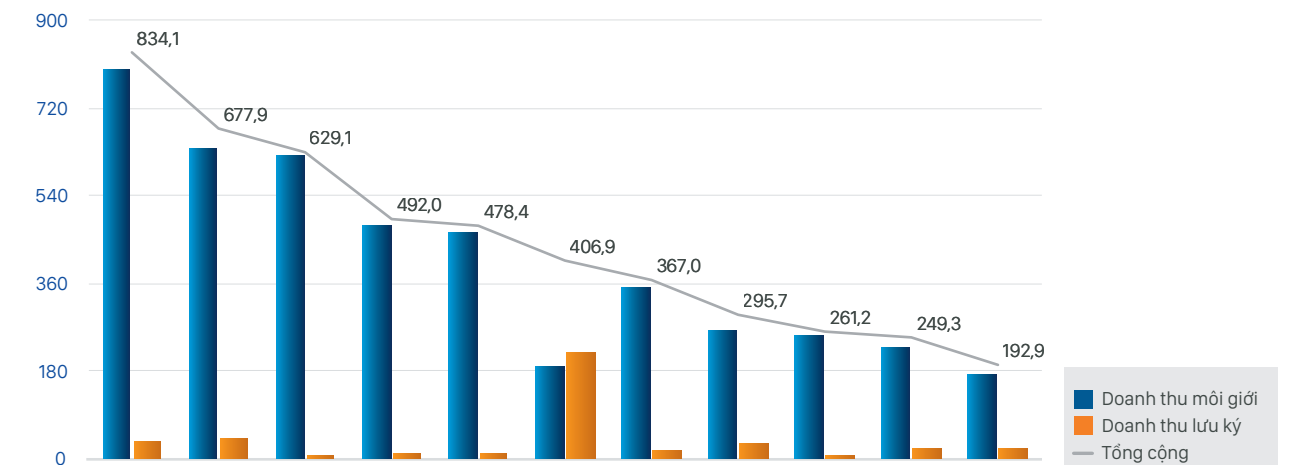
Nhờ TTCK Việt Nam có sự phục hồi dần trong giai đoạn 2016-2018 và đặc biệt là nhờ những chính sách quyết đoán, phù hợp với thị trường của Công ty trong các năm 2017, 2018 nên doanh thu môi giới và lưu ký của SHS đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, liên tục trong giai đoạn này. Tuy vậy, bước sang năm 2019, doanh thu môi giới và lưu ký của Công ty có dấu hiệu suy giảm do sự cạnh tranh gay gắt của các công ty có yếu tố ngoại với nguồn vốn dồi dào và chi phí cho vay hợp lý hơn. Bước sang năm 2019, TTCK Việt Nam thực sự bùng nổ nhờ các gói kích thích kinh tế của Chính phủ để đối phó với sự suy giảm của nền kinh tế do tác hại của đại dịch Covid. Nhờ đó, hoạt động môi giới và lưu ký của các công ty chứng khoán trong đó có SHS được hưởng lợi từ sự bùng nổ này của TTCK Việt Nam. Doanh thu môi giới và lưu ký của SHS đã tăng trở lại.

(Đơn vị: tỷ đồng)



So với các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam, doanh thu môi giới và lưu ký năm 2020 của SHS đạt 192,9 tỷ đồng, đứng vị trí thứ 14 trong số các công ty có tổng doanh thu môi giới và lưu ký lớn nhất Việt Nam.

(Đơn vị: tỷ đồng)



(Nguồn: SHS Research)

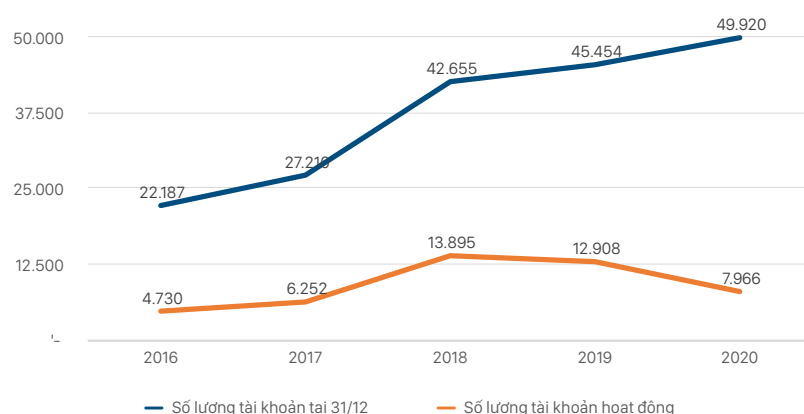
Thị phần

Thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết của SHS có sự tăng trưởng liên tục từ năm 2015 đến năm 2017 và giảm dần từ năm 2017 đến năm 2019 (đối với sàn HNX) nhưng có sự biến động theo xu hướng giảm dần từ năm 2015-2020 (trên sàn HOSE và Upcom). Điều đó cho thấy, dù có lợi thế trên sàn HNX hơn sàn HOSE nhưng SHS vẫn phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán khác. Để khắc phục sự sụt giảm về thị phần của Công ty trên sàn HOSE và Upcom, Công ty đã định vị lại chiến lược kinh doanh, theo đó từ năm 2018, Công ty đã tập trung phát triển mạnh thị phần môi giới niêm yết và trái phiếu Chính phủ trên sàn HNX.

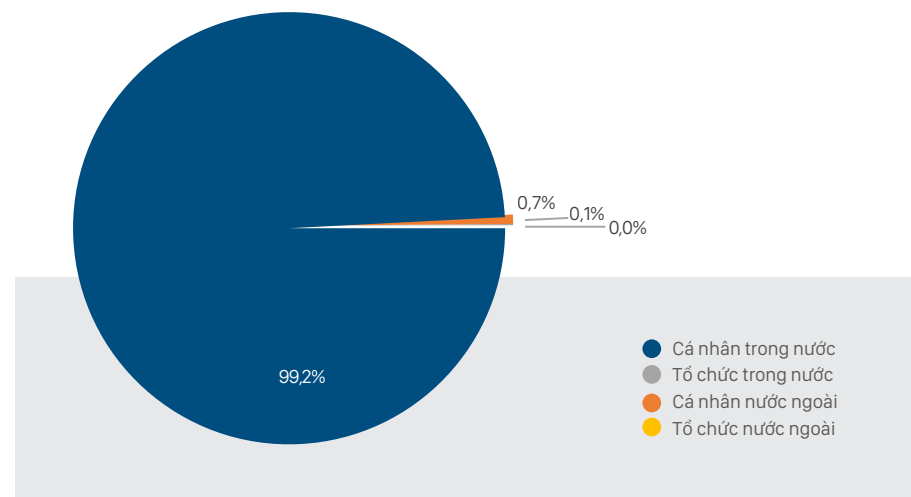
SÀN	THỊ PHẦN/ VỊ TRÍ	2016	2017	2018	2019	2020
HNX - CP	Thị phần	8,0%	11,0%	8,4%	5,0%	6,6%
	Vị trí	3	2	4	6	4
HOSE - CP	Thị phần	4,3%	5,1%	4,0%	3,0%	
	Vị trí	6	7	6	13	
Upcom	Thị phần		7,9%	5,1%	3,0%	
	Vị trí		4	8	11	
HNX - TP	Thị phần			5-10%	5-10%	5-10%
	Vị trí			8	6	8
HOSE - TP	Thị phần			1,3%	0,4%	
	Vị trí			7	10	

**Số lượng tài khoản**

Số lượng tài khoản mở mới năm 2020 tại SHS đã tăng 1.667 tài khoản, tương đương tăng 59,6% so với năm trước. Lũy kế trong 5 năm từ 2016 đến 2020, số lượng tài khoản mở mới tăng 27.733 tài khoản, tương đương tăng 125% so với cuối năm 2016. Tính đến ngày 31/12/2020, tổng số lượng tài khoản tại SHS đạt 49.920 tài khoản trong đó số lượng tài khoản hoạt động đạt 15,9%.



Trong cơ cấu khách hàng của SHS, khách hàng trong nước vẫn chiếm đa số lên đến 99,9%. Trong đó, khách hàng cá nhân trong nước chiếm 99,2%. Chỉ có 0,7% là khách hàng tổ chức trong nước. Số lượng khách hàng nước ngoài chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ.

**Kết quả khác**

- Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, Công ty đã thực hiện quyết liệt và bám sát các chỉ đạo của HĐQT đảm bảo hoạt động giao dịch chứng khoán được thông suốt trong thời gian giãn cách xã hội trên địa bàn Tp. Hà Nội.
- Triển khai các hoạt động khảo sát thị trường để tiến tới nâng cấp phần mềm lõi chứng khoán và bổ sung các tính năng mới cho phần mềm.
- Triển khai các hoạt động phối hợp phát triển sản phẩm mới, đặc biệt là sản phẩm trái phiếu bán lẻ.
- Trước sự cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty chứng khoán trong hoạt động môi giới, Công ty đã tiếp tục mở rộng thêm mạng lưới, phát triển thêm 1 Văn phòng đại diện tại Tp. Hải Phòng với 3 nhân sự môi giới chứng khoán.

► HẠN CHẾ

Đối chiếu với kế hoạch hoạt động môi giới năm 2020 đã đề ra, Công ty đã thực hiện thành công được một số mục tiêu trong năm 2020 sau:

- Củng cố và cải tiến các sản phẩm, dịch vụ môi giới cổ phiếu hiện có theo hướng đáp ứng cao hơn nhu cầu của từng nhóm khách hàng, chú trọng nhóm khách hàng có tỉ lệ vòng quay giao dịch cao.
- Hoàn thiện và áp dụng việc đổi mới cơ chế trả lương cho môi giới theo hướng cạnh tranh để giữ chân các môi giới giỏi của Công ty, thu hút nhân sự môi giới có chất lượng từ các công ty chứng khoán khác về làm việc tại SHS từ đó tạo ra sự ổn định và gia tăng hiệu quả của hoạt động môi giới.

Bên cạnh đó, một số mục tiêu cho hoạt động môi giới năm 2020 vẫn chưa thực hiện được như:

- Kiên trì mục tiêu giữ vững thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết nằm trong Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên cả 2 sàn, định hướng Top 3.
- Đa dạng hóa các sản phẩm của môi giới như: chứng khoán phái sinh, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ, chứng chỉ tiền gửi... góp phần gia tăng phí môi giới của Công ty.
- Đào tạo đội ngũ nhân sự môi giới về kiến thức đầu tư tài chính nhằm nâng cấp từ môi giới tư vấn đầu tư chứng khoán thành môi giới tư vấn quản lý tài sản cho khách hàng.
- Trong giai đoạn chưa thể thay đổi được phần mềm lõi chứng khoán thì tập trung nâng cấp hệ thống phần mềm hiện tại theo hướng đáp ứng nhu cầu quản lý tài sản và đa dạng các kênh đầu tư cho khách hàng.
- Kết hợp hiệu quả giữa TTMGCK và Phòng CNTT, Phòng KH&PTTT để phát triển khách hàng vắng lại trên nền tảng công nghệ tiên tiến.
- Phát triển đối tượng khách hàng là tổ chức và có yếu tố nước ngoài.

► KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Những hạn chế nêu trên trong hoạt động môi giới của Công ty cần tiếp tục được hoàn thiện trong năm 2021. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021 cụ thể như sau:

- Kiên trì mục tiêu giữ vững thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết nằm trong Top 5 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất trên cả 2 sàn, định hướng Top 3.
- Đa dạng hóa các sản phẩm của môi giới như: chứng khoán phái sinh, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ, chứng chỉ tiền gửi... góp phần gia tăng phí môi giới của Công ty.
- Đào tạo đội ngũ nhân sự môi giới về kiến thức đầu tư tài chính nhằm nâng cấp từ môi giới tư vấn đầu tư chứng khoán thành môi giới tư vấn quản lý tài sản cho khách hàng.
- Nâng cấp phần mềm lõi chứng khoán và bổ sung các tính năng mới cho phần mềm để đáp ứng nhu cầu quản lý tài sản và đa dạng các kênh đầu tư cho khách hàng.
- Phối hợp hiệu quả giữa TTMGCK và Phòng CNTT, Phòng KH&PTTT để phát triển khách hàng vắng lại trên nền tảng công nghệ tiên tiến.
- Xây dựng chiến lược phát triển khách hàng phù hợp với thực tế để mở rộng quy mô khách hàng theo hướng bền vững, đặc biệt khách hàng là các DNNN đã cổ phần hóa và phải thực hiện lộ trình niêm yết theo quy định của Chính phủ. Ngoài ra, xây dựng chiến lược phát triển đối tượng khách hàng là tổ chức và có yếu tố nước ngoài.



ĐẦU TƯ

► KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

DOANH THU

Nhờ có sự phân tích doanh nghiệp chi tiết và sâu sát, tập trung chọn lọc các mã chứng khoán có nền tảng cơ bản tốt, có yếu tố hỗ trợ và tránh xa các mã chứng khoán có nền tảng yếu, mang nặng yếu tố đầu cơ kết hợp với nhận định đánh giá đúng tình hình thị trường và xu hướng giá chứng khoán từ đó đưa ra quyết định mua bán phù hợp, tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu các rủi ro của khoản đầu tư, hoạt động đầu tư năm 2020 ghi nhận 986,1 tỷ đồng doanh thu, thực hiện được 198,8% kế hoạch và tăng 199,6% so với năm trước.

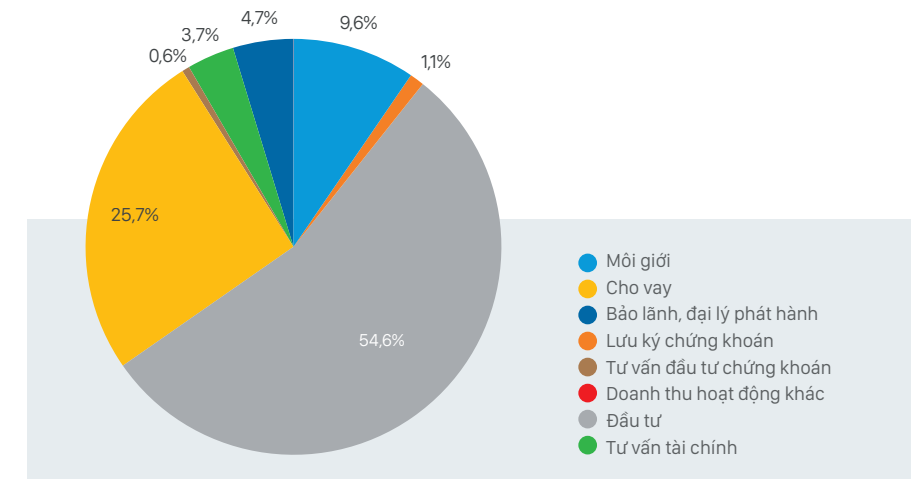
(Đơn vị: tỷ đồng)

DOANH THU	2020			THAY ĐỔI	
	2019	THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH	% THAY ĐỔI SO VỚI NĂM 2019	% SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2020
Đầu tư	329,1	986,1	496,0	199,6%	198,8%

Một số khoản đầu tư mang lại hiệu quả cao cho SHS trong năm 2020 như:

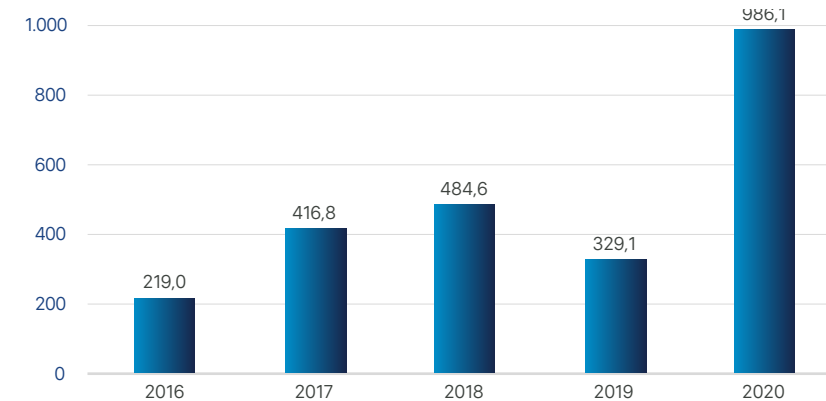
- Cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết: SHB, GVR, TCB, PVM, HPG, VPB, BSI, STB, GEX, GMD...
- Trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết gồm:
 - Trái phiếu Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB), Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VIETBANK), Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB), Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB), Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVB)...
 - Trái phiếu doanh nghiệp: Công ty CP Tập đoàn Masan, Công ty CP ADEC, Công ty Cổ phần BCG Enegy, Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà, Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (CC1), Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (PLP)...
 - Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh phát hành.
- Tiền gửi có kỳ hạn: Ngân hàng TMCP An Bình (ABB), Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VIETBANK), Ngân hàng TMCP Việt Á (VIETABank), Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)...

Trong cơ cấu doanh thu năm 2020 của SHS, doanh thu từ hoạt động đầu tư chiếm đa số, đạt 54,6%.



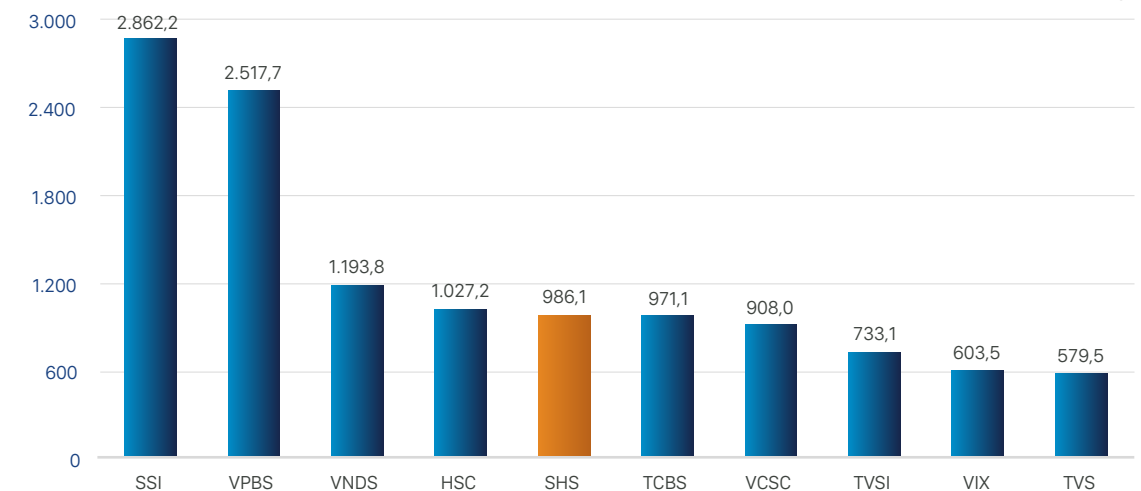
Nhờ sự phục hồi dần của TTCK Việt Nam trong giai đoạn 2016-2020 và đặc biệt là trong năm 2020, doanh thu hoạt động đầu tư của Công ty có sự tăng trưởng liên tục từ năm 2015 đến năm 2018 và chỉ suy giảm vào năm 2019 rồi tiếp tục tăng mạnh vào năm 2020.

(Đơn vị: tỷ đồng)



So sánh với các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam, doanh thu từ hoạt động đầu tư của SHS năm 2020 đạt 986,1 tỷ đồng, đứng ở vị trí thứ 5 trong số các công ty chứng khoán có doanh thu từ hoạt động đầu tư lớn nhất Việt Nam.

(Đơn vị: tỷ đồng)



(Nguồn: SHS Research)

**QUY MÔ ĐẦU TƯ**

Tận dụng sự bùng nổ của TTCK Việt Nam trong năm 2020, Công ty chú trọng đầu tư cổ phiếu niêm yết trong đó tập trung vào danh mục cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng. Trong năm 2020, Công ty đã giải ngân đầu tư thêm 1.281,8 tỷ đồng và hiện thực hóa lợi nhuận danh mục tự doanh của 673,4 tỷ đồng.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty đã thực hiện theo đúng kế hoạch là giữ nguyên hoặc tăng ít do dư địa tăng không còn nhiều.

Ngoài ra, hoạt động đầu tư tiếp tục có sự dịch chuyển mạnh mẽ theo đó, Công ty chú trọng vào hoạt động đầu tư trái phiếu niêm yết, chưa niêm yết (như trái phiếu chính phủ, ngân hàng, doanh nghiệp) và tiền gửi có kỳ hạn đang có nhiều cơ hội trong năm 2020. Đồng thời, cuối năm Công ty cũng đã hiện thực hóa lợi nhuận của hầu hết các khoản đầu tư này.

(Đơn vị: tỷ đồng)

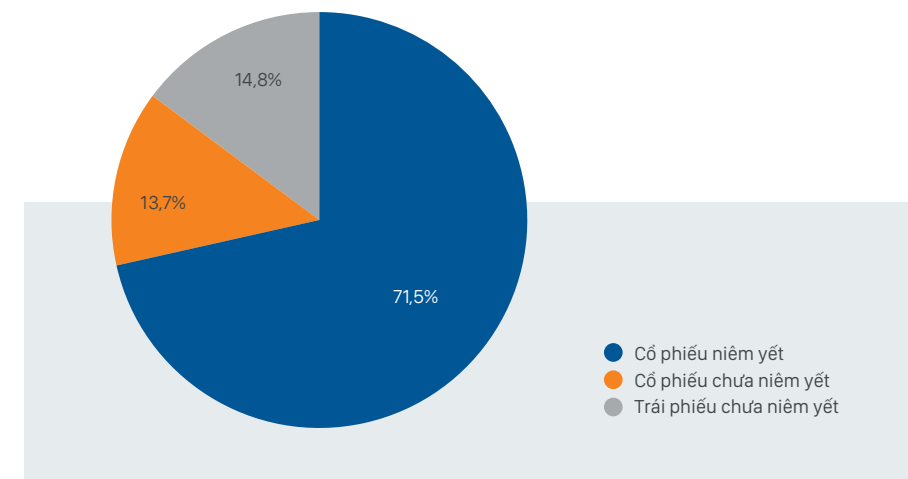
CHỈ TIÊU	TẠI 01/01/2020	TĂNG TRONG NĂM	GIẢM TRONG NĂM	TẠI 31/12/2020
GIÁ MUA	1.631,1	64.084,6	63.625,5	2.090,2
Tài sản FVTPL	1.631,1	63.901,1	63.625,5	1.906,7
Cổ phiếu niêm yết	702,3	1.281,8	673,4	1.310,7
Cổ phiếu chưa niêm yết	287,4	94,8	95,8	286,4
Trái phiếu niêm yết	341,4	21.957,2	22.298,6	-
Trái phiếu chưa niêm yết	300,0	12.028,0	12.018,4	309,6
Tiền gửi có kỳ hạn	-	28.539,3	28.539,3	-
Tài sản AFS	-	183,5	-	183,5
Phân loại lại - Cổ phiếu niêm yết	-	183,5	-	183,5
CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ	(61,1)	800,2	193,6	545,5
Tài sản FVTPL	(61,1)	522,7	193,6	268,0
Tài sản AFS	-	277,5	-	277,5
Tổng cộng	1.570,0	64.884,8	63.819,1	2.635,7

Tại thời điểm 31/12/2020, quy mô đầu tư của Công ty đã tăng thêm 459,1 tỷ đồng, tương đương tăng 28,1% so với cuối năm 2019.

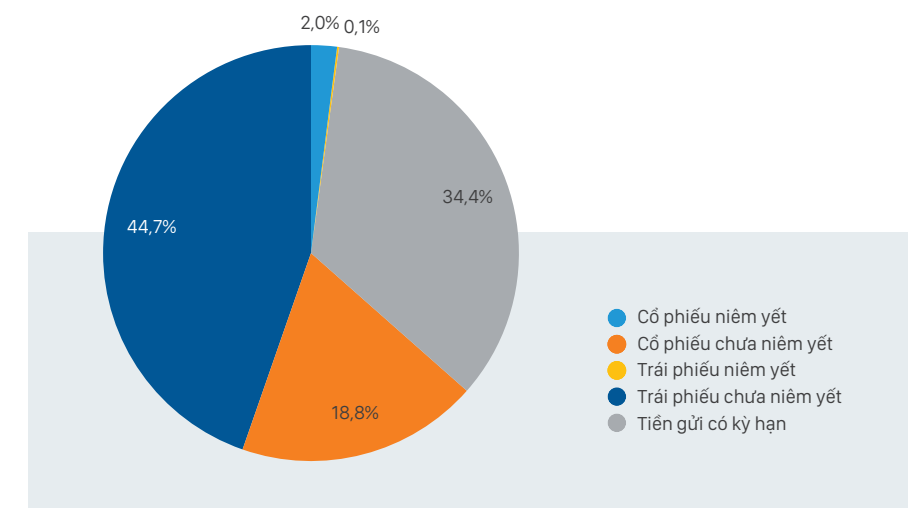
(Đơn vị: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	TẠI 01/01/2020	TẠI 31/12/2020	THAY ĐỔI	
			SỐ TIỀN	%
GIÁ MUA	1.631,1	2.090,2	459,1	28,1%
Tài sản FVTPL	1.631,1	1.906,7	275,6	16,9%
Cổ phiếu niêm yết	702,3	1.310,7	608,4	86,6%
Cổ phiếu chưa niêm yết	287,4	286,4	(1,0)	-0,3%
Trái phiếu niêm yết	341,4	-	(341,4)	-100,0%
Trái phiếu chưa niêm yết	300,0	309,6	9,6	3,2%
Tài sản AFS	-	183,5	183,5	-
Phân loại lại - Cổ phiếu niêm yết	-	183,5	183,5	-

Trong cơ cấu đầu tư của Công ty tại ngày 31/12/2020, cổ phiếu niêm yết vẫn chiếm tỷ trọng lớn, đạt 71,5%, tiếp theo trái phiếu chưa niêm yết, đạt 14,8% và cuối cùng là cổ phiếu chưa niêm yết, đạt 13,7%.



Tuy vậy, quy mô đầu tư trong năm 2020 của Công ty lại chủ yếu tập trung vào trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn. Trong đó, tổng số tiền đầu tư vào trái phiếu niêm yết chiếm 34,4%, vào trái phiếu chưa niêm yết là 18,8%, tiền gửi là 44,7% và đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết chỉ chiếm 2,0% và 0,1%.





KẾT QUẢ KHÁC

- Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành về hạn chế đầu tư quy định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC và Thông tư 07/2016/TT-BTC.
- Quy trình đầu tư ngày một hoàn thiện; nhân sự đầu tư được bổ sung kịp thời; hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động đầu tư hỗ trợ tốt cho công việc; hồ sơ, giấy tờ, thủ tục ngày càng được chuẩn hóa.
- Đã có sự phân tích doanh nghiệp chi tiết và sâu sát nhằm đưa ra quyết định mua, bán phù hợp, đúng thời điểm; chọn lọc các mã có nền tảng cơ bản tốt, có yếu tố hỗ trợ và tránh xa các mã có nền tảng yếu, mang nặng yếu tố đầu cơ.

► HẠN CHẾ

Đối chiếu với kế hoạch hoạt động tự doanh năm 2020 đã đề ra, Công ty đã thực hiện được hầu hết các mục tiêu trong năm 2020. Tuy vậy, một số mục tiêu vẫn chưa thực hiện được như:

- Việc thoái vốn đối với các khoản đầu tư còn đang nằm dưới dạng cổ phiếu, cổ phần chưa niêm yết thì chưa thể thực hiện được vì thời điểm chưa chín muồi hoặc kết quả kinh doanh của doanh nghiệp chưa đạt mức kỳ vọng khiến giá trị cổ phiếu, cổ phần chưa tăng.

- Nhân sự phân tích thị trường chứng khoán niêm yết còn thiếu.
- Công ty còn có hạn chế trong việc tiếp cận thông tin doanh nghiệp.

► KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2021

Những hạn chế nêu trên trong hoạt động đầu tư của Công ty cần tiếp tục được hoàn thiện trong năm 2021. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021 cụ thể như sau:

- Tiếp tục thoái vốn đối với các khoản đầu tư còn đang nằm dưới dạng cổ phiếu, cổ phần chưa niêm yết.
- Bổ sung đầy đủ và có chất lượng nhân sự phân tích thị trường chứng khoán niêm yết.
- Bám sát thông tin về doanh nghiệp nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư tốt cho năm 2021.
- Hoàn thiện quy trình đầu tư và quy định về phân cấp đầu tư.
- Bổ sung các công cụ phân tích dữ liệu (Bloomberg, Reuters...) để hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động đầu tư.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành về hạn chế đầu tư theo quy định của Thông tư 121/2020/TT-BTC.

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

► KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

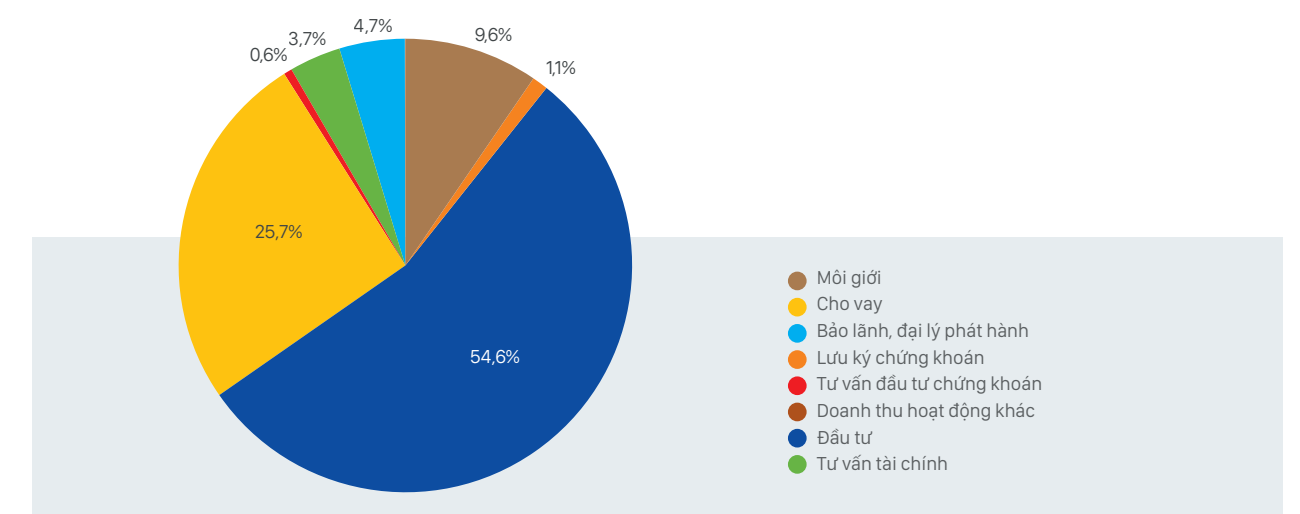
DOANH THU

Trong năm 2020, mặc dù nguồn vốn cho hoạt động đầu tư chứng khoán của khách hàng tại SHS gặp khó khăn do việc thắt chặt tín dụng của ngân hàng dành cho khách hàng đầu tư chứng khoán nhưng doanh thu dịch vụ tài chính của Công ty vẫn đạt 474,7 tỷ đồng, bằng 111,0% kế hoạch và tăng 3,3% so với năm trước. Bên cạnh hoạt động cho vay truyền thống của Công ty tăng so với năm trước và hoàn thành vượt mức kế hoạch thì doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư và quản lý tài sản đảm bảo cho các khoản vay của nhà đầu tư tại ngân hàng giảm sút mạnh so với năm trước và không hoàn thành kế hoạch.

(Đơn vị: tỷ đồng)

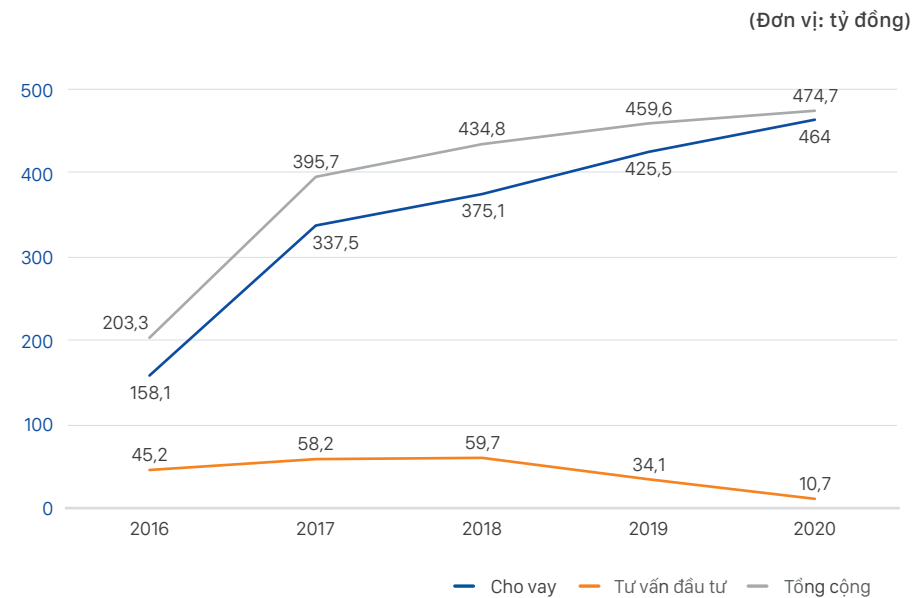
DOANH THU	2020			THAY ĐỔI	
	2019	THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH	% THAY ĐỔI SO VỚI NĂM 2019	% SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2020
Cho vay	425,5	464,0	404,5	9,0%	114,7%
Tư vấn đầu tư	34,1	10,7	23,0	-68,6%	46,5%
Tổng cộng	459,6	474,7	427,5	3,3%	111,0%

Trong cơ cấu doanh thu năm 2020 của SHS, doanh thu từ hoạt động cho vay chiếm 25,7% và doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chiếm 0,6%. Tổng hợp 2 hoạt động, doanh thu dịch vụ tài chính của Công ty chiếm 26,3% tổng doanh thu toàn Công ty.

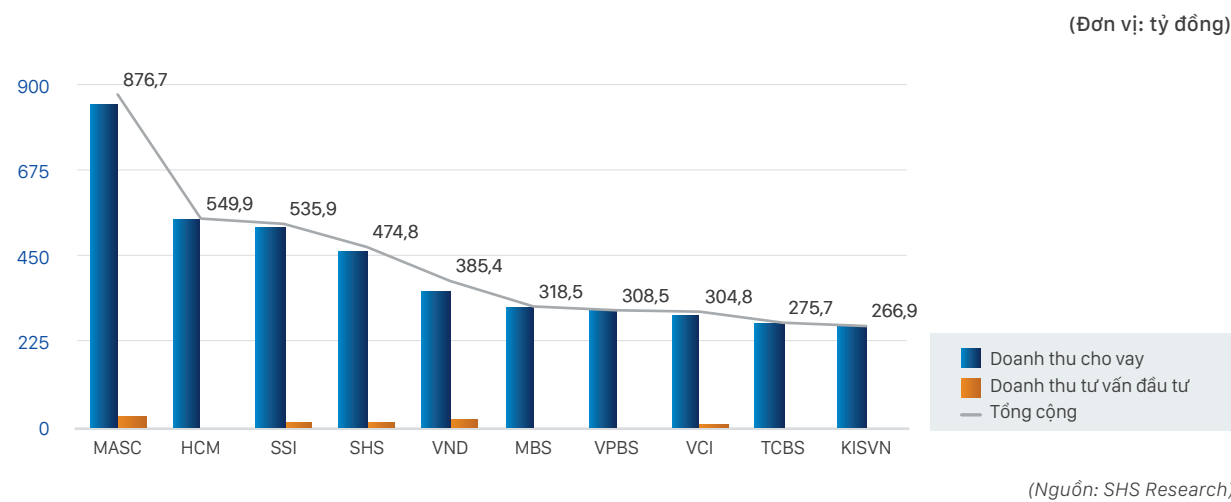




Doanh thu dịch vụ tài chính của Công ty có sự tăng trưởng liên tục trong suốt 5 năm qua trong đó doanh thu năm 2020 đã gấp 2,3 lần so với năm 2016.



Trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động của Việt Nam, trong năm 2019, SHS đang đứng thứ 4 về doanh thu dịch vụ tài chính.



QUY MÔ CHO VAY

Trong năm 2020, Công ty đã dành 15.515,3 tỷ đồng cho vay giao dịch ký quỹ, 18.192,6 tỷ đồng cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán và 19.187,0 tỷ đồng cho vay giao dịch chứng khoán khác.

Tại thời điểm cuối năm 2020, phải thu các dịch vụ tài chính của Công ty đã tăng 166,5 tỷ đồng tương đương tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước. Tuy vậy, trong khi phải thu về giao dịch ký quỹ và phải thu về ứng trước tiền bán chứng khoán tăng so với cùng kỳ năm trước thì phải thu về các hoạt động giao dịch chứng khoán khác giảm đáng kể.

(Đơn vị: tỷ đồng)

PHẢI THU DỊCH VỤ TÀI CHÍNH	31/12/2020	1/1/2020	THAY ĐỔI	
			SỐ TIỀN	%
Giao dịch ký quỹ	1.778,9	1.544,7	234,1	15,2%
Ứng trước tiền bán chứng khoán	392,8	103,1	289,7	280,9%
Hợp tác kinh doanh chứng khoán	427,8	427,8	-	-
Hoạt động giao dịch chứng khoán khác	1.171,1	1.528,4	(357,3)	-23,4%
Tổng cộng	3.770,6	3.604,1	166,5	4,6%

KẾT QUẢ KHÁC

- Đa dạng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Xây dựng khung chính sách phù hợp cho từng nhóm khách hàng đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng và tối ưu hóa hiệu quả nguồn sử dụng đặc biệt trong những giai đoạn nguồn cho vay từ ngân hàng bị tạm dừng.
- Chính sách kiểm soát xử lý thu hồi nợ vay, giải chấp uyển chuyển, hợp lý.
- Hoàn thiện dần quy trình phối hợp, kiểm tra chéo, công cụ hỗ trợ nghiệp vụ giảm thiểu rủi ro trong quá trình triển khai sản phẩm tới khách hàng.
- Ngày càng hoàn thiện hệ thống báo cáo hỗ trợ, phần mềm quản lý tác nghiệp nhanh gọn và phù hợp với tình hình hiện tại.
- Thường xuyên phối hợp thẩm định, đánh giá lại danh mục và room cho vay chứng khoán để cập nhật danh mục và room phù hợp với tình hình thị trường và quản trị tốt rủi ro.

► HẠN CHẾ

Đối chiếu với kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 đã được thông qua, về cơ bản Công ty đã đạt được các mục tiêu đã đề ra đối với hoạt động dịch vụ tài chính. Tuy vậy, một số mục tiêu vẫn chưa thực hiện được cụ thể như sau:

- Sản phẩm vay và quy mô cho vay của bên thứ ba chưa ổn định, lãi suất cho vay chưa cạnh tranh, danh mục chứng khoán cho vay còn chưa hấp dẫn khách hàng, hồ sơ và thủ tục vay còn phức tạp và mất nhiều thời gian...

► KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2021

Những hạn chế nêu trên trong hoạt động dịch vụ tài chính của Công ty cần tiếp tục được hoàn thiện trong năm 2021. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021 cụ thể như sau:

- Xây dựng nhiều gói sản phẩm linh hoạt, ưu đãi về lãi suất, danh mục, tỷ lệ... để thu hút khách hàng.
- Phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách về đánh giá, chăm sóc khách hàng để đưa ra sản phẩm phù hợp hơn, thu hút khách hàng hơn.
- Xây dựng chính sách, cơ chế để thu hút thêm các nhà đầu tư tổ chức, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài.
- Tái cấu trúc cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn theo hướng an toàn, hiệu quả và bền vững.
- Đa dạng hóa nguồn vốn bên cạnh các nguồn vốn hiện có.
- Phối hợp xây dựng, cải tiến, cập nhật một số quy trình theo tình hình thực tế.
- Phối hợp để nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý giúp đẩy nhanh tốc độ xử lý công việc và quản trị tốt rủi ro.
- Đào tạo nội bộ khi có thay đổi về công nghệ, chính sách, sản phẩm...



TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

► KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

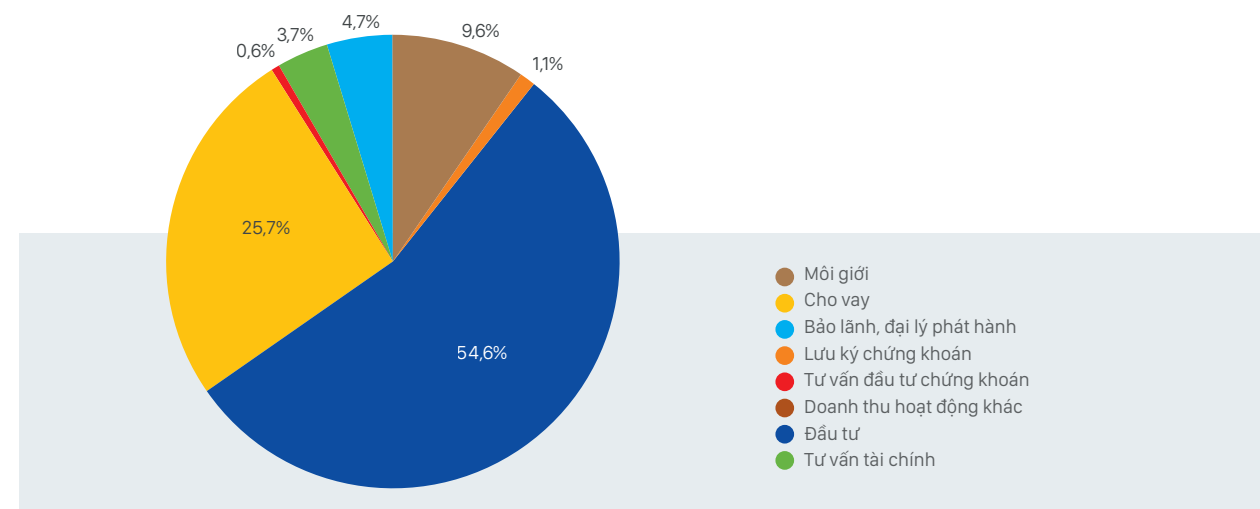
DOANH THU

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước trở nên trầm lắng, hoạt động M&A tại Việt Nam cũng như trên toàn cầu đều giảm mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Do đó, hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, phát hành của các công ty chứng khoán nói chung và SHS nói riêng chịu nhiều ảnh hưởng. Tuy nhiên, nhờ chính sách chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, dịch vụ được định hướng từ các năm trước theo hướng tận dụng thị trường trái phiếu vẫn đang phát triển mạnh trong 9 tháng năm 2020 nên doanh thu từ mảng tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu vẫn tăng mạnh và chiếm tỷ trọng lớn. Tính chung cả năm 2020, doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của Công ty đạt 150,6 tỷ đồng, tăng 11,3% so với năm trước và đạt 297,6% kế hoạch.

(Đơn vị: tỷ đồng)

DOANH THU	2020			THAY ĐỔI	
	2019	THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH	% THAY ĐỔI SO VỚI NĂM 2019	% SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2020
Tư vấn tài chính	8,4	66,4	15,6	690,5%	425,6%
Bảo lãnh và đại lý phát hành	126,9	84,2	35,0	-33,6%	240,6%
Tổng cộng	135,3	150,6	50,6	11,3%	297,6%

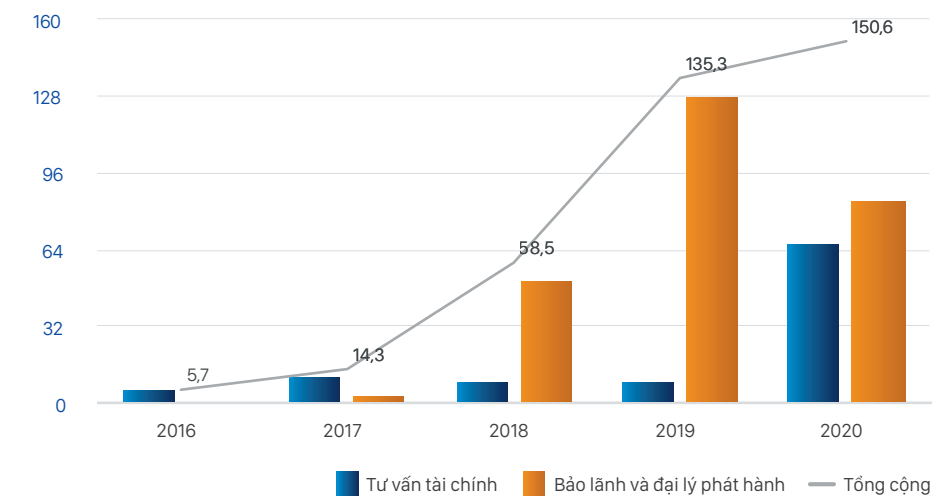
Trong cơ cấu doanh thu năm 2020 của SHS, doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành chiếm tỷ lệ 8,3%.



Một số hợp đồng tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành lớn đã ghi nhận doanh thu trong năm 2020 như: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn, Tổng Công ty CP Bảo hiểm Hàng không, Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam, Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHBFC), Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB), Ngân hàng TMCP Phương Đông, Công ty CP Ea Súp, Công ty CP BCG Energy, Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê, Công ty CP Xuân Thiện Ninh Thuận, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang, Công ty CP Xuân Thiện Thuận Bắc...

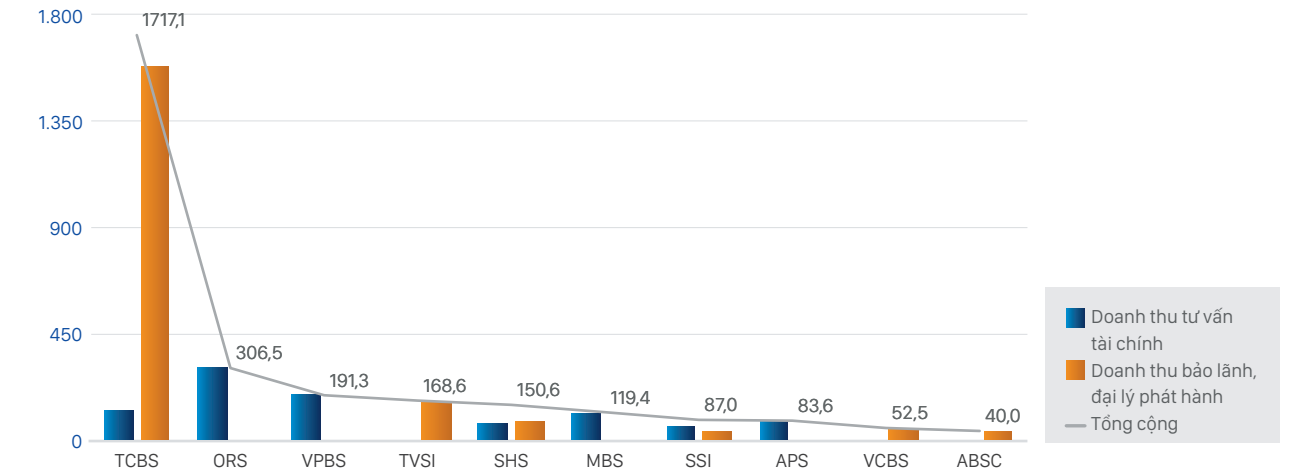
Doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của Công ty có sự tăng trưởng liên tục trong suốt 5 năm qua trong đó doanh thu năm 2020 đã gấp 26,4 lần so với năm 2016.

(Đơn vị: tỷ đồng)



Trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam, SHS đang đứng vị trí thứ 5 về doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành trong năm 2020.

(Đơn vị: tỷ đồng)



(Nguồn: SHS Research)

KHAI THÁC HỢP ĐỒNG

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên hoạt động khai thác hợp đồng tư vấn truyền thống trong năm 2020 không đạt được kết quả như mong đợi. Doanh thu khai thác hợp đồng được trong năm 2020 chỉ đạt 7,3 tỷ đồng, bằng 88,0% so với kế hoạch.

Tuy vậy, hoạt động khai thác các hợp đồng tư vấn chuyên sâu và bảo lãnh, đại lý phát hành đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Theo đó, Công ty đã mở rộng được tập khách hàng là các định chế tài chính, ngân hàng thương mại và các doanh nghiệp thuộc các ngành như cảng, bất động sản, năng lượng tái tạo bên cạnh các khách hàng truyền thống.

KẾT QUẢ KHÁC

- Các sản phẩm tư vấn đã được hoàn thiện và điều chỉnh phù hợp theo yêu cầu của từng khách hàng và từng giao dịch, có sự khác biệt với sản phẩm của các công ty chứng khoán khác.
- Một số trái phiếu do SHS thực hiện tư vấn, bảo lãnh và đại lý phát hành đã được bán lẻ cho đối tượng khách hàng cá nhân, mở ra kênh phân phối cho SHS.
- Tập khách hàng và uy tín tư vấn của SHS ngày càng tăng.
- Đội ngũ nhân sự tư vấn cũng đã có sự chuyên môn hóa rõ rệt theo hai nghiệp vụ chính là tư vấn tài chính truyền thống và tư vấn tài chính chuyên sâu, đã được tuyển dụng và bổ sung đầy đủ.



► HẠN CHẾ

Đối chiếu với kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 đã được thông qua, về cơ bản Công ty đã đạt được các mục tiêu đã đề ra đối với hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành. Tuy vậy, một số mục tiêu vẫn chưa thực hiện được cụ thể như sau:

- Đối với hoạt động tư vấn chuyên sâu và bảo lãnh, đại lý phát hành: Nhân sự chủ yếu vẫn đang trong giai đoạn tích lũy kinh nghiệm, khả năng độc lập về nghiệp vụ chưa cao, chưa có bộ phận phân tích dữ liệu lớn như kế hoạch.
- Còn hạn chế trong quan hệ với các đối tác, tổ chức tài chính lớn.
- Chưa khai thác tốt thị trường ở khu vực phía Nam khi doanh thu vẫn chỉ tập trung chủ yếu tại Hội sở.

► KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2021

- Đối với hoạt động tư vấn truyền thống:
 - Tiếp tục đa dạng hóa khách hàng bên cạnh triển khai thực hiện các khách hàng cũ và khách hàng hiện tại.
 - Phối hợp chặt chẽ các phòng ban trong Công ty và đối tác của SHS để tìm kiếm khách hàng, bán chéo sản phẩm.
 - Phát triển nhóm khách hàng tư vấn M&A theo chiến lược tái cơ cấu chung của các Tập đoàn, Tổng Công ty Nhà nước.
 - Khai thác các hợp đồng niêm yết thông qua hoạt động IPO.
 - Hoàn thiện quy trình sản phẩm.
- Đối với hoạt động tư vấn chuyên sâu và bảo lãnh, đại lý phát hành:
 - Tiếp tục khai thác thêm các nhóm khách hàng ở các ngành nghề tiềm năng khác.
 - Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự. Bố trí nhân sự cho bộ phận phân tích dữ liệu lớn.
 - Hoàn thiện quy trình sản phẩm.
 - Tiếp tục nghiên cứu phát triển thêm sản phẩm mới.
 - Mở rộng quan hệ tới nhóm nhà đầu tư là khách hàng tổ chức nước ngoài.

NGUỒN VỐN

► KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

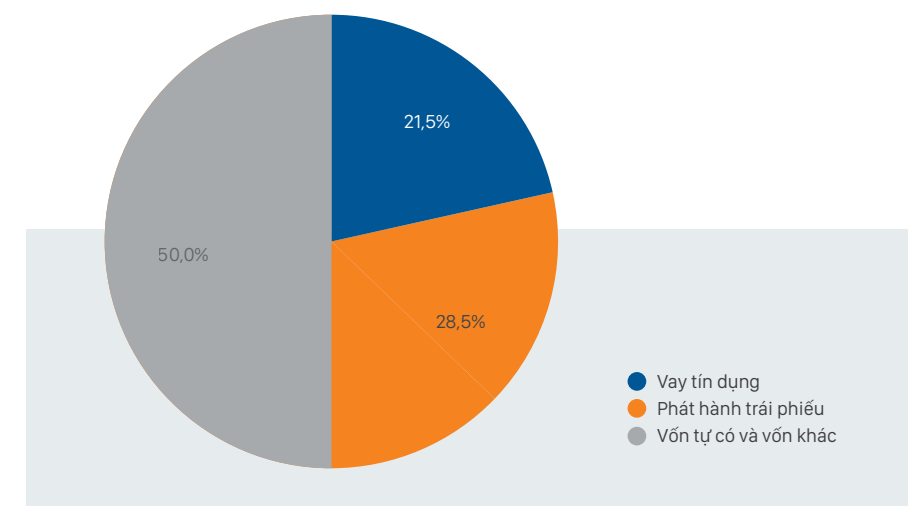
HOẠT ĐỘNG CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN

- Công ty đã đảm bảo về thanh khoản cho toàn bộ hệ thống của Công ty trong năm 2020.
- Đã đáp ứng được nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty và hỗ trợ tài chính cho Nhà đầu tư.

HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN

Trong năm 2020, nguồn vốn huy động của Công ty bình quân là 5.982,0 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm trước và bao gồm:

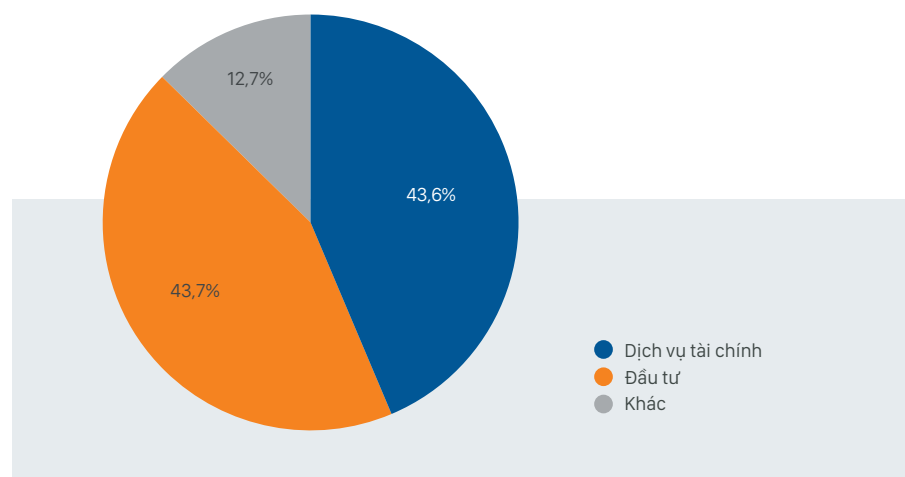
- Nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng bình quân là 1.287,0 tỷ đồng, tăng, tăng 58,1% so với năm trước và chiếm tỷ trọng 21,5% tổng nguồn huy động toàn Công ty. SHS vẫn giữ được các mối quan hệ với các đối tác ngân hàng truyền thống như Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Ngân hàng TMCP An Bình, Ngân hàng Indovinabank, Ngân hàng CTBC, Ngân hàng VPBank...
- Nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu bình quân là 938,0 tỷ đồng, giảm 38,5% so với năm trước và chiếm 28,5% tổng nguồn huy động toàn Công ty. Khi khả năng huy động nguồn từ phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đã bị hạn chế từ tháng 9/2020 thì việc huy động nguồn từ các tổ chức tín dụng được đẩy mạnh trong năm 2019 là giải pháp kịp thời để bổ sung nguồn vốn dài hạn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Nguồn vốn tự có và nguồn vốn khác bình quân là 3.757,0 tỷ đồng, tăng 24,7% so với năm trước và chiếm khoảng 50,0% tổng nguồn huy động toàn Công ty đóng góp không nhỏ giúp Công ty duy trì nguồn vốn ổn định cho hoạt động kinh doanh cũng như hỗ trợ tài chính cho Nhà đầu tư, góp phần giảm chi phí vốn của Công ty.





HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN

Nguồn vốn của Công ty trong năm 2020 được sử dụng chủ yếu cho hoạt động dịch vụ tài chính của Công ty (2.610 tỷ đồng, giảm 4,4% so với năm trước và chiếm 43,6% tổng nguồn sử dụng), hoạt động đầu tư (2.615,0 tỷ đồng, tăng 114,9% so với năm trước và chiếm 43,1% tổng nguồn sử dụng), còn lại cho các hoạt động khác (757,0 tỷ đồng, giảm 46,2% so với năm trước và chiếm 12,7% tổng nguồn sử dụng). Hoạt động sử dụng nguồn vốn trong năm 2020 tương đối hiệu quả theo hướng ưu tiên cho tự doanh do TTCK Việt Nam bùng nổ trong năm 2020, góp phần vào việc đảm bảo doanh thu kế hoạch của Công ty.



► HẠN CHẾ

Đối chiếu với kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 đã được thông qua, về cơ bản Công ty đã đạt được các mục tiêu đã đề ra đối với hoạt động nguồn vốn. Việc huy động nguồn vốn đã tốt hơn, chi phí vốn đã giảm góp phần làm lãi suất cho vay giảm nhờ đó hiệu quả hoạt động nguồn vốn đã được nâng lên. Tuy vậy, một số mục tiêu vẫn chưa thực hiện được cụ thể như sau:

- Các nguồn vốn huy động quan trọng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn còn thiếu sự ổn định.
- Nguồn vốn hoạt động của SHS chủ yếu là vốn vay trên thị trường với lãi suất không thấp và phụ thuộc vào biến động của thị trường do đó lãi suất đầu ra khó cạnh tranh với các công ty chứng khoán khác.
- Khi nguồn vốn ngân hàng giải ngân trực tiếp cho nhà đầu tư giao dịch chứng khoán bị ảnh hưởng, Công ty còn bị động trong việc tìm kiếm nguồn bù đắp thay thế để duy trì sản phẩm tài chính cho khách hàng, ảnh hưởng đến hệ thống sản phẩm của toàn Công ty.

► KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2021

- Hoạt động quản lý cân đối nguồn:
 - Tiếp tục thực hiện cân đối nguồn hàng ngày, đảm bảo thanh khoản vốn toàn hệ thống.
 - Quản trị rủi ro thanh khoản trên toàn hệ thống trong đó có kế hoạch dự phòng.
 - Tăng cường công tác quản lý kế hoạch nguồn vốn theo từng phòng ban/chi nhánh.
 - Tính toán, phân bổ chi phí vốn hàng tháng cho từng phòng, ban, chi nhánh sử dụng nguồn để tăng trách nhiệm và hiệu quả trong việc sử dụng vốn.
 - Tăng cường công tác dự báo, đánh giá biến động lãi suất, thanh khoản để có giải pháp xử lý kịp thời.
- Hoạt động huy động nguồn:
 - Ký kết hạn mức vay vốn tín dụng năm 2021 với các ngân hàng. Mở rộng quan hệ với các định chế tài chính lớn để tăng cường năng lực tài chính của SHS theo hướng bền vững hơn.
 - Tiếp tục phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ SHS trên cơ sở tuân thủ các quy định mới của pháp luật về phát hành trái phiếu riêng lẻ.
 - Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các ngân hàng cho vay trực tiếp đến nhà đầu tư của SHS.
 - Định kỳ đánh giá cơ cấu và hiệu quả huy động vốn đầu vào.
- Hoạt động sử dụng nguồn:
 - Tăng cường công tác phối hợp và xử lý nguồn vốn tồn đọng của Công ty.
 - Thực hiện cung cấp dịch vụ tài chính cho nhà đầu tư bằng vốn của SHS trên cơ sở đảm bảo an toàn về khả năng thu hồi vốn.
 - Sử dụng linh hoạt các sản phẩm dịch vụ tài chính cung cấp cho nhà đầu tư để hạn chế tình trạng thừa trong ngắn hạn hoặc thừa nguồn do thực tế sử dụng nguồn sai lệch so với kế hoạch đã đăng ký do biến động bất lợi của thị trường.
 - Định kỳ đánh giá cơ cấu phân bổ vốn và hiệu quả sử dụng vốn.
- Hoạt động khác:
 - Triển khai hoạt động trung gian mua bán trái phiếu doanh nghiệp với các đối tác.
 - Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ, luân chuyển công việc nội bộ phòng, hoàn thiện quy trình, quy chế.





CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

► KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Trong bối cảnh các công ty chứng khoán khác đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động và hệ thống phần mềm lõi chứng khoán của SHS đã đến điểm tới hạn thì hoạt động công nghệ thông tin của Công ty trong năm 2020 vẫn đảm bảo các phần mềm hoạt động ổn định, hỗ trợ tốt cho Môi giới và khách hàng. Dưới đây là các hoạt động công nghệ thông tin đã thực hiện trong năm 2020:

- Đã trình HĐQT và BTGD phê duyệt dự án nâng cấp phần mềm lõi giao dịch chứng khoán cơ sở và triển khai phần mềm giao dịch chứng khoán phái sinh.
- Duy trì hệ thống phần mềm lõi chứng khoán hoạt động ổn định, đáp ứng các yêu cầu thay đổi, nâng cấp phần mềm của 2 SGDCK và TTLCKVN.
- Duy trì hệ thống hạ tầng/mạng/bảo mật hoạt động ổn định.
- Bổ sung 02 kênh truyền kết nối sàn HOSE phục vụ thử nghiệm dự án nâng cấp phần mềm lõi chứng khoán của SGDCK Tp.HCM.
- Triển khai hệ thống tường lửa lớp ứng dụng/web.
- Triển khai hệ thống Video Conference.
- Triển khai hệ thống Cooling mới cho phòng máy chủ.
- Bảo trì định kỳ hạ tầng phòng máy chủ đảm bảo môi trường hoạt động ổn định cho các thiết bị công nghệ thông tin.
- Triển khai hoạt động hệ thống phần mềm quản lý giao dịch trái phiếu.
- Bổ sung các báo cáo CRM để hỗ trợ Môi giới.
- Bổ sung tính năng theo yêu cầu và hỗ trợ hệ thống HRM hoạt động tốt phục vụ công việc Hành chính – Nhân sự.
- Bổ sung tính năng theo yêu cầu và hỗ trợ hệ thống phần mềm quản lý nguồn vốn phục vụ công việc của Phòng Nguồn vốn.
- Bổ sung tính năng theo yêu cầu và hỗ trợ phần mềm quản lý cổ đông Cho Bộ phận Lưu ký.

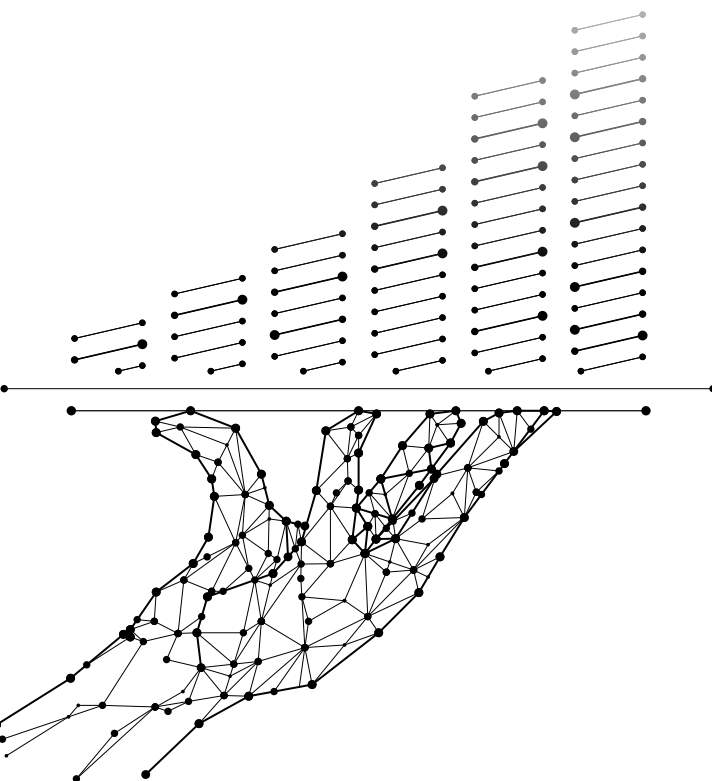
► HẠN CHẾ

Đối chiếu với kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 đã được thông qua, về cơ bản Công ty đã đạt được các mục tiêu đã đề ra đối với hoạt động công nghệ thông tin. Tuy vậy, một số mục tiêu vẫn chưa thực hiện được cụ thể như sau:

- Dự án nâng cấp phần mềm lõi giao dịch chứng khoán cơ sở và triển khai phần mềm giao dịch chứng khoán phái sinh mặc dù đã được HĐQT phê duyệt và cần sự thống nhất công việc của nhiều phòng ban trong Công ty nên tiến độ thực hiện còn chậm.
- Chưa triển khai nâng cấp switch core, firewall DMZ, hệ thống proxy... do phân bổ kinh phí cho các hạng mục ưu tiên hơn.

► KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2021

- Duy trì hệ thống phần cứng cũng như phần mềm hoạt động ổn định.
- Đáp ứng mọi yêu cầu thay đổi của cơ quan quản lý bao gồm UBCK, TTLCKVN, HOSE, HNX.
- Triển khai nâng cấp phần mềm lõi chứng khoán cơ sở.
- Triển khai hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh.
- Hoàn thiện hệ thống giao dịch trái phiếu.



PHÂN TÍCH

► KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Các hoạt động phân tích trong năm 2020 đã góp phần không nhỏ vào kết quả hoạt động kinh doanh của các mảng nghiệp vụ chính của Công ty, đặc biệt là các hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính và đầu tư. Dưới đây là các hoạt động phân tích của Công ty trong năm 2020:

- Phân tích vĩ mô: gồm phân tích tổng quan vĩ mô và thị trường năm 2019, triển vọng 2020 phục vụ cho công tác kế hoạch kinh doanh năm và phân tích tình hình Covid và đánh giá tác động.
- Phân tích ngành: gồm phân tích ngành thủy sản và ngành dệt may.
- Phân tích doanh nghiệp: gồm phân tích các doanh nghiệp IPO, chưa niêm yết (như Bệnh viện Thái Nguyên, cảng Mipec, Hanoi Machino, PV Machino...) và phân tích các doanh nghiệp niêm yết (như VHC, TDH, PHC, HT1, TNH, PLP, CMX, AMV...).
- Cung cấp bản tin thị trường: Duy trì bản tin nhận định hàng ngày, hàng tuần; Bản tin cập nhật tình hình tài chính, vĩ mô trong nước và quốc tế kèm khuyến nghị cổ phiếu đầu tư hàng ngày trước giờ giao dịch.
- Tư vấn đầu tư nhằm hỗ trợ hoạt động môi giới và đầu tư.
- Phối hợp với PR duy trì hoạt động trả lời báo, đài về các nhận định liên quan đến TTCK.
- Gặp gỡ, tiếp xúc doanh nghiệp, khách hàng tổ chức như FPT, HPG, VPB, TCB, PVPower, AGG, FRT, PVT, HDG, Mipec Port...
- Hoạt động theo dõi và điều chỉnh mã, room cho vay chứng khoán.
- Các hoạt động hỗ trợ khác

► HẠN CHẾ

Đối chiếu với kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 đã được thông qua, về cơ bản Công ty đã đạt được các mục tiêu đã đề ra đối với hoạt động phân tích. Tuy vậy, một số mục tiêu vẫn chưa thực hiện được cụ thể như sau:

- Các sản phẩm phân tích vĩ mô, ngành, doanh nghiệp chủ yếu mới chỉ phục vụ nội bộ.
- Số lượng báo phân tích vĩ mô và phân tích ngành còn hạn chế, có thời điểm chưa đáp ứng nhu cầu và tính thời sự.
- Hình thức và chất lượng các sản phẩm phân tích cần cải thiện hơn nữa để tạo sức hấp dẫn đối với người sử dụng.

► KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2021

- Tiếp tục duy trì hoạt động phân tích doanh nghiệp, đẩy mạnh hoạt động phân tích vĩ mô, phân tích ngành phục vụ cho cả nhu cầu nội bộ và khách hàng của Công ty.
- Tuyển dụng thêm nhân sự cho hoạt động phân tích.
- Tập trung nâng cao trình độ chuyên môn của các cán bộ, nhân viên trong phòng.
- Phối hợp chặt chẽ và đóng vai trò hỗ trợ các phòng ban khác trong việc đánh giá xu hướng thị trường, tìm kiếm cơ hội đầu tư, định giá doanh nghiệp, quản trị rủi ro, quảng bá thương hiệu SHS...



PHÁP CHẾ

► KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Pháp chế là hoạt động ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của SHS. Trong năm 2020, hoạt động pháp chế đã đóng góp tích cực vào việc hỗ trợ tất cả các hoạt động quan trọng của Công ty như môi giới, dịch vụ tài chính, tư vấn, đầu tư.... Ngoài ra, đứng trước những sự thay đổi lớn của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2020 và các văn bản hướng dẫn, pháp chế đã tập trung phối hợp với các phòng ban, nghiệp vụ nghiên cứu định hướng của Cơ quan quản lý Nhà nước để tư vấn cho BTGD thực hiện các công việc chuẩn bị cần thiết nhằm định hướng các hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. Dưới đây là các công việc điển hình của hoạt động pháp chế trong năm 2020:

- Tư vấn các vấn đề về pháp lý liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công ty cho BTGD và các phòng ban, chi nhánh trong Công ty để Công ty hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, an toàn và hiệu quả.
- Soạn thảo và hỗ trợ soạn thảo các văn bản, hồ sơ, giấy tờ của Công ty theo yêu cầu của BTGD và các phòng ban, chi nhánh trong Công ty.
- Rà soát, soát xét và cho ý kiến pháp lý về các văn bản, hồ sơ, giấy tờ của Công ty.
- Rà soát và phối hợp với các phòng ban, chi nhánh chuẩn hóa các quy trình, quy chế nội bộ, các mẫu biểu của toàn Công ty.
- Rà soát, đề xuất, soạn thảo các giấy ủy quyền và theo dõi việc thực hiện ủy quyền trong Công ty.
- Hỗ trợ thực hiện Hồ sơ liên quan tới việc xin cấp mới/điều chỉnh Giấy phép thành lập, hoạt động của các Đơn vị và của Công ty.
- Tham gia giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý nợ xấu của Công ty và tố tụng tại Tòa.
- Cập nhật, phổ biến các quy định pháp luật trong toàn Công ty và xây dựng các bản tin pháp luật.
- Tham gia các hội thảo pháp lý do cơ quan Nhà nước chủ trì, đóng góp/gửi văn bản đóng góp ý kiến.
- Xây dựng quan hệ hợp tác với các tổ chức có chức năng hỗ trợ công tác pháp chế.

► HẠN CHẾ

Đối chiếu với kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 đã được thông qua, về cơ bản Công ty đã đạt được các mục tiêu đã đề ra đối với hoạt động pháp chế. Tuy vậy, một số mục tiêu vẫn chưa thực hiện được cụ thể như sau:

- Xây dựng lại bộ Hợp đồng Mở Tài khoản theo hướng quy định chung, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ.

► KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2021

Trên cơ sở đánh giá các mặt hạn chế chưa làm được trong năm 2020 và dự kiến các vấn đề pháp lý ảnh hưởng đến công ty chứng khoán trong năm 2020, Công ty đề ra kế hoạch hoạt động pháp chế trong năm 2020 với mục tiêu Bộ phận Pháp chế ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các quyết định của Công ty, đảm bảo Công ty tuân thủ pháp luật trong hoạt động kinh doanh, ngăn ngừa, hạn chế tối đa các rủi ro cho Công ty. Dưới đây là kế hoạch hoạt động trong năm 2021 của hoạt động pháp chế:

- Hoàn thành các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ phận căn cứ vào kế hoạch và phân công công việc của Lãnh đạo Phòng và BTGD để xây dựng chi tiết kế hoạch thực hiện công việc và phân công công việc cho các nhân sự thuộc bộ phận.
- Phối hợp với các phòng ban có liên quan tiếp tục rà soát, xây dựng các quy trình, mẫu biểu phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hệ thống phần mềm mới trong đó có bộ Hợp đồng Mở tài khoản.
- Đào tạo, tuyển dụng nhân sự, phân công, sắp xếp công việc hợp lý để phát huy tối đa năng lực nhân sự bộ phận, chuyên nghiệp hóa hoạt động nghiệp vụ.
- Chủ động khuyến nghị các rủi ro pháp lý và đề xuất phương án xử lý rủi ro pháp lý trong hoạt động của Công ty, thực hiện trực tiếp, thường xuyên, liên tục trong quá trình xây dựng các sản phẩm, dịch vụ và xử lý các công việc được phân công.

XỬ LÝ NỢ XẤU

► KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Tổng giá trị phải thu khó đòi của Công tại ngày 31/12/2020 là 553,9 tỷ đồng. Trong năm, Công ty trích lập bổ sung 35,0 tỷ đồng nâng tổng số dự phòng phải thu khó đòi của Công ty đến thời điểm cuối năm 2020 lên 466,1 tỷ đồng. Tỷ lệ số dư dự phòng/Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2020 là 84,1% tương đương với các năm trước, tỷ lệ số trích lập dự phòng trong năm/Giá trị phải thu khó đòi tăng mạnh lên 6,3%.

(Đơn vị: tỷ đồng)

NĂM	GIÁ TRỊ PHẢI THU KHÓ ĐÒI	SỐ DƯ DỰ PHÒNG ĐẦU NĂM	SỐ TRÍCH LẬP TRONG NĂM	SỐ HOÀN NHẬP TRONG NĂM	SỐ DƯ DỰ PHÒNG CUỐI NĂM	TỶ LỆ SỐ DƯ DỰ PHÒNG/ GIÁ TRỊ PHẢI THU KHÓ ĐÒI	TỶ LỆ SỐ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG TRONG NĂM/ GIÁ TRỊ PHẢI THU KHÓ ĐÒI
2020	553,9	442,1	35,0	11,0	466,1	84,1%	6,3%
2019	520,6	432,8	14,2	4,9	442,1	84,9%	2,7%
2018	495,5	266,7	168,9	2,8	432,8	87,3%	3,6%
2017	360,2	280,3	6,2	19,8	266,7	74,0%	1,7%
2016	343,6	275,6	6,4	1,7	280,3	81,6%	1,9%

Công tác xử lý nợ xấu trong năm 2020 tiếp tục tập trung vào việc hoàn thiện hồ sơ, hoàn thiện công tác theo dõi xử lý nợ xấu, phối hợp với các phòng ban, chi nhánh, cá nhân liên quan đôn đốc khách hàng trả nợ. Đối với các khoản nợ đã khởi kiện tại Tòa án, Công ty tiếp tục thực hiện cung cấp thông tin và thực hiện các thủ tục tố tụng theo thông báo và diễn biến xử lý của các cấp Tòa án.

► HẠN CHẾ

Công tác xử lý nợ xấu trong năm 2020 vẫn chưa đạt được kết quả như mong đợi. Giá trị nợ xấu thu hồi được chưa nhiều do tính chất các khoản nợ phức tạp, thời gian tố tụng kéo dài, số lượng và trình độ, kinh nghiệm tham gia tố tụng của cán bộ, chuyên viên còn hạn chế...

► KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2021

Trên cơ sở đánh giá những hạn chế trong năm 2020, Công ty tiếp tục đề ra kế hoạch hoạt động xử lý nợ xấu trong năm 2021 như sau:

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hồ sơ pháp lý nợ xấu đảm bảo hiệu quả tra cứu và thu hồi nợ.
- Đôn đốc và phối hợp hiệu quả với các phòng ban, chi nhánh, cá nhân có liên quan trong việc thu hồi nợ xấu cho Công ty.
- Đánh giá về khả năng thắng kiện và khả năng thu hồi nợ đối với từng vụ việc đang giải quyết tại Tòa án để quyết định tiếp tục hay rút hồ sơ khởi kiện. Trong trường hợp quyết định tiếp tục, Công ty sẽ phối hợp chặt chẽ với các Tòa án để đẩy nhanh tiến độ xét xử và thi hành án.
- Xây dựng quan hệ hợp tác chặt chẽ với các tổ chức có chức năng hỗ trợ công tác xử lý nợ xấu.



BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Đầu tư tài chính

Xem Mục Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc -> Báo cáo các mặt hoạt động của Công ty -> Đầu tư.

Đầu tư dự án

Công ty không có các khoản đầu tư dự án nào trong năm 2020.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có bất kỳ công ty con, công ty liên kết nào trong năm 2020.

NHỮNG TIẾN BỘ TRONG NĂM

PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG 1.100 TỶ ĐỒNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Trong năm 2020, SHS đã phát hành thành công 3 đợt trái phiếu riêng lẻ với quy mô huy động 1.100 tỷ đồng. Việc phát hành thành công 3 đợt trái phiếu này với lãi vay rẻ hơn vay vốn tín dụng ngân hàng đã góp phần làm giảm chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của SHS. Đồng thời, các Nhà đầu tư mua trái phiếu hầu hết là các ngân hàng, tổ chức lớn cho thấy SHS ngày càng khẳng định uy tín và thương hiệu trên thị trường.

NGÀY Càng KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ TRÊN THỊ TRƯỜNG

Năm 2020, bên cạnh các hoạt động kinh doanh khác ở thế cân bằng, hoạt động môi giới và hoạt động dịch vụ tài chính trên cơ sở hợp tác với bên thứ ba cho khách hàng vay tiền đầu tư chứng khoán hơi giảm sút thì SHS được định vị là một trong những công ty chứng khoán có hoạt động tự doanh hiệu quả nhất thị trường. Theo đó, Công ty đã tận dụng rất tốt các cơ hội thị trường và xu hướng giá cổ phiếu; mua, bán hợp lý, đúng thời điểm, góp phần định hình phong cách đầu tư riêng, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như tạo dựng danh mục đầu tư hiệu quả, bền vững.

Hoạt động tư vấn tài chính tiếp tục dịch chuyển dần sang tư vấn chuyên sâu. Hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành tiếp tục dịch chuyển sang mảng trái phiếu doanh nghiệp và tập trung vào đối tượng khách hàng tổ chức đã góp phần mang lại doanh thu khả quan cho Công ty trong năm 2020. Điều đó cho thấy Công ty không chỉ đã nắm bắt cơ hội kịp thời mà còn không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu, vị thế trên thị trường tư vấn.

NGÀY Càng KHẲNG ĐỊNH LÀ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN UY TÍN VÀ ĐẦY TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Năm 2020, SHS tiếp tục nhận được nhiều bằng khen từ các Cơ quan quản lý Nhà nước như Thành phố Hà Nội, UBCKNN, 2 SGDCK, TTLCKVN... đã minh chứng cho niềm tin của không chỉ khách hàng và đối tác đối với SHS mà còn của các Cơ quan quản lý Nhà nước đối với SHS (*Vui lòng xem Mục Giải thưởng đạt được – Phần Thông tin chung về Công ty*).

Ngoài ra, tổng số tiền tài trợ cho các hoạt động cộng đồng và xã hội trong năm 2020 của Công ty đã lên đến 5,5 tỷ đồng, gấp rất nhiều lần so với các năm trước. Điều đó cho thấy SHS càng thể hiện đầy đủ trách nhiệm của mình hơn đối với cộng đồng và xã hội (*Vui lòng xem Mục Báo cáo Phát triển bền vững năm 2020*).

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện thành công việc xếp lương và trả lương cho cán bộ, nhân viên theo cơ chế lương mới và chính thức áp dụng từ ngày 01/06/2020. Cơ chế lương mới góp phần đưa thu nhập của cán bộ, nhân viên của Công ty trở nên cạnh tranh hơn trên thị trường, tương đương với các công ty chứng khoán dẫn đầu. Tuy vậy, việc áp dụng KPI chưa thể áp dụng được ngay trong năm 2020 và dự kiến sẽ triển khai áp dụng chính thức từ năm 2021.

Mặc dù chưa hoàn thành việc áp dụng KPI ngay trong năm 2020, Công ty vẫn thường xuyên rà soát để hoàn thiện cơ cấu tổ chức cũng như chính sách quản lý nhằm tối đa hóa năng suất lao động nhờ đó SHS vẫn luôn duy trì là 1 trong các công ty chứng khoán có tỷ lệ doanh thu trên đầu nhân viên hiệu quả nhất trên thị trường. Năm 2020, tỷ lệ doanh thu và thu nhập khác/Số lượng nhân sự tăng 80,6% so với năm 2019 và tăng 193,9% so với 5 năm trước (từ mức 2,9 tỷ đồng năm 2016 và 4,7 tỷ đồng/người năm 2019 lên 8,5 tỷ đồng/người năm 2020).

NĂM	DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC (TỶ ĐỒNG)	SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ (NGƯỜI)	TỶ LỆ DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC/SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ (TỶ ĐỒNG/NGƯỜI/NĂM)
2020	1.808,5	212	8,5
2019	1.072,4	227	4,7
2018	1.247,9	235	5,3
2017	1.093,7	209	5,2
2016	566,0	195	2,9





PHỤ LỤC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CĂN CỨ BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TẠI VIỆT NAM 2019

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
A. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.				
1.	THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HĐQT.			
1.1.	HĐQT cần phải xác định rõ ràng và công bố toàn bộ các vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của mình.			
1.1.1.	HĐQT cần phải thông qua một quy chế hoạt động riêng, xác định rõ các vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của HĐQT; quy chế hoạt động của HĐQT cần phải được công bố trên website của Công ty.	Tốt	Tốt	Quy chế hoạt động HĐQT nằm trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty – đã đăng tải website.
1.1.2.	HĐQT cần phải xem xét và định hướng chiến lược Công ty, các kế hoạch hoạt động lớn, chính sách quản lý rủi ro, ngân sách và kế hoạch kinh doanh hằng năm; đặt ra các mục tiêu hoạt động; theo dõi việc thực hiện mục tiêu và hoạt động của Công ty; và giám sát các hoạt động đầu tư, thu tóm và thoái vốn lớn.	Tốt	Tốt	
1.1.3.	HĐQT cần phải theo dõi tính hiệu quả của công tác quản trị, chính sách và hoạt động môi trường và xã hội, và việc tuân thủ luật pháp hiện hành của Công ty.	Tốt	Tốt	
1.1.4.	HĐQT cần phải thực hiện và thúc đẩy các chuẩn mực cao về đạo đức kinh doanh và giám sát việc thực hiện Bộ quy tắc đạo đức kinh doanh để mang lại văn hóa liêm chính của Công ty.	Tốt	Tốt	
1.1.5.	HĐQT cần phải đánh giá được những rủi ro lớn mà Công ty phải đối diện và các bước mà Ban Điều hành phải thực hiện để theo dõi và kiểm soát những rủi ro đó.	Tốt	Tốt	
1.1.6.	HĐQT cần phải giám sát để bảo đảm tính liêm chính của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của Công ty, bao gồm kiểm toán độc lập và đảm bảo có các hệ thống kiểm soát phù hợp, cụ thể là các hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính và hoạt động, tuân thủ theo pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan.	Tốt	Tốt	
1.1.7.	HĐQT cần phải tuyển lựa, đưa ra mức đãi ngộ, giám sát và thay thế các cán bộ quản lý then chốt nếu thấy cần thiết, và đồng thời giám sát kế hoạch kế nhiệm của các vị trí này.	Tốt	Tốt	
1.1.8.	HĐQT cần phải gắn mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và thành viên HĐQT một cách phù hợp với khẩu vị rủi ro và lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.	Tốt	Tốt	

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
1.1.9.	HĐQT cần phải theo dõi và quản lý các xung đột lợi ích tiềm tàng của các thành viên trong Ban Điều hành, HĐQT, BKS (nếu có) và các cổ đông, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.	Tốt	Tốt	
1.1.10.	HĐQT cần phải giám sát quá trình công bố thông tin và truyền thông của Công ty.	Tốt	Tốt	
1.2.	Thành viên HĐQT cần phải hiểu biết đầy đủ về nghĩa vụ và trách nhiệm ủy thác của mình, làm việc trên cơ sở có đầy đủ thông tin, một cách trung thành, miễn cưỡng, cẩn trọng, và vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan của Công ty.			
1.2.1.	Thành viên HĐQT cần phải thực hiện trách nhiệm một cách có thiện ý và vì lợi ích cao nhất của Công ty và tất cả cổ đông, tránh tất cả các xung đột lợi ích phát sinh thực tế và tiềm tàng.	Tốt	Tốt	
1.2.2.	Những thành viên HĐQT đang làm việc trong cơ cấu của một tập đoàn; mặc dù một Công ty có thể chịu sự kiểm soát của một chủ thể khác, trách nhiệm trung thành của thành viên HĐQT chỉ liên quan tới Công ty và toàn bộ cổ đông của Công ty đó mà không liên quan tới chủ thể kiểm soát tập đoàn đó.	Tốt	Tốt	
1.2.3.	Thành viên HĐQT cần phải áp dụng mức độ cẩn trọng tối đa trong khi thực hiện trách nhiệm theo chuẩn mực được kỳ vọng đối với một thành viên HĐQT tốt trong những tình huống và hoàn cảnh tương tự.	Tốt	Tốt	
1.2.4.	Thành viên HĐQT cần phải hiểu biết đầy đủ về vai trò và trách nhiệm của mình trong HĐQT theo quy định của luật pháp và chính sách Công ty; và góp phần vào việc HĐQT thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình một cách hiệu quả.	Tốt	Tốt	
1.2.5.	Thành viên HĐQT cần phải tự trang bị cho mình các kiến thức phù hợp về quản trị Công ty và các yêu cầu về mặt đạo đức, bảo đảm Công ty liên tục hành động trên cơ sở tuân thủ các chính sách về quản trị tốt và đạo đức ứng xử.	Tốt	Tốt	
1.2.6.	Thành viên HĐQT cần phải chủ động tham gia giám sát hoạt động của Công ty, tham gia thảo luận và có nỗ lực phù hợp để có được thông tin liên quan đến các vấn đề được thảo luận. Thành viên HĐQT nên xem trước tất cả các tài liệu được cung cấp trước cuộc họp HĐQT để sẵn sàng đóng góp cho cuộc họp HĐQT.	Tốt	Tốt	
1.2.7.	Mỗi thành viên HĐQT cần phải có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT của Công ty trong năm.	Tốt	Tốt	
1.2.8.	Trong quá trình làm việc trong HĐQT hoặc sau đó, ngoại trừ luật pháp có quy định, thành viên HĐQT không được tiết lộ bất kỳ thông tin mật nào mà thành viên đó biết được trong quá trình làm việc. Thành viên HĐQT không được phép sử dụng những thông tin mật đó vì lợi ích cá nhân.	Tốt	Tốt	
1.2.9.	Nếu thành viên HĐQT từ nhiệm hoặc không thể hoàn thành nhiệm vụ, HĐQT cần phải thực hiện ngay các bước cần thiết để bảo đảm có sự thay thế trong HĐQT theo các hướng dẫn về thông lệ tốt nhất, và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.	Tốt	Tốt	



STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
1.3.	Cùng với Ban Điều hành, HĐQT cần phải thúc đẩy văn hóa quản trị Công ty tốt trong Công ty và liên tục giám sát tính hiệu quả của văn hóa đó.			
1.3.1.	HĐQT có vị trí trung tâm trong hệ thống quản trị Công ty và đóng vai trò giám sát quan trọng.	Tốt	Tốt	
1.3.2.	HĐQT cần phải bảo đảm việc ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty được xây dựng dựa trên các nguyên tắc về minh bạch, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình, và công bằng, phù hợp với thông lệ tốt nhất và quy định hiện hành để chứng tỏ cam kết của Công ty đối với quản trị Công ty tốt.	Tốt	Tốt	
1.3.3.	Để thúc đẩy niềm tin của cổ đông, nhân viên, nhà đầu tư cũng như công chúng, quy chế nội bộ về quản trị Công ty không chỉ nên dừng lại ở mức độ tuân thủ quy định pháp luật hiện hành mà cần áp dụng các thông lệ quản trị Công ty tốt nhất trong nước và quốc tế.	Tốt	Tốt	
1.3.4.	HĐQT cần phải chủ động đánh giá thường xuyên việc thực hiện quản trị Công ty để bảo đảm phân định rõ phạm vi trách nhiệm giải trình của các cấp quản lý trong toàn bộ Công ty.	Tốt	Tốt	
1.3.5.	Công ty cần phải công bố cơ cấu và chính sách quản trị, cụ thể là nội dung của quy chế nội bộ về quản trị Công ty hoặc chính sách quản trị Công ty và quá trình thực hiện quy chế hoặc chính sách đó. Theo thông lệ tốt, cần công bố điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trong trường hợp phù hợp, cơ cấu HĐQT, cơ cấu và quy chế hoạt động của các ủy ban.	Tốt	Tốt	
1.4.	HĐQT cần phải có trách nhiệm bảo đảm và thông qua một chương trình quy hoạch kế cận hiệu quả cho các vị trí thành viên HĐQT, CEO, và thành viên Ban Điều hành chủ chốt để bảo đảm tăng trưởng và gia tăng liên tục giá trị của cổ đông.			
1.4.1.	Việc chuyển giao vai trò lãnh đạo Công ty cho những cá nhân đủ tiêu chuẩn và năng lực là mục tiêu của quy hoạch kế cận. HĐQT có trách nhiệm thực hiện một quá trình để bổ nhiệm các cán bộ quản lý chủ chốt có năng lực, chuyên môn, trung thực và nhiệt tình, có thể gia tăng giá trị cho Công ty.	Tốt	Tốt	
1.4.2.	Một quy hoạch kế cận tốt gắn liền với việc những vai trò và trách nhiệm được quy định bằng văn bản đối với từng vị trí, và nên bắt đầu bằng cách xác định kiến thức, kỹ năng, và năng lực chính cần phải có cho vị trí đó.	Tốt	Tốt	
1.4.3.	Đối với mỗi ứng cử viên tiềm năng đã xác định, cần phải có kế hoạch phát triển chuyên môn để giúp cá nhân đó chuẩn bị tốt cho công việc (VD: đào tạo, chia sẻ và tích lũy kinh nghiệm).	Tốt	Tốt	
1.4.4.	Quá trình này nên được thực hiện một cách nhất quán và phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty.	Tốt	Tốt	
2.	THIẾT LẬP MỘT HĐQT CÓ NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN NGHIỆP.			
2.1.	Tập thể HĐQT cần phải sở hữu các quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và phù hợp để đóng vai trò chèo lái và giám sát Công ty hiệu quả.			

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
2.1.1.	Sự đa dạng của HĐQT là hết sức quan trọng vì điều đó cho phép Công ty tận dụng được lợi thế của số nhiều các quan điểm làm cho quy trình ra quyết định phong phú và đáng tin cậy hơn.	Tốt	Tốt	
2.1.2.	Cơ cấu HĐQT cần phải tính đến sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm, hành vi, khía cạnh văn hóa, tuổi và giới tính.	Tốt	Tốt	
2.1.3.	HĐQT cần phải bảo đảm Ban Điều hành ban hành và thúc đẩy các chính sách để tạo cơ hội công bằng cho phụ nữ được tiếp cận các vị trí lãnh đạo trong doanh nghiệp.	Tốt	Tốt	
2.1.4.	HĐQT cần phải xây dựng ma trận kỹ năng HĐQT có mô tả về vai trò và năng lực cần thiết cho việc bổ nhiệm, bao gồm các yếu tố như sự độc lập, đa dạng, độ tuổi, giới tính, quy hoạch kế cận tương lai, sự liêm chính, kỹ năng, chuyên môn, bề dày kinh nghiệm, kiến thức về hoạt động kinh doanh và ngành nghề hoạt động của Công ty; và sự sẵn lòng dành đủ thời gian và nỗ lực để hoàn thành trách nhiệm của HĐQT trong bối cảnh cơ cấu cũng như nhu cầu hiện hành của HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT.	Tốt	Tốt	
2.1.5.	HĐQT, với sự hỗ trợ của ủy ban đề cử nhân sự, cần phải lựa chọn và đề xuất ứng cử viên HĐQT để cổ đông bầu chọn. Ủy ban đề cử nhân sự thuộc HĐQT cần phải giám sát việc xây dựng và thực hiện quy trình để cử HĐQT chính thức. HĐQT cần phải công bố quy trình bổ nhiệm thành viên HĐQT mới và các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới.	Tốt	Tốt	
2.1.6.	Tất cả cổ đông đều phải có cơ hội để cử ứng cử viên cho HĐQT. Cổ đông sở hữu tối thiểu 5% tổng số cổ phần của Công ty phải có quyền đề xuất ứng cử viên. Cổ đông sở hữu dưới 5% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty phải có cơ hội để xuất ứng cử viên. Thời hạn cho việc đề xuất ứng cử viên HĐQT, thủ tục xem xét đề xuất và đưa vào chương trình họp phải được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của HĐQT.	Tốt	Tốt	
2.1.7.	Một công ty đại chúng nên có số lượng thành viên HĐQT là số lẻ từ 5 đến 11. Số lượng này có thể khác nhau tùy thuộc vào ngành hoạt động, quy mô, mức độ phức tạp của Công ty, cũng như chu kỳ hoạt động của Công ty, và những ủy ban nào cần được thành lập.	Tốt	Tốt	HĐQT của SHS có 5 thành viên.
2.1.8.	HĐQT nên đặt mục tiêu có tối thiểu 2 thành viên nữ hoặc 30% thành viên HĐQT là nữ để tối ưu hóa lợi ích của sự đa dạng giới trong HĐQT.	Chưa tốt	Chưa tốt	Nhưng đã có sự tiến bộ. Năm 2020 có 1 thành viên nữ trong khi năm 2019 không có thành viên nữ.
2.2.	HĐQT cần phải bao gồm tối thiểu 2/3 thành viên không điều hành, có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả và giúp HĐQT luôn có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của Công ty và bảo đảm có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp.			
2.2.1.	Cơ cấu phù hợp của thành viên HĐQT điều hành và không điều hành, bao gồm thành viên HĐQT độc lập, bảo đảm để không có một hoặc một nhóm thành viên HĐQT nào có thể chi phối quá trình ra quyết định.	Tốt	Tốt	



STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
2.2.2.	Hơn nữa, một HĐQT cần phải bao gồm tối thiểu 2/3 thành viên HĐQT không điều hành để bảo đảm lợi ích của Công ty cao hơn lợi ích của các cổ đông cá nhân.	Tốt	Tốt	Năm 2019 và 2020, HĐQT của SHS có 4/5 thành viên không điều hành.
2.2.3.	Công ty cần quy định rõ tiêu chuẩn phù hợp cần thiết đối với các thành viên HĐQT không điều hành để bảo đảm việc những thành viên này có thể tham gia hiệu quả vào thảo luận của HĐQT đồng thời thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình.	Tốt	Tốt	
2.3.	HĐQT cần phải bổ nhiệm một Thư ký công ty, là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về tất cả các vấn đề liên quan đến chức năng và hoạt động của HĐQT.			
2.3.1.	Thư ký Công ty hiện đại thường giữ vị trí lãnh đạo cấp cao của Công ty và được kỳ vọng sẽ đưa ra các tư vấn chuyên môn cho cổ đông, HĐQT, từng thành viên HĐQT, Ban Điều hành, và các bên có quyền lợi liên quan khác về các khía cạnh quản trị Công ty của các quyết định chiến lược.	Tốt	Tốt	
2.3.2.	Thư ký Công ty thường đóng vai trò cầu nối về thông tin, truyền thông, cổ vấn, và trọng tài giữa HĐQT và Ban Điều hành. Thư ký Công ty cũng đóng vai trò là cầu nối giữa Công ty với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan, tuy nhiên trong những tổ chức lớn việc này thường do “Cán bộ phụ trách quan hệ cổ đông” đảm nhiệm.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	HĐQT của SHS chưa ban hành Quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty và Người phụ trách quan hệ cổ đông nhưng đã bố trí bà Doãn Thị Như Quỳnh – Phó Chánh VP HĐQT đảm nhận các vai trò này.
2.3.3.	Vai trò và trách nhiệm của Thư ký Công ty bao gồm, nhưng không giới hạn ở những nội dung sau đây: (1) Quản lý tất cả các vấn đề hậu cần cho các cuộc họp HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT, tham dự và ghi biên bản họp; (2) Lập biên bản của tất cả các cuộc họp HĐQT và ủy ban trực thuộc HĐQT, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt thông tin trong HĐQT; (3) Tư vấn cho HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT về vai trò và trách nhiệm tương ứng; (4) Tạo điều kiện thuận lợi giúp định hướng cho thành viên HĐQT mới và hỗ trợ đào tạo và phát triển thành viên HĐQT; (5) Cố vấn cho HĐQT về vấn đề công bố thông tin doanh nghiệp; (6) Cố vấn cho HĐQT về vấn đề công bố thông tin doanh nghiệp và tuân thủ các quy định đối với doanh nghiệp, chứng khoán và các yêu cầu về niêm yết; (6) Quản lý các quy trình liên quan đến họp cổ đông hàng năm; (7) Theo dõi các tiến triển trong quản trị Công ty và hỗ trợ HĐQT áp dụng các thông lệ quản trị Công ty để đáp ứng nhu cầu của HĐQT và kỳ vọng của các bên có quyền lợi liên quan; (8) Đóng vai trò đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan và tham gia giải quyết các vấn đề về quản trị Công ty.	Tốt	Tốt	

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
2.3.4.	Để thực hiện vai trò của mình một cách hiệu quả, Thư ký Công ty cần phải hành động một cách độc lập với sự liêm chính cao nhất để bảo vệ lợi ích của Công ty, cổ đông, và các bên khác có lợi ích hợp pháp trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Mức độ trách nhiệm này yêu cầu phải có kiến thức sâu rộng về môi trường kinh doanh và doanh nghiệp đang hoạt động cũng như kiến thức về luật pháp, quy tắc, và quy định điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp. Thư ký Công ty cần phải thường xuyên phát triển chuyên môn, duy trì sự trung lập và khách quan trong khi hỗ trợ HĐQT và các chủ thể có liên quan trong quá trình làm việc.	Tốt	Tốt	
2.4.	Công ty cần phải quy định trong quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty một chính sách phát triển liên tục đối với HĐQT, bao gồm chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới và cập nhật đào tạo hàng năm cho tất cả các thành viên HĐQT.			
2.4.1.	Tất cả các thành viên HĐQT mới cần phải được định hướng phù hợp khi gia nhập HĐQT để bảo đảm rằng họ nắm bắt được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình đối với Công ty trước khi bắt đầu nhiệm kỳ thành viên HĐQT.	Tốt	Tốt	
2.4.2.	Chương trình định hướng sẽ được HĐQT xây dựng (với sự hỗ trợ của ủy ban liên quan hoặc Thư ký Công ty), trong đó có các chủ đề quan trọng về quản trị Công ty, giới thiệu về hoạt động kinh doanh của Công ty, Điều lệ Công ty, và Bộ Quy tắc đạo đức kinh doanh của Công ty. Chương trình này phải đáp ứng được các yêu cầu cụ thể của Công ty và của cá nhân thành viên HĐQT cũng như hỗ trợ mọi thành viên HĐQT mới trong việc thực hiện hiệu quả vai trò chức năng của mình.	Tốt	Tốt	
2.4.3.	Thành viên HĐQT cần phải có nguồn lực và mạng lưới cần thiết để nâng cao và duy trì kiến thức, kỹ năng, và chuyên môn nhằm thúc đẩy hiệu quả công việc của HĐQT và duy trì tiêu chuẩn của các thành viên HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.	Tốt	Tốt	
2.4.4.	Tất cả các thành viên HĐQT cần phải tham gia tối thiểu một chương trình đào tạo thành viên HĐQT hoặc quản trị Công ty của một tổ chức chuyên nghiệp có uy tín để bảo đảm họ hiểu rõ những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty tốt cũng như nỗ lực bắt kịp những xu hướng và yêu cầu mới nhất về quản trị.	Tốt	Tốt	
2.4.5.	Công ty cần phải công bố tại Mục Quản trị Công ty trong báo cáo thường niên của Công ty về chính sách và thông lệ cho việc phát triển và đào tạo chuyên môn cho thành viên HĐQT, cả trong quá trình định hướng và một cách thường xuyên.	Tốt	Tốt	
3.	BẢO ĐẢM VAI TRÒ LÃNH ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.			
3.1.	Sau khi được bầu chọn, tất cả các thành viên HĐQT cần phải có trách nhiệm với Công ty, cho dù được bổ nhiệm bởi cổ đông, nhóm cổ đông, quản tài viên hay các bên có quyền lợi liên quan.			
3.1.1.	Thành viên HĐQT cần phải thực hiện nhiệm vụ dựa trên kiến thức và năng lực chuyên môn của mình, hoàn toàn khách quan và không chịu sự tác động của bất kỳ mối quan hệ cá nhân hay chuyên môn nào. Thành viên HĐQT phải tạo ra và bảo toàn giá trị cho doanh nghiệp nói chung, trên cơ sở các nguyên tắc pháp luật và đạo đức phù hợp.	Tốt	Tốt	



STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
3.1.2.	Các thành viên HĐQT có xung đột về một vấn đề cụ thể cần phải tránh tham gia thảo luận và quyết định về vấn đề cụ thể đó. Những thành viên HĐQT nào nếu cảm thấy không thể duy trì được tính độc lập khách quan trong khi thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình thì nên từ nhiệm.	Tốt	Tốt	Tại SHS: thành viên HĐQT có xung đột lợi ích không được biểu quyết về vấn đề liên quan.
3.1.3.	Thành viên HĐQT không được làm tư vấn hay cố vấn được trả phí bởi Công ty.	Tốt	Tốt	Tại SHS: không có thành viên HĐQT nào làm tư vấn hay cố vấn được trả phí bởi Công ty.
3.2.	Để thúc đẩy nhận định độc lập của tất cả các thành viên HĐQT và sự liêm chính của hệ thống quản trị, Công ty cần phải có tối thiểu 1/3 thành viên HĐQT là thành viên độc lập.			
3.2.1.	Sự có mặt của thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT bảo đảm việc ra quyết định độc lập về các vấn đề của Công ty và giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của Ban Điều hành, bao gồm việc ngăn ngừa xung đột lợi ích và cân bằng các nhu cầu có tính cạnh tranh lẫn nhau của Công ty.	Tốt	Tốt	
3.2.2.	Xu hướng thể giới công nhận sự hiện diện của thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT góp phần bảo đảm để việc ra quyết định khách quan hơn, đặc biệt trong các tình huống có xung đột lợi ích.	Tốt	Tốt	
3.2.3.	Ngoài ra, các chuyên gia cũng có nhiều quan điểm khác nhau về số lượng thành viên HĐQT độc lập tối ưu trong HĐQT. Tuy nhiên, quan điểm chung về số lượng lý tưởng của thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT là ở mức tối thiểu 1/3 cho tới tối đa.	Chưa tốt	Chưa tốt	Năm 2019 và 2020: SHS có 1/5 số thành viên HĐQT độc lập.
3.3.	HĐQT cần phải bảo đảm các thành viên HĐQT độc lập có đầy đủ các tiêu chuẩn và năng lực cần thiết để tham gia đóng góp cho HĐQT.			
3.3.1.	Thành viên HĐQT độc lập cần phải có hiểu biết chung tốt về ngành nghề họ tham gia.	Tốt	Tốt	
3.3.2.	Cần lưu ý rằng tính độc lập và năng lực phải đi đôi với nhau.	Tốt	Tốt	
3.3.3.	Điều quan trọng là thành viên HĐQT độc lập có đầy đủ các tiêu chuẩn và vị thế giúp họ tham gia hiệu quả và khách quan vào thảo luận của HĐQT.	Tốt	Tốt	
3.3.4.	Tất cả các Công ty cần phải có tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập có chuyên môn và kinh nghiệm tài chính để tham gia và lãnh đạo Ủy ban Kiểm toán.	Tốt	Tốt	Thành viên HĐQT độc lập Nguyễn Diệu Trinh có chuyên môn và kinh nghiệm tài chính.
3.4.	Thành viên HĐQT độc lập chỉ nên tham gia HĐQT tối đa 9 năm liên tục.			
3.4.1.	Việc tham gia là thành viên độc lập trong một HĐQT trong thời gian dài có thể gây ảnh hưởng đến khả năng hành động độc lập và khách quan của thành viên HĐQT đó. Vì vậy, tổng thời gian làm việc liên tục trong nhiệm kỳ của thành viên HĐQT độc lập không được vượt quá 9 năm.	Tốt	Tốt	Bà Nguyễn Diệu Trinh là thành viên HĐQT của SHS từ 03/01/2020.

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
3.4.2.	Sau 9 năm trên, thành viên HĐQT độc lập đó vĩnh viễn không được đưa ra bầu lại vào vị trí thành viên HĐQT độc lập của Công ty, nhưng có thể tiếp tục đủ điều kiện để được đề cử và bầu chọn làm thành viên HĐQT không độc lập.	Tốt	Tốt	
3.5.	HĐQT cần phải chỉ định một thành viên HĐQT đứng đầu trong số các thành viên HĐQT độc lập nếu Chủ tịch HĐQT không phải là thành viên độc lập, bao gồm trường hợp Chủ tịch HĐQT cũng đồng thời là Tổng Giám đốc.			
3.5.1.	Chủ tịch HĐQT và TGD phải là những cá nhân khác nhau để bảo đảm có cân bằng phù hợp về quyền lực, tăng trách nhiệm giải trình, và tăng cường năng lực của HĐQT để ra quyết định độc lập. Theo thông lệ tốt nhất, Chủ tịch HĐQT cũng nên là thành viên HĐQT độc lập.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	Tại SHS: Chủ tịch HĐQT không đồng thời là TGD tuy nhiên là thành viên HĐQT không độc lập.
3.5.2.	Trường hợp Chủ tịch HĐQT không phải là thành viên HĐQT độc lập và vai trò của Chủ tịch và TGD được kết hợp, việc thiết lập các cơ chế phù hợp sẽ bảo đảm có được quan điểm và nhận định độc lập. Quan trọng hơn, cơ chế này sẽ tránh việc lạm dụng quyền lực và thẩm quyền, và tránh được xung đột lợi ích tiềm tàng.	Không áp dụng	Không áp dụng	Tại SHS: Chủ tịch HĐQT không đồng thời là TGD tuy nhiên là thành viên HĐQT không độc lập.
3.5.3.	Cơ chế đề xuất là cần phải bổ nhiệm 1 thành viên HĐQT độc lập đứng đầu phụ trách các thành viên HĐQT độc lập, theo thông lệ tốt nhất trong trường hợp Chủ tịch không phải là thành viên độc lập thì HĐQT nên bao gồm đa số các thành viên HĐQT độc lập.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	SHS chỉ có 1 thành viên HĐQT độc lập.
3.5.4.	Thành viên HĐQT độc lập đứng đầu cần có đủ thẩm quyền để dẫn dắt HĐQT trong những trường hợp các thành viên HĐQT còn lại (bao gồm Chủ tịch HĐQT kiêm TGD) có xung đột lợi ích rõ ràng.	Tốt	Tốt	SHS chỉ có 1 thành viên HĐQT độc lập.
4.	THÀNH LẬP CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT.			
4.1.	HĐQT cần phải thành lập ủy ban kiểm toán và bảo đảm để ủy ban này có đủ nguồn lực và thẩm quyền. Ủy ban kiểm toán phải bảo đảm các kiểm soát nội bộ phù hợp được duy trì và Công ty tuân thủ mọi luật pháp và quy định liên quan.			
4.1.1.	HĐQT cần thành lập 1 Ủy ban Kiểm toán, bao gồm tối thiểu 3 thành viên HĐQT	Chưa tốt	Chưa tốt	Do số lượng thành viên HĐQT ít và HĐQT có nhiều tiểu ban nên Tiểu ban Kiểm toán của SHS chỉ có 1 thành viên.
4.1.2.	Ủy ban này cần phải có kiến thức về kiểm toán nội bộ, kế toán theo Chuẩn mực IFRS và VAS, tuân thủ, báo cáo tài chính và kiểm soát. Chủ tịch của Ủy ban Kiểm tra phải có chuyên môn về tài chính và là thành viên HĐQT độc lập.	Tốt	Tốt	
4.1.3.	Vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Kiểm toán phải được quy định trong quy chế hoạt động riêng, do HĐQT phê chuẩn và được công bố trên website của Công ty. Thẩm quyền, cơ cấu và quy trình hoạt động của Ủy ban Kiểm toán cần được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, là chuẩn mực thực tiễn để dựa vào đó có thể đánh giá được kết quả công việc của Ủy ban Kiểm toán.	Tốt	Tốt	



STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
4.1.4.	Trách nhiệm chủ yếu của Ủy ban Kiểm toán bao gồm: (1) Giám sát tính trung thực của BCTC của Công ty và mọi công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty; (2) Rà soát kiểm soát nội bộ về tài chính của Công ty, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; (3) Rà soát giao dịch với bên liên quan trong ngưỡng phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc cổ đông; (4) Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty; (5) Giới thiệu công ty kiểm toán độc lập cũng như mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với Công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt; (6) Theo dõi và đánh giá sự độc lập và khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán; (7) Xây dựng và thực hiện chính sách về tuyển dụng công ty kiểm toán độc lập để cung cấp dịch vụ phi kiểm toán; và (8) Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ mọi quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý cũng như các quy định nội bộ khác của Công ty.	Tốt	Tốt	Tại SHS là Ban Kiểm soát.
4.2.	HĐQT cần phải thành lập 1 Ủy ban Quản lý rủi ro có năng lực để bảo đảm các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh của Công ty được quản lý phù hợp			
4.2.1.	HĐQT cần phải thành lập 1 Ủy ban Quản lý rủi ro, bao gồm tối thiểu 3 thành viên HĐQT không điều hành, đa số là thành viên độc lập, kể cả vị trí Chủ tịch ủy ban này.	Chưa tốt	Chưa tốt	Do số lượng thành viên HĐQT ít và HĐQT có nhiều tiểu ban nên Tiểu ban Quản trị rủi ro của SHS chỉ có 1 thành viên.
4.2.2.	HĐQT cần phải phê duyệt quy chế hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro và quy chế này phải được công bố trên website của Công ty. Thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động được quy định trong quy chế hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro nên được xây dựng thành chuẩn đối sánh thực tế, để dựa vào đó có thể đánh giá được kết quả công việc của Ủy ban Quản lý rủi ro.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	HĐQT đã phê duyệt quy chế hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro nhưng không đăng tải trên website.
4.2.3.	Trách nhiệm chủ yếu của Ủy ban Quản lý rủi ro bao gồm: (1) Phê duyệt và giám sát quy trình và chính sách của Công ty về nhận dạng và quản lý rủi ro; (2) Giám sát và theo dõi kết quả công việc của Ban Điều hành liên quan đến việc thực hiện chính sách quản lý rủi ro của Công ty; (3) Rà soát và trình HĐQT phê duyệt khẩu vị rủi ro và chiến lược quản lý rủi ro; (4) Đề xuất với HĐQT về mức độ rủi ro và thẩm quyền chấp nhận rủi ro được ủy quyền cho TGD và Ban Điều hành; (5) Xem xét các khía cạnh của chiến lược và đề xuất của Ban Điều hành; (6) Theo dõi hiệu quả của bộ phận quản lý rủi ro và bảo đảm có đủ nguồn lực và hệ thống để đáp ứng mức độ năng lực mong muốn và cao hơn yêu cầu tối thiểu về tuân thủ; và (7) Thiết lập các chương trình giáo dục thường xuyên để cải thiện kiến thức quản lý rủi ro của thành viên.	Tốt	Tốt	
4.2.4.	Tùy thuộc vào yêu cầu của pháp luật về quy mô Công ty, môi trường hoạt động kinh doanh của Công ty và các yếu tố khác, nếu Công ty không có nhu cầu cấp thiết phải thành lập riêng 1 Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Kiểm toán có thể kết hợp trách nhiệm giám sát kiểm toán và quản lý rủi ro.	Tốt	Tốt	

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
4.3.	HĐQT cần phải thành lập Ủy ban Quản trị Công ty, bổ nhiệm và lương thưởng để tăng cường hiệu quả của khung quản trị Công ty và bảo đảm rằng chính sách và hoạt động bổ nhiệm và lương thưởng của Công ty hỗ trợ được việc bổ nhiệm, phát triển, thu hút và giữ chân các thành viên HĐQT và Ban Điều hành tài năng.			
4.3.1.	HĐQT cần phải thành lập 1 Ủy ban Quản trị Công ty, bổ nhiệm và lương thưởng (CGNR) bao gồm tối thiểu 3 thành viên HĐQT không điều hành có năng lực chuyên môn, đa số là thành viên độc lập, kể cả vị trí chủ tịch ủy ban.	Chưa tốt	Chưa tốt	Do số lượng thành viên HĐQT ít và HĐQT có nhiều tiểu ban nên Tiểu ban Quản trị hệ thống và lương, thưởng của SHS chỉ có 1 thành viên và là thành viên HĐQT không độc lập.
4.3.2.	HĐQT cần phải phê duyệt quy chế hoạt động của ủy ban CGNR và quy chế này cần phải được công bố trên website của Công ty. Thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động được quy định trong quy chế hoạt động của ủy ban CGNR nên được xây dựng thành chuẩn đối sánh thực tế, để dựa vào đó có thể đánh giá được kết quả công việc của Ủy ban CGNR.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	HĐQT đã phê duyệt quy chế hoạt động của CGNR nhưng không đăng tải trên website.
4.3.3.	Trách nhiệm chủ yếu của Ủy ban CGNR bao gồm: (1) Xây dựng, kiến nghị và đánh giá hằng năm chính sách quản trị Công ty và giám sát các vấn đề quản trị Công ty; (2) Xác định các ứng cử viên có đủ năng lực trở thành thành viên HĐQT và trình lên HĐQT để thông qua danh sách ứng viên; (3) Kiến nghị lên HĐQT về việc bổ nhiệm các ủy ban liên quan (ngoài Ủy ban CGNR); (4) Điều phối việc đánh giá hằng năm đối với HĐQT, thành viên HĐQT và các ủy ban; (5) Bảo đảm việc tuân thủ chính sách (sổ tay) quản trị Công ty và Bộ Quy tắc đạo đức kinh doanh của Công ty; (6) Hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm liên quan đến lương thưởng của thành viên HĐQT, TGD, Ban Điều hành, Thư ký Công ty và thành viên khác thuộc Ban Điều hành khi được trình lên HĐQT xem xét; (7) Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của Công ty; và (8) Chuẩn bị Báo cáo thường niên về chính sách và hoạt động lương thưởng, là một phần Báo cáo thường niên của Công ty.	Tốt	Tốt	
5.	BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HĐQT.			
5.1.	HĐQT cần phải thực hiện tự đánh giá hằng năm đối với kết quả công việc của mình, bao gồm kết quả công việc của Chủ tịch, từng thành viên, và các ủy ban. 3 năm 1 lần, việc đánh giá này nên được hỗ trợ của chuyên gia tư vấn/cố vấn bên ngoài.			
5.1.1.	Việc đánh giá HĐQT giúp các thành viên HĐQT rà soát lại kỹ lưỡng kết quả công việc và hiểu rõ và trách nhiệm của mình.	Tốt	Tốt	
5.1.2.	Rà soát lại và đánh giá định kỳ kết quả hoạt động của HĐQT nói chung, các ủy ban trực thuộc HĐQT, từng thành viên HĐQT và Chủ tịch cho thấy cách thức để những tập thể và cá nhân trên đây có thể thực hiện trách nhiệm 1 cách hiệu quả.	Tốt	Tốt	
5.1.3.	Ngoài ra, hoạt động này sẽ cung cấp phương tiện để đánh giá sự tham gia của 1 thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT và ủy ban, sự tham gia vào thảo luận của HĐQT, và cách thức biểu quyết những vấn đề trọng yếu.	Tốt	Tốt	



PHẦN 3 - BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
5.1.4.	Việc sử dụng cổ vấn bên ngoài để hỗ trợ đánh giá sẽ làm tăng sự khách quan của việc đánh giá. Cổ vấn bên ngoài có thể là bất kỳ bên thứ 3 độc lập nào, bao gồm nhưng không giới hạn các công ty tư vấn, các viện nghiên cứu hay tổ chức chuyên nghiệp.	Chưa tốt	Chưa tốt	SHS chưa thực hiện thuê chuyên gia đánh giá bên ngoài.
5.2.	HĐQT cần phải thiết lập 1 hệ thống để quy định, ở mức tối thiểu, các tiêu chí và quy trình để xác định hiệu quả công việc của HĐQT, từng thành viên HĐQT và các ủy ban trực thuộc. Hệ thống này nên cho phép cơ chế phản hồi từ cổ đông.			
5.2.1.	Việc công bố các tiêu chí, quy trình và kết quả đánh giá chung sẽ bảo đảm sự minh bạch và cho phép cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan quyết định xem liệu các thành viên HĐQT có đang thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với Công ty.	Tốt	Tốt	
5.2.2.	Các công ty được tự quyết định các tiêu chí và quy trình đánh giá, dựa trên nhiệm vụ, chức năng, vai trò và trách nhiệm quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT và quy chế hoạt động của các Ủy ban.	Tốt	Tốt	
5.2.3.	Trong khi thiết lập các tiêu chí, cần quan tâm đến các giá trị, nguyên tắc, và kỹ năng cần thiết cho Công ty. Ủy ban CGNR hoặc Ủy ban nhân sự/bổ nhiệm cần phải giám sát quy trình đánh giá này.	Tốt	Tốt	
5.3.	Khi đề xuất mức thù lao chi trả cho thành viên HĐQT lên ĐHCĐ phê duyệt, HĐQT cần phải cân nhắc xem liệu cơ cấu thù lao đó có phù hợp với vai trò và trách nhiệm tương ứng của từng thành viên HĐQT, có gắn với kết quả hoạt động của cá nhân và Công ty, và tạo động lực để HĐQT lãnh đạo Công ty nhằm đạt được cả mục tiêu ngắn hạn và dài hạn.			
5.3.1.	Ủy ban CGNR thuộc HĐQT với đa số thành viên và Chủ tịch là thành viên HĐQT độc lập cần phải chịu trách nhiệm thiết lập chính sách lương thưởng.	Tốt	Tốt	
5.3.2.	Lương thưởng của HĐQT phải phù hợp với chiến lược và mục tiêu dài hạn của Công ty, và phản ánh kinh nghiệm, nghĩa vụ, phạm vi công việc, trách nhiệm giải trình và trách nhiệm thực thi, và đóng góp của mỗi thành viên HĐQT. Những thành viên HĐQT có vai trò và trách nhiệm bổ sung, như là thành viên của một ủy ban, nên được hưởng thù lao bổ sung, tương đương với thông lệ của ngành.	Tốt	Tốt	
5.3.3.	Cổ đông cần phải phê duyệt cơ cấu thù lao của HĐQT, bao gồm mức và loại thù lao (cả các khoản thù lao bằng tiền và không bằng tiền). HĐQT cần phải cân nhắc sự phù hợp của mỗi loại thù lao, cả về tỷ lệ cố định (như thù lao hàng tháng và phụ cấp) và thù lao trả theo kết quả hoạt động của Công ty (như các khoản tiền thưởng, lợi tức). Mức thù lao cần phải phản ánh giá trị mà Công ty tạo ra cho cổ đông với quan điểm dài hạn theo kết quả hoạt động của Công ty, và mức thù lao không được quá cao để tránh việc HĐQT quá tập trung vào kết quả của Công ty trong ngắn hạn.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	ĐHCĐ của SHS chỉ phê duyệt tổng thù lao cho HĐQT và BKS theo năm. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT phân bổ quỹ thù lao cho từng thành viên.
6.	THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC CÔNG TY.			
6.1.	HĐQT cần phải bảo đảm việc áp dụng Bộ Quy tắc Đạo đức kinh doanh để thiết lập 1 văn hóa kinh doanh với chuẩn mực cao trong Công ty. Bộ Quy tắc này sẽ cung cấp chuẩn mực cho hành vi chuyên môn và đạo đức, cũng như làm rõ những hành vi và hoạt động được và không được chấp nhận trong quan hệ nội bộ và bên ngoài. Bộ Quy tắc cần phải được phổ biến phù hợp cho HĐQT, Ban Điều hành và nhân viên trong Công ty. Bộ Quy tắc này cần phải được công bố công khai trên website Công ty.			

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
6.1.1.	Bộ Quy tắc Đạo đức kinh doanh, văn bản quy định chính thức các giá trị văn hóa, là 1 công cụ quan trọng để văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh được thấm nhuần trên toàn Công ty.	Tốt	Tốt	
6.1.2.	HĐQT có trách nhiệm chính trong việc xây dựng và thiết kế 1 Bộ Quy tắc Đạo đức kinh doanh phù hợp với nhu cầu của Công ty và văn hóa mà Công ty hoạt động.	Tốt	Tốt	
6.1.3.	Để bảo đảm tuân thủ phù hợp với Bộ Quy tắc Đạo đức kinh doanh, cần có định hướng và đào tạo phù hợp với Bộ Quy tắc cho HĐQT, Ban Điều hành và nhân viên.	Tốt	Tốt	
6.2.	HĐQT cần phải bảo đảm triển khai phù hợp, hiệu quả và theo dõi việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức kinh doanh và các chính sách nội bộ.			
6.2.1.	HĐQT có nhiệm vụ chính là bảo đảm các chốt kiểm soát nội bộ được thiết lập để bảo đảm việc Công ty tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức kinh doanh và các chính sách và quy trình nội bộ. Vì vậy, HĐQT cần bảo đảm việc thực hiện các chốt kiểm soát nội bộ nói trên để thúc đẩy, xúc tiến và bảo đảm sự tuân thủ.	Tốt	Tốt	
6.2.2.	Nhiệm vụ bao gồm việc xây dựng các kênh truyền thông hiệu quả, hỗ trợ và khuyến khích nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và chủ nợ lên tiếng về những lo ngại về hành vi phi đạo đức/vi phạm luật pháp tiềm tàng tới kênh truyền thông phù hợp của HĐQT mà không lo ngại bị trả thù.	Tốt	Tốt	
6.2.3.	Một chính sách đạo đức của Công ty sẽ trở nên hiệu quả và được khắc sâu vào văn hóa Công ty nhờ 1 chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức, đào tạo liên tục để tăng cường việc thực hiện Bộ Quy tắc, giám sát và triển khai chặt chẽ và thiết lập các kênh phù hợp để các vấn đề có thể được nêu ra và giải quyết mà không lo ngại bị trả thù.	Tốt	Tốt	
6.3.	HĐQT là đầu mối và chịu trách nhiệm tập thể về quản trị, thành công trong dài hạn của Công ty, và việc mang lại giá trị bền vững cho các bên có quyền lợi liên quan của Công ty. HĐQT cần phải là tấm gương cho Ban Điều hành và nhân viên trong Công ty.			
6.3.1.	HĐQT và Ban Điều hành của Công ty cần phải luôn hành động một cách đạo đức, trung thực và liêm chính trong mọi quan hệ và thay mặt Công ty và cổ đông của Công ty.	Tốt	Tốt	
6.3.2.	HĐQT và Ban Điều hành của Công ty cần phải bảo đảm để mọi thảo luận, quyết định và hành động đều dựa trên các giá trị nòng cốt là nền tảng của quản trị tốt – trách nhiệm, trách nhiệm giải trình, công bằng và minh bạch.	Tốt	Tốt	
6.3.3.	HĐQT và Ban Điều hành của Công ty cần phải bảo đảm rằng Công ty tuân thủ mọi luật pháp, quy định, chuẩn mực và chính sách nội bộ hiện hành.	Tốt	Tốt	
B. MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT.				
7.	THIẾT LẬP KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH.			
7.1.	HĐQT cần phải đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát và giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.			



STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
7.1.1.	HĐQT có trách nhiệm tối hậu trong giám sát khung kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty. HĐQT cần phải đảm bảo có các công cụ hiệu quả để giám sát rủi ro và đảm bảo phân tách trách nhiệm và trách nhiệm giải trình rõ ràng trong tổ chức.	Tốt	Tốt	
7.1.2.	HĐQT cần phải phê duyệt các kế hoạch chiến lược và theo dõi giám sát việc Ban Điều hành thực hiện các chiến lược này một cách hiệu quả. Với hỗ trợ của các Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro, HĐQT cần rà soát định kỳ hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Các hoạt động của HĐQT liên quan đến kiểm soát nội bộ không được đông cứng mà cần được điều chỉnh để phù hợp với các vấn đề và rủi ro cần sự chú ý cao nhất của HĐQT.	Tốt	Tốt	
7.1.3.	Các Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro cần đảm bảo rằng Ban Điều hành có các cơ chế và thiết lập được các kiểm soát nội bộ để nhận dạng, đánh giá và giảm thiểu rủi ro xuống mức phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. Hệ thống kiểm soát nội bộ cần đảm bảo hướng tới tương lai và chủ động để có thể dự báo được các rủi ro tiềm tàng. Các Ủy ban cần tổ chức họp trực tiếp với Ban Điều hành để tìm hiểu các vấn đề về kiểm soát nội bộ nổi cộm nhất.	Tốt	Tốt	
7.1.4.	HĐQT cần đảm bảo rằng các bộ phận kiểm soát cần thiết (VD: quản lý rủi ro, tuân thủ, kiểm toán nội bộ) trong Công ty được thành lập với vị trí, quyền hạn và kênh báo cáo phù hợp.	Tốt	Tốt	
7.1.5.	Tất cả các Ủy ban thuộc HĐQT cần đảm bảo có các kênh thông tin phù hợp liên quan đến các sự cố hoặc các chủ đề có rủi ro hoặc các xu hướng mới nổi.	Tốt	Tốt	
7.1.6.	Với mục tiêu hỗ trợ khung kiểm soát nội bộ, HĐQT cần xây dựng cơ chế báo cáo sai phạm để cho phép nhân viên và các bên liên quan báo cáo sớm các sai phạm qua đó các vấn đề có thể được nhận biết và xử lý kịp thời. Nhân viên phải được bảo vệ để không bị trả thù và không phải đối mặt với rủi ro mất việc hoặc bất kỳ hình thức trừng phạt nào do báo cáo sai phạm.	Tốt	Tốt	
7.2.	HĐQT cần phải thành lập chức năng kiểm toán nội bộ để có đảm bảo khách quan và tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động của tổ chức.			
7.2.1.	Công ty cần phải thiết lập một chức năng kiểm toán nội bộ độc lập cung cấp đảm bảo cho HĐQT về hiệu quả và hiệu lực của các hệ thống kiểm soát nội bộ, khung quản lý rủi ro và quản trị Công ty. Quyền hạn, thành phần, lương thưởng, ngân sách hoạt động hàng năm, quy trình làm việc và các vấn đề liên quan khác của kiểm toán nội bộ cần được quy định trong quy chế hoạt động kiểm toán nội bộ do Ủy ban Kiểm toán phê duyệt.	Tốt	Tốt	
7.2.2.	Trưởng Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp lên Ủy ban Kiểm toán (hoặc HĐQT nếu không có Ủy ban Kiểm toán). Trưởng Kiểm toán nội bộ được xếp ngang hàng với các lãnh đạo điều hành mà không thuộc Ban Điều hành. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng Kiểm toán nội bộ cần phải được Ủy ban Kiểm toán phê duyệt.	Tốt	Tốt	
7.2.3.	Chức năng kiểm toán nội bộ cần được thành lập theo quy định hiện hành và các chuẩn mực quốc tế được công nhận rộng rãi của Viện Kiểm toán nội bộ (IIA).	Tốt	Tốt	

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
7.2.4.	Ủy ban Kiểm toán cần được nhận kết quả đánh giá rủi ro hàng năm, các báo cáo kiểm toán nội bộ kết quả của kế hoạch hoàn thiện và đánh giá chất lượng của phòng kiểm toán nội bộ, cập nhật các vấn đề kiểm toán có rủi ro cao, các đề xuất của kiểm toán nội bộ và đưa ra hướng dẫn cần thiết.	Tốt	Tốt	
7.3.	HĐQT cần phải thành lập một chức năng tuân thủ như là tuyến phòng vệ thứ 2 và quyền hạn cần thiết.			
7.3.1.	Công ty phải thiết lập một chức năng tuân thủ để đảm bảo tuân thủ với các quy định của pháp luật cũng như các chính sách nội bộ. Chức năng tuân thủ cần giám sát các hoạt động của Công ty và nhân viên để đảm bảo tuân thủ định kỳ báo cáo lên Ban Điều hành và HĐQT.	Tốt	Tốt	
7.3.2.	Bộ phận tuân thủ có thể thực hiện tốt hơn chức năng của mình khi tính độc lập được bảo đảm thông qua một kênh báo cáo trực tiếp lên HĐQT. Trưởng bộ phận Tuân thủ cần phải có vị trí và quyền hạn phù hợp tại Công ty. Trưởng bộ phận cần phải được tiếp cận trực tiếp và không giới hạn đến các Ủy ban trực thuộc của HĐQT (VD: Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Kiểm toán). Bộ phận tuân thủ cần phải báo cáo định kỳ lên các Ủy ban này.	Chưa tốt	Chưa tốt	Bộ phận Pháp chế và Bộ phận Kiểm soát nội bộ chỉ có chức năng báo cáo trực tiếp lên TGD.
7.3.3.	Trưởng bộ phận tuân thủ cần phải tư vấn cho Ban Điều hành và HĐQT về các quy định của luật pháp, các quy tắc và chuẩn mực hiện hành bao gồm việc cập nhật các thay đổi; đào tạo nhân viên về các vấn đề tuân thủ; nhận dạng, ghi nhận, đánh giá, đo lường, giám sát và báo cáo các rủi ro tuân thủ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	Chủ yếu tư vấn cho Ban Điều hành, ít tư vấn cho HĐQT.
7.4.	HĐQT cần phải giám sát hệ thống quản lý rủi ro toàn doanh nghiệp và bảo đảm rằng các hoạt động quản lý rủi ro hỗ trợ Công ty ra các quyết định chiến lược tốt hơn và dựa trên cơ sở hiểu biết đầy đủ về các rủi ro, HĐQT cũng cần phải quản lý rủi ro của Công ty trong phạm vi khẩu vị rủi ro của Công ty.			
7.4.1.	HĐQT cần phải theo dõi giám sát việc thực hiện chiến lược của Công ty và thường xuyên thảo luận về các rủi ro kinh doanh của Công ty, các đánh giá của Ban Điều hành về hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và bất cứ thay đổi đáng kể nào đối với các hệ thống này. HĐQT cần đảm bảo dành đủ thời gian trong các cuộc họp để trao đổi chiến lược, các hoạt động và kết quả quản lý rủi ro bao gồm cả các rủi ro môi trường và xã hội.	Tốt	Tốt	
7.4.2.	HĐQT cần phải thiết lập khẩu vị rủi ro và các mức rủi ro có thể chấp nhận được tương ứng với mỗi lựa chọn chiến lược của Công ty. HĐQT cần phải đảm bảo rằng khung quản lý rủi ro của Công ty được rà soát ít nhất 1 năm 1 lần. Ủy ban Kiểm toán cần phải nhận được một báo cáo từ kiểm toán nội bộ về hiệu quả của khung quản lý rủi ro 1 năm 1 lần.	Tốt	Tốt	
7.4.3.	HĐQT cần phải thiết lập và công bố một chính sách quản lý rủi ro với khung và cơ cấu quản lý rủi ro rõ ràng. Khung quản lý rủi ro này cần phù hợp với mô hình 3 tuyến phòng thủ: với Ban Điều hành thuộc tuyến phòng thủ thứ nhất, các chức năng tuân thủ và quản lý rủi ro ở phòng tuyến thứ hai và kiểm toán nội bộ là tuyến phòng thủ thứ ba.	Tốt	Tốt	



STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
7.4.4.	HĐQT với nguyên lý thận trọng với các rủi ro cần phải bảo đảm rằng mức lương, thưởng của Ban Điều hành được thiết lập phù hợp với lợi ích bền vững của các cổ đông và được điều chỉnh để tính đến tất cả các rủi ro của Công ty (VD: rủi ro hoạt động, rủi ro uy tín...). Khi thiết lập khung lương thưởng, Công ty có thể áp dụng các phương pháp tính có điều chỉnh rủi ro như kéo dài thời gian chờ trả hoặc tăng mức thời gian đánh giá năng lực.	Tốt	Tốt	
7.4.5.	Công ty cần phải bổ nhiệm 1 Giám đốc quản lý rủi ro (CRO) để lãnh đạo bộ phận quản lý rủi ro. CRO được quyền tiếp cận trực tiếp với Ủy ban Quản lý rủi ro thuộc HĐQT hoặc với HĐQT trong trường hợp không có Ủy ban liên quan.	Tốt	Tốt	
7.4.6.	CRO sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các chính sách quản lý rủi ro một khung quản lý an ninh mạng phù hợp.	Tốt	Tốt	
7.5.	HĐQT cần phải bảo đảm việc Công ty thiết lập 1 khung quản lý an ninh mạng phù hợp.			
7.5.1.	HĐQT cần phải có năng lực phù hợp để hiểu được các rủi ro an ninh mạng và các ảnh hưởng pháp lý mà các rủi ro này có thể mang lại. Nếu cần thiết, HĐQT nên sử dụng các chuyên gia độc lập về an ninh mạng để tìm hiểu về nội dung này.	Tốt	Tốt	
7.5.2.	Các rủi ro an ninh mạng cần được quản lý như là một phần của hệ thống quản lý tổng thể của Công ty thay vì quản lý tách rời khỏi hệ thống. HĐQT cần dành đủ thời gian để xem xét trao đổi về nội dung này trong các cuộc họp để bảo đảm rằng Công ty sẽ được bảo vệ an toàn trước các rủi ro an ninh mạng.	Tốt	Tốt	
7.5.3.	HĐQT cần phải phê duyệt chiến lược của Công ty có tính đến việc giảm thiểu các rủi ro an ninh mạng bao gồm cả việc mua bảo hiểm để hạn chế các rủi ro.	Tốt	Tốt	
7.5.4.	HĐQT cần phải xem xét các báo cáo hàng năm của bộ phận kiểm toán nội bộ về chương trình an ninh mạng của Công ty.	Tốt	Tốt	
7.6.	HĐQT cần phải thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra.			
7.6.1.	Công ty Kiểm toán độc lập cần phải được bổ nhiệm bởi ĐHĐCĐ (trừ khi có quy định khác của pháp luật chuyên ngành). Ủy ban Kiểm toán cần phải báo cáo lên HĐQT và ĐHĐCĐ về các khuyến nghị của Ủy ban liên quan đến việc lựa chọn Công ty kiểm toán, phí kiểm toán và các điều khoản dịch vụ do công ty kiểm toán cung cấp.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	Tại SHS: Hằng năm, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trên cơ sở đề xuất ít nhất 3 Công ty kiểm toán độc lập từ BKS.
7.6.2.	Ủy ban Kiểm toán cần phải xác định và giám sát các chỉ số đo lường chất lượng của công ty kiểm toán (VD: việc tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập, số năm kinh nghiệm, kinh nghiệm về ngành, tỷ lệ nghỉ việc...) và giám sát hoạt động của công ty kiểm toán cũng như tính hiệu quả của quy trình kiểm toán. Ủy ban này nên rà soát các chính sách của Công ty đối với công ty kiểm toán (VD: lựa chọn, thay đổi, đánh giá năng lực...) và báo cáo lên HĐQT nếu có các khuyến nghị cần thiết để điều chỉnh các chính sách này cho phù hợp.	Tốt	Tốt	

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
7.6.3.	Công ty Kiểm toán cần phải độc lập, có đầy đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ của mình mà không bị vướng vào các xung đột lợi ích. Công ty Kiểm toán cần đưa ra ý kiến kiểm toán một cách độc lập và chú ý hạn chế cung cấp các dịch vụ phi kiểm toán cho Công ty. Báo cáo tài chính cần được kiểm toán tuân thủ theo các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (ISA).	Tốt	Tốt	Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của SHS theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.
7.6.4.	Công ty cần công bố tất cả các loại phí trả cho công ty kiểm toán một cách chi tiết theo từng loại phí (phí kiểm toán, bảo đảm hay loại khác). Ủy ban Kiểm toán cần đảm bảo rằng phí trả cho các dịch vụ phi kiểm toán (nếu có) không được vượt quá mức phí trả cho dịch vụ kiểm toán.	Tốt	Tốt	SHS chỉ chi trả cho Công ty Kiểm toán độc lập duy nhất phí kiểm toán.
C. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH.				
8.	TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY.			
8.1.	HĐQT cần phải thiết lập các nguyên tắc và quy trình để công bố thông tin cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác và giám sát việc thực hiện các nguyên tắc và quy trình này.			
8.1.1.	HĐQT cần phải phê duyệt chính sách công bố thông tin để bảo đảm mọi thông tin liên quan về hoạt động của Công ty được công bố một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ theo quy định pháp luật hiện hành. Những thông tin cần công bố cần phải được cung cấp cho tất cả các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác một cách đồng thời. Cụ thể, Công ty phải công bố đầy đủ, khách quan, chính xác và kịp thời mọi sự việc hoặc sự kiện trọng yếu xảy ra, đặc biệt là về việc mua hoặc bán những tài sản quan trọng, có thể ảnh hưởng bất lợi đến khả năng phát triển hoặc lợi ích của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác.	Tốt	Tốt	
8.1.2.	HĐQT cần phải bảo đảm để hoạt động công bố thông tin của Công ty tuân thủ chính sách công bố thông tin. Hệ thống công bố thông tin của Công ty phải bảo đảm để cổ đông, nhà đầu tư, và các bên có quyền lợi liên quan tiếp cận được thông tin một cách công bằng và không cho phép lạm dụng thông tin nội bộ hoặc giao dịch nội gián.	Tốt	Tốt	
8.1.3.	Ủy ban Kiểm toán cần phải giám sát mọi báo cáo tài chính và phi tài chính theo đúng quy định của chính sách này.	Tốt	Tốt	
8.1.4.	HĐQT cần phải thông qua một chính sách yêu cầu mọi thành viên HĐQT và lãnh đạo cấp cao phải công bố/báo cáo cho Công ty tất cả các giao dịch cổ phiếu của Công ty trong vòng 3 ngày làm việc.	Tốt	Tốt	Tất cả người nội bộ và người có liên quan của SHS đều được yêu cầu báo cáo trước khi giao dịch cổ phiếu SHS theo đúng quy định của Thông tư 155.
8.1.5.	Công ty cần phải có bộ phận Quan hệ cổ đông chuyên nghiệp, chịu trách nhiệm giám sát truyền thông ra bên ngoài và lưu trữ thông tin theo quy định của pháp luật.	Tốt	Tốt	
8.1.6.	Công ty được khuyến khích công bố chi tiết (có kèm theo giải thích) tình hình tuân thủ Bộ Quy tắc Quản trị Công ty này trong mục Báo cáo quản trị Công ty trong Báo cáo thường niên và trên website của Công ty.	Tốt	Tốt	



STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
8.2.	Để thúc đẩy tiếp cận hiệu quả và tối ưu về chi phí đối với các thông tin liên quan, HĐQT cần phải bảo đảm có được sự tiếp cận dễ dàng và không phân biệt đối xử với những thông tin đã được công bố bằng cách sử dụng các công cụ truyền thông đa dạng.			
8.2.1.	HĐQT cần phải bảo đảm để thông tin liên quan của Công ty được công bố càng sớm càng tốt, và vì lý do đó, chính sách công bố thông tin của Công ty cần phải có quy trình công bố điện tử.	Tốt	Tốt	
8.2.2.	Công ty cần phải thường xuyên cập nhật các nội dung thông tin công bố trên website Công ty. HĐQT của một công ty niêm yết cần phải bảo đảm rằng mọi thông tin cung cấp thông qua website Công ty được cung cấp bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.	Tốt	Tốt	
8.2.3.	Công ty cần phải cho phép các nhà đầu tư và nhà phân tích đặt ra các câu hỏi liên quan đến hoạt động của Công ty. Điều này có thể được thực hiện thông qua các cuộc họp mở với nhà đầu tư/ nhà phân tích, họp báo, họp ngắn với nhà đầu tư hay theo các hình thức khác mà Công ty cho phép và đảm bảo không vi phạm những quy định cấm theo luật pháp/quy định niêm yết hiện hành.	Tốt	Tốt	
8.3.	HĐQT cần phải bảo đảm việc công bố các thông tin phi tài chính, bao gồm báo cáo về môi trường và xã hội.			
8.3.1.	HĐQT cần phải đảm bảo Công ty công bố thông tin liên quan và cập nhật về hoạt động và cấu trúc quản trị Công ty trên website và trong báo cáo thường niên của Công ty. Tối thiểu, Công ty cần phải công bố các chính sách và quy chế quản trị Công ty theo quy định tại Bộ Nguyên tắc này.	Tốt	Tốt	
8.3.2.	HĐQT cần phải công bố mức độ và lộ trình Công ty tuân thủ Bộ Nguyên tắc này trong báo cáo thường niên một cách chi tiết.	Tốt	Tốt	
8.3.3.	HĐQT cần phải đảm bảo rằng Công ty công bố thông tin về tác động môi trường và xã hội đáng kể và phương pháp quản lý rủi ro môi trường và xã hội của Công ty. Thông tin phải được chuẩn bị theo các chuẩn mực được chấp nhận chung trên toàn cầu, như chuẩn mực do Hội đồng Báo cáo tích hợp Quốc tế (IIRC) hay Sáng kiến báo cáo Toàn cầu (GRI) hay Hội đồng Chuẩn mực Đảm bảo Bền vững (SASB) ban hành và được thẩm định độc lập.	Tốt	Tốt	
8.3.4.	HĐQT cần bảo đảm thiết lập các chính sách và quy trình quản trị phù hợp để theo dõi chất lượng của thông tin môi trường và xã hội. HĐQT cần phải bảo đảm rằng thông tin được gắn với chiến lược, quản trị, và hiệu quả hoạt động của Công ty, để thúc đẩy thành công bền vững trong dài hạn của Công ty.	Tốt	Tốt	
8.4.	HĐQT cần phải bảo đảm thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành được công bố công khai nhằm đáp ứng yêu cầu của cổ đông liên quan đến thù lao, hiệu quả hoạt động và tạo ra giá trị.			
8.4.1.	HĐQT cần phải công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty về chính sách và tiêu chí xác định lương thưởng/ thù lao, cũng như tên, số tiền và chi tiết lương thưởng/thù lao của: (1) Từng thành viên HĐQT, thành viên BKS (nếu có) và TGD; và (2) Nhân sự điều hành cấp cao (những người không phải là thành viên HĐQT hay TGD).	Tương đối tốt	Tương đối tốt	SHS công bố tổng thù lao, tổng lương thưởng nhưng không công bố chi tiết các loại thù lao, lương, thưởng... mà từng thành viên được nhận.

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
8.4.2.	HĐQT cần phải công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty về mọi hình thức lương thưởng/ thù lao và các khoản chi và lợi ích khác, do Công ty và các công ty con chi trả cho thành viên HĐQT và nhân sự điều hành cấp cao của Công ty. HĐQT cũng công bố chi tiết về chương trình chi trả cổ phiếu cho nhân viên.	Tốt	Tốt	
8.4.3.	HĐQT cần phải công bố chính sách thù lao cho thành viên HĐQT và chính sách này phải phản ánh nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi cá nhân, kể cả các loại và cấu phần trong thù lao mà từng thành viên HĐQT nhận được. Công bố về thù lao cho từng thành viên HĐQT cũng phải bao gồm mức thù lao mà mỗi cá nhân nhận được do nắm giữ vị trí thành viên HĐQT tại các công ty con của Công ty (nếu có).	Chưa tốt	Chưa tốt	SHS chưa công bố thù lao bên ngoài Công ty mà từng thành viên HĐQT nhận được.
D. CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG.				
9.	THIẾT LẬP KHUÂN KHỔ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG.			
9.1.	HĐQT cần phải thiết lập và công bố các chính sách bảo vệ quyền của cổ đông và giám sát việc thực hiện các chính sách này.			
9.1.1.	HĐQT cần phải thông qua một chính sách toàn diện mô tả cụ thể các quyền của cổ đông và những yêu cầu về quyền, các thủ tục chuẩn bị, tiến hành và đưa ra quyết định tại các cuộc họp ĐHĐCĐ.	Tốt	Tốt	
9.1.2.	Để tránh pha loãng cổ phần, điều lệ của Công ty cần phải có quy định về quyền ưu tiên cho cổ đông để cho phép cổ đông hiện hữu của Công ty duy trì tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng khi Công ty phát hành cổ phần mới. Giá mua cổ phần và điều khoản mua được áp dụng với các cổ đông hiện hữu không được kém ưu đãi hơn so với giá và điều khoản chào bán cho bên thứ ba.	Tốt	Tốt	
9.1.3.	Công ty cần phải công bố chính sách dành cho cổ đông, các quy tắc và thủ tục tham gia họp ĐHĐCĐ trên website của Công ty.	Tốt	Tốt	
9.1.4.	HĐQT cần phải bảo đảm rằng Công ty có một hệ thống ghi nhận khiếu nại của cổ đông và giải quyết hiệu quả các tranh chấp của Công ty.	Tốt	Tốt	
9.1.5.	Công ty cần phải công bố người sở hữu thụ hưởng cuối cùng (nêu rõ đích danh cá nhân) từ 5% tổng số cổ phần trở lên.	Tốt	Tốt	
9.2.	HĐQT cần phải tổ chức họp ĐHĐCĐ hiệu quả.			
9.2.1.	HĐQT nên gửi thông báo về các cuộc họp cổ đông thường niên và bất thường với các thông tin đầy đủ và có liên quan, ít nhất là 21 ngày trước cuộc họp.	Tốt	Tốt	Năm 2020: họp ĐHĐCĐ ngày 24/06/2020, thông báo ngày 27/05/2020. Năm 2019: họp ĐHĐCĐ ngày 23/04/2019, thông báo ngày 29/03/2019.
9.2.2.	Mỗi cổ đông cần nhận được thông báo họp, chương trình họp, cũng như thông tin chính xác, khách quan và kịp thời để có căn cứ ra quyết định về các vấn đề cần được thông qua tại cuộc họp cổ đông.	Tốt	Tốt	



STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
9.2.3.	HĐQT cần phải công bố cho cổ đông thông tin đầy đủ về kinh nghiệm và lý lịch của các ứng cử viên thành viên HĐQT, bao gồm tuổi, trình độ học vấn và kinh nghiệm liên quan khác, bao gồm thông tin về các vị trí thành viên HĐQT tại các công ty niêm yết hoặc không niêm yết khác.	Tốt	Tốt	
9.2.4.	HĐQT nên có một quy trình công bằng và hiệu quả để cổ đông kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp của ĐHĐCĐ, bao gồm các đề xuất cho việc đề cử các thành viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty có quyền kiến nghị bổ sung các vấn đề đưa vào chương trình họp. Các cổ đông sở hữu ít hơn 10% cổ phần biểu quyết của Công ty cần được tạo cơ hội để xuất các vấn đề bổ sung vào chương trình họp ĐHĐCĐ.	Tốt	Tốt	
9.2.5.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% cổ phần biểu quyết của Công ty có thể yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.	Tốt	Tốt	
9.2.6.	HĐQT cần phải đảm bảo rằng các cổ đông có thể biểu quyết thông qua các đại biểu được ủy quyền theo đúng hướng dẫn của cổ đông ủy quyền. Các quy tắc biểu quyết vắng mặt sẽ được quy định trong quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ của Công ty. HĐQT cũng cần phải khuyến khích và tạo điều kiện cho các cổ đông bỏ phiếu điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính và tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến theo cách không làm cho thủ tục biểu quyết trở nên khó khăn hoặc tốn kém.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	Năm 2019 và 2020: SHS mới triển khai đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến, chưa triển khai họp ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử trực tuyến mặc dù Quy chế quản trị nội bộ của Công ty đã có quy định.
9.2.7.	Các cuộc họp ĐHĐCĐ nên được tổ chức vào thời gian và địa điểm thuận tiện nhất cho các cổ đông.	Tốt	Tốt	
9.2.8.	Thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và đại diện của kiểm toán độc lập cần phải tham dự các cuộc họp của cổ đông để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp.	Tốt	Tốt	
9.2.9.	Công ty cần phải công bố kết quả biểu quyết trong vòng 1 ngày sau cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường. Kết quả biểu quyết phải bao gồm thông tin về số phiếu tán thành, không tán thành và phiếu trắng đối với các vấn đề cần thông qua trong cuộc họp.	Tốt	Tốt	Năm 2019 và 2020: SHS công bố thông tin kết quả biểu quyết ngay trong ngày họp ĐHĐCĐ.
9.2.10.	Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường cần phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm ĐHĐCĐ kết thúc. Ngoài các yêu cầu theo quy định, biên bản phải bao gồm các nội dung sau: (1) thủ tục biểu quyết; (2) các ghi chép cho thấy việc cổ đông có cơ hội để đưa ra các câu hỏi, cũng như trình bày cụ thể các câu hỏi và câu trả lời nhận được tại cuộc họp; (3) các vấn đề được thảo luận và nội dung nghị quyết thông qua; (4) kết quả bỏ phiếu cho từng nội dung chương trình họp; (5) danh sách các thành viên HĐQT, cán bộ Công ty, đại diện của công ty kiểm toán và các cổ đông tham dự cuộc họp; và (6) ý kiến không tán thành đối với mọi nội dung trong chương trình họp được coi là quan trọng trong quá trình thảo luận.	Tốt	Tốt	Năm 2019 và 2020: SHS công bố thông tin kết quả Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ ngay trong ngày họp ĐHĐCĐ.
9.3.	HĐQT cần phải xây dựng và thực hiện chính sách cổ tức công bằng và nhất quán.			

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
9.3.1.	HĐQT cần phải áp dụng chính sách rõ ràng và minh bạch về quy trình phân phối và chi trả cổ tức, đảm bảo công bằng giữa các cổ đông. Cổ đông cần được cung cấp đầy đủ thông tin về các điều kiện chia cổ tức và thủ tục chi trả và không gặp cản trở việc nhận cổ tức.	Tốt	Tốt	
9.3.2.	Cổ tức phải được trả trong vòng 30 ngày sau khi nghị quyết có liên quan được thông qua. Trong trường hợp Công ty trả cổ tức dưới dạng cổ phiếu thì thời hạn chi trả là trong vòng 60 ngày từ khi nghị quyết được thông qua.	Chưa tốt	Chưa tốt	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019 (24/06/2020) thông qua chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt tỷ lệ 12%, ngày thanh toán 12/08/2020. - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019 (23/04/2019) thông qua chia cổ tức năm 2018 bằng tiền tỷ lệ 15%, ngày thanh toán 15/07/2019.
9.3.3.	Công ty có trách nhiệm chi trả toàn bộ cổ tức đã công bố. Theo đó, Công ty phải chịu trách nhiệm trước các cổ đông về việc không thực hiện nghĩa vụ này theo quy định của pháp luật hiện hành.	Tốt	Tốt	
9.3.4.	HĐQT cần phải công bố chính sách cổ tức thông qua website của Công ty.	Tốt	Tốt	
9.4.	Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông.			
9.4.1.	Tất cả các quyền của cổ đông cần phải được HĐQT công nhận, tôn trọng và bảo vệ. Cụ thể, cổ đông thiểu số cần phải được bảo vệ khỏi các hành động lạm dụng từ các cổ đông nắm quyền kiểm soát hoặc các cổ đông lớn nắm giữ cổ phiếu trực tiếp hoặc gián tiếp, những cổ đông này có thể kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định của Công ty.	Tốt	Tốt	
9.4.2.	Việc bỏ phiếu của cổ đông sẽ dựa trên cơ sở "một cổ phiếu phổ thông một quyền biểu quyết". Tất cả các quyền liên quan đến từng loại cổ phần cần được công bố công khai.	Tốt	Tốt	
9.4.3.	Cổ đông trong và ngoài nước cần phải được khuyến khích tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Những trở ngại đối với biểu quyết xuyên biên giới cần được loại bỏ. Tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm tài liệu, nghị quyết và biên bản, nên được cung cấp thêm bằng tiếng Anh nhằm tạo điều kiện cho các cổ đông không quen thuộc với tiếng Việt tham gia các cuộc họp một cách có hiệu quả và cung cấp thông dịch viên tại cuộc họp nếu cần thiết.	Tốt	Tốt	
9.4.4.	Công ty thiết lập và công bố trên website của Công ty chính sách và cơ chế khiếu nại hiệu quả cho phép cổ đông và những người khác thực hiện khiếu nại và đảm bảo các khiếu nại này được điều tra và xử lý.	Tốt	Tốt	
9.5.	Giao dịch với bên liên quan cần phải được thông qua và tiến hành theo cách thức đảm bảo các xung đột lợi ích được quản lý hợp lý và bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông.			



STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
9.5.1.	HĐQT cần phải đảm bảo các giao dịch với bên liên quan được thực hiện theo thông lệ thị trường ở tất cả các khía cạnh (VD: giá cả, thời hạn, bảo lãnh và các điều khoản chung). Tất cả các giao dịch với bên liên quan phát sinh phải được xem xét và phê duyệt/phủ quyết nghiêm ngặt theo phân quyền đã được quy định và phải được công bố một cách phù hợp (Xem thêm 3.1.2).	Tốt	Tốt	
9.5.2.	Thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao cần phải công khai cho HĐQT biết họ có lợi ích đáng kể nào trong bất kỳ một giao dịch hay vấn đề gì ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty hay không, cho dù là trực tiếp, gián tiếp hay thay mặt cho bên thứ ba.	Tốt	Tốt	
9.5.3.	Công ty nên ban hành một chính sách bằng văn bản về giao dịch với các bên liên quan (được HĐQT phê duyệt) và công bố trên website của Công ty. Chính sách này nên bao gồm tối thiểu các yếu tố sau: (1) Mục tiêu của chính sách; (2) Các định nghĩa; (3) Đơn vị phụ trách việc soạn lập chính sách; (4) Phạm vi áp dụng các chính sách; (5) Xác định các bên liên quan và giao dịch với các bên liên quan, bao gồm các ngưỡng giá trị và các yêu cầu công bố thông tin; (6) Thông báo, quy trình và trách nhiệm giải trình; (7) Quy trình phê duyệt/phủ quyết các giao dịch với các bên liên quan; (8) Giám sát các giao dịch với các bên liên quan; (9) Minh bạch và công bố thông tin/báo cáo về các giao dịch với các bên liên quan; và (10) Ban hành và phổ biến chính sách.	Tốt	Tốt	Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã quy định.
9.5.4.	Công ty cần phải xác định nhóm các thành viên HĐQT độc lập, không có mâu thuẫn lợi ích và nhiệm vụ của họ liên quan đến giao dịch với các bên liên quan được quy định chính thức trong quy chế hoạt động. Các thành viên HĐQT này cần hỗ trợ thực hiện chính sách, rà soát và thông qua/phủ quyết các quy trình phê duyệt giao dịch với các bên liên quan và có sự tương tác chặt chẽ với bộ phận kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập, là các bộ phận đưa ra đảm bảo đối với giao dịch với các bên liên quan.	Tốt	Tốt	
9.5.5.	Trong trường hợp giao dịch với bên liên quan có quy mô lớn hoặc có thể có ảnh hưởng lớn đối với định hướng chiến lược hoặc cơ cấu vốn của Công ty, cổ đông phải có quyền thông qua giao dịch với bên liên quan. HĐQT phải trình giao dịch để cổ đông thông qua và công bố thông tin (cả trước khi thực hiện giao dịch và trong báo cáo thường niên của Công ty): (1) Danh tính của người hưởng cuối cùng bao gồm mọi chủ sở hữu có quyền kiểm soát và bất kỳ bên nào liên kết với chủ sở hữu có quyền kiểm soát có bất kỳ lợi ích sở hữu trực tiếp/gián tiếp nào trong Công ty; (2) Các doanh nghiệp khác trong đó cổ đông có quyền kiểm soát có lợi ích đáng kể; và (3) Các hợp đồng với cổ đông (VD: cam kết đối với các khoản thanh toán của bên liên quan như phí cấp phép, hợp đồng dịch vụ và các khoản vay).	Tốt	Tốt	

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2019	ĐÁNH GIÁ
E. QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN.				
10.	TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN.			
10.1.	HĐQT cần phải đảm bảo thiết lập các quy tắc để bảo vệ và thúc đẩy sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan.			
10.1.1.	HĐQT cần phải đảm bảo có một quy trình chính thức để xác định các bên có quyền lợi liên quan của Công ty bao gồm nhân viên, chủ nợ, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng địa phương và các tổ chức phi chính phủ quan trọng. HĐQT nên áp dụng các chính sách rõ ràng, minh bạch đối với các bên có quyền lợi liên quan với các cách tiếp cận khác nhau theo mức độ ưu tiên được xác định cho từng nhóm có quyền lợi liên quan.	Tốt	Tốt	
10.1.2.	HĐQT cần phải đảm bảo rằng Công ty tôn trọng lợi ích và quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật hoặc được cam kết thông qua các hợp đồng. HĐQT nên đặt kỳ vọng cao về sự tương tác với các bên có quyền lợi liên quan và thể hiện cam kết đối với việc tham gia của các bên có quyền lợi liên quan trong Bộ quy tắc đạo đức kinh doanh của Công ty.	Tốt	Tốt	
10.1.3.	HĐQT cần phải ưu tiên áp dụng các chính sách và chương trình dành cho nhân viên, đặc biệt là các chính sách về an toàn lao động, phúc lợi và phát triển, để nhân viên Công ty có thể đóng góp tích cực vào việc đạt được các mục tiêu của Công ty và có thể tham gia vào các hoạt động quản trị Công ty.	Tốt	Tốt	
10.1.4.	HĐQT cần phải đảm bảo rằng Công ty áp dụng và thực thi chính sách chống tham nhũng và chống hối lộ nghiêm ngặt trong Bộ quy tắc đạo đức kinh doanh.	Tốt	Tốt	
10.1.5.	HĐQT cần phải đảm bảo rằng các yêu cầu về môi trường và xã hội của Công ty được đưa vào các yêu cầu đối với nhà thầu.	Tốt	Tốt	
10.2.	HĐQT cần phải đảm bảo và giám sát các cuộc đối thoại phù hợp giữa Công ty và các bên có quyền lợi liên quan.			
10.2.1.	HĐQT nên thiết lập và giám sát cơ chế chính thức dành cho người lao động và các bên có quyền lợi liên quan khác đưa ra các câu hỏi và khiếu nại của họ.	Tốt	Tốt	
10.2.2.	HĐQT nên áp dụng một quy trình giao tiếp minh bạch và dễ dàng tiếp cận để cho phép: (1) Tiếp nhận và đăng ký những thông tin từ các bên có quyền lợi liên quan bên ngoài; (2) Đánh giá các vấn đề được nêu ra và xác định cách thức phản hồi; và (3) Cung cấp và ghi nhận các phản hồi (nếu có).	Tốt	Tốt	



CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 617/QĐ-UBCK NGÀY 09/10/2013 VỀ VIỆC HƯỚNG DẪN XẾP LOẠI CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

STT	TÊN TIÊU CHÍ	GIÁ TRỊ	ĐIỂM	TRỌNG SỐ	TỔNG ĐIỂM 2020	TỔNG ĐIỂM 2019
1	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	>=5 năm	100	4%	4	4
2	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/Tổng Giám đốc	>=5 năm	100	6%	6	6
3	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	>=7 năm	100	4%	4	4
4	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/Tổng giám đốc	>=7 năm	100	6%	6	6
5	Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO, CFO), Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/tổng số các vị trí này	Dưới 5%	80	4%	3.2	3.2
6	Sự đầy đủ của các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	Đã ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế	100	5%	5	5
7	Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động	Đã thành lập bộ phận quản lý rủi ro độc lập, các chính sách được ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế	100	5%	5	5
8	Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ	Đã được thiết lập, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để hoạt động hiệu quả	100	5%	5	5
9	Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	Công ty có quy trình quản lý tiền gửi của nhà đầu tư và các khoản tiền gửi của nhà đầu tư được kiểm soát và quản lý chặt chẽ	100	5%	5	5
10	Mức độ minh bạch của thông tin tài chính	Thông tin tài chính được công bố công khai, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và không có các sửa chữa trọng yếu sau ngày công bố	100	6%	6	6
11	Số năm hoạt động	>7 năm	100	6%	6	6
12	Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/ Tổng Doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở)	Từ 2% đến 5%	80	8%	6.4	6.4
13	Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin	Có hệ thống giao dịch trực tuyến, có Hệ thống thông tin quản lý nội bộ MIS hiệu quả	100	5%	5	5
14	Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung của các công ty CK trên thị trường	Top 10	90	5%	4.5	4.5
15	Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm)vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới (có kế hoạch tăng vốn, có lợi nhuận hoặc có lỗ).	Có kế hoạch và triển vọng tăng vốn rõ ràng và tính khả thi cao	100	4%	4	4
16	Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỷ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất.	Trên 20%	100	6%	6	6
17	Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	Không sử dụng	100	5%	5	5
18	Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong 6 tháng gần nhất	Không vi phạm	100	6%	6	6
19	Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của công ty	4 nghiệp vụ trở lên	100	5%	5	5
Tổng cộng					97,1	97,1

KẾT QUẢ:

97,1 điểm

Kết quả tự đánh giá quản trị Công ty theo Quyết định số 617/QĐ-UBCK cho thấy chỉ tiêu quản trị của Công ty không đổi so với năm trước và bằng 97,1 điểm (xếp loại A). Điều đó cho thấy sự ổn định về mặt quản trị của Công ty.



ĐÁNH GIÁ TÀI CHÍNH CÔNG TY

CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 617/QĐ-UBCK NGÀY 09/10/2013 VỀ VIỆC HƯỚNG DẪN XẾP LOẠI CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

STT	TÊN TIÊU CHÍ	GIÁ TRỊ	ĐIỂM	TRỌNG SỐ	TỔNG ĐIỂM 2020	TỔNG ĐIỂM 2019
I. MỨC ĐỘ ĐÙ VỐN						
1	Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	47%	20	10%	2	2
2	Vốn chủ sở hữu/Vốn pháp định	922%	100	10%	10	10
3	Tỷ lệ vốn khả dụng	346%	100	10%	10	10
II. CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN						
4	Tỷ lệ giá trị tổng tài sản sau khi điều chỉnh rủi ro/ Tổng tài sản (không bao gồm tài sản cố định)	87%	80	5%	4	4
5	Tỷ lệ dự phòng/(đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + phải thu)	0%	80	10%	8	8
6	Tỷ lệ các khoản phải thu/Tổng tài sản	58%	50	10%	5	5
III. KHẢ NĂNG SINH LỜI						
7	Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	42%	100	10%	10	10
8	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	25%	100	10%	10	7
IV. CHẤT LƯỢNG THANH KHOẢN						
9	Tỷ lệ tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	191%	100	15%	15	15
10	Tỷ lệ tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	18%	60	10%	6	10
Tổng cộng				100%	80	81

KẾT QUẢ:

80,0 điểm

Kết quả tự đánh giá tài chính của Công ty theo Quyết định số 617/QĐ-UBCK cho thấy chỉ tiêu tài chính năm 2020 giảm một chút so với năm trước (đạt 80,0 điểm, xếp loại A). Nguyên nhân là do chỉ tiêu Tỷ lệ tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn giảm 4 điểm trong khi chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân chỉ tăng 3 điểm.





PHẦN 04 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

- NHẬN ĐỊNH TỔNG QUAN NĂM 2021
- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021



NHẬN ĐỊNH TỔNG QUAN NĂM 2021

THẾ GIỚI

Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2021 được các tổ chức đánh giá sẽ khả quan hơn nhiều so với năm 2020 bị suy thoái vì đại dịch Covid. Việc 4 loại vacxin được lưu hành và 43 dự án nghiên cứu vacxin khác đang được triển khai tạo kỳ vọng cho sự phục hồi của hoạt động sản xuất cũng như tiêu dùng trên toàn cầu. Động lực tăng trưởng được kỳ vọng đến từ các đầu tàu kinh tế như Mỹ (+5,1%), Trung Quốc (+8,1%), Châu Âu (4,2%). Nhờ vậy, kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng 5,5% (theo IMF) sau khi tăng trưởng âm 3,5% trong năm 2020.

Tuy vậy, một số rủi ro mà nền kinh tế thế giới sẽ phải đối mặt bao gồm:

- Triển vọng tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào quy mô cũng như hiệu quả của việc tiêm phòng vacxin phòng Covid. Rủi ro một số quốc gia phải tái đóng cửa cách ly vẫn hiện hữu do chưa có đủ vacxin cho tất cả mọi người và virus đang xuất hiện những biến chủng mới.
- Sau khi ông Biden lên nắm quyền tại Mỹ, chính sách đối với Trung Quốc được cho là sẽ mềm dẻo và dễ đoán định hơn chính quyền cũ nhưng vẫn coi Trung Quốc là thách thức với Mỹ. Vì thế, cuộc chiến thương mại giữa Mỹ - Trung vẫn chưa chấm dứt và có thể bùng nổ bất cứ lúc nào.
- Rủi ro bong bóng tài sản toàn cầu bởi dòng vốn rẻ.
- Rủi ro nợ công toàn cầu gia tăng khi các chính phủ tăng cường đi vay để tung ra các gói cứu trợ quy mô lớn.

VIỆT NAM

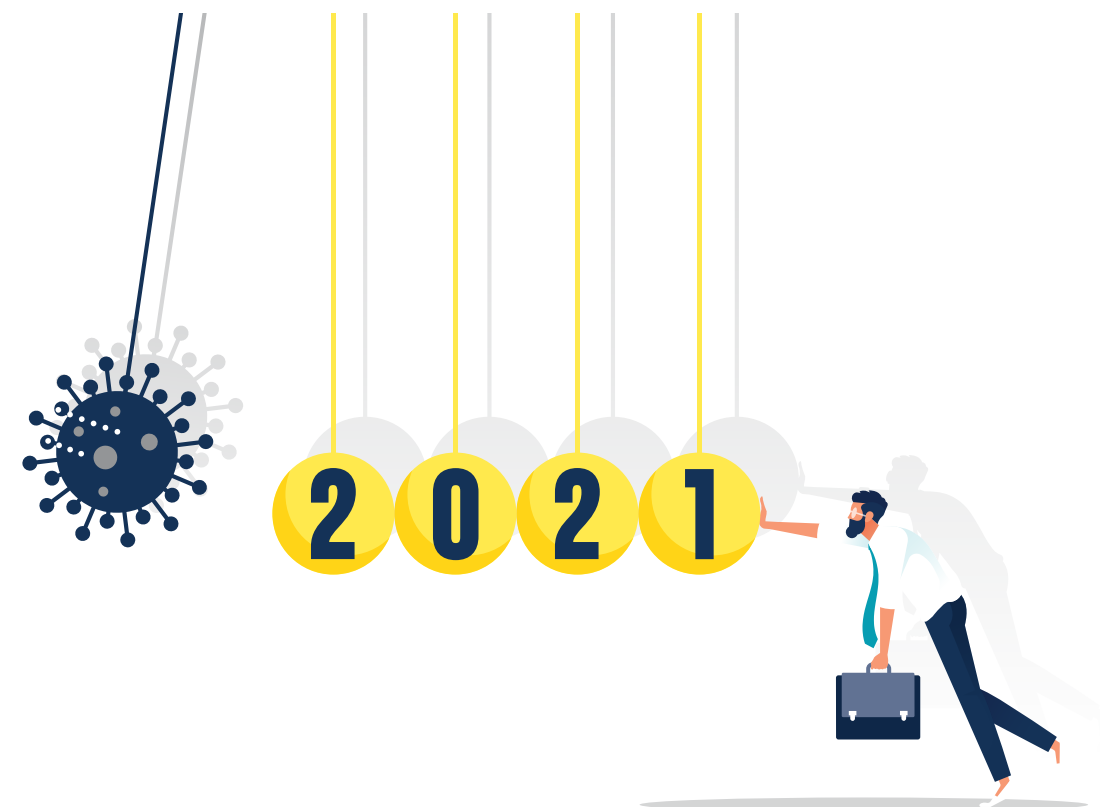
Trong năm 2021, kinh tế Việt Nam được đánh giá sẽ quay trở lại đà tăng trưởng trước dịch Covid nhờ sự phục hồi của cầu nội địa sau khi dịch bệnh được kiểm soát tốt và Chính phủ đưa ra các gói hỗ trợ cũng như tăng cường giải ngân đầu tư công. Bên cạnh đó, động lực tăng trưởng sẽ tiếp tục tới từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài khi hoạt động xuất nhập khẩu dự báo vẫn được duy trì tốt nhờ cầu từ bên ngoài hồi phục và các hiệp định FTA phát huy tác dụng. Ngoài ra, làn sóng FDI gia tăng nhờ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng cũng sẽ hỗ trợ cho xuất nhập khẩu và dự trữ ngoại hối.

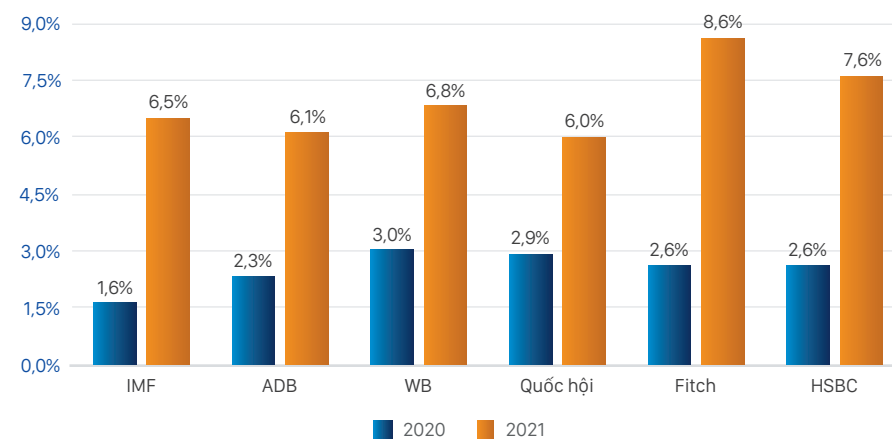
Tuy vậy, các thách thức sẽ bao gồm:

- Dịch bệnh quay trở lại trong bối cảnh vacxin chưa phổ biến và có nhiều biến chủng mới.
- Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc dù dịu bớt nhưng có thể tái xảy ra.
- Tái cơ cấu nền kinh tế chậm sẽ ảnh hưởng tới đà phục hồi sau dịch.
- Nợ xấu trong hệ thống ngân hàng tăng lên do tác động của dịch.

Dưới đây là một số dự báo về nền kinh tế Việt Nam trong năm 2021:

- **Tăng trưởng:** Theo dự báo, kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng từ 6,0% - 6,8% trong năm 2021, thậm chí có tổ chức còn nhận định có thể tới 8,6%. Động lực tăng trưởng được kỳ vọng đến từ phục hồi của cầu nội địa, khả năng tăng trưởng trở lại của khu vực FDI, hoạt động xuất khẩu và sự hỗ trợ từ đầu tư công. Nhiều lĩnh vực sẽ vẫn gặp khó khăn như vận tải, du lịch do hạn chế về đi lại giữa các quốc gia chưa thể dỡ bỏ trong ngắn hạn.



**MỘT SỐ DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021**

- **Lạm phát:** Trong năm 2021, lạm phát được đánh giá sẽ không tăng mạnh và có thể kiểm soát dưới mức 4,0% do kinh tế thế giới chưa hồi phục hoàn toàn nên giá các nguyên vật liệu hàng hóa thiết yếu khó tăng mạnh, tuy nhiên vẫn có thể xuất hiện những yếu tố khó lường như thiên tai, dịch bệnh như đã xảy ra trong năm 2020.
- **Tỷ giá:** Trong năm 2021, tỷ giá được dự báo sẽ tăng trong bối cảnh FED và nhiều nước trên thế giới hạ lãi suất, tung ra các gói hỗ trợ lớn tuy nhiên sẽ chỉ tăng nhẹ do NHNN cũng sẽ điều hành để giảm nguy cơ liên quan tới vấn đề "thao túng tiền tệ".
- **Lãi suất, tín dụng:** Năm 2021, mục tiêu tăng trưởng tín dụng vẫn được duy trì ở mức 12,0% như năm 2020 và dự báo mặt bằng lãi suất nhiều khả năng sẽ vẫn duy trì ở mặt bằng hiện tại sau nhiều lần giảm để tiếp tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong quá trình phục hồi, tuy nhiên tỷ lệ nợ xấu sẽ tăng lên do hệ quả của những khó khăn từ năm 2020.
- **Tái cơ cấu:** Quá trình sắp xếp, cổ phần hóa DNNN, thoái vốn đầu tư ngoài ngành trong năm 2021 được dự báo sẽ được thúc đẩy trở lại sau đại hội Đảng.

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Thị trường chứng khoán trong năm 2021 được dự báo sẽ theo hướng tích cực mặc dù sẽ có các giai đoạn tăng trưởng, điều chỉnh và tích lũy.

CƠ HỘI

- Kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ phục hồi trong năm 2021 nhờ có vaccine phòng ngừa Covid trong đó Việt Nam được nhận định là điểm sáng của Châu Á nhờ thành công chống dịch, cơ cấu dân số trẻ với tầng lớp trung lưu gia tăng, khả năng thu hút sự chuyển dịch làn sóng FDI, khả năng tận dụng các Hiệp định thương mại. Đây là những yếu tố hỗ trợ cho TTCK tăng trưởng.
- Với việc các doanh nghiệp và nền kinh tế vẫn cần các chính sách hỗ trợ để phục hồi, mặt bằng lãi suất được dự báo sẽ tiếp tục ở mức thấp trong năm 2021. Trong bối cảnh đó, TTCK tiếp tục là kênh đầu tư hấp dẫn để thu hút được dòng tiền nhàn rỗi của các nhà đầu tư.

- Trong năm 2021, một loạt các chính sách mới như Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư sẽ chính thức có hiệu lực tạo hành lang pháp lý cho việc phát hành Chứng chỉ Lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR), triển vọng kinh tế tích cực, hệ thống công nghệ thông tin mới tạo cơ sở cho việc triển khai giao dịch T+0, bán khống có bảo đảm. Những yếu tố này được kỳ vọng sẽ mở ra cơ hội TTCK Việt Nam được FTSE và MSCI xem xét nâng hạng lên thành Thị trường Mới nổi trong các giai đoạn sau đó, từ đó thu hút được thêm dòng tiền đặc biệt là dòng vốn ngoại quay trở lại TCK Việt Nam.
- Quá trình tái cơ cấu DNNN, cổ phần hóa và niêm yết các doanh nghiệp lớn sẽ tiếp tục diễn ra với nhiều doanh nghiệp tiềm năng như Mobifone, VNPT, Satra, Genco 2, Genco 1, Vicem, Vinachem, Vinataba...thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp niêm yết như ACV, Vietnam Airlines, Viglacera, PV Gas, Petrolimex...cùng với quá trình chuyển sàn của nhiều mã lớn từ Upcom sang sàn niêm yết sẽ giúp cho thị trường có thêm hàng hóa có chất lượng và gia tăng thanh khoản.

THÁCH THỨC

- Chính quyền mới của Mỹ mặc dù được cho là sẽ mềm mỏng và dễ đoán hơn đối với Trung Quốc, tuy nhiên vẫn coi Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh và ảnh hưởng tới lợi ích của Mỹ. Do vậy, những căng thẳng giữa 2 quốc gia và chiến tranh thương mại vẫn có nguy cơ quay trở lại. Bên cạnh đó những rủi ro địa chính trị tại những điểm nóng trên thế giới cũng có nguy cơ leo thang tác động xấu tới thị trường tài chính quốc tế và Việt Nam.
- Mặc dù được dự báo là sẽ ở mức thấp tuy nhiên nguy cơ lạm phát vẫn là yếu tố cần phải theo dõi trong năm 2021 bởi những yếu tố bất ngờ trong và ngoài nước nếu xảy ra làm tăng lạm phát có thể dẫn tới chính sách tiền tệ thận trọng hơn, từ đó ảnh hưởng tới dòng tiền vào thị trường chứng khoán.
- Mặc dù đã có vaccine phòng ngừa Covid tuy nhiên với việc thế giới và Việt Nam chưa thể hoàn thành tiêm vaccine đại trà trong năm 2021, nguy cơ bùng phát dịch bệnh trở lại ở các quốc gia khác và sau đó lây lan sang Việt Nam vẫn là hiện hữu qua đó ảnh hưởng tới sự phục hồi kinh tế và diễn biến TTCK.
- Sau năm 2020 tăng trưởng mạnh ở nhiều nhóm ngành, giá cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết dự báo sẽ phân hóa mạnh đòi hỏi các hoạt động đầu tư, tư vấn đầu tư của các công ty chứng khoán cũng cần linh hoạt và nhanh nhạy hơn.
- Hệ thống công nghệ thông tin của SGDCK Tp.Hồ Chí Minh và một số công ty chứng khoán quá tải chưa thể giải quyết dẫn tới lệnh của nhà đầu tư thường xuyên bị nghẽn sẽ ảnh hưởng tới tâm lý, diễn biến và sự phát triển của thị trường.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Trên cơ sở nhận định tổng quan về thế giới và Việt Nam trong năm 2021, Công ty tập trung vào phân tích điểm mạnh, điểm yếu của SHS cũng như cơ hội và thách thức đối với Công ty làm cơ sở cho việc lập kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021 của SHS.

► **PHÂN TÍCH**

ĐIỂM MẠNH

- SHS là công ty chứng khoán có thương hiệu và uy tín trên thị trường.
- Có sự hỗ trợ mạnh mẽ của T&T và các định chế tài chính liên kết về nguồn lực tài chính, hệ thống khách hàng, định hướng chiến lược.
- Hệ thống khách hàng và đối tác lớn.
- Đội ngũ nhân sự có trình độ, kinh nghiệm và gắn bó lâu năm với Công ty.
- Sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng, linh hoạt.

ĐIỂM YẾU

- Tăng trưởng kinh doanh chưa bền vững do kết quả kinh doanh các nghiệp vụ chính như môi giới, dịch vụ tài chính, đầu tư, tư vấn... phụ thuộc lớn vào biến động thị trường.
- Mặc dù quản lý số lượng khách hàng lớn nhưng hầu hết vẫn là khách hàng cá nhân trong nước do đó Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện chiến lược tập trung hóa.
- Nguồn vốn kinh doanh dồi dào nhưng lãi suất cho vay chưa thực sự cạnh tranh.
- Hệ thống phần mềm giao dịch hiện tại đã đến điểm tới hạn cần phải khẩn trương nâng cấp.

CƠ HỘI

- Mặt bằng lãi suất thấp sẽ thúc đẩy dòng tiền chảy vào TTCK qua đó tạo cơ hội cho các hoạt động kinh doanh của SHS.
- Năm 2021 dự báo hoạt động cổ phần hóa, IPO các DNNN, thoái vốn ngoài ngành của các tập đoàn, Tổng Công ty sẽ được thúc đẩy trở lại, điều này sẽ mang đến những cơ hội cho hoạt động Đầu tư, Môi giới, Tư vấn và Bảo lãnh phát hành của SHS.

THÁCH THỨC

- Các quy định về tín dụng cho hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán vẫn theo hướng kiểm soát chặt, qua đó ảnh hưởng tới dòng tiền vào thị trường trong đó có SHS.
- Ngoài Nghị định số 81/2020/NĐ-CP áp dụng từ ngày 01/09/2020, trong năm 2021 Luật Chứng khoán 2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP cũng sẽ bắt đầu có hiệu lực trong đó có nhiều điều kiện thắt chặt quản lý hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ. Bên cạnh đó, sau năm 2020 bùng nổ, nhiều công ty chứng khoán khác cũng đã tham gia vào hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu, hạ giá dịch vụ để cạnh tranh. Đây sẽ là những thách thức đối với hoạt động tư vấn của SHS.
- Áp lực cạnh tranh từ các công ty chứng khoán khác tiếp tục tăng mạnh với SHS đặc biệt là từ các công ty chứng khoán có vốn nước ngoài về cả lãi suất và phí môi giới. Bên cạnh đó, việc SHS vẫn chưa tham gia thị trường phái sinh và phát hành chứng chỉ CW cũng khiến cho sản phẩm tài chính của SHS bị kém cạnh tranh hơn so với các công ty khác.
- Trong bối cảnh dòng tiền của nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt là nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài vào thị trường tăng mạnh thời gian gần đây, những công ty thuộc nhóm dưới sẽ gặp rất nhiều thách thức trong đó có SHS do những công ty chứng khoán thuộc Top 3 (SSI, HSC, Bản Việt) hiện tại đang nắm giữ gần như toàn bộ thị phần của nhóm khách hàng này.
- Thị trường trái phiếu Chính phủ năm 2021 dự báo sẽ khó khăn hơn trong năm 2020 do lợi suất trái phiếu đã giảm sâu xuống mức thấp nhất trong 10 năm trở lại đây và được dự báo đi ngang và có thể tăng khiến cho hoạt động giao dịch nhiều rủi ro hơn.
- TTCK có nhiều sự biến động mạnh trong năm 2021 đòi hỏi hoạt động của SHS phải linh hoạt, nhanh nhạy mới có thể hạn chế được rủi ro và nắm bắt được cơ hội.
- Sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán bên cạnh việc mở rộng quy mô còn tiếp tục đi vào chiều sâu. Chất lượng dịch vụ cao đòi hỏi Công ty phải tiếp tục đầu tư về nhân sự và công nghệ hơn nữa để duy trì và nâng cao thị phần, hình ảnh. Điều này sẽ khiến chi phí hoạt động có thể tăng lên tạo sức ép với SHS trong ngắn hạn.



► ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

ĐỐI CHIẾU	KẾ HOẠCH 2020	THỰC TẾ THỰC HIỆN 2020	ĐÁNH GIÁ
Giả định	Tình hình kinh tế vĩ mô: bất ổn trong 6 tháng đầu năm và ổn định trong 6 tháng cuối năm.	Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định cả năm.	Thực tế tốt hơn giả định.
	Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường: 5.100 tỷ đồng/phiên.	Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường: - Sàn HOSE: 6.290 tỷ đồng/phiên. - Sàn HNX: 720,5 tỷ đồng/phiên.	Thực tế tốt hơn giả định.
	Thị phần SHS: - Tại sàn HOSE: 3,0% - Tại sàn HNX: 5,0% - Tính chung toàn thị trường: 3,3%	Thị phần SHS: - Tại sàn HOSE: 2,5% - Tại sàn HNX: 6,6% - Tính chung toàn thị trường: 2,8%	Chưa đạt tại sàn HOSE và tính chung cả thị trường nhưng vượt trội tại sàn HNX.
Kế hoạch tổng thể năm 2020	Tổng doanh thu: 950,0 tỷ đồng	Tổng doanh thu: 1.808,5 tỷ đồng	Đạt vượt mức kế hoạch về tổng doanh thu.
	Tổng chi phí: 700,0 tỷ đồng	Tổng chi phí: 869,6 tỷ đồng	Không đạt kế hoạch chi phí.
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 320,0 tỷ đồng	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 938,9 tỷ đồng	Đạt vượt mức kế hoạch về lợi nhuận kế toán trước thuế.
Kế hoạch chi tiết năm 2020	Đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới cả bề rộng về qui mô và chiều sâu về chất lượng, nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư, giữ được sự ổn định nguồn tài chính phục vụ nhu cầu nhà đầu tư. Mục tiêu là lấy lại thị phần trong Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết lớn nhất trên cả hai sàn HNX, HOSE và phần đầu lọt vào Top 3.		Chưa đạt. Do áp lực cạnh tranh nên SHS đang có xu hướng tụt giảm thị phần.
	Tập trung nghiên cứu, xây dựng và triển khai mô hình cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho các khách hàng.		Chưa đạt. Do hạn chế của phần mềm quản lý hiện tại.
	Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh.		Đạt. Đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện nhưng chưa triển khai.
	Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ tài chính, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới mang tính cạnh tranh so với thị trường và phù hợp với các phân khúc khách hàng.		Tương đối đạt. Thường xuyên nghiên cứu để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ phù hợp với các phân khúc khách hàng nhưng chưa thực sự cạnh tranh.
	Hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết tận dụng các cơ hội có được trên thị trường, tìm kiếm cơ hội đầu tư giá trị thông qua việc tham gia làm cổ đông chiến lược, đầu giá các DNNN sẽ IPO trong năm 2020.		Đạt.



ĐỐI CHIẾU	KẾ HOẠCH 2020	THỰC TẾ THỰC HIỆN 2020	ĐÁNH GIÁ
Kế hoạch chi tiết năm 2020	Tiếp tục tận dụng các cơ hội giao dịch cũng như tư vấn, bảo lãnh phát hành trái phiếu của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trong năm 2020.		Đạt.
	Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức mới theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.		Đạt.
	Tăng cường nhân sự có chất lượng cho các mảng hoạt động, đặc biệt nhân sự cho hoạt động tư vấn IPO, tư vấn M&A; tư vấn tái cấu trúc.		Đạt.
	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin hiện tại đồng thời đầu tư mới hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh.		Chưa đạt. HĐQT đã phê duyệt nhưng Công ty chưa kịp triển khai thực hiện.
	Công tác kiểm soát, quản trị rủi ro, tăng cường an toàn tài chính vẫn phải được chú trọng, tăng cường trong hoạt động kinh doanh.		Đạt.

► KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Do cho tới thời điểm lập Báo cáo này, SHS chưa tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 nên số liệu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021 dưới đây chỉ là dự kiến. Các số liệu này sẽ được cập nhật sau khi Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của SHS được chính thức thông qua.

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2021 (tỷ đồng)	Thực hiện năm 2020 (tỷ đồng)	% tăng trưởng (tỷ đồng)
1.	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.650,0	1.808,5	-8,8%
2.	Tổng chi phí	900,0	869,6	3,5%
3.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	750,0	938,9	-20,1%



PHẦN 05 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2020
- KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2021

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

► MỤC TIÊU

Hưởng ứng những nỗ lực của Liên Hiệp Quốc trong việc hỗ trợ thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng thực hiện thành công 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững giai đoạn 2015-2030, SHS không chỉ tập trung vào mục tiêu thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong ngắn hạn mà còn tập trung vào mục tiêu phát triển bền vững theo đó chú trọng các mục tiêu như bình đẳng giới, quan tâm đến an sinh xã hội, quản lý tốt việc sử dụng các nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích với các bên liên quan...

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỤ THỂ CỦA SHS LÀ:

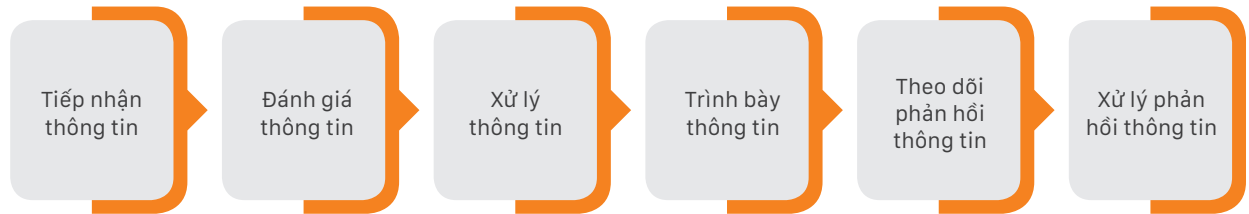
- Trở thành công ty chứng khoán hoạt động đa năng theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam.
- Là thương hiệu công ty chứng khoán có uy tín trên Thị trường Chứng khoán Châu Á.
- Đóng góp, xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả.
- Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông.
- Cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác.
- Tạo môi trường làm việc tốt, an toàn, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ, nhân viên.
- Gắn mục tiêu kinh doanh của Công ty với các mục tiêu môi trường và xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích với các bên liên quan.



► MÔ HÌNH QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

	Hội đồng quản trị	- Chỉ đạo chung về chiến lược. - Phê duyệt các mục tiêu, kế hoạch hành động.
	Ban Tổng Giám đốc	- Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch hành động trình HĐQT. - Triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch hành động được HĐQT phê duyệt.
	Các phòng ban, cán bộ, nhân viên	- Thực hiện các kế hoạch hành động theo chỉ đạo của BTGD. - Chia sẻ, lan tỏa những giá trị phát triển bền vững tới cộng đồng.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ THÔNG TIN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



PHỤ TRÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ông Mai Xuân Sơn	Học vấn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh thương mại – Đại học Thương mại, Cử nhân tiếng Anh – Đại học Ngoại ngữ Kinh nghiệm: 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, tài chính, ngân hàng, chứng khoán Chức vụ tại SHS: Thành viên HĐQT Điện thoại: 024.38.181.888 (0) Email: sonmx@ttgroup.com.
Bà Trần Thị Trang	Học vấn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học LaTrobe, Australia Kinh nghiệm: 14 năm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán Chức vụ tại SHS: Phó trưởng phòng KH&PTTT Điện thoại: 024.38.181.888 (333) Email: trang.tt3@shs.com.vn

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2020

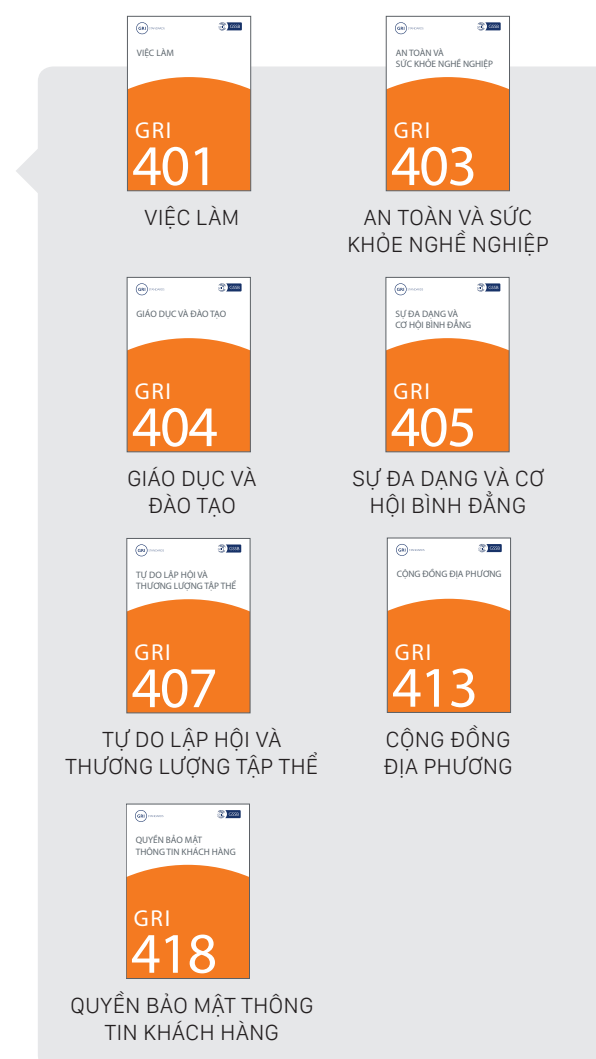
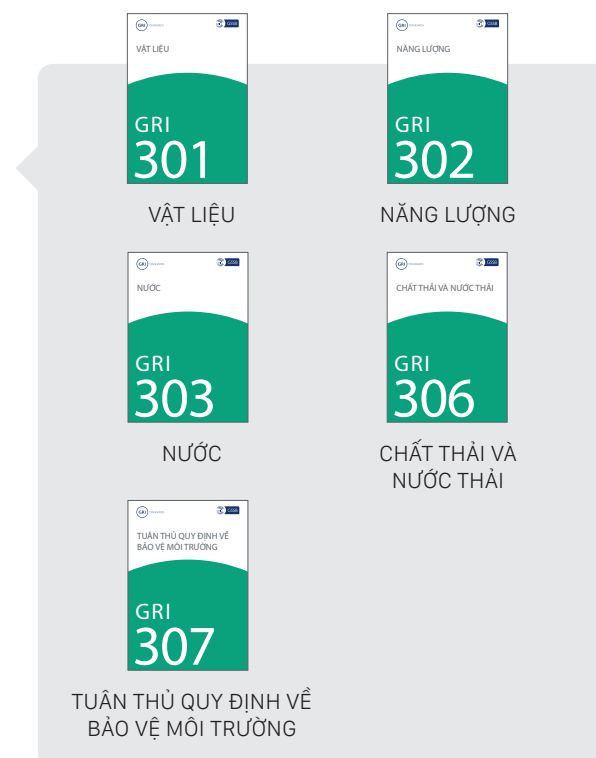
ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững năm nay dựa trên sự tổng hợp thông tin, số liệu từ các hoạt động thực tế của SHS trong năm tài chính 2020. Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm lập Báo cáo Phát triển bền vững của Công ty và đến từ nhiều phòng ban khác nhau nhằm cung cấp các thông tin, số liệu một cách đầy đủ, trung thực nhất.

Đối tượng báo cáo được hướng đến là toàn bộ cán bộ, nhân viên Công ty cũng như các bên liên quan quan tâm đến các hoạt động của SHS như đối tác, khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư, cổ đông, cộng đồng địa phương, xã hội...

PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo tập trung đánh giá việc thực hiện một số tiêu chí điển hình, phù hợp với đặc điểm ngành nghề và hoạt động kinh doanh của SHS theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards.





NỘI DUNG BÁO CÁO

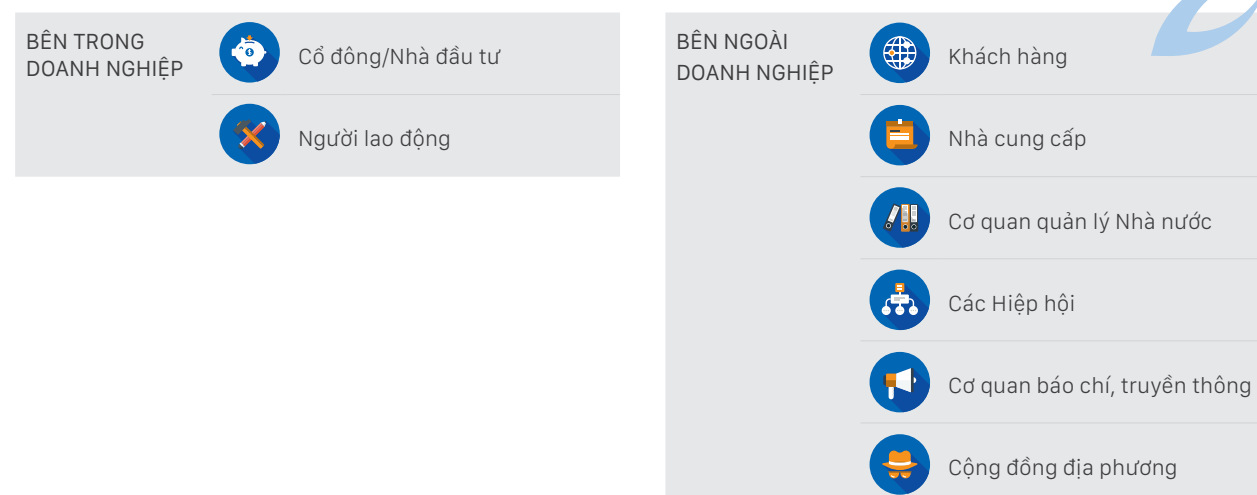


GRI 102 – 14: TUYÊN BỐ CỦA NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH CẤP CAO

Đây là năm thứ sáu SHS thực hiện Báo cáo phát triển bền vững theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững dành cho lĩnh vực Tài chính của Tổ chức Báo cáo sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI). Theo đó, SHS lựa chọn các nguyên tắc sau trong việc lập báo cáo năm nay:

- Nguyên tắc xác định nội dung
 - Sự tham gia của các bên
 - Tính trọng yếu
- Nguyên tắc xác định chất lượng:
 - Đầy đủ
 - Rõ ràng
 - Nhất quán
 - Tin cậy
 - Có thể so sánh

GRI 102 – 40: NHẬN DIỆN CÁC BÊN LIÊN QUAN



GRI 102 – 43: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

SHS thực hiện **các phương pháp và kênh tiến cận để** gắn kết và tìm hiểu các mối quan tâm của các bên liên quan như sau:

Đối với Cổ đông/Nhà đầu tư

- ĐHĐCĐ thường niên và bất thường
- Website của SHS
- Thông qua Bộ phận quan hệ cổ đông (gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook...)
- Gặp gỡ trực tiếp Nhà đầu tư
- Chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu cơ hội đầu tư

Đối với Người lao động

- Thông qua Người quản lý trực tiếp, bộ phận nhân sự, công đoàn
- Thông qua hội nghị sơ kết, tổng kết
- Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook
- Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ

Đối với Khách hàng

- Thông qua ý kiến của đội ngũ môi giới và nhân viên tiếp xúc khách hàng
- Trực tiếp tiếp xúc tại Sân giao dịch, hội thảo, hội nghị tri ân khách hàng...
- Tổng đài chăm sóc khách hàng
- Khách hàng gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook

Đối với Nhà cung cấp

- Gặp gỡ, đàm phán trực tiếp
- Thông qua website, hồ sơ đánh giá năng lực, tài liệu

Đối với Cơ quan quản lý Nhà nước

- Tiếp xúc trực tiếp
- Qua hội thảo, hội nghị, chương trình đào tạo
- Thông qua thanh, kiểm tra định kỳ và bất thường

Đối với các Hiệp hội

- Tham gia các cuộc họp của thành viên hiệp hội, hội thảo, diễn đàn
- Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, email, các cuộc thanh kiểm tra định kỳ

Đối với cơ quan báo chí, truyền thông

- Phòng văn
- Tổ chức họp báo
- Chương trình gặp mặt
- Tiếp xúc trực tiếp, điện thoại, email...

Đối với Cộng đồng địa phương

- Thông qua chính quyền địa phương, cơ quan sở tại
- Tiếp xúc trực tiếp
- Thông qua facebook, điện thoại

GRI 102 – 44: CÁC MỐI QUAN TÂM VÀ HÀNH ĐỘNG

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN TÂM	HÀNH ĐỘNG CỦA SHS
 Cổ đông/Nhà đầu tư	- Hoạt động kinh doanh hiệu quả. - Công bố thông tin đầy đủ, minh bạch, kịp thời. - Đảm bảo cổ tức và các quyền lợi hợp pháp của cổ đông. - Giá cổ phiếu ổn định và có xu hướng tăng.	- Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua. - Chuyên nghiệp hóa hoạt động của Văn phòng HĐQT, Bộ phận công bố thông tin và Bộ phận PR&Marketing. - Thực hiện đúng các cam kết đối với cổ đông về việc chi trả cổ tức và các quyền lợi hợp pháp khác. - Hoàn thiện và không ngừng nâng cao hệ thống quản trị Công ty theo quy định pháp luật và các thông lệ quản trị tốt nhất.
 Người lao động	- Môi trường làm việc tốt. - Công việc ổn định. - Cơ hội thăng tiến, phát triển. - Trà lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh, đầy đủ, minh bạch. - Chính sách đào tạo và phát triển đội ngũ tốt.	- Không ngừng mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo công việc ổn định và thu nhập ngày càng cao cho cán bộ, nhân viên. - Không ngừng hoàn thiện văn hóa công ty nhằm tạo dựng môi trường làm việc hiệu quả, cạnh tranh.. - Lên kế hoạch và thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp trong và ngoài Công ty. - Thường xuyên tổ chức đánh giá nhân sự, đề bạt, khen thưởng cán bộ, nhân viên làm tốt.
 Khách hàng	- Đáp ứng số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt, cạnh tranh với giá phí hợp lý. - Ứng dụng công nghệ thông tin nhanh, hiện đại trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ. - Đảm bảo quy mô và sự ổn định nguồn vốn cho vay. - Trình độ và sự chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự.	- Chuyên nghiệp hóa bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm. - Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin. - Chủ động nguồn vốn tự có cũng như liên kết với nhiều tổ chức, cá nhân để đảm bảo quy mô nguồn vốn cho vay ngày càng lớn, đa dạng, chi phí huy động vốn hợp lý. - Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, đào tạo trong công việc cũng như cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao trình độ và kỹ năng chăm sóc khách hàng.
 Nhà cung cấp	- Quy trình lựa chọn nhà cung cấp đảm bảo công bằng, minh bạch. - Uy tín trong thanh toán	- Xây dựng quy trình đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp. - Thành lập Hội đồng xét chọn nhà thầu gồm nhiều phòng ban, bộ phận đảm bảo có sự phản biện. - Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với quy trình mua sắm cũng hoạt động pháp chế, kế toán đối với hoạt động rà soát hợp đồng.
 Cơ quan quản lý Nhà nước	- Tuân thủ pháp luật. - Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. - Quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro. - Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước. - Chia sẻ ý kiến, quan điểm về thị trường. - Góp ý hoàn thiện văn bản.	- Đẩy mạnh các hoạt động quản trị Công ty, pháp chế, kiểm tra, kiểm soát nội bộ. - Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua. - Chủ động gửi báo cáo, cung cấp thông tin, chia sẻ ý kiến góp ý và kinh nghiệm chuyên môn.
 Hiệp hội	- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hiệp hội. - Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội. - Đóng góp đầy đủ nghĩa vụ tài chính cho Hiệp hội.	- Theo dõi và bố trí nhân sự tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hiệp hội. - Chủ động góp ý kiến và bố trí nhân sự tham gia đầy đủ các đợt góp ý kiến do Hiệp hội khởi xướng. - Thực hiện đóng góp đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính theo thông báo của Hiệp hội.

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN TÂM	HÀNH ĐỘNG CỦA SHS
 Cơ quan báo chí, truyền thông	- Khả năng tiếp cận thông tin về Công ty kịp thời, hiệu quả. - Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông.	- Chủ động gửi các thông cáo báo chí. - Công bố thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện, hoạt động quan trọng của Công ty. - Cung cấp thông tin, số liệu, phân tích, đánh giá theo yêu cầu đầy đủ, kịp thời, minh bạch. - Cử chuyên gia trả lời phỏng vấn, nhận định, đánh giá.
 Cộng đồng địa phương và xã hội	- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. - Triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng. - Triển khai các hoạt động thiện nguyện. - Triển khai các hoạt động đầu tư, hỗ trợ đầu tư vào các lĩnh vực phát triển bền vững. - Tài trợ các chương trình, hoạt động phát triển thế hệ trẻ.	- Thực hiện các chương trình, giải pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước tại văn phòng. - Dành hạn mức tối thiểu hàng năm tham gia đóng góp, ủng hộ, tài trợ cho các chương trình an sinh xã hội. - Dành hạn mức tối thiểu hàng năm đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu xanh. - Dành hạn mức tối thiểu hàng năm tài trợ các chương trình, hoạt động phát triển thế hệ trẻ.





Trước diễn biến thăng hoa của TTCK Việt Nam trong năm 2020, SHS đã chủ động, linh hoạt, phát huy mọi nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp, tận dụng mọi cơ hội của thị trường để hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà ĐHCĐ thường niên 2020 đã đề ra.

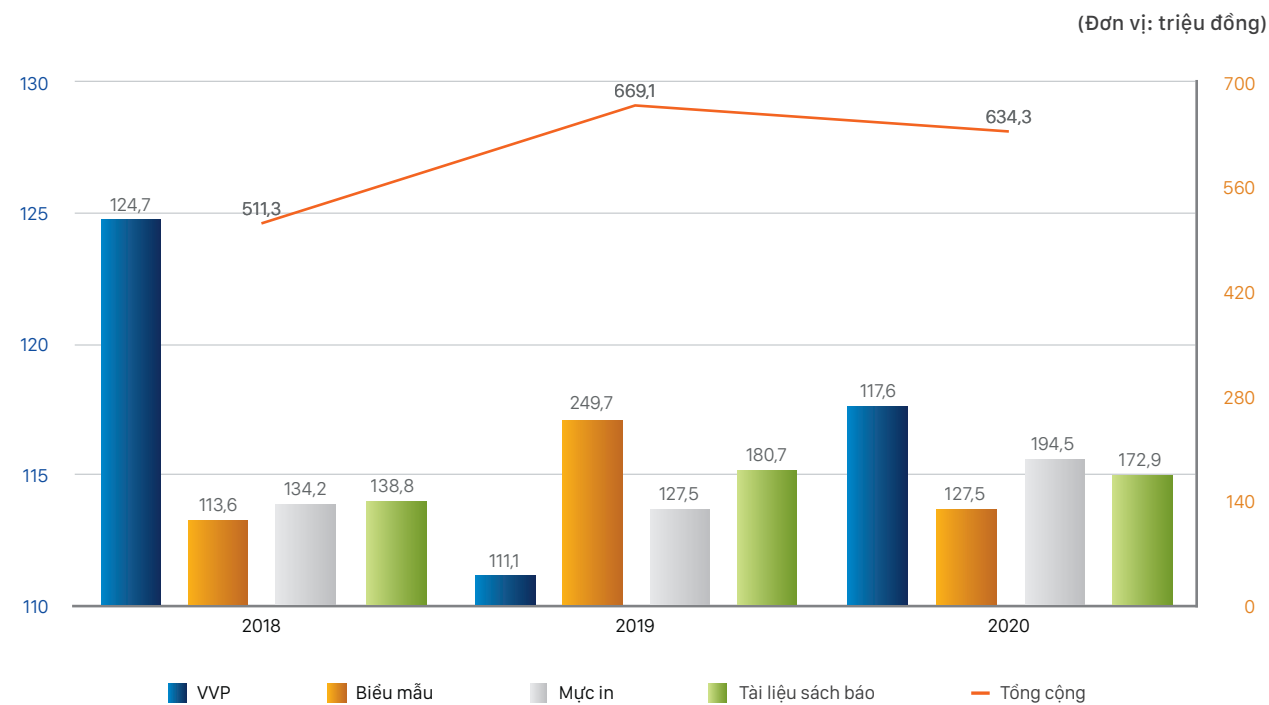
VỀ HIỆU QUẢ KINH DOANH	- Đứng thứ 4 tại sàn HNX về thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm niêm yết với tỷ lệ 6,6%. - Tổng tài sản và vốn điều lệ cao nhất từ trước đến nay: 6.929,7 tỷ đồng và 2.072,7 tỷ đồng. - Tổng doanh thu và thu nhập khác: 1.808,5 tỷ đồng. - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 938,9 tỷ đồng. - Tổng lợi nhuận chưa phân phối: 760,5 tỷ đồng. - ROE (25,5%), ROA (11,6%), EPS (3.64 9), tỷ lệ an toàn tài chính (347,9%).
VỀ ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CHO CỔ ĐÔNG	Trả cổ tức 12% bằng tiền mặt.
VỀ ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG	- Thu nhập trung bình tăng mạnh đạt 38,3 triệu đồng/người/tháng - Đã nộp 4,2 tỷ đồng/4,3 tỷ đồng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.
VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN TÀI SẢN CHO KHÁCH HÀNG	- Quản lý 49.920 tài khoản cá nhân, tổ chức. - Quản lý cho khách hàng 5.719,6 tỷ đồng tiền gửi và 32.596,5 tỷ đồng giá trị chứng khoán.
VỀ ĐÓNG GÓP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	- Đã nộp 151,9 tỷ đồng/173,2 tỷ đồng các loại thuế, phí vào NSNN. - Hỗ trợ tất cả khách hàng, đối tác, cán bộ, nhân viên của Công ty lập tờ khai thuế để quyết toán tại nơi khác hoặc nhận tờ khai thuế để quyết toán tại Công ty.
HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY	- Ngày càng hoàn thiện mô hình quản trị công ty theo Quyết định số 617/QĐ-UBCK ngày 09/10/2013 của UBCKNN về việc hướng dẫn xếp loại công ty chứng khoán và Thông lệ quản trị tốt nhất của Việt Nam dành cho công ty niêm yết phát hành năm 2019. - Hỗ trợ cổ đông thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đối xử công bằng với các cổ đông. - Tổ chức ĐHCĐ thường niên theo đúng trình tự, thủ tục như quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ Công ty. - Nâng cao năng lực, vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT, BKS và người quản lý Công ty. - Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch.



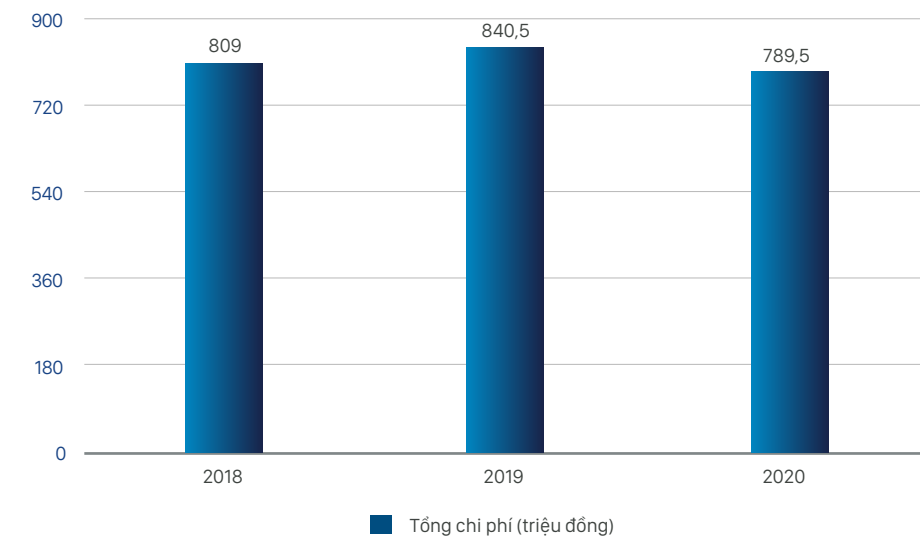
SHS tiếp tục củng cố sự hiện diện của mình trên TTCK Việt Nam trong năm 2020 thông qua một số sự kiện quan trọng sau:

- Mặc dù không còn nằm trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại sàn HOSE nhưng SHS đã gia tăng vị trí của mình tại sàn HNX. Cụ thể: SHS đứng thứ 4 trên sàn HNX với thị phần 6,6% thay vì thứ 4 và thị phần 5,04% trong năm 2019.
- SHS tiếp tục nằm trong top 10 công ty niêm yết vốn hóa vừa có báo cáo thường niên tốt nhất.
- SHS là một trong các cổ phiếu tăng giá mạnh và có giá trị giao dịch lớn trong năm 2020, được nhiều nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước quan tâm.
- SHS tiếp tục nhận được nhiều bằng khen của UBCKNN, SGDCK Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh, TTLKCKVN, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam... cho những thành tích trong hoạt động kinh doanh cũng như những đóng góp cho TTCK Việt Nam và xã hội.





Với đặc thù của công ty chứng khoán, vật liệu chủ yếu Công ty sử dụng là giấy in, mực in, biểu mẫu, sách báo, tài liệu, văn phòng phẩm các loại với số lượng sử dụng hàng năm không lớn nên ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường. Việc sử dụng các loại vật liệu của Công ty trên cơ sở đề xuất hàng năm của các phòng ban, chi nhánh. Trong năm, các phòng ban, chi nhánh sử dụng theo định mức được phân bổ. Trong trường hợp phát sinh đột biến thì Trưởng phòng phải gửi giải trình thỏa đáng mục đích sử dụng có phát sinh đột biến đó cho Thành viên BTGD phụ trách và Phòng TC-HC. Tất cả các loại vật liệu đều được tận dụng tối đa và sau khi sử dụng đều được xử lý phù hợp để đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường như phân loại, chuyển cho đơn vị chuyên thu gom...



Do đặc thù là công ty cung cấp dịch vụ nên Công ty không sử dụng nhiều điện, nước như các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác như sản xuất, chế biến... Tuy vậy, Công ty luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh với việc nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước.

Công ty lắp đặt toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện. Các phòng ban đều được thiết kế có nhiều cửa sổ để tăng cơ hội sử dụng ánh sáng mặt trời và gió tự nhiên. Hệ thống điều hòa tổng luôn đặt ở chế độ hợp lý nhằm tránh chênh lệch nhiệt độ quá nhiều so với bên ngoài. Công ty không khuyến khích cán bộ nhân viên làm việc ngoài giờ hành chính để đảm bảo tái sản xuất sức lao động cũng như tiết kiệm điện năng cho Công ty. Muốn làm việc thêm giờ, cán bộ, nhân viên phải đăng ký trước. Phòng TC-HC có trách nhiệm đi kiểm tra, tắt các thiết bị điện chiếu sáng, điều hòa ở hành lang và ở các phòng nếu bị bỏ quên. Công ty ký Hợp đồng bảo dưỡng định kỳ hệ thống điều hòa và máy móc (máy tính, máy in...) để đảm bảo duy trì công suất máy, hạn chế thất thoát điện năng.

Phòng TC-HC cũng được phân công thường xuyên kiểm tra các vòi nước đảm bảo không bị rò rỉ nước, bỏ quên không tắt vòi nước... Nước uống đóng bình được cấp cho từng tầng theo hạn mức.

Bên cạnh thực hiện các chính sách, thủ tục tiết kiệm điện năng và nước, Công ty cũng ban hành các chế tài đối với các phòng ban, cán bộ, nhân viên vi phạm quy định về sử dụng năng lượng.



Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Công ty cũng thực hiện nhiều biện pháp để giảm thiểu việc phát thải các chất thải ra môi trường. Công ty sử dụng hệ thống điều hòa với công nghệ mới và thuê nhà cung cấp thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để tránh rò rỉ, phát thải chất khí gây hại cho môi trường. Rác thải từ văn phòng được phân loại thành các loại rác hữu cơ, rác có thể tái chế, rác thải độc hại. Nhân viên thu dọn rác được yêu cầu phân loại rác trước khi bàn giao cho Công ty thu gom rác.

- Đối với rác thải hữu cơ: tại mỗi phòng ban và hành lang, nhà vệ sinh đều có đặt thùng rác đầy kín. Nhân viên vệ sinh được yêu cầu thu dọn rác hàng ngày để tránh gây ô nhiễm văn phòng làm việc.
- Đối với rác thải có thể tái chế như giấy, bìa, chai, lọ nhựa, thủy tinh: nhân viên vệ sinh sẽ gom riêng để bán hoặc tái sử dụng.
- Đối với rác thải độc hại như mực in, pin, bóng đèn: được gom riêng để bàn giao cho bên cung cấp mực in hoặc Công ty thu gom rác.



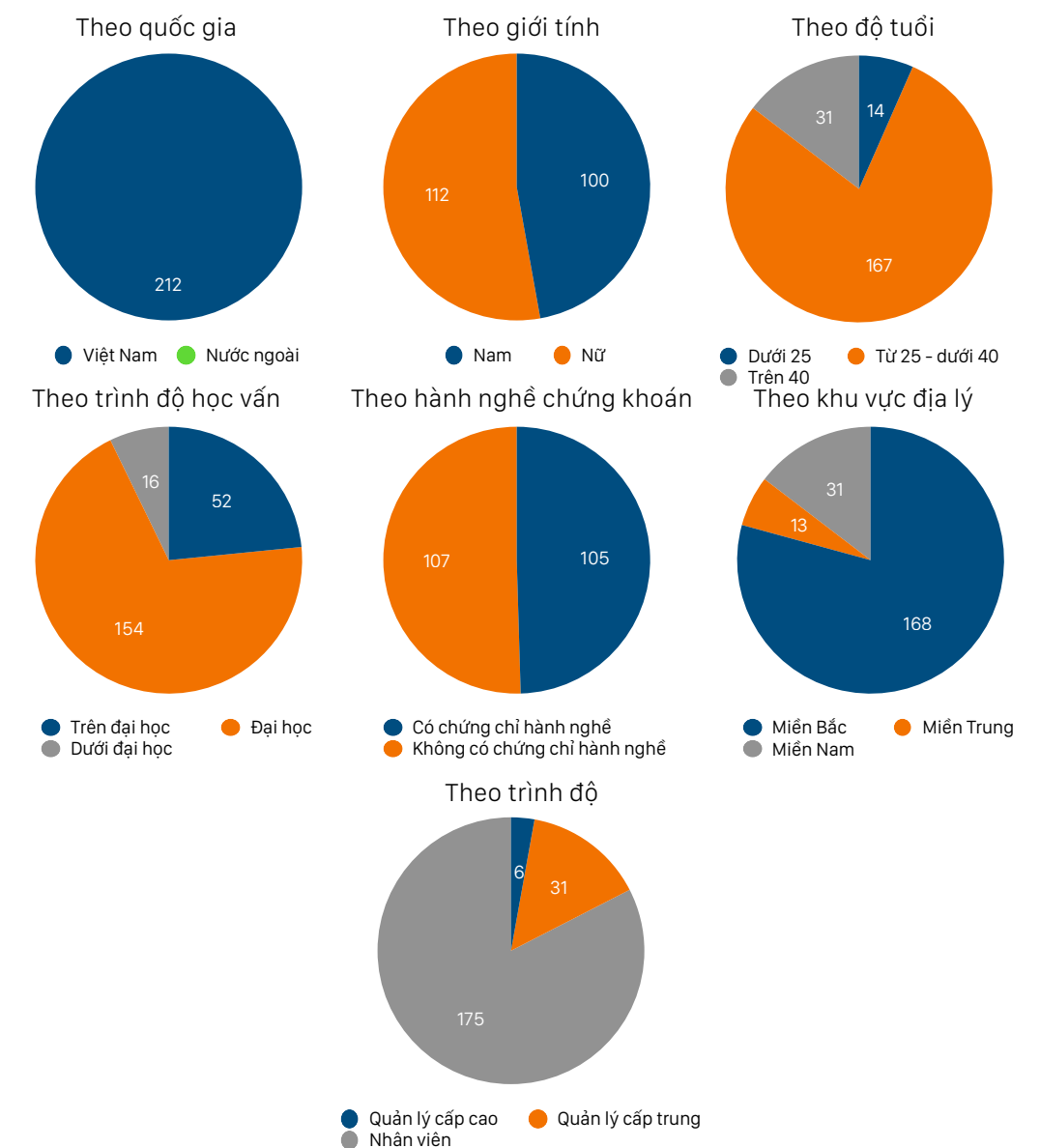
Trong năm 2020, Công ty không ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

Để đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, nhân viên vốn dành phần lớn thời gian trong ngày tại Công ty, góp phần giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, nhân viên vệ sinh được yêu cầu quét dọn 2 lần/ngày các khu vực chung và 1 lần/ngày đối với các khu vực riêng. Cán bộ, nhân viên được yêu cầu thường xuyên lau dọn bàn làm việc và các thiết bị sử dụng đồng thời sắp xếp tài liệu gọn gàng, khoa học. Công ty cũng thuê một công ty chuyên nghiệp cung cấp và bảo dưỡng định kỳ cây cảnh và máy móc trong toàn bộ văn phòng làm việc.



► NGUỒN NHÂN LỰC CỦA SHS

Tổng số cán bộ, nhân viên trên toàn hệ thống của SHS (bao gồm Hội sở, 2 chi nhánh, 1 phòng giao dịch và 1 văn phòng đại diện) tính đến 31/12/2020 là 212 người.





► TUYỂN DỤNG NHÂN SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG VIỆC VÀ PHÙ HỢP VỚI VĂN HÓA CÔNG TY

SHS tuyển dụng nhân sự trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng nhân sự hằng năm được BTGD phê duyệt. Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng trên cơ sở đề xuất của các phòng ban, chi nhánh, phòng giao dịch căn cứ vào kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và mục tiêu phát triển hàng năm. Việc tuyển dụng nhân sự được thực hiện qua nhiều kênh khác nhau như thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, website Công ty, qua giới thiệu và qua các tổ chức tuyển dụng chuyên nghiệp... Tất cả các nhân sự ứng tuyển đều phải trải qua một số vòng thi tuyển và phỏng vấn nhằm lựa chọn ra những ứng viên có kinh nghiệm và phù hợp nhất với chiến lược kinh doanh và văn hóa Công ty. Trong năm 2020, SHS đã tuyển mới 21 cán bộ, nhân viên nhằm bổ sung vào đội ngũ nhân sự của Công ty trên cả 3 miền. Công ty tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.

► QUẢN LÝ NHÂN SỰ CHUYÊN NGHIỆP

Công ty quản lý nhân sự theo địa điểm kinh doanh và theo phòng làm việc. TGD có trách nhiệm quản lý các PTGD và các Trưởng phòng. BTGD bao gồm TGD và các PTGD và có trách nhiệm quản lý các Trưởng phòng. Các Trưởng phòng có trách nhiệm quản lý nhân viên do mình phụ trách. Giám đốc các chi nhánh, phòng giao dịch và Trưởng văn phòng đại diện có trách nhiệm quản lý cán bộ, nhân viên của chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện.

Cán bộ, nhân viên đi làm có nghĩa vụ chấm công bằng vân tay. Cuối tháng, cán bộ, nhân viên có nghĩa hoàn thiện Bảng chấm công bổ sung, Phiếu nghỉ phép... cho những ngày không chấm công bằng vân tay trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và chuyển cho Phòng Tổ chức Hành chính để tính lương.

Công ty cũng đã trang bị phần mềm quản lý nhân sự chuyên nghiệp và nhiều tiện ích. Cán bộ, nhân viên có thể khai thác thông tin về lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp, nghỉ phép, tình hình chấm công... trên hệ thống. Bộ phận Nhân sự có thể quản lý trực tiếp nhân sự của Công ty trên phần mềm với nhiều phần hành khác nhau như tính lương, thưởng và các khoản trích trên lương, quản lý chấm công, nghỉ phép...

Mọi cán bộ, nhân viên của Công ty đều được phổ biến đầy đủ Nội quy lao động và các quy trình, quy chế, quy định liên quan ngay từ khi bắt đầu vào làm việc tại Công ty nhằm giúp cán bộ, nhân viên hiểu và nắm rõ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình thực hiện công việc.

► BỔ NHIỆM, THUYỀN CHUYỂN ĐÁP ỨNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện tuyển dụng 21 người, nâng lương cho 150 người, đánh giá lại hợp đồng lao động cho 60 người, giải quyết chế độ nghỉ việc cho 34 người dựa trên nguyện vọng cá nhân, đánh giá khả năng cá nhân và sự phù hợp nhằm phát huy tốt nhất khả năng của mỗi nhân sự từ đó góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

► CHẾ ĐỘ LƯƠNG, THƯỞNG HẤP DẪN

Quy chế lương, thưởng của Công ty được ban hành dựa trên nguyên tắc thỏa thuận đảm bảo sự cạnh tranh, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Thu nhập của người lao động tại SHS là thu nhập thuần hàng tháng. Cán bộ, nhân viên của Công ty được trả lương 2 lần/tháng trong đó lần 1 là tạm ứng lương 30%, lần 2 là trả 70% lương còn lại. Công ty trích, nộp các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN, thuế TNCN cho 100% người lao động trước khi chi trả thu nhập cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật và Công ty.

Cơ cấu thu nhập của Người lao động bao gồm lương cơ bản trả hàng tháng, lương theo kết quả kinh doanh trả hàng tháng, lương tháng thứ 13, thưởng theo kết quả kinh doanh, lương làm thêm giờ, tiền ăn ca và các khoản thu nhập khác... Riêng đối với Khối môi giới và các phòng ban, cá nhân hỗ trợ, Công ty có chính sách chia sẻ phí môi giới với các Môi giới và lương theo Doanh thu môi giới cho Bộ phận hỗ trợ.

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc xếp lại lương cho toàn bộ cán bộ, nhân viên và áp dụng trả lương theo cơ chế lương mới này từ tháng 6/2020 đảm bảo cạnh tranh so với các công ty chứng khoán trong Top 10. Ngoài ra, nhờ TTCK Việt Nam tăng mạnh trong năm 2020 nên lương, thưởng của cán bộ, nhân viên môi giới đã tăng mạnh, góp phần làm chi phí lương, thưởng bình quân của cán bộ, nhân viên Công ty tăng từ 28,7 triệu đồng/tháng (năm 2019) lên 38,3 triệu đồng/người/tháng (năm 2020).

	(đồng)		
CHI PHÍ	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020
Chi phí lương, thưởng, ăn ca, làm thêm giờ...	78.564.275.086	75.405.201.484	97.558.180.768
Các khoản trích theo lương (KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	2.845.270.120	2.691.475.976	2.868.186.440
Tổng chi phí lương	81.409.545.206	78.096.677.460	100.426.367.208
Số lượng CBNV tại thời điểm cuối năm	235	227	212
Chi phí lương, thưởng bình quân đầu người/tháng	28.868.633	28.669.852	38.348.341

Trong năm 2020, Công ty đã tổ chức bình bầu và khen thưởng cán bộ, nhân viên xuất sắc, có những thành tích đóng góp tích cực cho hoạt động của Công ty năm 2019 với tổng giá trị khen thưởng là 175 triệu đồng. Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT đã khen thưởng 2 tập thể và 1 cá nhân
- TGD đã khen thưởng 2 tập thể và 4 cá nhân

Chế độ khen thưởng bằng cả tinh thần và vật chất đã tạo ra phong trào thi đua liên tục giữa các cán bộ, nhân viên và giữa các phòng ban nhờ đó tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.





► HỖ TRỢ ĐẦY ĐỦ CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP, PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ THÂN NHÂN

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc theo đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (như phụ cấp điện thoại, xăng xe, ăn ca, công tác phí, sinh nhật cá nhân, sinh nhật công ty 15/11, ngày 8/3, ngày 20/10, trợ cấp đối với cán bộ, nhân viên đã từng tham gia quân ngũ...).

Lao động nữ được nghỉ đủ 6 tháng khi sinh con và được giảm 1 giờ làm khi mang thai từ tháng thứ 7 trở đi và sau khi sinh con trong vòng 1 năm. Lao động nam được nghỉ từ 5-14 ngày khi vợ sinh con. Trong năm, Công ty đã giải quyết chế độ thai sản cho 16 lao động nữ và phê duyệt cho 2 lao động nam nghỉ chăm sóc vợ thai sản. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng thai, dưỡng sức, nghỉ phép....đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động và không có phát sinh khiếu nại nào về việc thực hiện chính sách cho người lao động trong năm 2020.

Tháng 11/2020, SHS cũng đã chi 1,7 tỷ đồng tổ chức cho toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty đi nghỉ mát kết hợp tổng kết hoạt động kinh doanh 10 tháng đầu năm 2020 tại Quảng Bình. Chuyến đi không chỉ giúp Công ty có thời gian tổng kết lại toàn bộ hoạt động kinh doanh trong một năm mà còn là cơ hội để cán bộ, nhân viên của Công ty có thời gian nghỉ ngơi mà còn giúp cán bộ, nhân viên 3 miền tăng cường giao lưu, đoàn kết, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Công ty không chỉ quan tâm trực tiếp đến cán bộ, nhân viên mà còn quan tâm đến thân nhân, gia đình của cán bộ, nhân viên. Hàng năm, Công ty đều tổ chức khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt trong năm; tổ chức tặng quà các cháu nhân ngày Tết thiếu nhi, Rằm trung thu; hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, cưới xin, ma chay... với mức chi đến 5 triệu đồng/người.



Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện và cởi mở. Công ty đảm bảo các điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ, nhân viên. Trụ sở làm việc của Công ty và các Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện được thiết kế khang trang, thoáng mát; trang bị máy tính cá nhân và các công cụ, dụng cụ làm việc khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động. Phòng TC-HC chịu trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, nhân viên duy trì môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ và chuyên nghiệp.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên các giải thể thao định kỳ của Công ty bị tạm dừng nhưng cán bộ, nhân viên của Công ty vẫn được Công ty khuyến khích tự tổ chức theo các nhóm nhỏ như chạy... nhằm giúp cán bộ, nhân viên rèn luyện sức khỏe để làm việc và cống hiến tốt hơn.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động cũng rất được quan tâm. Năm 2020, Công ty tiếp tục mua bảo hiểm nhân thọ hằng năm với tổng chi phí khoảng 1,2 tỷ đồng tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH) cho toàn bộ cán bộ, nhân viên của Công ty. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid, Công ty tạm dừng chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ, nhân viên.



SHS đặc biệt coi trọng vấn đề đào tạo vì cán bộ, nhân viên của Công ty được coi là tài sản quý giá nhất của Công ty. Công ty chỉ có thể phát triển bền vững nếu cán bộ, nhân viên được chăm lo và bồi dưỡng thường xuyên. Ngoài ra, việc giáo dục, đào tạo tại Công ty được định hướng theo hướng thiết thực và để phát triển đội ngũ nhân sự kế cận, tạo sự chủ động về vấn đề nhân sự cho Công ty.

Trong năm 2020, bên cạnh các khóa đào tạo nội bộ, đào tạo trong công việc, Công ty đã cử nhiều cán bộ, nhân viên đi đào tạo ở bên ngoài như sau:

TÊN KHÓA HỌC	SỐ NGƯỜI THAM DỰ	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC	PHÍ ĐÀO TẠO
Quản trị Công ty	01	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo chứng khoán	1.500.000
Chương trình chuyên sâu về Ủy ban Kiểm toán	01	Công ty Cổ phần doanh nghiệp xã hội Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam	11.495.000
Phương pháp phát hiện gian lận Báo cáo tài chính	09	Công ty TNHH Tư vấn AFA Research & Education	40.500.000
Giảng viên COC	04	Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam	-
Tổng cộng			53.495.000

Ngoài ra, Công ty cũng cử nhiều lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, huấn luyện của UBCKNN, các Sở Giao dịch Chứng khoán về công bố thông tin, lập báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, cập nhật các quy định mới của pháp luật liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, quản trị công ty và lấy các chứng chỉ hành nghề chứng khoán khác. Các đợt đào tạo nội bộ vẫn được duy trì thường xuyên giúp nâng cao trình độ chuyên môn, khả năng giao tiếp, phục vụ khách hàng của đội ngũ cán bộ, nhân viên.



Công ty luôn đảm bảo sự công bằng trong môi trường làm việc cũng như cơ hội phát triển cho lao động nữ của Công ty. Tỷ lệ nữ giới trong Công ty là 53,0%, tăng thêm 1,0% so với năm 2019. Chế độ lương, thưởng dành cho nữ giới của Công ty không có sự phân biệt nào so với lao động nam. Nữ giới luôn được khuyến khích đưa ý kiến và tham gia vào các vị trí quản lý của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chính sách dành cho nữ giới như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi khi mang bầu, sinh con...



Cán bộ, nhân viên được tự do lập hội để nâng cao tinh thần, sức khỏe. Một số hội đã được lập mới hoặc duy trì hoạt động trong năm 2020 như hội chạy, hội đá bóng, hội tennis, hội golf...

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định hiện hành của Pháp luật. Thỏa ước lao động tập thể được toàn thể CBNV của Công ty thông qua và được đăng ký với Sở Lao động và Thương binh Xã hội. Toàn thể người lao động trong Công ty được hưởng lợi ích từ Thỏa ước lao động tập thể. Đời sống của cán bộ, nhân viên được chăm lo thông qua tổ chức công đoàn của Công ty và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Bất kỳ sự xung đột lợi ích nào giữa Công ty và cán bộ, nhân viên (nếu có) đều được tổ chức công đoàn đứng ra giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.



► LÀ THÀNH VIÊN TIÊU BIỂU, CÓ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP VÀ CÁC HIỆP HỘI

Năm 2020, SHS tham gia tích cực vào các hoạt động do các cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội tổ chức. Cụ thể:

- Tham gia tất cả các hội thảo sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN và Hiệp hội đầu tư chứng khoán tổ chức, tham gia tất cả các hội thảo phổ biến văn bản pháp luật, phổ biến quy định về quản trị công ty, quy định về lập báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.
- Tham gia tất cả các lần đóng góp ý kiến sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN, SGDCK, Hiệp hội đầu tư kinh doanh chứng khoán... yêu cầu trong đó có các văn bản quan trọng như dự thảo sửa đổi Luật Doanh nghiệp 2020, dự thảo sửa đổi Thông tư 155 về công bố thông tin, dự thảo sửa đổi TT 210 về tổ chức, hoạt động công ty chứng khoán, dự thảo sửa đổi Thông tư 87 về tỷ lệ an toàn tài chính...
- Đóng góp nhiều ý kiến quan trọng cho cơ quan quản lý Nhà nước (như UBCKNN, SGDCK, TTLCKVN, VCCI, Bộ KH&ĐT....) và Hiệp hội đầu tư chứng khoán, Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Hiệp hội trái phiếu... góp phần xây dựng TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp ở Việt Nam.
- Đã gửi các báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch cho nhiều cơ quan quản lý khác nhau như UBCKNN, SGDCK Hà Nội, SGDCK Tp.HCM, TTLCKVN, UBGSTCQG, Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan thuế, Cơ quan thống kê, Cơ quan bảo hiểm...
- Đã giải trình đầy đủ, hợp lý về tình hình kinh doanh, tình hình tài chính và tình hình khách hàng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước khi được yêu cầu.
- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác truyền thông với nhiều cơ quan, báo, đài nhằm cung cấp thông tin chủ động, đầy đủ, kịp thời và có trách nhiệm đến công chúng.

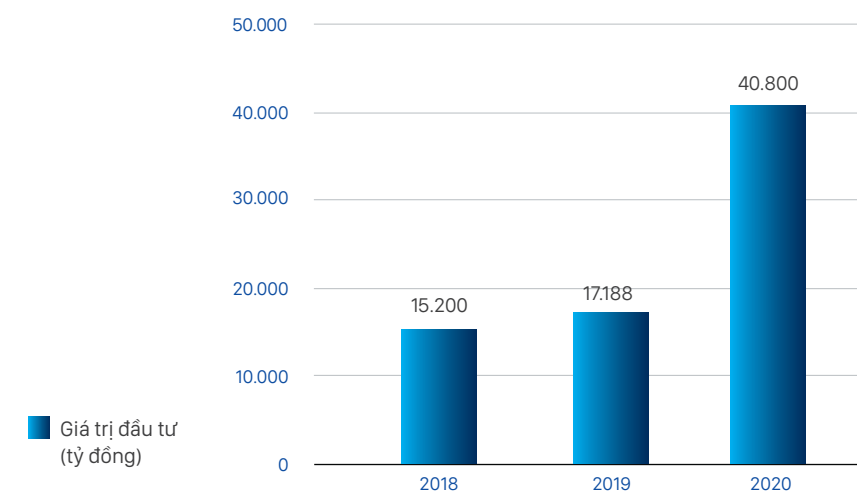
Chính vì những đóng góp tích cực của mình, trong năm 2020, Công ty đã vinh dự được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của Thành phố Hà Nội, Bộ&Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Hộ sở hữu trí tuệ Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, UBCKNN, SGDCK Hà Nội, SGDCK Tp.HCM, TTLCKVN... (Vui lòng xem tại mục Giải thưởng đạt được)

► ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC VÀO THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Công ty tiếp tục kiên định chiến lược kinh doanh theo hướng sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có cũng như các nguồn lực huy động từ bên ngoài để nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững. Một trong những nội dung ưu tiên của chiến lược phát triển bền vững đó là dành một phần quan trọng nguồn lực để đầu tư và hỗ trợ thị trường vốn xanh thông qua các hoạt động môi giới, cung cấp dịch vụ tài chính, đầu tư, tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành...

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

SHS đã cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới và dịch vụ tài chính cho các Nhà đầu tư vào cổ phiếu xanh niêm yết và chưa niêm yết. Ngoài ra, Công ty cũng cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới và dịch vụ tài chính cho chính các Doanh nghiệp xanh nhằm góp phần nâng cao năng lực tài chính, quản trị của các Doanh nghiệp xanh, giúp hỗ trợ giao dịch và cải thiện tính thanh khoản của các cổ phiếu xanh, giúp Nhà đầu tư biết nhiều hơn đến các cổ phiếu xanh. SHS cũng là đơn vị nhận ủy thác đấu giá cổ phần và đại lý đấu giá cổ phần của rất nhiều cổ phiếu xanh thông qua Sở giao dịch chứng khoán và thông qua công ty chứng khoán. Hoạt động của SHS đã góp phần làm cho quá trình huy động vốn, thoái vốn, bán bớt phần vốn, cổ phần hóa của các Doanh nghiệp xanh được hiệu quả hơn.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Trong năm 2020, Công ty đã đầu tư khoảng 40.600 tỷ đồng vào trái phiếu Chính phủ đấu thầu; trái phiếu Chính phủ bảo lãnh phát hành; trái phiếu ngân hàng, doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh... chiếm 63% tổng vốn đầu tư năm 2020 của SHS nhằm gián tiếp tài trợ cho các mục tiêu, chương trình, dự án xanh của Chính phủ và doanh nghiệp. Đối chiếu với kết quả đầu tư của SHS trong các năm trước cho thấy mức độ đầu tư vào trái phiếu xanh của SHS trong năm 2020 đã ở mức vượt trội (cụ thể tăng 136,0% so với năm 2019 và 167,1% so với năm 2018).

Công ty cũng đã dành hàng trăm tỷ đồng đầu tư vào các cổ phiếu xanh (các cổ phiếu của các công ty niêm yết có nền tảng cơ bản, có xu hướng đầu tư vào các lĩnh vực xanh, sản xuất các sản phẩm bảo vệ sức khỏe con người, nâng cao sức khỏe con người, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc triển khai áp dụng các giải pháp công nghệ thân thiện với môi trường như AMV, BMI, BVH, MBB, MSB, PLP...

HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

Công ty luôn chú trọng đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành cho các doanh nghiệp có định hướng phát triển bền vững (các doanh nghiệp xanh). Trong năm 2020, Công ty đã cung cấp các dịch vụ này cho các doanh nghiệp xanh với tổng giá trị dịch vụ khoảng 80 tỷ đồng, chiếm hơn 50% giá trị dịch vụ tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của SHS trong năm 2020.

Một số doanh nghiệp xanh điển hình mà SHS đã cung cấp dịch vụ trong năm 2020 của Công ty như:

STT	DOANH NGHIỆP	LOẠI HÌNH DỊCH VỤ	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
1	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	Tư vấn niêm yết, tư vấn đầu tư tài chính	Nghiên cứu phát triển giống cây lâm nghiệp, trồng rừng kinh tế, cung ứng nguyên liệu, trồng rừng thâm canh, trồng cây gỗ lớn.
2	Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng	Tư vấn phát hành	Xử lý, sản xuất và cung cấp nguồn nước sạch cho Đà Nẵng.
3	Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Tư vấn thoái vốn	sản xuất, kinh doanh, phân phối và xuất nhập khẩu điện năng; tư vấn, thiết kế, thi công xây lắp các công trình điện năng...
4	Công ty CP Camimex Group	Tư vấn phát hành	Nuôi trồng tôm sinh thái góp phần bảo vệ rừng ngập mặn cả về số lượng và chất lượng ở Cà Mau.
5	Công ty CP Cà phê Thuận An	Tư vấn đăng ký giao dịch UPcom	Trồng, chăm sóc, quản lý và khai thác 228,27 ha cà phê, phủ xanh đất trống, đồi trọc, chống xói mòn đất đồng thời tạo công ăn việc làm cho bà con dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đắk Mil, Đắk Nông.
6	Công ty CP Ea Súp 1	Tư vấn hồ sơ phát hành	Sản xuất điện năng bằng năng lượng mặt trời.
7	Công ty CP Ea Súp 2	Tư vấn hồ sơ phát hành	Sản xuất điện năng bằng năng lượng mặt trời.
8	Công ty CP Ea Súp 3	Tư vấn hồ sơ phát hành	Sản xuất điện năng bằng năng lượng mặt trời.
9	Công ty CP Ea Súp 5	Tư vấn hồ sơ phát hành	Sản xuất điện năng bằng năng lượng mặt trời.
10	Công ty TNHH Xuân Thiện Đắk Lắk	Tư vấn hồ sơ phát hành	Sản xuất điện năng bằng năng lượng mặt trời.
11	Công ty CP Xuân Thiện Thuận Bắc	Tư vấn hồ sơ phát hành	Sản xuất điện năng bằng năng lượng mặt trời.
12	Công ty CP Xuân Thiện Ninh Thuận	Tư vấn hồ sơ phát hành	Sản xuất điện năng bằng năng lượng mặt trời.
13	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Tư vấn phát hành	Tham gia lĩnh vực cung cấp nguồn vốn cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu dùng... tạo động lực phát triển kinh tế.
14	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Tư vấn phát hành	Tham gia lĩnh vực cung cấp nguồn vốn cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu dùng... tạo động lực phát triển kinh tế.
15	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Tư vấn thoái vốn	Chuyên đầu tư, sản xuất, hoặc kinh doanh trong lĩnh vực bưu chính và viễn thông góp phần cải thiện và mở rộng thông tin tới người dân.

HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Trong năm 2020, Công ty đã cung cấp rất nhiều các khuyến nghị đầu tư thông qua các bản tin phân tích và các báo cáo tư vấn đầu tư. Trong đó, Công ty thường xuyên khuyến nghị Nhà đầu tư ưu tiên đầu tư vào các mã chứng khoán xanh do nhận thấy tính bền vững và hiệu quả đầu tư vào các mã chứng khoán này. SHS sẵn sàng chia sẻ thông tin và cơ hội đầu tư vào chứng khoán xanh với Khách hàng. Một số khuyến nghị đầu tư vào chứng khoán xanh của SHS trong năm 2020 như Bệnh viện Thái Nguyên (TNH), VHC, PLP, CMX, AMV...

► TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2020, SHS đã đóng góp tích cực vào các chương trình và quỹ hỗ trợ cho trẻ em, người nghèo, các gia đình thương binh, liệt sỹ và bác sỹ, bệnh nhân bị ảnh hưởng bởi Covid nhằm tạo ra môi trường sống tốt hơn cho cộng đồng. Tổng mức tài trợ và ủng hộ cho cộng đồng trong năm 2020 là 5,5 tỷ đồng.

Dưới đây là một số chương trình SHS đã tài trợ, ủng hộ trong năm 2020:

STT	CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Chương trình "SHS chung tay, diệt ngay Covid-19" ủng hộ bác sỹ, bệnh nhân Covid.	Công đoàn SHS	Tháng 3/2020
2	Ủng hộ các tỉnh miền Trung (TP. Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Ngãi) phòng chống dịch Covid-19.	Chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT	Tháng 7/2020
3	Dự án "Bảo tàng Tổng cục II" thuộc Bộ Quốc phòng.	Chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT	Tháng 8/2020
4	Chương trình "Chắp cánh ước mơ, tiếp sức em tới trường" trao học bổng cho trẻ em nghèo, có hoàn cảnh khó khăn tỉnh Yên Bái, Thái Nguyên	Hội Bảo trợ Người khuyết tật & Trẻ mồ côi Việt Nam phối hợp Công ty CP Tập đoàn Truyền thông Quốc gia Việt Nam.	Ngày 28/09/2020
5	Chương trình "Tháng hành động vì người nghèo".	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam TP. Hà Nội.	Ngày 06/10/2020
6	Chương trình "Những người con bất tử" trao sổ tiết kiệm cho thương binh, gia đình liệt sỹ.	Hội Hỗ trợ Gia đình Liệt sỹ Việt Nam phối hợp Công ty CP Truyền thông Thiên Sơn.	Ngày 16/10/2020
7	Chương trình "Tháng hành động vì người nghèo" do Trung ương UBMTTQ Việt Nam phát động	Trung ương UBMTTQ Việt Nam	Ngày 17/10/2020
8	Chương trình "Ủng hộ nhân dân miền Trung khắc phục hậu quả bão lũ"	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam TP. Hà Nội	Ngày 24/10/2020
9	"Đêm doanh nghiệp 2020" của Quỹ trẻ em nghèo TP. Hà Nội	Hanoi SME	Ngày 24/10/2020
10	Chương trình "Hương về miền Trung".	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) tổ chức.	Ngày 28/10/2020



Là công ty chứng khoán quản lý số dư tiền 5.719,6 tỷ đồng và số dư chứng khoán trị giá 32.596,5 tỷ đồng cho 49.920 khách hàng do đó yêu cầu bảo mật thông tin của khách hàng luôn được Công ty ưu tiên và chú trọng. Công ty đã ban hành các quy định nội bộ về bảo mật thông tin khách hàng cũng như chế tài xử lý nếu làm lộ thông tin khách hàng. Các phần mềm giao dịch chứng khoán và kế toán của Công ty đều được mua từ các đối tác uy tín, phân quyền sử dụng và khai thác thông tin, số liệu dựa trên sự đề xuất bằng văn bản của trưởng phòng, sự phê duyệt của Ban lãnh đạo và sự thực hiện phân quyền của Phòng CNTT. Công ty cũng mua các phần mềm để bảo mật, chống truy cập bất hợp pháp cho hệ thống website, phần mềm của công ty. Các hợp đồng, hồ sơ, giấy tờ liên quan đến thông tin khách hàng đều được các phòng liên quan quản lý trong các tủ có khóa, khi không còn sử dụng thì được tiêu hủy theo đúng quy định của Công ty.

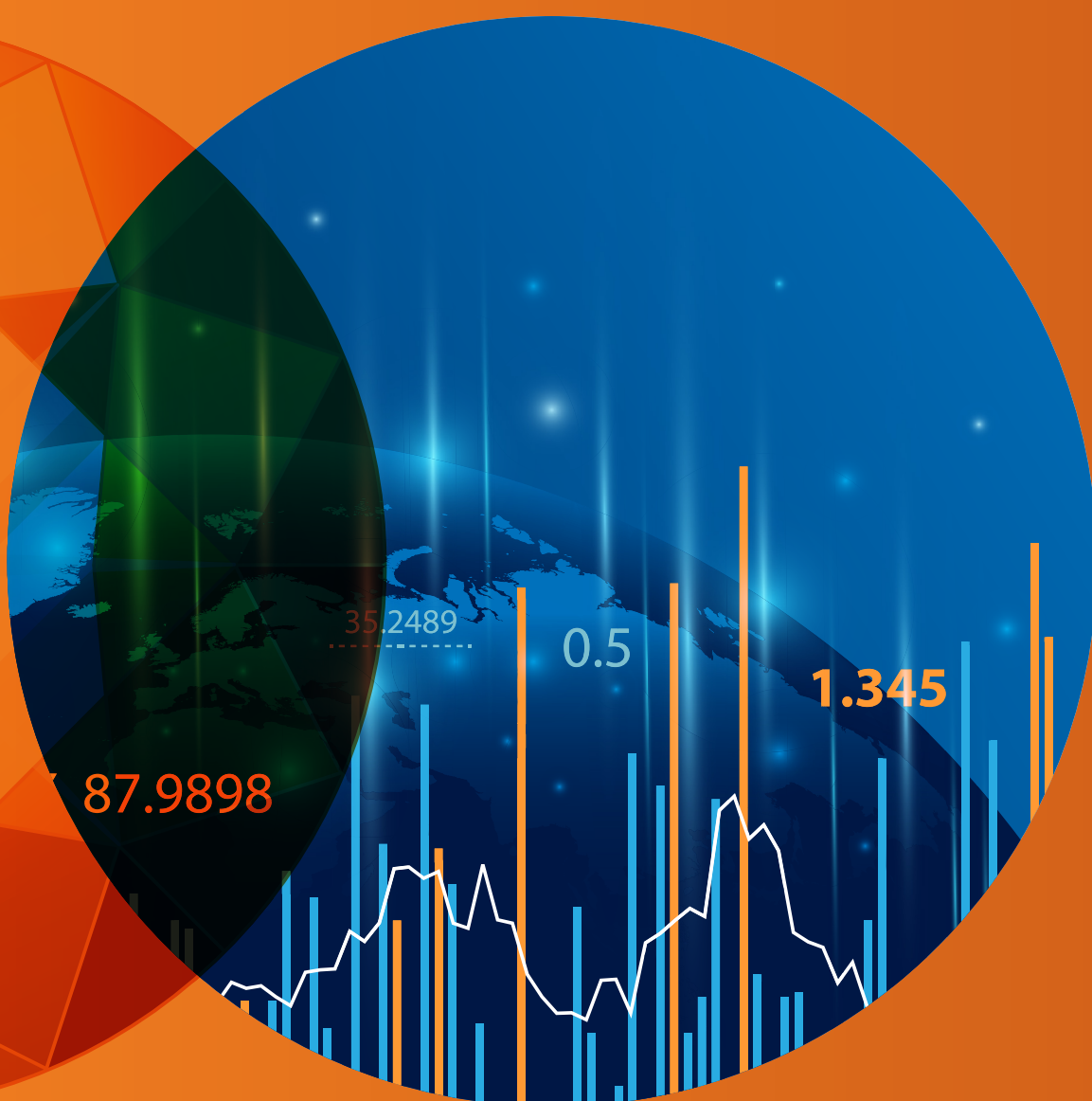
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2021

Đối chiếu với kế hoạch phát triển bền vững năm 2020 đã đưa ra có thể nhận thấy Công ty đã hoàn thành hầu hết các mục tiêu phát triển bền vững của năm 2020 trừ mục tiêu duy trì vị trí Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất Việt Nam.

Trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động phát triển bền vững năm 2020 và đối chiếu với mục tiêu, phương hướng hành động năm 2021, SHS đề ra kế hoạch phát triển bền vững năm 2021 như sau:

TIÊU CHÍ	MỤC TIÊU
Tiếp tục nâng cao hiệu quả kinh doanh	Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã được ĐHCĐ thông qua. Duy trì vị trí top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất Việt Nam. Hoàn thành các mục tiêu phi tài chính khác.
Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	Với Người lao động - Tăng thu nhập, phúc lợi tối thiểu 10%. - Tạo môi trường làm việc bình đẳng, chuyên nghiệp và cơ hội thăng tiến. Với cổ đông - Đảm bảo cổ tức và quyền lợi hợp pháp khác của cổ đông tối thiểu 10%. - Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, minh bạch. Với khách hàng, nhà cung cấp - Hoàn thiện và tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ với giá phí cạnh tranh. - Là đối tác thường xuyên, tin cậy và cùng chia sẻ lợi ích. Với cơ quan quản lý, hiệp hội và truyền thông - Hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước. - Là thành viên tích cực và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển của TTCKVN và các Hiệp hội. - Hợp tác đầy đủ, kịp thời trong công tác báo cáo, công bố thông tin và truyền thông.
Tăng cường trách nhiệm với môi trường, xã hội	Với môi trường - Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. - Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tiết kiệm nước và năng lượng. - Tích cực bảo vệ môi trường với nhiều hình thức khác nhau. Với xã hội - Tăng cường công tác thiện nguyện, làm tốt các chương trình an sinh xã hội.





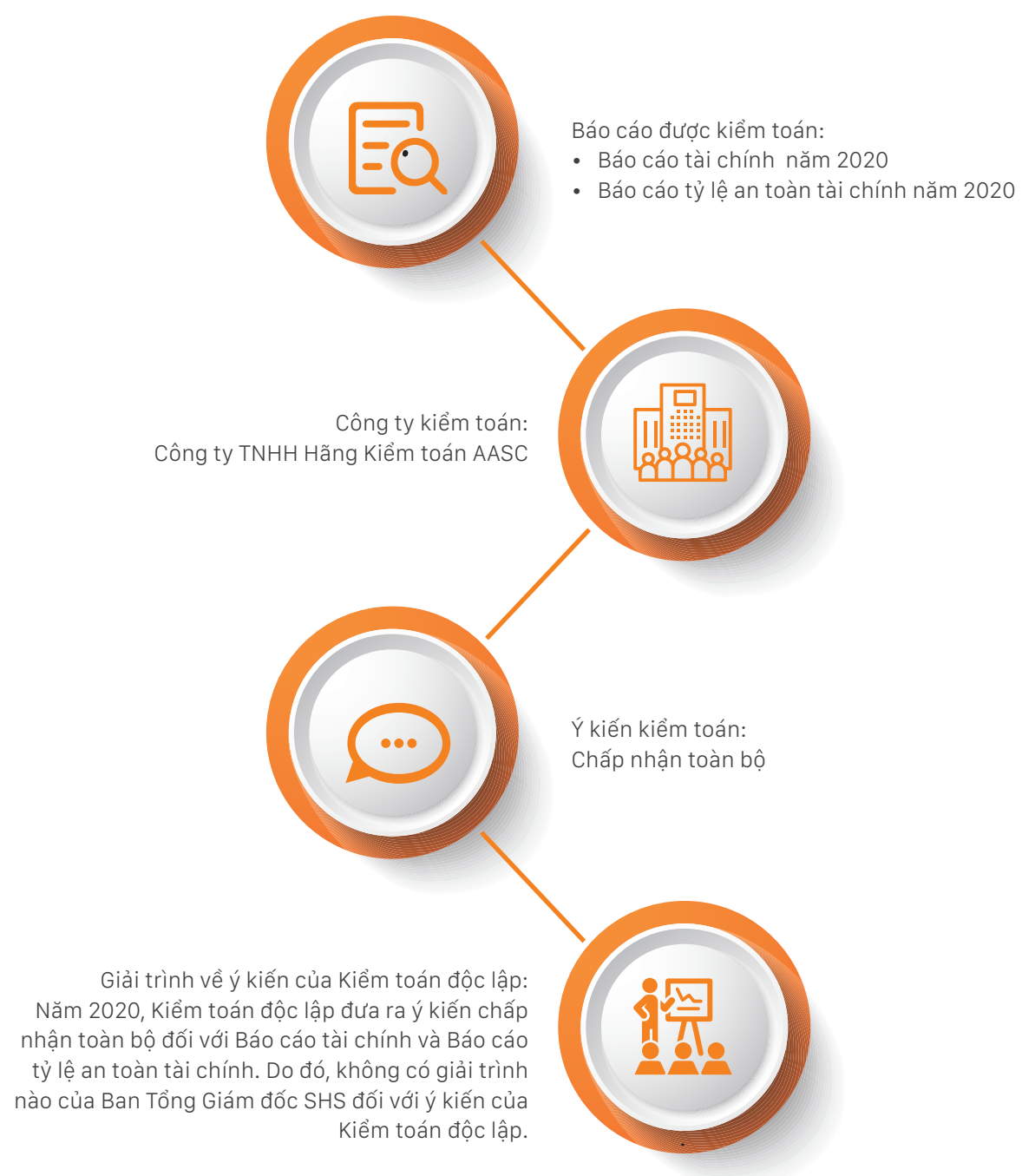
PHẦN 06

BÁO CÁO ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2020

- GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐƯỢC KIỂM TOÁN
- BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐƯỢC KIỂM TOÁN



GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

► CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 27/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

► HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Tiến	Ủy viên
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà Lương Thị Lựu	Ủy viên
Ông Vũ Đức Trung	Ủy viên

► KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



► CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

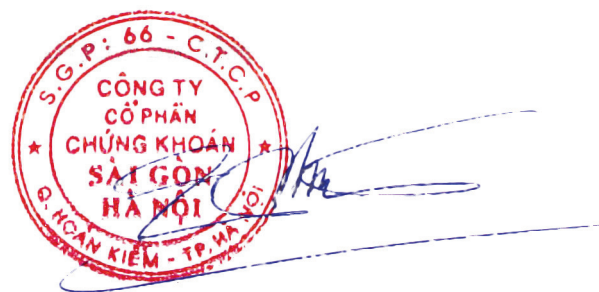
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

► CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



VŨ ĐỨC TIẾN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Số: 290321.048/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 20 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6 - “Các khoản phải thu ngắn hạn” phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi dựa trên phán quyết cuối cùng của Tòa án nhân dân tối cao.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC


Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0777-2018-002-1


Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	A	TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.857.673.176.841	5.989.907.588.500
110	I	Tài sản tài chính		6.854.795.267.225	5.982.620.174.098
111	1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	653.074.220.193	1.052.419.267.919
111.1	1.1	Tiền		653.074.220.193	1.052.419.267.919
112	2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	2.204.736.610.306	1.270.103.498.366
114	3	Các khoản cho vay	5	2.171.684.164.501	1.647.839.423.627
115	4	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	461.007.802.000	300.000.000.000
117	5	Các khoản phải thu	6	33.134.169.793	47.668.983.400
117.2	5.1	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		33.134.169.793	47.668.983.400
117.3	5.1.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		33.134.169.793	47.668.983.400
118	6	Trả trước cho người bán	7	1.866.245.590	2.247.585.608
119	7	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	1.702.764.467.372	2.059.380.600.595
122	8	Các khoản phải thu khác	6	92.583.752.886	45.021.531.845
129	9	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(466.056.165.416)	(442.060.717.262)
130	II	Tài sản ngắn hạn khác		2.877.909.616	7.287.414.402
131	1	Tạm ứng		1.703.254.001	6.605.055.591
132	2	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	9	309.592.214	267.329.831
133	3	Chi phí trả trước ngắn hạn	10	862.313.401	412.278.980
134	4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	2.750.000	2.750.000
200	B	TÀI SẢN DÀI HẠN		72.069.516.866	82.769.951.720
220	II	Tài sản cố định		4.372.741.766	4.426.059.066
221	1	Tài sản cố định hữu hình	12	3.792.208.871	4.426.059.066
222	-	Nguyên giá		25.379.572.966	31.441.199.258
223a	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.587.364.095)	(27.015.140.192)
227	2	Tài sản cố định vô hình	13	580.532.895	-
228	-	Nguyên giá		23.184.664.987	31.196.229.207
229a	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.604.132.092)	(31.196.229.207)
250	V	Tài sản dài hạn khác		67.696.775.100	78.343.892.654
251	1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	1.436.890.343	890.532.343
252	2	Chi phí trả trước dài hạn	10	46.259.884.757	58.197.258.349
254	3	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	20.000.000.000	19.256.101.962
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.929.742.693.707	6.072.677.540.220



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C	NỢ PHẢI TRẢ		3.703.427.874.103	3.380.341.789.038
310	I	Nợ phải trả ngắn hạn		2.943.000.520.354	3.374.023.210.957
311	1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	794.000.000.000	988.000.000.000
312	11	Vay ngắn hạn		794.000.000.000	988.000.000.000
316	2	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	16	450.000.000.000	950.000.000.000
318	3	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		-	345.340.035
320	4	Phải trả người bán ngắn hạn		10.378.267	59.135.976
321	5	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.635.950.611	1.961.500.000
322	6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	45.720.650.347	24.438.863.837
323	7	Phải trả người lao động		32.362.067.343	11.624.933.886
324	8	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		428.565.961	379.279.297
325	9	Chi phí phải trả ngắn hạn	18	64.450.609.647	78.374.868.256
328	10	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19	1.495.276.630.132	1.266.400.629.532
329	11	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	15.812.574.720	19.202.991.772
331	12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		43.303.093.326	33.235.668.366
340	II	Nợ phải trả dài hạn		760.427.353.749	6.318.578.081
346	1	Trái phiếu phát hành dài hạn	16	650.000.000.000	-
347	2	Phải trả người bán dài hạn		-	14.025.690
352	3	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	19	25.000.000	25.000.000
356	4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	38.2	110.402.353.749	6.279.552.391
400	D	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.226.314.819.604	2.692.335.751.182
410	I	Vốn chủ sở hữu	21	3.226.314.819.604	2.692.335.751.182
411	1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.295.262.472.800	2.295.262.472.800
411.1	1.1	Vốn góp của chủ sở hữu		2.072.682.010.000	2.072.682.010.000
411.1a	a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.072.682.010.000	2.072.682.010.000
411.2	1.2	Thặng dư vốn cổ phần		222.580.462.800	222.580.462.800
412	2	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		43.388.969.600	-
414	3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		63.561.856.552	48.863.340.849
415	4	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		63.561.856.552	48.863.340.849
417	5	Lợi nhuận chưa phân phối		760.539.664.100	299.346.596.684
417.1	5.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		318.930.249.102	340.550.702.961
417.2	5.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		441.609.414.998	(41.204.106.277)
440		TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.929.742.693.707	6.072.677.540.220

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

MÃ SỐ		CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2020	01/01/2020
	A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
002	1	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		1.500.000.000	1.500.000.000
003	2	Tài sản nhận thế chấp		6.903.330.000	6.903.330.000
006	3	Cổ phiếu đang lưu hành		207.268.201	207.268.201
008	4	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	22	941.156.880.000	841.851.110.000
009	5	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	23	1.501.710.000	1.501.490.000
010	6	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	24	16.570.100.000	-
012	7	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	25	179.201.130.000	179.531.730.000
	B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	26	32.085.071.250.000	26.232.263.140.000
021.1	a	Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		25.820.844.780.000	21.105.570.290.000
021.2	b	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		3.369.389.590.000	3.109.444.650.000
021.3	c	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		2.322.266.100.000	1.814.684.440.000
021.4	d	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		66.755.200.000	50.000.000.000
021.5	e	Tài sản tài chính chờ thanh toán		505.815.580.000	152.563.760.000
022	2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	27	511.438.690.000	960.385.460.000
022.1	a	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		219.143.010.000	740.054.780.000
022.2	b	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		277.000.000.000	205.035.000.000
022.3	c	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		15.295.680.000	15.295.680.000
023	4	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	28	500.707.280.000	157.948.760.000



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
NĂM 2020**

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
026	5	Tiền gửi của khách hàng	29	2.859.812.190.075	640.275.385.374
027	5.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		511.475.622.919	440.076.755.463
028	5.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		800.254.229.600	195.589.127.600
030	5.1	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.548.082.337.556	4.609.502.311
031	7	Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30	1.311.729.852.519	635.665.883.063
031.1	7.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.302.837.980.794	635.107.914.454
031.2	7.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		8.891.871.725	557.968.609
035	8	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31	1.548.082.337.556	4.609.502.311

NGUYỄN THỊ THÙY

Người lập

TRẦN SỸ TIẾN

Kế toán trưởng



VŨ ĐỨC TIẾN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2021

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU		THUYẾT MINH	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
I	DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		986.114.407.450	325.334.482.231
01.1		a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	323.403.346.578	308.597.466.757
01.2		b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	33.b)	553.290.190.657	(24.491.043.155)
01.3		c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	33.c)	109.420.870.215	41.228.058.629
03	1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	33.c)	464.042.037.678	425.503.987.684
04	1.3	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	33.c)	-	3.774.246.575
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		172.457.118.516	128.053.138.116
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		84.232.318.184	126.918.670.182
08	1.6	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		10.739.433.258	34.110.544.513
09	1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		20.364.809.158	14.540.334.446
10	1.8	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		66.358.150.910	8.406.237.262
11	1.9	Thu nhập hoạt động khác	33.d)	716.081.934	743.373.648
20	Cộng doanh thu hoạt động			1.805.024.357.088	1.067.385.014.657
II	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		143.314.555.235	66.582.614.774
21.1		a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	181.831.482.382	50.584.111.108
21.2		b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	33.b)	(39.925.684.368)	14.841.002.470
21.3		c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	33.c)	1.408.757.221	1.157.501.196
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		241.503.118.904	229.331.688.430
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh		8.891.911.035	7.489.793.466
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		130.364.422.865	112.282.782.564
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		4.382.307.344	2.210.853.909
29	2.6	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		4.949.152.206	706.686.378
30	2.7	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		10.092.230.420	10.670.343.319
31	2.8	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		8.091.845.275	9.167.497.623
32	2.9	Chi phí các dịch vụ khác	34	38.649.065.268	21.348.146.399
40	Cộng chi phí hoạt động			590.238.608.552	459.790.406.862
III	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		35		
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		3.282.085.321	3.115.765.920



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

NĂM 2020

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		3.282.085.321	3.115.765.920
IV	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	36		
52	4.1 Chi phí lãi vay		194.561.422.445	230.077.492.225
55	4.2 Chi phí tài chính khác		2.644.931.507	3.930.697.260
60	Cộng chi phí tài chính		197.206.353.952	234.008.189.485
62	VI CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	37	82.193.699.222	66.611.003.094
70	VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		938.667.780.683	310.091.181.136
VIII	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		226.864.206	1.954.319.000
72	8.2 Chi phí khác		61.495	6.500.002
80	Cộng kết quả hoạt động khác		226.802.711	1.947.818.998
90	IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		938.894.583.394	312.039.000.134
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		345.678.708.369	351.371.045.759
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		593.215.875.025	(39.332.045.625)
100	X CHI PHÍ THUẾ TNDN	38	184.582.643.371	57.400.731.698
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.1	80.459.842.013	62.298.940.330
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	38.2	104.122.801.358	(4.898.208.632)
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		754.311.940.023	254.638.268.436
300	XII THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		43.388.969.600	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		43.388.969.600	-
500	XIII THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	39	3.649	1.359

NGUYỄN THỊ THÙY

Người lập

TRẦN SỸ TIẾN

Kế toán trưởng



VŨ ĐỨC TIẾN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2021

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		938.894.583.394	312.039.000.134
02	2 Điều chỉnh cho các khoản		216.687.907.577	236.214.521.564
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.413.122.300	998.748.434
04	- Các khoản dự phòng		23.995.448.153	9.213.137.733
06	- Chi phí lãi vay		194.561.422.445	230.077.492.225
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.282.085.321)	(4.074.856.828)
10	3 Tăng các chi phí phi tiền tệ		(39.925.684.368)	14.841.002.470
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(39.925.684.368)	14.841.002.470
18	4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(553.290.190.657)	24.491.043.155
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(319.204.129.606)	24.491.043.155
20	- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại		(234.086.061.051)	-
30	5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(661.406.670.623)	(501.033.750.510)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(341.417.236.915)	(302.982.200.585)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(523.844.740.874)	403.169.542.208
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		(117.618.832.400)	(300.000.000.000)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		-	50.807.500.000
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		14.534.813.607	(5.303.170.644)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		356.290.583.834	(906.946.450.362)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(47.562.221.041)	14.840.868.452
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		4.115.641.169	(6.361.823.661)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(24.360.566.601)	32.850.163.797
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		11.487.339.171	17.466.872.622
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(72.298.940.330)	(82.054.737.086)
44	- Lãi vay đã trả		(184.125.114.453)	(250.041.888.076)



PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG NĂM 2020

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		318.556.619	(24.090.973.214)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		49.286.664	83.058.790
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		13.120.884.827	(1.393.627.707)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		20.737.133.457	8.626.031.865
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		234.645.675.683	858.923.283.091
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	49.000.000
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.478.933.040)	(8.675.200.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(99.040.054.677)	86.551.816.813
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
61	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(1.359.805.000)	(2.513.725.000)
62	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	959.090.908
65	3 Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.282.085.321	3.115.765.920
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.922.280.321	1.561.131.828
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
71	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	906.285.396.000
73	2 Tiền vay gốc		23.207.842.685.626	19.885.051.179.366
73.2	21 Tiền vay khác		23.207.842.685.626	19.885.051.179.366
74	3 Tiền chi trả nợ gốc vay		(23.251.842.685.626)	(20.365.031.179.366)
74.3	31 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(23.251.842.685.626)	(20.365.031.179.366)
76	4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(258.227.273.370)	(300.784.464.585)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(302.227.273.370)	125.520.931.415
90	IV Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(399.345.047.726)	213.633.880.056
101	V Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		1.052.419.267.919	838.785.387.863
101.1	- Tiền		1.052.419.267.919	838.785.387.863
103	VI Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	653.074.220.193	1.052.419.267.919
103.1	- Tiền		653.074.220.193	1.052.419.267.919

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
I Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1 Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		65.888.267.801.895	46.644.424.552.681
02	2 Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(68.328.162.781.340)	(47.018.941.270.040)
07	3 Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		3.125.930.937.062	475.848.408.870
11	4 Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(9.971.988.161)	(8.090.034.649)
14	5 Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		9.970.732.975.159	2.755.151.118.282
15	6 Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(8.427.260.139.914)	(2.766.133.805.033)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		2.219.536.804.701	82.258.970.111
30	II Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		640.275.385.374	558.016.415.263
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		640.275.385.374	558.016.415.263
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		440.076.755.463	264.543.388.401
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		195.589.127.600	277.880.837.800
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		4.609.502.311	15.592.189.062
40	III Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	29	2.859.812.190.075	640.275.385.374
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		2.859.812.190.075	640.275.385.374
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		511.475.622.919	440.076.755.463
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		800.254.229.600	195.589.127.600
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.548.082.337.556	4.609.502.311

NGUYỄN THỊ THỦY

Người lập

TRẦN SỸ TIẾN

Kế toán trưởng



VŨ ĐỨC TIẾN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2021



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
NĂM 2020

		SỐ DƯ ĐẦU NĂM		SỐ TĂNG/GIẢM				SỐ DƯ CUỐI NĂM	
		01/01/2019	01/01/2020	NĂM 2019	NĂM 2020			31/12/2019	31/12/2020
CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	VND	VND	TĂNG VND	GIẢM VND	TĂNG VND	GIẢM VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.125.489.636.800	2.295.262.472.800	1.169.772.836.000	-	-	-	2.295.262.472.800	2.295.262.472.800
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.053.956.740.000	2.072.682.010.000	1.018.725.270.000	-	-	-	2.072.682.010.000	2.072.682.010.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		71.532.896.800	222.580.462.800	151.047.566.000	-	-	-	222.580.462.800	222.580.462.800
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		29.901.717.464	48.863.340.849	18.961.623.385	-	14.698.515.703	-	48.863.340.849	63.561.856.552
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		29.901.717.464	48.863.340.849	18.961.623.385	-	14.698.515.703	-	48.863.340.849	63.561.856.552
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	43.388.969.600	-	-	43.388.969.600
5. Lợi nhuận chưa phân phối		680.021.316.518	299.346.596.684	254.638.268.436	635.312.988.270	754.311.940.023	293.118.872.607	299.346.596.684	760.539.664.100
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		681.893.377.170	340.550.702.961	293.970.314.061	635.312.988.270	271.498.418.748	293.118.872.607	340.550.702.961	318.930.249.102
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(1.872.060.652)	(41.204.106.277)	(39.332.045.625)	-	482.813.521.275	-	(41.204.106.277)	441.609.414.998
TỔNG CỘNG		1.865.314.388.246	2.692.335.751.182	1.462.334.351.206	635.312.988.270	827.097.941.029	293.118.872.607	2.692.335.751.182	3.226.314.819.604
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	43.388.969.600	-	-	43.388.969.600
TỔNG CỘNG		-	-	-	-	43.388.969.600	-	-	43.388.969.600

NGUYỄN THỊ THÙY
Người lập

TRẦN SỸ TIẾN
Kế toán trưởng



VŨ ĐỨC TIẾN
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 27/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 2.072.682.010.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.072.682.010.000 đồng; tương đương 207.268.201 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 213 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 211 người).

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

TÊN ĐƠN VỊ	NƠI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 03 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

1.3. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong năm 2020, tình hình hoạt động kinh doanh đạt kết quả cao hơn so với năm trước do giá thị trường một số cổ phiếu tự doanh của Công ty cuối năm tăng mạnh, ngoài ra Công ty đã định hướng tăng cường hoạt động tự doanh, đặc biệt là tự doanh trái phiếu. Theo đó doanh thu hoạt động và lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng mạnh so với năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC

ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4. TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chí phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.



Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, cơ sở để đánh giá lại là báo giá được cung cấp tại thời điểm sáp nhập 31/03/2018. Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không thu thập được báo giá của các cổ phiếu này nên vẫn giữ nguyên giá trị đánh giá lại tại thời điểm sáp nhập.

Số chênh lệch đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị xác thực nhất (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK ở thời điểm cuối năm tài chính được theo dõi riêng trên Tài khoản cấp 2 “Chênh lệch đánh giá lại” của Tài khoản 121 – “Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” mà không ghi tăng, giảm giá mua của các tài sản tài chính trên Tài khoản “Giá mua” và được xác định cụ thể cho từng lần đánh giá lại như sau:

- Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK.
- Ở kỳ đánh giá lại lần thứ hai trở đi, giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá mua của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và giá đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này. Chênh lệch giữa các kỳ đánh giá được hạch toán vào Tài khoản 51112 “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL” hoặc Tài khoản 63213 “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu “Lỗ” và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” FVTPL.
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu “Thu nhập”, chi tiết “Chênh lệch tăng về đánh giá lại – Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý”.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

2.6. CÁC KHOẢN NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.



2.7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

THỜI GIAN QUÁ HẠN	MỨC TRÍCH DỰ PHÒNG
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm
- Phần mềm giao dịch	03 - 05 năm

2.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB được phân bổ trong vòng 7 năm.

2.10. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN, DÀI HẠN

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí lãi hợp đồng môi giới chứng khoán... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau



khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.16. DOANH THU TÀI CHÍNH, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền...).

2.17. CÁC KHOẢN THUẾ

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

2.18. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.



3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM VND	GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM VND
Của Công ty Chứng khoán	412.865.698	43.035.645.203.200
- Cổ phiếu	82.445.698	1.810.104.503.200
- Trái phiếu	330.420.000	41.225.540.700.000
Của nhà đầu tư	7.694.172.159	135.669.533.463.740
- Cổ phiếu	7.447.931.288	107.502.247.124.330
- Trái phiếu	214.501.861	28.136.372.522.410
- Chứng khoán khác	31.739.010	30.913.817.000
	8.107.037.857	178.705.178.666.940

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt tại quỹ	104.069.222	55.644.272
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	652.448.389.780	1.051.978.622.315
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	521.761.191	385.001.332
	653.074.220.193	1.052.419.267.919

5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a, Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2020		01/01/2020	
	GIÁ GỐC VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND	GIÁ GỐC VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND
Cổ phiếu niêm yết	1.310.685.994.021	1.628.002.782.990	702.337.011.133	661.132.707.070
Cổ phiếu chưa niêm yết	286.399.669.748	267.133.827.316	287.407.854.670	267.533.291.296
Trái phiếu niêm yết		-	341.437.500.000	341.437.500.000
Trái phiếu chưa niêm yết	309.600.000.000	309.600.000.000	-	-
	1.906.685.663.769	2.204.736.610.306	1.331.182.365.803	1.270.103.498.366

b, Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2020		01/01/2020	
	GIÁ GỐC VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND	GIÁ GỐC VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND
Cổ phiếu niêm yết	183.532.771.349	461.007.802.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
	183.532.771.349	461.007.802.000	300.000.000.000	300.000.000.000

c, Các khoản cho vay

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Hoạt động margin	1.778.870.609.208	1.544.724.340.397
Hoạt động ứng trước tiền bán	392.813.555.293	103.115.083.230
	2.171.684.164.501	1.647.839.423.627

d, Tình hình biến động giá trị thị trường

	GIÁ MUA		GIÁ THỊ TRƯỜNG		CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ TĂNG		CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ GIẢM		GIÁ TRỊ ĐÁNH GIÁ LẠI	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
FVTPL	1.906.685.663.769	1.331.182.365.803	2.204.736.610.306	1.270.103.498.366	352.357.794.552	33.153.664.946	(54.306.848.015)	(94.232.532.383)	2.204.736.610.306	1.270.103.498.366
Cổ phiếu niêm yết	1.310.685.994.021	702.337.011.133	1.628.002.782.990	661.132.707.070	350.607.294.552	31.400.932.668	(33.290.505.583)	(72.607.784.731)	1.628.002.782.990	661.130.159.070
SHB	-	137.065.831.349	-	120.814.044.000	-	-	-	(16.251.787.349)	-	120.814.044.000
GVR	118.798.154.052	88.727.133.688	272.831.322.000	92.398.080.000	154.033.167.948	3.670.946.312	-	-	272.831.322.000	92.398.080.000
RCC	52.895.611.009	52.895.611.009	66.470.000.000	57.500.000.000	13.574.388.991	4.604.388.991	-	-	66.470.000.000	57.500.000.000
BSI	37.913.089.680	37.913.027.320	50.602.502.100	31.905.932.500	12.689.412.420	-	-	(6.007.094.820)	50.602.502.100	31.905.932.500
VRC	72.552	101.644.178.789	38.240	93.865.894.500	-	-	(34.312)	(7.778.284.289)	38.240	93.865.894.500
TCB	187.211.506.500	-	241.389.540.000	-	54.178.033.500	-	-	-	241.389.540.000	-
HPG	113.582.515.007	-	131.465.845.850	-	17.883.330.843	-	-	-	131.465.845.850	-



	GIÁ MUA		GIÁ THỊ TRƯỜNG		CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ TĂNG		CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ GIẢM		GIÁ TRỊ ĐÁNH GIÁ LẠI	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Các cổ phiếu khác	800.285.045.221	284.091.228.978	865.243.534.800	264.648.756.070	98.248.960.850	23.125.597.365	(33.290.471.271)	(42.570.618.273)	865.243.534.800	264.646.208.070
Cổ phiếu hủy niêm yết	1.506.150.610	1.506.475.532	1.504.203.640	1.506.751.640	-	2.232.278	(1.946.970)	(1.956.170)	1.504.203.640	1.506.751.640
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	1.503.750.000	1.503.750.000	1.503.750.000	1.503.750.000	-	-	-	-	1.503.750.000	1.503.750.000
Các cổ phiếu khác	2.400.610	2.725.532	453.640	3.001.640	-	2.232.278	(1.946.970)	(1.956.170)	453.640	3.001.640
Cổ phiếu chưa niêm yết (1)	284.893.519.138	285.901.379.138	265.629.623.676	266.026.539.656	1.750.500.000	1.750.500.000	(21.014.395.462)	(21.622.791.482)	265.629.623.676	266.029.087.656
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	145.257.484.500	145.257.484.500	145.257.484.500	145.257.484.500	-	-	-	-	145.257.484.500	145.257.484.500
Công ty cổ phần Công nghệ sinh học – Dược phẩm ICA	35.682.501.638	35.682.501.638	16.787.500.000	16.787.500.000	-	-	(18.895.001.638)	(18.895.001.638)	16.787.500.000	16.787.500.000
Công ty CP Đóng tàu và Dịch vụ Cảng Mỹ Xuân	84.000.000.000	84.000.000.000	84.000.000.000	84.000.000.000	-	-	-	-	84.000.000.000	84.000.000.000
Các cổ phiếu khác	19.953.533.000	20.961.393.000	19.584.639.176	19.981.555.156	1.750.500.000	1.750.500.000	(2.119.393.824)	(2.727.789.844)	19.584.639.176	19.984.103.156
Trái phiếu niêm yết	-	341.437.500.000	-	341.437.500.000	-	-	-	-	-	341.437.500.000
Trái phiếu chính phủ đầu thầu đợt 14/2015	-	341.437.500.000	-	341.437.500.000	-	-	-	-	-	341.437.500.000
Trái phiếu chưa niêm yết	309.600.000.000	-	309.600.000.000	-	-	-	-	-	309.600.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành 05.11.19 (2)	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-	-	-	-	-	300.000.000.000	-
Trái phiếu Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê phát hành ngày 15.10.20 (3)	9.600.000.000	-	9.600.000.000	-	-	-	-	-	9.600.000.000	-
AFS	183.532.771.349	300.000.000.000	461.007.802.000	300.000.000.000	277.475.030.651	-	-	-	461.007.802.000	300.000.000.000
Cổ phiếu niêm yết	183.532.771.349	-	461.007.802.000	-	277.475.030.651	-	-	-	461.007.802.000	-
SHB (4)	183.532.771.349	-	461.007.802.000	-	277.475.030.651	-	-	-	461.007.802.000	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-	-	-	-	-	300.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành 05.11.19 (**)	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-	-	-	-	-	300.000.000.000
	2.090.218.435.118	1.631.182.365.803	2.665.744.412.306	1.570.103.498.366	629.832.825.203	33.153.664.946	(54.306.848.015)	(94.232.532.383)	2.665.744.412.306	1.570.103.498.366

Ghi chú:

(1) Một số cổ phiếu nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB đang được đánh giá giá trị thị trường theo báo giá được cung cấp tại thời điểm sáp nhập 31/03/2018. Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không thu thập được báo giá của các cổ phiếu này nên vẫn giữ nguyên giá trị đánh giá lại tại thời điểm sáp nhập. Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết còn lại, do chưa thu thập được 3 báo giá của công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá nên giá trị thị trường được ước tính bằng giá gốc.

(2) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thời hạn 7 năm kể từ ngày phát hành ngày 05/11/2019, số lượng 300 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 đồng, ngày được thực hiện quyền chuyển nhượng 05/11/2021 với lãi suất 8,2%/năm.

(3) Trái phiếu Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê có thời hạn 18 tháng kể từ ngày phát hành ngày 15/10/2020, số lượng 9.600 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng, ngày được thực hiện quyền chuyển nhượng 15/10/2021 với lãi suất 12%/năm.

(4) Cổ phiếu SHB được phân loại lại từ FVTPL sang AFS tại ngày 01/10/2020, giá thị trường tại thời điểm phân loại lại căn cứ theo giá đóng cửa sàn HNX ngày 30/09/2020 là 461.007.802.000 đồng; chênh lệch đánh giá tăng tại ngày 31/12/2020 và ngày chuyển sang AFS là 43.388.969.600 đồng.



6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	4.155.342.462	4.594.246.575
Phải thu lãi hoạt động Margin	28.978.827.331	43.074.736.825
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	1.702.764.467.372	2.059.380.600.595
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	427.767.228.594	427.767.228.594
- Phải thu lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh	58.035.032.434	58.256.550.516
- Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	21.696.400.000	16.790.600.000
- Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác	1.185.265.806.344	1.546.566.221.485
Phải thu khác	92.583.752.886	45.021.531.845
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản (*)	45.006.580.297	45.006.580.297
- Tiền đặt cọc đấu giá tự doanh	47.200.000.000	-
- Phải thu khác	377.172.589	14.951.548
	1.828.482.390.051	2.152.071.115.840

(*) Đây là khoản tiền phải thu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản về việc xử lý tài sản đảm bảo cho khoản cho vay ký quỹ. Ngày 16/01/2019, Công ty nhận được thông báo của Tòa án nhân dân tối cao trả lời Tòa án đã nhận được đơn của Công ty về việc đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm và sẽ thông báo lại cho Công ty khi có kết luận cuối cùng. Công ty đã gửi Công văn số 1278/2019/CV-SHS ngày 30/12/2019 đến Tòa án nhân dân tối cao có nội dung đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 36/2017/KDTM-PT ngày 16/05/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 06/01/2020, Công ty nhận được công văn thông báo số 01/TB-ANDTC-VP của Tòa án nhân dân tối cao phúc đáp công văn trên về việc Tòa án nhân dân tối cao đã thụ lý và hiện đang xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi có kết quả giải quyết, Tòa án nhân dân tối cao sẽ thông báo cho Công ty biết. Với các hồ sơ tài liệu mà Công ty gửi lên Tòa án, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng kết quả vụ kiện có thể được thay đổi và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo đó có thể thay đổi dựa trên phán quyết cuối cùng của Tòa án nhân dân tối cao.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH MTV phát triển khu công nghệ cao Hòa Lạc	1.252.000.000	-
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ DAI-ICHI Việt Nam	48.031.000	1.249.031.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	-	613.666.668
Các khoản ứng trước khác	566.214.590	384.887.940
	1.866.245.590	2.247.585.608

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	NĂM NAY				
	GIÁ TRỊ PHẢI THU KHÓ ĐÒI	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ TRÍCH LẬP VND	SỐ HOÀN NHẬP VND	SỐ CUỐI NĂM VND
Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	820.000.000	820.000.000	-	-	820.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	820.000.000	820.000.000	-	-	820.000.000
Dự phòng khó đòi phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ (margin)	75.204.043.412	11.654.597.122	33.430.249.001	(923.475.564)	44.161.370.559
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	477.916.741.170	429.586.120.140	1.545.176.676	(10.056.501.959)	421.074.794.857
- Phải thu gốc và lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	464.587.821.162	416.257.200.132	1.545.176.676	(10.056.501.959)	407.745.874.849
- Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	330.000.000	330.000.000	-	-	330.000.000
- Phải thu dịch vụ tài chính khác	2.998.920.008	2.998.920.008	-	-	2.998.920.008
	553.940.784.582	442.060.717.262	34.975.425.677	(10.979.977.523)	466.056.165.416

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Vật tư văn phòng	185.702.214	205.494.831
Công cụ, dụng cụ	123.890.000	61.835.000
	309.592.214	267.329.831

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a, Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	129.525.000	140.025.000
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	27.084.464	20.203.348
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên phân bổ	484.166.666	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	221.537.271	252.050.632
	862.313.401	412.278.980



b, Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Lợi thế thương mại khi sáp nhập (*)	44.181.444.176	54.577.078.100
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	643.028.554	1.056.588.059
Chi phí tư vấn chờ phân bổ	455.233.219	434.233.219
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	90.096.334	43.665.411
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	448.957.710	733.087.851
Chi phí bảo trì chờ phân bổ	216.208.222	812.437.939
Chi phí trả trước dài hạn khác	224.916.542	540.167.770
	46.259.884.757	58.197.258.349

(*) Toàn bộ là Lợi thế thương mại phát sinh khi sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, Công ty phân bổ trong vòng 7 năm.

11. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

a, Ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Đặt cọc bình nước	2.750.000	2.750.000
	2.750.000	2.750.000

b, Dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Đặt cọc thuê văn phòng	1.431.490.343	886.132.343
Đặt cọc khác	5.400.000	4.400.000
	1.436.890.343	890.532.343

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	MÁY MÓC, THIẾT BỊ VND	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN VND	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ VND	CỘNG VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	24.654.217.366	6.386.267.182	400.714.710	31.441.199.258
Mua trong năm	757.262.000	-	-	757.262.000
Thanh lý, nhượng bán	(6.818.888.292)	-	-	(6.818.888.292)
Tại ngày 31/12/2020	18.592.591.074	6.386.267.182	400.714.710	25.379.572.966
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2020	24.341.497.792	2.468.051.703	205.590.697	27.015.140.192
Khấu hao trong năm	384.969.387	949.033.332	57.109.476	1.391.112.195
Thanh lý, nhượng bán	(6.818.888.292)	-	-	(6.818.888.292)
Tại ngày 31/12/2020	17.907.578.887	3.417.085.035	262.700.173	21.587.364.095
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	312.719.574	3.918.215.479	195.124.013	4.426.059.066
Tại ngày 31/12/2020	685.012.187	2.969.182.147	138.014.537	3.792.208.871

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.922.526.115 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	PHẦN MỀM GIAO DỊCH, KẾ TOÁN VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020	31.196.229.207
Mua trong năm	602.543.000
Thanh lý, nhượng bán	(8.614.107.220)
Tại ngày 31/12/2020	23.184.664.987
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020	31.196.229.207
Khấu hao trong năm	22.010.105
Thanh lý, nhượng bán	(8.614.107.220)
Tại ngày 31/12/2020	22.604.132.092
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020	-
Tại ngày 31/12/2020	580.532.895

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	18.066.986.207	17.173.800.433
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.813.013.793	1.962.301.529
Số dư cuối năm	20.000.000.000	19.256.101.962

15. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	31/12/2020 VND
Vay ngắn hạn	988.000.000.000	19.644.002.685.626	19.838.002.685.626	794.000.000.000
Vay ngân hàng	988.000.000.000	19.644.002.685.626	19.838.002.685.626	794.000.000.000
	988.000.000.000	19.644.002.685.626	19.838.002.685.626	794.000.000.000

CHI TIẾT CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	543.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina	100.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình	100.000.000.000	51.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	294.000.000.000	294.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	200.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH CTBC Chi nhánh Hồ Chí Minh	100.000.000.000	100.000.000.000
	794.000.000.000	988.000.000.000

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty có các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 01 ngày đến 01 tháng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay từ 5,2%/năm đến 7,8%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, được chi tiết theo từng hợp đồng tín dụng hoặc hợp đồng cầm cố thế chấp.



16. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	01/01/2020 VND	SỐ TĂNG TRONG NĂM VND	SỐ GIẢM TRONG NĂM VND	31/12/2020 VND
Nợ ngắn hạn	950.000.000.000	2.913.840.000.000	(3.413.840.000.000)	450.000.000.000
- FIDES XIN ZHAO PRIVATE INVESTMENT TRUST 1	300.000.000.000	-	(300.000.000.000)	-
- FIDES XIN MOI B&I PRIVATE INVESTMENT TRUST 3	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	500.000.000.000	-	(500.000.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	500.000.000.000	(500.000.000.000)	-
- Ngân hàng TNHH Indovina	-	500.000.000.000	(500.000.000.000)	-
- Tổ chức, cá nhân khác	50.000.000.000	1.613.840.000.000	(1.513.840.000.000)	150.000.000.000
Nợ dài hạn	-	650.000.000.000	-	650.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	250.000.000.000	-	250.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	400.000.000.000	-	400.000.000.000
	950.000.000.000	3.563.840.000.000	(3.413.840.000.000)	1.100.000.000.000

Số dư phản ánh các trái phiếu đã bán cho các tổ chức, cá nhân theo các đợt phát hành của Công ty, với các thông tin chi tiết sau:

- Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu (với số lượng 300 trái phiếu) và 10.000.000 đồng/trái phiếu (với số lượng 80.000 trái phiếu);
- Kỳ hạn: 01 năm đối với trái phiếu ngắn hạn, 02 năm đối với trái phiếu dài hạn;
- Phương thức phát hành: Phát hành trực tiếp cho nhà đầu tư;
- Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo;
- Lãi suất: Được quy định và điều chỉnh chi tiết trong từng đợt phát hành theo từng thời kỳ;
- Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Công ty.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Thuế Giá trị gia tăng	5.243.187.804	553.699.786
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	28.459.842.013	20.298.940.330
Thuế Thu nhập cá nhân	12.017.620.530	3.586.223.721
	45.720.650.347	24.438.863.837

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí lãi vay phải trả	18.564.455.722	15.792.379.085
Chi phí lãi hợp đồng môi giới chứng khoán	11.963.333.694	40.757.606.799
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	24.038.904.110	16.374.672.755
Chi phí phải trả các sàn giao dịch	4.113.221.009	2.311.705.941
Chi phí giới thiệu thông tin sản phẩm	-	1.986.349.196
Chi phí thuê văn phòng tại số 41 Ngõ Quyền – Hà Nội	-	330.000.000
Chi phí phải trả khác	5.770.695.112	822.154.480
	64.450.609.647	78.374.868.256

19. NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

a, Ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Nhận đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán (*)	1.495.276.630.132	1.266.400.629.532
	1.495.276.630.132	1.266.400.629.532

b, Dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Các khoản khác	25.000.000	25.000.000
	25.000.000	25.000.000

(*) Số dư phản ánh khoản nhận đặt cọc theo quy định tại các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán giữa Công ty và các khách hàng. Theo đó, Công ty có trách nhiệm tìm kiếm các tổ chức, cá nhân có nhu cầu bán chứng khoán và thực hiện các thủ tục có liên quan để chuyển giao chứng khoán cho khách hàng. Trong trường hợp Hợp đồng không thực hiện được, Công ty có trách nhiệm hoàn trả tiền đã nhận đặt cọc và phí cơ hội tính trên số tiền đã nhận đặt cọc nhân với lãi suất quy định và số ngày nắm giữ thực tế

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	967.379.544	10.472.811.714
Phải trả phí phát triển thị trường và tìm kiếm khách hàng	6.055.729.068	2.632.801.089
Cổ tức trả lại cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không	-	1.764.634.850
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.789.466.108	4.332.744.119
	15.812.574.720	19.202.991.772

21. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a, Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	31/12/2020 VND	Tỷ lệ %	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5,67%	117.434.160.000	5,67%	117.434.160.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	94,33%	1.955.247.850.000	94,33%	1.955.247.850.000
	100%	2.072.682.010.000	100%	2.072.682.010.000

**b, Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	318.930.249.102	340.550.702.961
Lợi nhuận chưa thực hiện	441.609.414.998	(41.204.106.277)
	760.539.664.100	299.346.596.684

c, Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	340.550.702.961	681.893.377.170
Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	441.609.414.998	(41.204.106.277)
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	271.498.418.748	293.970.314.061
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	612.049.121.709	975.863.691.231
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(44.397.031.407)	(60.923.246.770)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(14.698.515.703)	(18.961.623.385)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(14.698.515.703)	(18.961.623.385)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(15.000.000.000)	(23.000.000.000)
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay	(248.721.841.200)	(574.389.741.500)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	318.930.249.102	340.550.702.961

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã thực hiện đến 31/12/2019 như sau:

	TỶ LỆ %	SỐ TIỀN VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	340.550.702.961
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	4,32%	14.698.515.703
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	4,32%	14.698.515.703
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	4,40%	15.000.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	73,04%	248.721.841.200
Lợi nhuận chưa phân phối	13,93%	47.431.830.355

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	588.236.780.000	152.713.610.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	331.137.500.000	439.137.500.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	21.782.600.000	250.000.000.000
	941.156.880.000	841.851.110.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.501.710.000	1.501.490.000
	1.501.710.000	1.501.490.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	16.570.100.000	-
	16.570.100.000	-

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	179.201.130.000	179.531.730.000
	179.201.130.000	179.531.730.000

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	25.820.844.780.000	21.105.570.290.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	3.369.389.590.000	3.109.444.650.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.322.266.100.000	1.814.684.440.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	66.755.200.000	50.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	505.815.580.000	152.563.760.000
	32.085.071.250.000	26.232.263.140.000

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	219.143.010.000	740.054.780.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	277.000.000.000	205.035.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	15.295.680.000	15.295.680.000
	511.438.690.000	960.385.460.000

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	500.707.280.000	157.948.760.000
	500.707.280.000	157.948.760.000



29. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	511.475.622.919	440.076.755.463
1. Nhà đầu tư trong nước	502.583.751.194	439.518.786.854
2. Nhà đầu tư nước ngoài	8.891.871.725	557.968.609
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	800.254.229.600	195.589.127.600
Tiền gửi của tổ chức phát hành	1.548.082.337.556	4.609.502.311
1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	1.548.082.337.556	4.609.502.311
	2.859.812.190.075	640.275.385.374

30. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	511.475.622.919	440.076.755.463
1.1. Nhà đầu tư trong nước	502.583.751.194	439.518.786.854
2.1 Nhà đầu tư nước ngoài	8.891.871.725	557.968.609
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	800.254.229.600	195.589.127.600
2.1. Nhà đầu tư trong nước	800.254.229.600	195.589.127.600
	1.311.729.852.519	635.665.883.063

31. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	1.548.082.337.556	4.609.502.311
	1.548.082.337.556	4.609.502.311

32. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	1.807.849.436.539	1.587.799.077.222
1.1. Phải trả gốc margin	1.778.870.609.208	1.544.724.340.397
Nhà đầu tư trong nước	1.778.870.609.208	1.544.724.340.397
1.2 Phải trả lãi margin	28.978.827.331	43.074.736.825
Nhà đầu tư trong nước	28.978.827.331	43.074.736.825
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	392.813.555.293	103.115.083.230
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	392.813.555.293	103.115.083.230
Nhà đầu tư trong nước	392.813.555.293	103.115.083.230
	2.200.662.991.832	1.690.914.160.452

33. THU NHẬP

a, Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
	Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	471.308.265.100	489.957.013.345	62.860.442.592	81.509.190.837
Cổ phiếu chưa niêm yết	76.000.000.000	94.825.000.000	1.000.000.000	19.825.000.000
Trái phiếu niêm yết	22.392.287.300.000	22.216.467.180.000	240.517.160.000	64.697.040.000
Trái phiếu chưa niêm yết	12.348.529.820.799	12.345.743.108.611	12.740.709.404	9.953.997.216
Công cụ thị trường tiền tệ	28.592.628.875.196	28.592.190.094.943	6.285.034.582	5.846.254.329
	63.880.754.261.095	63.739.182.396.899	323.403.346.578	181.831.482.382

b, Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Giá trị mua theo sổ kế toán		Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2020		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2020		Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm 2020	
VND	VND	VND	VND	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
FVTPL	1.597.085.663.769	1.895.136.610.306	352.357.794.552	(54.306.848.015)	33.153.664.946	(94.232.532.383)	319.204.129.606	(39.925.684.368)	
Cổ phiếu niêm yết	1.310.685.994.021	1.628.002.782.990	350.607.294.552	(33.290.505.583)	31.400.932.668	(72.607.784.731)	319.206.361.884	(39.317.279.148)	
Cổ phiếu huy niêm yết	1.506.150.610	1.504.203.640	-	(1.946.970)	2.232.278	(1.956.170)	(2.232.278)	(9.200)	
Cổ phiếu chưa niêm yết	284.893.519.138	265.629.623.676	1.750.500.000	(21.014.395.462)	1.750.500.000	(21.622.791.482)	-	(608.396.020)	
Loại AFS (*)	183.532.771.349	461.007.802.000	277.475.030.651	-	-	-	234.086.061.051	-	
Cổ phiếu niêm yết	183.532.771.349	461.007.802.000	277.475.030.651	-	-	-	234.086.061.051	-	
	1.780.618.435.118	2.356.144.412.306	629.832.825.203	(54.306.848.015)	33.153.664.946	(94.232.532.383)	553.290.190.657	(39.925.684.368)	

(*) Cổ phiếu SHB được phân loại lại từ FVTPL sang AFS tại ngày 01/10/2020, giá thị trường tại thời điểm phân loại lại cần cứ theo giá đóng cửa sàn HNX ngày 30/09/2020 là 461.007.802.000 đồng; chênh lệch đánh giá tăng tại ngày 01/10/2020 với giá mua là 234.086.061.051 đồng được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.



c, Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, AFS

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	109.420.870.215	41.228.058.629
Từ các khoản cho vay và phải thu	464.042.037.678	425.503.987.684
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	3.774.246.575
	573.462.907.893	470.506.292.888

d, Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Thu nhập hoạt động khác	716.081.934	743.373.648
Trong đó:		
- Doanh thu khác	716.081.934	743.373.648
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	
Thu nhập thuần hoạt động khác	716.081.934	743.373.648

34. CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	38.649.065.268	21.348.146.399
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	14.545.354.483	12.135.008.666
- Chi phí từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của Tổ chức phát hành	66.909	-
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	23.995.448.153	9.213.137.733
- Chi phí khác	108.195.723	-
	38.649.065.268	21.348.146.399

35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	3.282.085.321	3.115.765.920
	3.282.085.321	3.115.765.920

36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí lãi vay	194.561.422.445	230.077.492.225
Chi phí đầu tư khác	2.644.931.507	3.930.697.260
	197.206.353.952	234.008.189.485

37. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	49.280.927.421	34.405.116.163
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	923.264.329	2.815.082.516
Chi phí vật tư văn phòng	439.751.347	699.622.915
Chi phí công cụ, dụng cụ	404.965.750	697.156.250
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.292.108.603	888.173.879
Chi phí thuế, phí và lệ phí	117.305.152	210.151.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.743.996.758	9.090.196.731
Chi phí khác	20.991.379.862	17.805.503.073
	82.193.699.222	66.611.003.094

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

38.1. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	938.894.583.394	312.039.000.134
Các khoản điều chỉnh tăng	283.294.609	717.686.664
- Chi phí không hợp lệ	283.294.609	717.686.664
Các khoản điều chỉnh giảm	(536.878.667.942)	(1.261.985.149)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(16.264.661.147)	(25.753.028.304)
- Chênh lệch về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(520.614.006.795)	24.491.043.155
Thu nhập chịu thuế TNDN	402.299.210.061	311.494.701.649
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	80.459.842.013	62.298.940.330
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	20.298.940.330	40.054.737.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(72.298.940.330)	(82.054.737.086)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	28.459.842.013	20.298.940.330

38.2. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	6.279.552.391	11.177.761.023
Số dư đầu năm	104.122.801.358	(4.898.208.632)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	110.402.353.749	6.279.552.391

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động	104.122.801.358	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	-	(4.898.208.632)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	104.122.801.358	(4.898.208.632)

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	754.311.940.023	254.638.268.436
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	754.311.940.023	254.638.268.436
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	206.701.894	187.349.841
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.649	1.359

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.



40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

GIÁ TRỊ SỔ KẾ TOÁN				
	31/12/2020		01/01/2020	
	GIÁ GỐC/ GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND	DỰ PHÒNG VND	GIÁ GỐC/ GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND	DỰ PHÒNG VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	653.074.220.193	-	1.052.419.267.919	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.204.736.610.306	-	1.270.103.498.366	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	461.007.802.000	-	300.000.000.000	-
Các khoản cho vay	2.171.684.164.501	(44.161.370.559)	1.647.839.423.627	(11.654.597.122)
Các khoản phải thu	1.828.482.390.051	(421.894.794.857)	2.152.071.115.840	(430.406.120.140)
	7.318.985.187.051	(466.056.165.416)	6.422.433.305.752	(442.060.717.262)
			31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Vay và nợ			1.894.000.000.000	1.938.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			15.822.952.987	19.621.493.473
Chi phí phải trả			64.450.609.647	78.374.868.256
			1.974.273.562.634	2.035.996.361.729

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	TỪ 1 NĂM TRỞ XUỐNG VND	TRÊN 1 NĂM ĐẾN 5 NĂM VND	TRÊN 5 NĂM VND	CỘNG VND
Tại ngày 31/12/2020				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.204.736.610.306	-	-	2.204.736.610.306
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	461.007.802.000	-	-	461.007.802.000
	2.665.744.412.306	-	-	2.665.744.412.306
Tại ngày 01/01/2020				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.270.103.498.366	-	-	1.270.103.498.366
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
	1.570.103.498.366	-	-	1.570.103.498.366

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	TỪ 1 NĂM TRỞ XUỐNG VND	TRÊN 1 NĂM ĐẾN 5 NĂM VND	TRÊN 5 NĂM VND	CỘNG VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	653.074.220.193	-	-	653.074.220.193
Các khoản cho vay	2.127.522.793.942	-	-	2.127.522.793.942
Các khoản phải thu	1.406.587.595.194	-	-	1.406.587.595.194
	4.187.184.609.329	-	-	4.187.184.609.329
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.052.419.267.919	-	-	1.052.419.267.919
Các khoản cho vay	1.636.184.826.505	-	-	1.636.184.826.505
Các khoản phải thu	1.721.664.995.700	-	-	1.721.664.995.700
	4.410.269.090.124	-	-	4.410.269.090.124

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	TỪ 1 NĂM TRỞ XUỐNG VND	TRÊN 1 NĂM ĐẾN 5 NĂM VND	TRÊN 5 NĂM VND	CỘNG VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	1.244.000.000.000	650.000.000.000	-	1.894.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	15.822.952.987	-	-	15.822.952.987
Chi phí phải trả	64.450.609.647	-	-	64.450.609.647
	1.324.273.562.634	650.000.000.000	-	1.974.273.562.634



	TỪ 1 NĂM TRỞ XUỐNG VND	TRÊN 1 NĂM ĐẾN 5 NĂM VND	TRÊN 5 NĂM VND	CỘNG VND
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	1.938.000.000.000	-	-	1.938.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	19.607.467.783	14.025.690	-	19.621.493.473
Chi phí phải trả	78.374.868.256	-	-	78.374.868.256
	2.035.982.336.039	14.025.690	-	2.035.996.361.729

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN

THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

	HOẠT ĐỘNG BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN VND	HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VND	HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TƯ DOANH VND	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC VND	TỔNG CỘNG TOÀN DOANH NGHIỆP VND
Doanh thu hoạt động	84.232.318.184	192.821.927.674	986.114.407.450	541.855.703.780	1.805.024.357.088
Chi phí hoạt động	4.382.307.344	140.456.653.285	152.206.466.270	293.193.181.653	590.238.608.552
Doanh thu không phân bổ					3.282.085.321
Chi phí không phân bổ					279.400.053.174
Kết quả hoạt động	79.850.010.840	52.365.274.389	833.907.941.180	248.662.522.127	938.667.780.683
Chi phí mua Tài sản cố định					1.359.805.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	24.925.825.573	2.669.899.754.768	2.326.380.914.511	5.021.206.494.852
Tài sản không phân bổ					1.908.536.198.855
Tổng tài sản	-	24.925.825.573	2.669.899.754.768	2.326.380.914.511	6.929.742.693.707
Nợ phải trả không phân bổ					3.703.427.874.103
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	3.703.427.874.103

THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

	HỘI SỞ VND	CN ĐÀ NẴNG VND	CN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VND	TỔNG CỘNG TOÀN DOANH NGHIỆP VND
Doanh thu hoạt động	1.697.166.907.182	21.433.530.236	86.423.919.670	1.805.024.357.088
Tài sản bộ phận	6.143.480.294.528	160.943.930.312	625.318.468.867	6.929.742.693.707
Nợ phải trả bộ phận	3.436.758.253.217	82.944.228.046	183.725.392.840	3.703.427.874.103

42. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	MỐI QUAN HỆ	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Nhận tiền vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	2.219.000.000.000	1.897.017.338.699
Trả nợ vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	2.762.000.000.000	1.630.997.338.699
Chi phí lãi vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	43.331.767.124	19.107.481.507

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	MỐI QUAN HỆ	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Tiền gửi ngân hàng			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	449.194.677.760	716.841.796.269
Đầu tư cổ phiếu			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	183.532.771.349	137.065.831.349
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	145.257.484.500	145.257.484.500
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	(*)	2.170.000.000	-
Phải thu của khách hàng			
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	(*)	38.000.000	38.000.000
Trả trước cho người bán			
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	-	613.666.668
Nhận đặt cọc			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	560.000.000.000	760.000.000.000
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	-	543.000.000.000

(*) Ông Vũ Đức Tiến là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa.



Tổng thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được hưởng như sau:

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Hội đồng quản trị		
Ông Đỗ Quang Hiến	1.511.111.111	1.416.666.667
Ông Vũ Đức Tiến	(*)	(*)
Ông Lê Đăng Khoa	355.555.556	333.333.333
Ông Mai Xuân Sơn	355.555.556	333.333.333
Bà Nguyễn Diệu Trinh	288.888.889	-
Ông Nguyễn Văn Hưng	-	144.444.444
Ông Mai Anh Chính	-	177.777.778

(*) Đã được trình bày tại thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	NĂM 2020 VND	NĂM 2019 VND
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Vũ Đức Tiến	4.152.055.706	3.469.496.536
Ông Trần Sỹ Tiến	2.529.602.350	2.029.459.743
Ông Nguyễn Chí Thành	2.641.520.252	2.060.433.073
Bà Trần Thị Thu Thanh	2.086.599.500	1.565.192.389

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán.



NGUYỄN THỊ THÙY
Người lập



TRẦN SỸ TIẾN
Kế toán trưởng



VŨ ĐỨC TIẾN
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 27/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Tiến	Ủy viên
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà Lương Thị Lựu	Ủy viên
Ông Vũ Đức Trung	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty.



CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng hệ thống thông tin và hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng và duy trì để đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính được phản ánh trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào theo những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

VŨ ĐỨC TIẾN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Số: 290321.049/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 20 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 14, đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 - "Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính được lập theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt" và các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.



Chính sách kế toán

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

VẤN ĐỀ KHÁC

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã lập một bộ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội vào ngày 29 tháng 03 năm 2021.

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

TRẦN SỸ TIẾN

Người lập

NGUYỄN THỦY HẠNH MAI

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



VŨ ĐỨC TIẾN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		VỐN KHẢ DỤNG	KHOẢN GIẢM TRỪ	KHOẢN TĂNG THÊM
A	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	(1)	(2)	(3)
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	2.072.682.010.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	222.580.462.800		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	43.388.969.600		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	63.561.856.552		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	63.561.856.552		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	760.539.664.100		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	466.056.165.416		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính			21.014.395.462
16	Vốn khác (nếu có)			
1A	Tổng			3.713.385.380.482
B	TÀI SẢN NGẮN HẠN			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		VỐN KHẢ DỤNG	KHOẢN GIẢM TRỪ	KHOẢN TĂNG THÊM
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		4.155.342.462	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		460.873.687.561	
11	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
13	Các khoản phải thu khác			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		45.006.580.297	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
15	Trả trước cho người bán			1.866.245.590
II	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			309.592.214
3	Chi phí trả trước ngắn hạn			862.313.401
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			2.750.000
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
7	Tài sản ngắn hạn khác			

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		VỐN KHẢ DỤNG	KHOẢN GIẢM TRỪ	KHOẢN TĂNG THÊM
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng			513.076.511.525
C	TÀI SẢN DÀI HẠN			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
2.2	Đầu tư vào công ty con			
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
2.4	Đầu tư dài hạn khác			
II	Tài sản cố định	4.372.741.766		
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.436.890.343		
2	Chi phí trả trước dài hạn	46.259.884.757		
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000		
5	Tài sản dài hạn khác			
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng			72.069.516.866
D	TÀI SẢN KÝ QUỸ ĐẢM BẢO			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			
1D	Tổng			-
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			3.128.239.352.091

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
	CÁC HẠNG MỤC RỦI RO	HỆ SỐ RỦI RO	QUY MÔ RỦI RO	GIÁ TRỊ RỦI RO
I	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN, CÔNG CỤ THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ			
1	Tiền mặt (VND)	0%	653.074.220.193	
2	Các khoản tương đương tiền	0%		
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%		
II	TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ			
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%		
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%		
III	Trái phiếu doanh nghiệp			122.880.000.000
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	9.600.000.000	2.880.000.000
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	300.000.000.000	120.000.000.000
IV	Cổ phiếu			380.851.881.096
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	1.249.874.079.370	124.987.407.937
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	554.656.734.300	83.198.510.145

10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	284.479.771.320	56.895.954.264	
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%			
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	231.540.017.500	115.770.008.750	
V	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%			
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%			
VI	CHỨNG KHOÁN BỊ HẠN CHẾ GIAO DỊCH			752.101.820	
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%			
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	1.504.203.640	752.101.820	
VI	Chứng khoán phái sinh				
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%			
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%			
VII	CHỨNG KHOÁN KHÁC			44.083.201.310	
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	55.104.001.638	44.083.201.310	
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%			
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%			
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%			
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%			
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành				
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)				
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm				
VIII	RỦI RO TĂNG THÊM (NẾU CÓ) (ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRÊN CƠ SỞ VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐÃ TRÍCH LẬP ĐẦY ĐỦ CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG)			6,915,117,030	
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	SHB	10%	15%	461.007.802.000	6.915.117.030
A	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				555.482.301.256

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

B	RỦI RO THANH TOÁN	LOẠI HÌNH GIAO DỊCH (1)	GIÁ TRỊ RỦI RO (VND)				TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO	
			(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			HỆ SỐ RỦI RO	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%
I	RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							101.636.544.865
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác							101.636.544.865
2	Cho vay tài sản tại chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
3	Vay tài sản tại chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							



Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	ĐỐI TÁC THANH TOÁN CHO TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN	HỆ SỐ RỦI RO THANH TOÁN
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6,0%
6	Các tổ chức, cá nhân khác	8,0%
II	Rủi ro quá thời hạn thanh toán	2.790.000.000

THỜI GIAN QUÁ HẠN	HỆ SỐ RỦI RO	QUY MÔ RỦI RO	GIÁ TRỊ RỦI RO
1 Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		
2 Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		
3 Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		
4 Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%	2.790.000.000	2.790.000.000
III RỦI RO TĂNG THÊM (NẾU CÓ)			28.141.084.931

TT	CHI TIẾT TỪNG KHOẢN VAY, TỐI TỪNG ĐỐI TÁC	MỨC TĂNG THÊM	HỆ SỐ RỦI RO (%)	QUY MÔ RỦI RO	GIÁ TRỊ RỦI RO
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Tài chính Việt Nam (FITECH)	30%	8%	1.172.545.205.477	28.141.084.931
B	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)				132.567.629.796

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

C	RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)	GIÁ TRỊ RỦI RO
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	869.638.661.726
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	25.408.570.453
	1. Chi phí khấu hao	1.413.122.300
	2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	
	3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	
	4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	23.995.448.153
	5. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	
	6. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)	844.230.091.273
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	211.057.522.818
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
C	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	211.057.522.818
D	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	899.107.453.870

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	CÁC CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ RỦI RO/VỐN KHẢ DỤNG	GHI CHÚ (NẾU CÓ)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	555.482.301.256	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	132.567.629.796	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	211.057.522.818	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	899.107.453.870	
5	Vốn khả dụng	3.128.239.352.091	
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	347,93%	

TRẦN SỸ TIẾN

Người lập

NGUYỄN THỦY HẠNH MAI

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



VŨ ĐỨC TIẾN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2021

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Hà nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021



VŨ ĐỨC TIẾN

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84-24-38 181 888
Fax: 84-24-38 181 688
Website: <http://www.shs.com.vn>